

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG**

-----

**Nguyễn Văn Tuyên**

Tên đề tài:

**THIẾT LẬP CẤU TRÚC QUY HOẠCH HÀNH LANG XANH  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Chuyên ngành: QUY HOẠCH VÙNG VÀ ĐÔ THỊ**

**Mã số: 62.58.01.05**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

Hà Nội - Năm 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG**

-----

**Nguyễn Văn Tuyên**

Tên đề tài:

**THIẾT LẬP CẤU TRÚC QUY HOẠCH HÀNH LANG XANH  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Chuyên ngành: QUY HOẠCH VÙNG VÀ ĐÔ THỊ**

**Mã số: 62.58.01.05**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:**

**PGS. TS. PHẠM HÙNG CƯỜNG**

**Hà Nội - Năm 2018**

## MỤC LỤC

Lời cam đoan .....	i
Danh mục các ký hiệu, chữ viết tắt .....	iii
Danh mục các bảng.....	iv
Danh mục các hình vẽ, đồ thị .....	v
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
1. Lý do chọn đề tài .....	1
2. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu.....	2
4. Phương pháp nghiên cứu .....	3
5. Những đóng góp mới của luận án .....	5
6. Cấu trúc luận án.....	5
7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài.....	6
8. Các thuật ngữ khái niệm.....	6
8.1. Các khái niệm KGX, HLX .....	6
8.2. Khái niệm CTQH, CTQH KGX đô thị.....	9
<b>Chương 1 - TỔNG QUAN THIẾT LẬP CẤU TRÚC QUY HOẠCH HÀNH LANG XANH ĐÔ THỊ TRÊN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM.....</b>	<b>12</b>
1.1. CTQH HLX tại các đô thị trên thế giới.....	12
1.1.1. CTQH HLX vùng Luân Đôn, Anh .....	12
1.1.2. CTQH HLX vùng Thủ đô Bắc Kinh, Trung Quốc.....	14
1.1.3. CTQH HLX vùng Seoul, Hàn Quốc.....	16
1.1.4. CTQH HLX vùng Tokyo - Nhật Bản .....	18
1.1.5. Đánh giá chung CTQH HLX tại một số đô thị trên thế giới .....	20
1.2. CTQH HLX tại một số đô thị tại Việt Nam .....	23
1.2.1. CTQH HLX thành phố Hải Phòng .....	23
1.2.3. CTQH HLX thành phố Đà Nẵng .....	24
1.2.4. CTQH HLX thành phố Hồ Chí Minh.....	26
1.2.5. Đánh giá chung CTQH HLX tại một số đô thị tại Việt Nam .....	27
1.3. Hệ thống KGX, HLX thành phố Hà Nội.....	30
1.3.1. Cấu trúc KGX, HLX trong đồ án quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội.....	30
1.3.2. Khái quát thực trạng môi trường, cây xanh, mặt nước thành phố Hà Nội .....	35
1.3.3. Khái quát tình hình phát triển chức năng trong HLX thành phố Hà Nội từ năm 2011 đến nay.....	37

1.3.4. Khái quát thực trạng quản lý HLX thành phố Hà Nội.....	39
1.4. Các công trình nghiên cứu có liên quan đến CTQH KGX, HLX	41
1.4.1. Nghiên cứu CTĐT gắn khung tự nhiên .....	41
1.4.2. Nghiên cứu CTQH KGX đô thị.....	42
1.4.3. Nghiên cứu CTQH HLX.....	43
1.5. Những vấn đề cần nghiên cứu .....	44
1.5.1. Đánh giá tổng hợp lý luận và thực tiễn thiết lập CTQH HLX .....	44
1.5.2. Những vấn đề nghiên cứu giải quyết.....	45

## **Chương 2 - CÁC CƠ SỞ KHOA HỌC THIẾT LẬP CẤU TRÚC QUY HOẠCH THÀNH PHỐ HÀ NỘI .....**

2.1. Cơ sở lý thuyết.....	46
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển HLX.....	46
2.1.2. Cơ sở lý thuyết thiết lập cơ cấu thành phố hiện đại từ chủ nghĩa công năng đến tư tưởng phát triển bền vững .....	48
2.1.3. Các xu hướng lý thuyết về thiết lập CTQH HLX tại các thành phố lớn ở các nước trên thế giới.....	49
2.1.4. Cơ sở lý thuyết về sinh thái học môi trường.....	52
2.2. Cơ sở pháp lý.....	54
2.2.1. Các văn bản quản lý pháp luật.....	54
2.2.2. Các tiêu chuẩn, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật và định mức kinh tế kỹ thuật .....	57
2.2.3. Các chính sách, định hướng chiến lược của Đảng, Nhà nước .....	58
2.3. Khung quy hoạch đô thị Hà Nội.....	58
2.3.1. Định hướng phát triển không gian thành phố Hà Nội trong đồ án điều chỉnh quy hoạch vùng Thủ đô Hà Nội .....	58
2.3.2. Định hướng phát triển không gian đô thị trong các đồ án quy hoạch chung thành phố Hà Nội.....	60
2.3.3. Các dạng phát triển lan tỏa đô thị của thành phố Hà Nội .....	62
2.3.4. Các chức năng cần phải kiểm soát phát triển .....	65
2.4. Các yếu tố và phương pháp luận thiết lập CTQH HLX thành phố Hà Nội	66
2.4.1. Các yếu tố thiết lập CTQH HLX thành phố Hà Nội .....	66
2.4.2. Phương pháp luận thiết lập CTQH HLX thành phố Hà Nội .....	84
2.5. Một số bài học kinh nghiệm thiết lập CTQH HLX trên thế giới .....	86

<b>Chương 3 - ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP THIẾT LẬP CẤU TRÚC QUY HOẠCH HÀNH LANG XANH THÀNH PHỐ HÀ NỘI, KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN</b> .....	<b>93</b>
3.1. Quan điểm, mục tiêu phát triển .....	93
3.1.1. Quan điểm.....	93
3.1.2. Mục tiêu phát triển.....	94
3.2. Các nguyên tắc, diện tích HLX quy đổi .....	96
3.2.1. Các nguyên tắc.....	96
3.2.2. Diện tích HLX quy đổi .....	98
3.3. Giải pháp CTQH HLX .....	99
3.3.1. Định hướng CTQH HLX trong cơ cấu quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội .	99
3.3.2. Các mô hình CTQH HLX thành phố Hà Nội .....	100
3.3.3. Phân vùng chức năng.....	108
3.3.4. Hạ tầng hạ tầng kỹ thuật xanh .....	111
3.3.5. Định hướng phát triển các chức năng xanh .....	117
3.3.6. Một số giải pháp thể chế quản lý phát triển HLX .....	121
3.4. Áp dụng điều chỉnh, hoàn thiện CTQH HLX thành phố Hà Nội .....	124
3.4.1. Điều chỉnh CTQH HLX Thủ đô Hà Nội theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.....	124
3.4.2. Đề xuất giải pháp CTQH HLX gắn với hành lang sông Đáy.....	127
3.5. Kết quả nghiên cứu và bàn luận .....	132
<b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ</b> .....	<b>137</b>
1. Kết luận.....	137
2. Kiến nghị .....	138
<b>DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ</b> .....	<b>139</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	<b>140</b>
<b>PHỤ LỤC</b> .....	<b>PL1</b>

**Lời cam đoan**

Tôi xin cam đoan: Đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu kết quả nghiên cứu trong luận án là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình khoa học nào.

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính xác thực của các kết quả nghiên cứu được công bố trong luận án này.

*Nghiên cứu sinh*

NGUYỄN VĂN TUYÊN

**LỜI CẢM ƠN**

Trong quá trình nghiên cứu đề tài “Thiết lập cấu trúc quy hoạch Hành lang xanh thành phố Hà Nội”, tôi đã nhận được rất nhiều sự giúp đỡ, tạo điều kiện của Ban giám hiệu trường Đại học Xây dựng, Khoa sau Đại học, Bộ môn Quy hoạch, các nhà khoa học trong và ngoài trường.

Đặc biệt, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới PGS.TS. Phạm Hùng Cường, là người thầy đã trực tiếp hướng dẫn giúp tôi hoàn thành nghiên cứu này.

Tôi cũng chân thành cảm ơn gia đình, bạn bè và các đồng nghiệp đã động viên, khích lệ và tạo điều kiện cho tôi trong suốt quá trình thực hiện nghiên cứu.

*Nghiên cứu sinh*

NGUYỄN VĂN TUYÊN

**Danh mục các ký hiệu, chữ viết tắt**

BĐKH	Biến đổi khí hậu
CTĐT	Cấu trúc đô thị
CTQH	Cấu trúc quy hoạch
ĐBSH	Đồng bằng sông Hồng
ĐTST	Đô thị sinh thái
KGX	Không gian xanh
HLX	Hành lang xanh
HST	Hệ sinh thái
VĐX	Vành đai xanh



## Danh mục các bảng

Bảng 1.1. Bảng so sánh các loại hình cấu trúc HLX.....	9
Bảng 1.2. Mục tiêu phát triển HLX tại một số đô thị trên thế giới .....	20
Bảng 1.3. Vị trí và quy mô HLX tại một số đô thị trên thế giới .....	21
Bảng 1.4. Loại hình cấu trúc HLX tại một số đô thị trên thế giới.....	21
Bảng 1.5. Thành phần chức năng HLX tại một số đô thị trên thế giới .....	21
Bảng 1.6. Hạ tầng kỹ thuật xanh tại một số đô thị trên thế giới.....	22
Bảng 1.7. Thể chế quản lý nhà nước HLX tại một số đô thị trên thế giới .....	22
Bảng 1.8. Mục tiêu quy hoạch HLX tại một số đô thị tại Việt Nam.....	27
Bảng 1.9. Quy mô HLX tại một số đô thị tại Việt Nam.....	28
Bảng 1.10. Loại hình cấu trúc HLX tại một số đô thị tại Việt Nam .....	28
Bảng 1.11. Thành phần chức năng HLX tại một số đô thị tại Việt Nam .....	29
Bảng 1.12. Hạ tầng kỹ thuật xanh của HLX tại một số đô thị tại Việt Nam.....	29
Bảng 1.13. Thể chế quản lý nhà nước về HLX tại một số đô thị tại Việt Nam .....	29
Bảng 1.14. Thành phần KGX trong đồ án quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 [90] .....	31
Bảng 2.1. Mật độ xây dựng gộp tối đa của các chức năng đất [12] .....	57
Bảng 2.2. Định hướng phát triển không gian đô thị trong một số đồ án quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội trước năm 2011 [90].....	60
Bảng 2.3. Bảng tổng hợp diện tích hệ thống rừng thành phố Hà Nội .....	68
Bảng 2.4. So sánh mật độ dân số trong HLX Hà Nội với Luân Đôn, Seoul [3] .....	82
Bảng 2.5: Phân tích lựa chọn các khu vực chức năng trong HLX [16] .....	87
Bảng 2.6. Khái niệm và các giải pháp làm giảm UHI ở các quy mô khác nhau [1] .....	90
Bảng 3.1. Các quan điểm thiết lập CTQH HLX .....	93
Bảng 3.2. Các nhóm mục tiêu phát triển của CTQH HLX .....	94
Bảng 3.3. Các hành động thiết lập cấu trúc HLX.....	96
Bảng 3.4. Các thành phần chức năng xanh .....	109
Bảng 3.5. Trọng số của các thành phần chức năng xanh .....	110
Bảng 3.6. Các nhóm Hạ tầng kỹ thuật xanh trong HLX .....	112
Bảng 3.7. Khung quy chế quản lý quy hoạch HLX .....	122

## Danh mục các hình vẽ, đồ thị

Hình 1. Sơ đồ phạm vi và ranh giới nghiên cứu của đề tài .....	2
Hình 2. Sơ đồ vị trí các điểm khảo sát của đề tài .....	4
Hình 3. Sơ đồ vị trí các tuyến khảo sát của đề tài .....	4
Hình 4. Sơ đồ cấu trúc nghiên cứu luận án .....	11
Hình 1.1. Sơ đồ CTQH HLX trong quy hoạch vùng Luân Đôn .....	13
Hình 1.2. Sơ đồ CTQH HLX trong quy hoạch vùng Bắc Kinh .....	15
Hình 1.3. Sơ đồ CTQH HLX trong quy hoạch vùng Seoul .....	17
Hình 1.4. Sơ đồ CTQH HLX trong quy hoạch vùng Tokyo [98] .....	19
Hình 1.5. Sơ đồ CTQH HLX trong quy hoạch chung thành phố Hải Phòng [93] .....	24
Hình 1.6. Sơ đồ CTQH HLX trong quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng [95].....	25
Hình 1.7. Sơ đồ CTQH HLX trong quy hoạch chung thành phố Hồ Chí Minh .....	27
Hình 1.8. KGX trong quy hoạch chung thành phố Hà Nội qua các thời kỳ [90].....	32
Hình 1.9. Sơ đồ CTQH HLX trong quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội, năm 2011 [90].....	34
Hình 1.10. Thực trạng môi trường thành phố Hà Nội [90] .....	35
Hình 1.11. Sơ đồ vùng ngập lụt tại thành phố Hà Nội, năm 2008 [22] .....	36
Hình 1.12. Sơ đồ mật độ bao phủ cây xanh đoạn sông Tô Lịch .....	37
Hình 1.13. Sơ đồ phân tích thực trạng quản lý chức năng HLX.....	41
Hình 2.1. Lý thuyết Thành phố vườn của Abenezzer Howard [6].....	47
Hình 2.2. Quá trình hình thành và phát triển HLX trên thế giới .....	47
Hình 2.3. Cấu trúc mô phỏng sự kết hợp yêu cầu của phát triển bền vững .....	48
Hình 2.3. Sơ đồ loại hình cấu trúc KGX gắn với các lý thuyết quy hoạch [4] .....	51
Hình 2.5. Tiến trình phát triển quan điểm và cách tiếp cận về Sinh thái học đô thị [41] .....	53
Hình 2.6. Sơ đồ lý thuyết sinh thái học cảnh quan [61] .....	54
Hình 2.7. Sơ đồ cấu trúc đô thị vùng Thủ đô Hà Nội [92].....	59
Hình 2.8. CTQH đô thị Hà Nội phê duyệt năm 2011 .....	61
Hình 2.9. Định hướng giao thông đô thị Hà Nội phê duyệt năm 2011 [90].....	62
Hình 2.10. Sơ đồ đánh giá sự phát triển lan tỏa theo trục đường giao thông.....	64
Hình 2.11. Sơ đồ phân tích các dạng phát triển lan tỏa tại thành phố Hà Nội [81] .....	64
Hình 2.12. Phân bố các dự án phát triển đô thị vùng ven đô [114].....	65
Hình 2.13. Sơ đồ mặt cắt địa hình Hà Nội [51].....	66
Hình 2.14. Sơ đồ các lưu vực thoát nước thành phố Hà Nội [90].....	67

Hình 2.15. Sơ đồ mảng rừng lớn thành phố Hà Nội [90].....	68
Hình 2.16. Sơ đồ hệ thống sông thành phố Hà Nội.....	69
Hình 2.17. Sơ đồ vị trí hệ thống ao hồ thành phố Hà Nội.....	70
Hình 2.18. Sơ đồ khung hình thái cấu trúc tự nhiên thành phố Hà Nội.....	71
Hình 2.19. Sơ đồ phân bố công viên đô thị thành phố Hà Nội .....	72
Hình 2.20. Sơ đồ phân bố hệ thống cây xanh đường phố thành phố Hà Nội [96] .....	73
Hình 2.21. Sơ đồ phân bố hệ thống cây xanh đường phố trong trung tâm đô thị Hà Nội .....	73
Hình 2.22. Sơ đồ phân vùng thoát lũ sông Đáy, sông Tích thành phố Hà Nội [114] ...	74
Hình 2.23. Sơ đồ phân bố hồ điều hòa thành phố Hà Nội [90].....	75
Hình 2.24. Sơ đồ phân bố hệ thống di sản văn hóa thành phố Hà Nội .....	76
Hình 2.25. Sơ đồ phân bố hoạt động du lịch thành phố Hà Nội .....	77
Hình 2.26. Sơ đồ phân bố năng xuất nông nghiệp thành phố Hà Nội [90].....	78
Hình 2.27. Sơ đồ phân bố điểm dân cư nông thôn thành phố Hà Nội .....	79
Hình 2.28. Sơ đồ phân bố làng nghề thành phố Hà Nội [114].....	80
Hình 2.29. Sơ đồ phân bố các hoạt động công nghiệp thành phố Hà Nội [114].....	81
Hình 2.30. Sơ đồ phân bố dân cư của thành phố Hà Nội năm 2010 [114] .....	83
Hình 2.31. Phương pháp luận thiết lập CTQH HLX.....	85
Hình 2.32. Cấu trúc HLX thành phố Adelaide, Australia [103] .....	86
Hình 2.33. Lượng Các bon được lưu giữ trong các dạng thảm thực vật theo các kiểu sử dụng rừng nhiệt đới ở Brazil, Cameroon, Indonesia [107].....	89
Hình 2.34. Kết quả phân tích mật độ điểm xanh bằng phần mềm Arcgis 10.1.....	89
Hình 2.35. HLX trong vai trò giảm đảo nhiệt đô thị Luân Đôn [99] .....	90
Hình 2.36. Sông Thame trong vai trò tiêu thoát lũ cho Đô thị Luân Đôn [25].....	91
Hình 2.37. Một số mô hình phát triển nông nghiệp trên thế giới [81] .....	92
Hình 2.38. Hệ thống canh tác Subak (Bali, Indonesia) [83] .....	92
Hình 3.1. Sơ đồ không gian quá trình lồng ghép 04 hành động thiết lập CTQH HLX.	97
Hình 3.2. Biểu đồ tương quan diện tích xanh quy đổi trên diện tích xanh thực .....	98
Hình 3.3. Sơ đồ mô hình khung cấu trúc HLX thành phố Hà Nội.....	99
Hình 3.4. Sơ đồ khung cấu trúc HLX trong cơ cấu quy hoạch chung .....	100
Hình 3.5. Sơ đồ HLX thành phố Hà Nội theo vị trí trong đô thị.....	101
Hình 3.6. Sơ đồ kịch bản mô hình CTQH HLX trong khu vực đô thị trung tâm Hà Nội .....	103
Hình 3.7. Sơ đồ kịch bản mô hình CTQH HLX trong khu vực ven đô Hà Nội.....	105
Hình 3.8. Sơ đồ kịch bản mô hình CTQH HLX trong khu vực ngoại thành Hà Nội.	107
Hình 3.9. Sơ đồ phân vùng kiểm soát HLX thành phố Hà Nội.....	108

Hình 3.10. Sơ đồ quan hệ mục tiêu phát triển – Hành động – Thành phần chức năng .....	109
Hình 3.11. Trọng số mật độ xanh các chức năng chính trong HLX .....	111
Hình 3.12. Hệ thống Hạ tầng kỹ thuật xanh trong HLX .....	111
Hình 3.13. Sơ đồ liên kết môi trường, cảnh quan HLX .....	112
Hình 3.14. Sơ đồ liên kết di sản văn hóa trong HLX .....	114
Hình 3.15. Sơ đồ liên kết kinh tế trong HLX .....	116
Hình 3.16. Sơ đồ cấu trúc HLX thành phố Hà Nội .....	125
Hình 3.17. Sơ đồ cấu trúc HLX đô thị trung tâm của thành phố Hà Nội.....	126
Hình 3.18. Sơ đồ định hướng tổ chức không gian HLX sông Đáy .....	131

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Hà Nội là Thủ đô của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế và văn hóa của vùng ĐBSH và Việt Nam. Hà Nội với hơn 7,5 triệu dân là nơi hội tụ đủ các vấn đề thực tiễn, cơ chế, chính sách; nguồn lực con người, tài chính, khoa học công nghệ và văn hóa; là khát vọng và mô hình phát triển của cả nước. Tại thành phố Hà Nội, do đô thị hóa nhanh, các vấn đề nảy sinh trong quá trình công nghiệp hóa gắn với trọng tâm chuyển dịch nền kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ dẫn đến môi trường đô thị ngày càng bị ô nhiễm nghiêm trọng.

Hà Nội là đô thị lớn đầu tiên tại Việt Nam áp dụng mô hình HLX trong định hướng phát triển đô thị. Theo quy hoạch chung xây dựng được phê duyệt năm 2011, Thủ đô Hà Nội đã áp dụng giải pháp quy hoạch HLX, nhưng giải pháp này chỉ là một đề xuất có tính thực hành, chưa được chứng minh về khoa học và thực tiễn.

Về khía cạnh khoa học, việc hình thành HLX trong CTQH đô thị đã được áp dụng thành công cho nhiều đô thị lớn trên thế giới. CTQH HLX có nhiều loại hình cấu trúc khác nhau gắn với điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội đặc trưng của mỗi đô thị. Lợi ích của HLX tạo nên những khu vực thiên nhiên lớn cân bằng môi trường đô thị, tạo sự kết nối đô thị với vùng ven đô và vùng nông nghiệp ngoại thành. Đồng thời, HLX cũng tạo điều kiện để thiết lập các chính sách quản lý nghiêm ngặt nhằm giới hạn sự phát triển của đô thị trung tâm, tránh việc mở rộng đô thị lan tỏa tự phát, làm giảm đi sự tiếp cận của môi trường tự nhiên đến đô thị. Tuy nhiên, khái niệm HLX, CTQH HLX tại Việt Nam chưa được nhận thức đầy đủ, thiếu cơ sở khoa học để thiết lập, giải pháp cấu trúc đề ra chưa phù hợp với đặc thù điều kiện đô thị Việt Nam.

Về thực tiễn, không giống như các nước đang phát triển đã áp dụng thành công, mô hình CTQH HLX trong cơ cấu quy hoạch chung thành phố Hà Nội còn tồn tại nhiều bất cập, tiềm ẩn nhiều nguy cơ phá vỡ CTQH đã đề xuất. Trong khu vực dự kiến thiết lập HLX thành phố Hà Nội có sự tồn tại dày đặc các dự án bất động sản, của hệ thống dân cư làng xã với mật độ cao và nhiều dạng phát triển khác. Với tác động đô thị hóa, những mảng xanh tự nhiên đang có xu hướng bị thu hẹp, môi trường đô thị bị ô nhiễm, các HST tự nhiên bị giảm sút nghiêm trọng..., đô thị có xu hướng phát triển dọc theo các trục giao thông khó kiểm soát. Đây là đặc thù của thành phố Hà Nội, cũng như các đô thị lớn Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, cần có những nghiên cứu hệ thống để kiểm nghiệm lại mô hình CTQH HLX đã áp dụng.

Bài học kinh nghiệm ở các nước đã thiết lập CTQH HLX trong thực tiễn cho thấy: Việc duy trì diện tích HLX rộng lớn trong cơ cấu quy hoạch chung đô thị là rất phức tạp và khó kiểm soát (như Luân Đôn); Việc CTQH HLX chỉ dừng lại ở đồ án quy hoạch mà không có các nghiên cứu giải pháp định hướng mô hình chức năng cụ thể sẽ phải thay

đổi cấu trúc (như Tokyo); Cần phải có những giải pháp chính sách đủ mạnh để duy trì và phát triển mảng xanh mới theo quy hoạch đã hoạch định (như Seoul); Cần phải có giải pháp chính sách điều chỉnh linh hoạt những mâu thuẫn phát sinh trong quá trình phát triển (như Bắc Kinh).

Hiện tại đã có nhiều đồ án quy hoạch tác động đến khu vực dự kiến thiết lập HLX thành phố Hà Nội như quy hoạch vùng chống lũ và đề điều hệ thống sông Đáy, quy hoạch chung xây dựng huyện (Đan Phượng, Phúc Thọ, Thanh Oai, Phú Xuyên...), quy hoạch phân khu (GS, GN, GNA...), quy hoạch nông thôn mới và các đồ án quy hoạch chuyên ngành khác. Tuy nhiên, các đồ án trên chỉ mới là các giải pháp mang tính đặc thù ngành cho từng khu vực cụ thể, chưa có giải pháp mang tính khoa học và bền vững. Đặc biệt, Việt Nam chưa có nghiên cứu về CTQH HLX thành phố Hà Nội.

Vì vậy nghiên cứu “Thiết lập CTQH HLX thành phố Hà Nội” là rất cấp thiết và có tính thực tiễn cao.

## 2. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

*a. Đối tượng nghiên cứu:* CTQH HLX thành phố Hà Nội;

*b. Phạm vi nghiên cứu:* Phạm vi không gian: Toàn bộ phạm vi ranh giới hành chính thành phố Hà Nội; Trong đó tập trung nghiên cứu khu vực ngoại thành (được xác định trong Hình 1). Phạm vi thời gian: Giai đoạn thành phố Hà Nội từ nay đến năm 2030.



Hình 1. Sơ đồ phạm vi và ranh giới nghiên cứu của đề tài

### 3. Mục tiêu nghiên cứu

*a. Mục tiêu chung:* Đề xuất các giải pháp thiết lập CTQH HLX thành phố Hà Nội phù hợp với điều kiện tự nhiên, văn hóa, kinh tế xã hội của Thành phố, đảm bảo phát triển đô thị theo hướng bền vững.

*b. Mục tiêu cụ thể:*

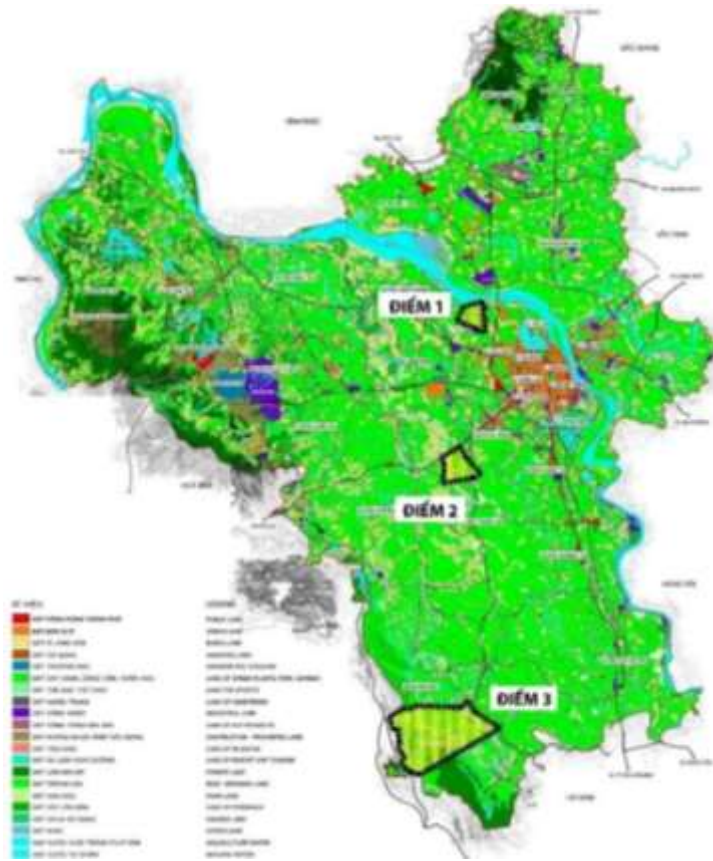
- i) Tổng quan lý luận và thực tiễn thiết lập CTQH HLX trên thế giới và Việt Nam;
- ii) Hình thành các cơ sở khoa học để thiết lập CTQH HLX thành phố Hà Nội;
- iii) Đề xuất giải pháp thiết lập CTQH HLX thành phố Hà Nội.

### 4. Phương pháp nghiên cứu

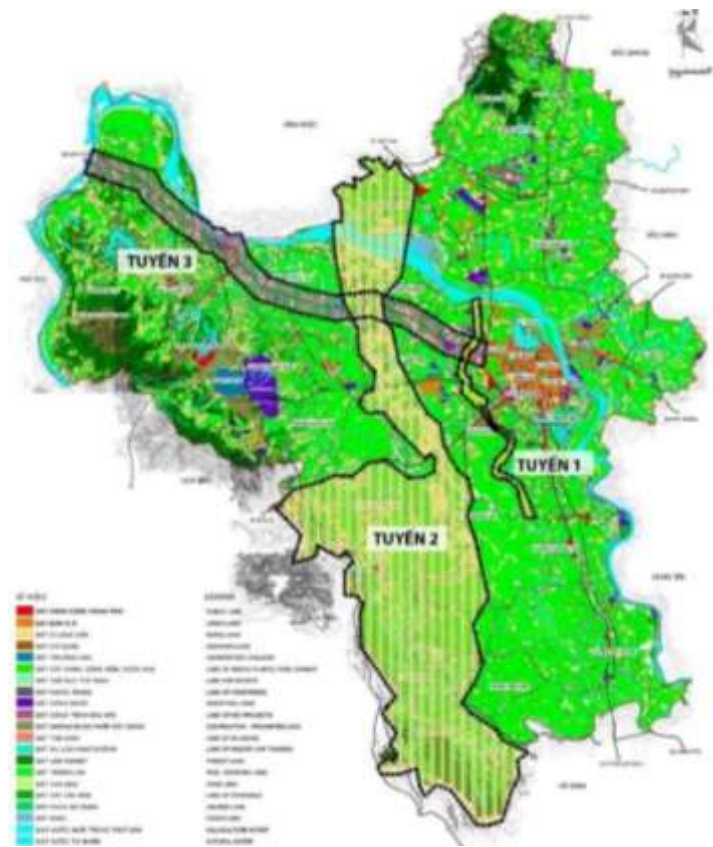
*a) Phương pháp phân tích, đánh giá tổng hợp, chuẩn đoán:* Tổng hợp, phân tích, đánh giá và chuẩn đoán các tài liệu nghiên cứu khoa học: Sách chuyên ngành, bài báo khoa học, luận án và đề tài khoa học có liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Kết quả phương pháp là kế thừa, hệ thống hóa được lý thuyết, kinh nghiệm của những nghiên cứu đã công bố. Từ đó chuẩn đoán lý thuyết, mô hình phát triển đã áp dụng thành công trước đó.

*b) Phương pháp quan sát và khảo sát thực tiễn:* Do phạm vi nghiên cứu có diện tích lớn và nhiều khu vực có đặc điểm tương đồng, nên NCS lựa chọn cách khảo sát theo các khu vực hiện trạng có tính điển hình. Kết quả của quá trình khảo sát được NCS tổng hợp lại, đưa ra những phân tích so sánh, kết quả nghiên cứu được thể hiện dưới dạng các sơ đồ, bảng biểu có tính khái quát cao. NCS tập trung khảo sát theo điểm và tuyến. Các cơ sở để xây dựng sơ đồ khu vực khảo sát: (i) Khu vực khảo sát phải gắn với vị trí HLX, VĐX sông Nhuệ, Nêm xanh đã được xác định trong quy hoạch chung Thủ đô năm 2011 [68]. Trong đó khu vực dự kiến quy hoạch HLX bao gồm toàn bộ đất ngoại thành thành phố Hà Nội. Các điểm khảo sát tập trung vào khu vực dự kiến quy hoạch HLX, VĐX sông Nhuệ, Nêm xanh thành phố Hà Nội. (ii) Khu vực khảo sát phải thể hiện được sự phát triển đô thị lan tỏa. (iii) Khu vực khảo sát phải làm nổi bật lên khung tự nhiên (bao gồm rừng núi, sông hồ), chức năng tiềm năng phát triển KGX của thành phố Hà Nội. (iv) Khu vực khảo sát phải thể hiện được 03 khu vực phát triển điển hình của thành phố Hà Nội: Khu vực trung tâm, khu vực ven đô, khu vực ngoại thành.

Trên cơ sở đó luận án lựa chọn 03 điểm khảo sát tập trung tại 03 khu vực. Các vị trí khảo sát cụ thể như sau: (i) Khảo sát theo điểm: Luận án lựa chọn 3 điểm có tính đặc thù để phân tích theo 3 tiêu chí: Khu vực nằm trong vùng phát triển đô thị, khu vực ven đô và khu vực ngoại thành (*xem Hình 2*). (ii) Khảo sát theo tuyến: Nhằm bao quát tổng thể thành phố Hà Nội, lựa chọn các tuyến khảo sát theo cấu trúc thành phố Hà Nội: Tuyến từ trung tâm ra khu vực ngoại thành; Tuyến chạy bám theo không gian bao bọc đô thị trung tâm. (*xem Hình 3*)



Hình 2. Sơ đồ vị trí các điểm khảo sát của đề tài



Hình 3. Sơ đồ vị trí các tuyến khảo sát của đề tài



*c. Phương pháp dự báo:* Sử dụng để dự báo, kịch bản phát triển HLX. Kết quả thu được của quá trình dự báo là những kịch bản phát triển HLX thành phố Hà Nội.

*d. Phương pháp tiếp cận hệ thống:* Sử dụng để phân tích các yếu tố tác động đến CTQH HLX. Kết quả thu được của quá trình phân tích là những luận cứ khoa học để đề xuất giải pháp CTQH HLX thành phố Hà Nội.

*g. Phương pháp đối chiếu so sánh:* Sử dụng để đối chiếu, so sánh cấu trúc HLX thành phố Hà Nội với các đô thị tại Việt Nam, các đô thị trên thế giới. Kết quả của quá trình đối chiếu so sánh là những nhận xét, bảng biểu, sơ đồ so sánh các điều kiện, mô hình HLX đã đề xuất của thành phố Hà Nội với các đô thị khác trên thế giới và tại vùng ĐBSH.

*h. Phương pháp chồng lớp bản đồ:* Sử dụng để lồng ghép các bản đồ không gian (khung tự nhiên, KGX đô thị và chức năng tiềm năng phát triển KGX) và các yếu tố phi không gian (kinh tế xã hội, văn hóa) thành sơ đồ phân tích tổng hợp. Kết quả của quá trình chồng lớp bản đồ là khung hình thái cấu trúc tự nhiên và khung hình thái cấu trúc HLX thành phố Hà Nội.

*e. Phương pháp thực nghiệm, kiểm chứng:* Sử dụng để kiểm chứng kết quả nghiên cứu tại khu vực cụ thể trong HLX thành phố Hà Nội. Kết quả của quá trình thực nghiệm kiểm chứng là những giải pháp quy hoạch địa điểm cụ thể, qua đó đánh giá sự phù hợp những giải pháp quy hoạch với điều kiện của thành phố Hà Nội và khả năng nhân rộng tại Việt Nam.

## **5. Những đóng góp mới của luận án**

1/ Nhận diện được các thách thức về sự phát triển không bền vững của thành phố Hà Nội trước mắt và tương lai, từ đó chứng minh chiến lược “Thiết lập CTQH HLX” là cần thiết và là giải pháp quan trọng đảm bảo đô thị phát triển bền vững.

2/ Nghiên cứu hình thành cơ sở khoa học và phương pháp luận thiết lập CTQH HLX cho các thành phố lớn của Việt Nam nói chung và cho thành phố Hà Nội nói riêng.

3/ Hình thành quan điểm, mục tiêu, các nguyên tắc và giải pháp thiết lập CTQH HLX thành phố Hà Nội đến năm 2030, từ đó điều chỉnh lại HLX đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26 tháng 07 năm 2011.

## **6. Cấu trúc luận án**

Luận án gồm 3 phần chính: Phần mở đầu, phần nội dung, phần kết luận và kiến nghị. Trong đó phần nội dung nghiên cứu chính bao gồm 3 Chương và có cấu trúc như sau:

Chương 1: Tổng quan CTQH HLX trên thế giới và tại Việt Nam;

Chương 2: Các cơ sở khoa học để thiết lập CTQH HLX thành phố Hà Nội;

Chương 3: Đề xuất giải pháp thiết lập CTQH HLX thành phố Hà Nội, kết quả nghiên cứu và bàn luận.

Sơ đồ cấu trúc nghiên cứu được trình bày cụ thể trong Hình 4.

## 7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

a. Ý nghĩa khoa học: Vận dụng lý luận, thực tiễn thiết lập CTQH HLX trên thế giới và tại Việt Nam, luận án xây dựng lý thuyết quy hoạch HLX tại các đô thị ở Việt Nam theo hướng bền vững.

b. Ý nghĩa thực tiễn: Hình thành các cơ sở khoa học để thiết lập CTQH HLX các đô thị Việt Nam, cụ thể tại thành phố Hà Nội. Luận án đề xuất quan điểm, mục tiêu, các nguyên tắc, quy mô và giải pháp thiết lập CTQH HLX thành phố Hà Nội đến năm 2030, từ đó điều chỉnh và hoàn thiện CTQH HLX trong quy hoạch chung Thủ đô đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26 tháng 07 năm 2011.

## 8. Các thuật ngữ khái niệm

### 8.1. Các khái niệm KGX, HLX

#### a. Không gian xanh (Green space)

KGX là không gian mở. KGX trong đô thị tồn tại chủ yếu dưới dạng các khu vực bán tự nhiên, có vai trò quan trọng cho phát triển bền vững và chất lượng môi trường sống của đô thị. KGX có 16 loại hình như: Hành lang sinh học, Hành lang bảo tồn, Hành lang sinh thái, mạng lưới sinh thái, Kết cấu hạ tầng xanh, Trái tim xanh, VĐX, Hành lang môi trường, Cấu trúc xanh, Tim mạch xanh, Hành lang giải trí, Hành lang lang cảnh quan, Khung xanh, Không gian mở, Tuyến công viên, Hành lang động thực vật hoang dã, Vùng đệm. (Smith & Hellmund, 2006). [104]

Đất đai thiết lập KGX được xem như là một HST, trong đó xác định khu vực chứa sinh vật, môi trường vật lý và sự tương tác trao đổi giữa sinh vật với môi trường. KGX là một thành phần trong HST tổng hợp của đô thị (Thompson, 2002). [105]

VĐX, tuyến xanh và các công viên đô thị là ba thành phần chức năng chính trong KGX đô thị. KGX đô thị cung cấp các hoạt động mang lại lợi ích sinh thái, xã hội và vui chơi giải trí cho người dân đô thị (Shafer, 1999). [105]

Khái niệm KGX thành phố Hà Nội được định nghĩa trong quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội năm 2011: “gồm bao gồm hành lang xanh, vành đai xanh dọc sông Nhuệ, các nêm xanh và các công viên đô thị.” [68]

#### b. Hành lang xanh (Green corridor)

Khái niệm HLX được bắt đầu xuất hiện với quy hoạch dải công viên Emerald Necklace của Law Olmsted cho Boston. HLX là các không gian mở, công viên cây xanh,

đất nông nghiệp hoặc các khu vực tự nhiên được hình thành dưới dạng các dải đan xen bên trong hoặc bao bọc bên ngoài đô thị vì các mục đích bảo tồn môi trường và cảnh quan.

Khái niệm HLX được sử dụng nhiều nước trên thế giới, tuy nhiên nó được biến đổi theo hoàn cảnh khác nhau: HLX Thương mại - Green Trade Corridor (Mỹ, Mexico, Canada); HLX Công nghệ - Green Technology Corridor (California, Mỹ); HLX công viên đô thị - Green Urban Park Corridor (Singapore); HLX cảnh quan - Green Landscape Transformation Corridor (Anh); HLX Giao thông vận tải - Green Transport Corridor (Châu Âu). [111]

Khái niệm HLX thành phố Hà Nội được định nghĩa trong quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội năm 2011: “Bao gồm khu vực nông thôn, hệ thống sông hồ, đồi núi, rừng tự nhiên, vùng nông nghiệp... được bảo vệ nghiêm ngặt để trở thành khu hậu cần phục vụ đô thị, giữ gìn cảnh quan và đảm bảo môi trường sống đô thị.” [68]

#### *c. Vành đai xanh (Greenbelt)*

- VĐX là một vành đai vùng nông thôn nơi đô thị hóa sẽ bị hạn chế trong tương lai gần, việc duy trì một khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và giải trí ngoài trời dự kiến sẽ chiếm ưu thế (Howard, 1898). [105]

- Mục đích của VĐX là để kiểm soát sự mở rộng không giới hạn của khu vực xây dựng và bảo vệ các vùng nông thôn xung quanh từ xâm lấn của đô thị, bảo vệ môi trường tự nhiên và cải thiện chất lượng không khí ở các khu vực đô thị, để đảm bảo rằng người dân thành thị có thể dàng tiếp cận đến các vùng nông thôn với các cơ hội giáo dục, giải trí hiệu quả và để bảo vệ yếu tố văn hóa truyền thống độc đáo của khu vực nông thôn (Thompson, 2002). [105]

- Đề xuất hệ thống không gian mở nhiều cây xanh trong đó đã xác định hình thành một khu vực tuyến tính hoặc vành đai xung quanh thành phố và tới các địa phương. Mục đích của ông là xây dựng KGX là để bao quanh thành phố như một phương tiện để ngăn cản sự mở rộng đô thị (MacKaye Benton, 2006). [105]

Như vậy VĐX là một biến thể của HLX, là không gian mở bao gồm nông nghiệp, lâm nghiệp và các khu vực giải trí ngoài trời. VĐX có nhiệm vụ chính là ngăn cản sự mở rộng đô thị.

#### *d. Tuyến xanh (Green way)*

Một khái niệm tương tự như VĐX là tuyến xanh, trong đó có một đối tượng tuyến tính và có thể chạy qua một khu vực đô thị thay vì bao xung quanh nó. Tuyến xanh là một thuật ngữ tổng quát hơn ở Mỹ. Mục đích của tuyến xanh là liên kết các yếu tố cảnh quan để tạo thành một hệ thống mạng lưới tuyến tính, thường gắn liền với các tính năng địa hình như tự nhiên (ví dụ: sông) và nhân tạo (ví dụ như đường giao thông, kênh

mương và đường sắt). Các tuyến xanh sinh thái theo chức năng cảnh quan tự nhiên, trong khi các loại tuyến xanh khác thường được xác định ở cảnh quan thiên nhiên và cảnh quan thay đổi bởi các mục đích khác nhau (Hellmund & Smith, 1993). [105]

Tuyến xanh là "các dải gắn với phong cảnh", là "hành lang của đất và nước, và mạng lưới của các hành lang của chúng" được xác định với những tính chất tuyến tính và kết nối. Tuyến xanh thúc đẩy tính bền vững và giúp khôi phục "tính toàn vẹn cảnh quan" (Hellmund & Smith, 2006). [111]

*a. Mạng xanh (Green network)*

Mạng xanh "là các liên kết của các khu vực tự nhiên, bán tự nhiên và không gian mở nhân tạo (có thể bao gồm các hoạt động vui chơi giải trí hoặc các công trình phục vụ) để tạo ra một mạng lưới liên kết với nhau nhằm tạo cơ hội cho các hoạt động thể chất, tăng khả năng tiếp cận trong các khu định cư và các vùng nông thôn xung quanh, đồng thời tăng cường đa dạng sinh học và chất lượng của môi trường đô thị". [113]

Khái niệm mạng xanh có sự tương đồng, có thể hoán đổi nhau với khái niệm hạ tầng xanh (Green infrastructure) ở mục tiêu môi trường xã hội, sinh học và vật lý. Mạng xanh hình thành từ các kết nối và đường dẫn nhằm tăng khả năng tiếp cận tới các hoạt động vui chơi giải trí và tiện nghi thị giác cho cư dân thành phố.

*f. Nêm xanh (Green wedge)*






- Nêm xanh là một mô hình thay thế của mô hình VĐX, nêm xanh có mục đích bảo vệ các vùng không gian mở, giúp định hình sự phát triển hình thái đô thị đã được quy hoạch; Giữ gìn và tăng cường liên kết giữa các khu vực đô thị và nông thôn; tạo thuận lợi cho việc quản lý tích cực đất đô thị. Tại Anh, mô hình nêm xanh như là một chính sách đô thị, tuy nhiên chính sách VĐX vẫn là chính. Nêm xanh chỉ là chính sách đô thị ở cấp địa phương (Department for Communities and Local Government, 2001). [105]

- Mặc dù nêm xanh đã gây ra những tranh cãi nhưng vẫn cho thấy vai trò vượt trội của nó. Các mô hình nêm xanh ở các nước Bắc Âu có thể là cách tiếp cận hiệu quả hơn trong việc bảo tồn KGX và đồng thời định hình sự phát triển đô thị. Nó không hạn chế phát triển đô thị một cách tuyệt đối như VĐX và cho phép mở rộng các khu đô thị dọc theo một số hướng (Stahle, A. & Caballero, L. 2010). [105]

Nhìn chung, các khái niệm có các điểm tương đồng: Điều định nghĩa về KGX đô thị, có mục tiêu và chức năng tương tự nhau. Bên cạnh đó, các khái niệm cũng có những sự khác biệt về hình thái và vị trí KGX trong CTĐT (*kết quả phân tích được trình bày trong Bảng 1.14*). Như vậy, khái niệm HLX được xác định là khái niệm rộng nhất, bao trùm các khái niệm VĐX, nêm xanh, tuyến xanh, mạng xanh. VĐX là một dạng hình thái cấu trúc của HLX. Khái niệm HLX trong luận án được xác định như sau:

HLX là hệ thống hành lang KGX đan xen bên trong và bao bọc bên ngoài đô thị trung tâm, bao gồm nhiều chức năng như rừng tự nhiên, khu vực du lịch - vui chơi giải trí, nông nghiệp, làng xã mật độ thấp... được tạo lập từ từ con sông, hồ và diện tích điền trũng, nhằm tạo lập môi trường thiên nhiên tốt cho đô thị, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, phát triển bền vững du lịch, nông nghiệp và làng xã.

Bảng 1.1. Bảng so sánh các loại hình cấu trúc HLX

<b>Khái niệm</b> <b>Đặc trưng</b>	<b>HLX</b>	<b>VĐX</b>	<b>Mạng xanh</b>	<b>Nêm xanh</b>	<b>Tuyến xanh</b>
<b>Loại hình</b>					
<b>Vị trí trong đô thị</b>	Hình thành dưới dạng các dải đan xen bên trong hoặc bao bọc bên ngoài đô thị trung tâm	Vành đai bao bọc xung quanh đô thị trung tâm	Hệ thống điểm xanh liên kết thành mạng xanh	Hệ thống KGX phân tách khu vực phát triển đô thị	Hệ thống KGX tuyến tính, gắn liền với địa hình tự nhiên
<b>Đô thị áp dụng</b>	Adelaide Singapore	Luân Đôn Seoul Bắc Kinh	Singapore Roma Frankfurt	Copenhagen Stockholm	New York

## 8.2. Khái niệm CTQH, CTQH KGX đô thị

a. *Khái niệm cấu trúc (Structure)*: Mỗi thực thể tồn tại đều có cấu trúc. Cấu trúc là “một sự sắp xếp và tổ chức các yếu tố bên trong một vật hay hệ thống” [100]. Vật liệu tạo thành cấu trúc bao gồm các yếu tố “do con người chế tạo ra như tòa nhà hay máy móc” [100] và cũng có thể được hình thành từ “tự nhiên như sinh vật, các khoáng chất và hóa chất”. [115]

b. *Khái niệm cấu trúc không gian (Structure Space)*: “là dạng vật thể hóa của các mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành trong đô thị”. Hình thái đô thị “lý giải được cấu trúc không gian đô thị”, qua đó “xác định ranh giới phát triển đô thị, trung tâm đô thị, các tuyến chính, mật độ xây dựng...”. [12]

c. *Khái niệm CTQH (Structure Plannings)*: Đô thị là một thực thể phức tạp, sự chồng lớp của hoạt động cư trú, hoạt động sản xuất và hoạt động “thể hiện quyền lực chính trị” [33]. Cấu trúc của đô thị được kết cấu bởi các chức năng “công nghiệp, các khu nhà ở, khu các công trình đô thị, giao thông, KGX và các khu vực chức năng khác” [36]. CTQH là khái niệm rộng, bao gồm từ khung pháp lý quản lý phát triển đô thị đến

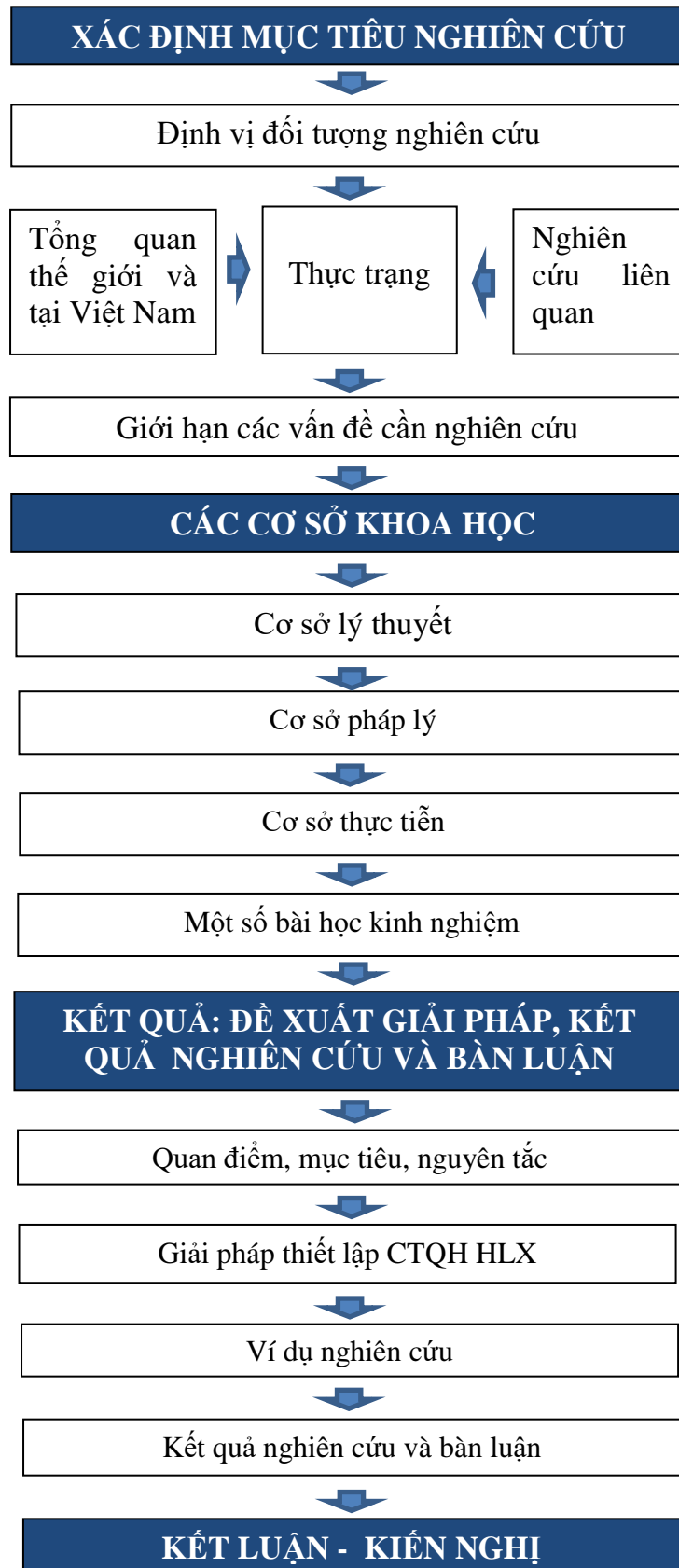
giải pháp tổ chức không gian đô thị.

i) CTQH được định nghĩa như một khung pháp lý (Structure Plan) dài hạn (10 ÷ 15 năm) được sử dụng để hướng dẫn quản lý phát triển hoặc tái phát triển đô thị. Nó được sử dụng để xác định các định hướng “*phát triển trong tương lai và sử dụng đất*” đô thị; Bố trí mạng lưới đường trục và các tuyến giao thông chính - các tuyến bay; Bảo tồn và các khu bảo tồn; Và các năng chính khác để quản lý phát triển. [36]

ii) CTQH được định nghĩa như cấu trúc không gian đô thị (Urban space structure): Là một trong những đặc tính cơ bản của việc tổ chức không gian đô thị hiện đại, “*nó phản ánh cách bố trí và mối quan hệ lẫn nhau*” [33] giữa các khu vực chức năng đô thị, đảm bảo sự liên kết giữa chúng một cách hợp lý trong một cấu trúc thống nhất và sự ổn định tương đối của những mối quan hệ qua lại giữa các khu vực quan trọng nhất của thành phố trong quá trình phát triển. [17]

Tại Việt Nam, khái niệm CTQH không đồng nhất khái niệm cơ cấu quy hoạch. Cơ cấu quy hoạch có thể được hiểu là sự phân bố thành phần chức năng sử dụng đất và các liên kết không gian chủ đạo. 12

*d. Khái niệm CTQH HLX (Structural planning of urban Green corridor):* Là một trong những đặc tính cơ bản của việc tổ chức không gian đô thị hiện đại, nó phản ánh cách bố trí và mối quan hệ lẫn nhau giữa các khu vực chức năng xanh, đảm bảo sự liên kết giữa chúng một cách hợp lý trong một cấu trúc HLX thống nhất và sự ổn định tương đối của những mối quan hệ qua lại giữa các khu vực quan trọng nhất của thành phố trong quá trình phát triển.



Hình 4. Sơ đồ cấu trúc nghiên cứu luận án

## **Chương 1 - TỔNG QUAN THIẾT LẬP CẤU TRÚC QUY HOẠCH HÀNH LANG XANH ĐÔ THỊ TRÊN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM**

### **1.1. CTQH HLX tại các đô thị trên thế giới**

Luận án lựa chọn 4 đô thị để phân tích thực tiễn CTQH HLX là: Luân Đôn, Bắc Kinh, Seoul, Tokyo. Các đô thị này, HLX có loại hình cấu trúc VĐX bao bọc đô thị trung tâm, tương đồng HLX thành phố Hà Nội đã được đề xuất trong đề án quy hoạch chung xây dựng năm 2011.

#### **1.1.1. CTQH HLX vùng Luân Đôn, Anh**

*a. Quá trình phát triển:* Năm 1935, HLX được đề xuất đầu tiên trong một chính sách quy hoạch của Ủy ban quy hoạch vùng Luân Đôn, bao gồm các không gian mở và các khu vực giải trí; Năm 1955, chính sách HLX được thiết lập, định hướng cho việc quản lý và thiết lập HLX tại các đô thị khác tại nước Anh. [109]

*b. Mục tiêu phát triển:* Theo Hướng dẫn chính sách công 2, HLX Luân Đôn có những mục tiêu sau: Kiểm soát sự mở rộng giới hạn của đô thị lớn; Ngăn chặn các thị trấn lân cận sáp nhập vào nhau; Hỗ trợ trong việc bảo vệ các vùng nông thôn bị xâm lấn; Bảo vệ cấu trúc và giá trị văn hóa lịch sử; Hỗ trợ trong việc tái tạo đô thị, bằng cách khuyến khích việc sử dụng đất hoang và các loại đất đô thị khác. [110]

*c. Vị trí và quy mô:* Nằm tại khu vực ngoại thành và bao bọc đô thị trung tâm. Tỷ lệ diện tích HLX chiếm 76,5% tổng diện tích đất tự nhiên.

*d. Mô hình cấu trúc:*

*Loại hình cấu trúc HLX:* HLX có loại hình cấu trúc VĐX bao bọc toàn bộ vùng ngoại thành. (xem Hình 1.1.a,b)

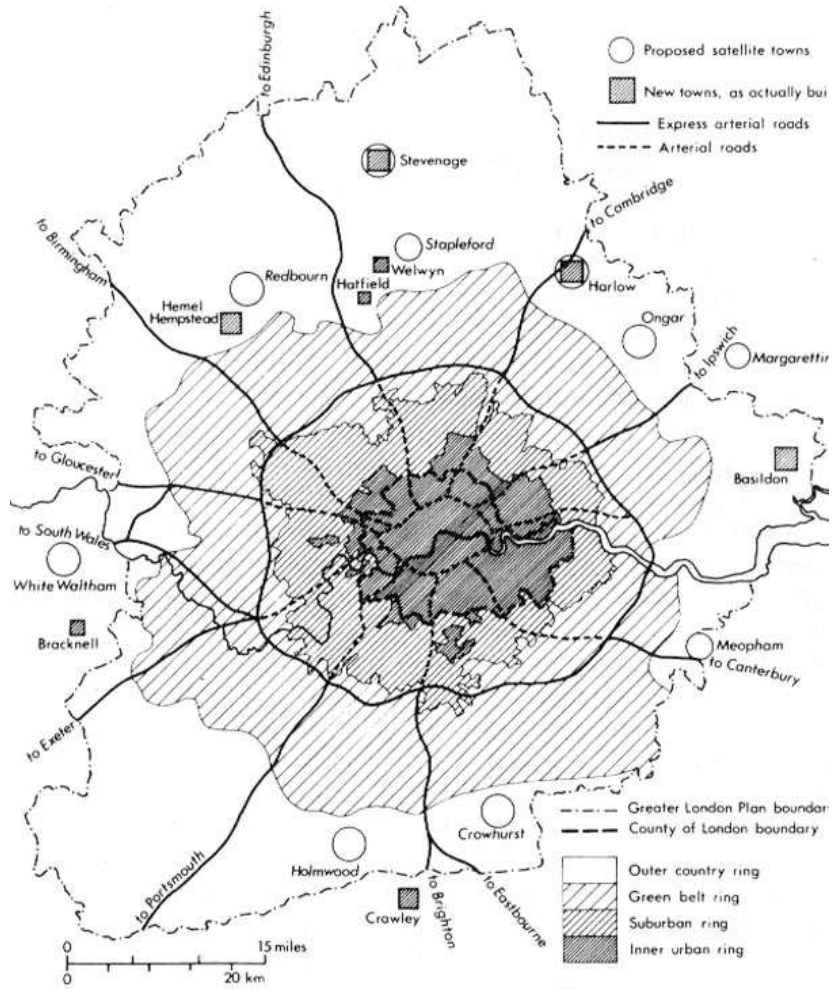
*Thành phần chức năng:* Chức năng HLX bao gồm: Đất rừng, đất nông nghiệp, mặt nước, đất công trình đất khác (công viên, quảng trường...). Trong đó chiếm diện tích lớn nhất là đất nông nghiệp, sau đó là đất rừng và mặt nước. (xem Hình 1.1. c)

*Hạ tầng kỹ thuật xanh:* Khung cấu trúc HLX được thiết lập dựa trên các liên kết về môi trường sinh thái, cảnh quan, hoạt động kinh tế du lịch - vui chơi giải trí.

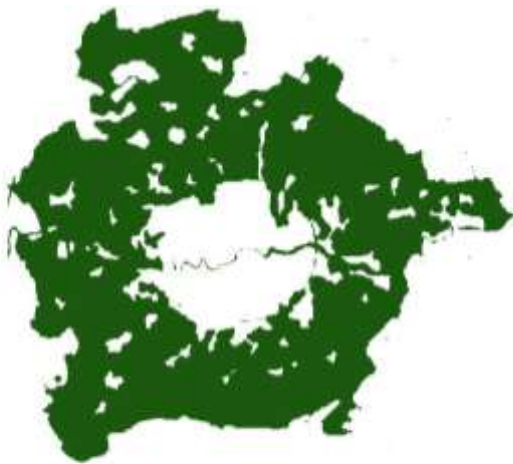
*e. Thể chế quản lý nhà nước:* Các chỉ tiêu kiểm soát phát triển HLX được quy định bởi Hướng dẫn chính sách công 2. Theo đó bắt buộc đối với tất cả các cơ quan quy hoạch vùng và địa phương chịu trách nhiệm thực hiện quy hoạch HLX. Quy hoạch sử dụng đất ở cấp địa phương phải tuân theo các mục tiêu phát triển HLX được thành lập bởi đề án quy hoạch vùng.

*g. Lợi ích của HLX:* HLX trở thành khu vực rừng tự nhiên, khu vực du lịch sinh thái và công viên vui chơi của thành phố.





a) CTĐT vùng Luân Đôn [110]



**LUÂN ĐÔN**  
Tỉ lệ xích  
0 30 km

b) Loại hình cấu trúc HLX Luân Đôn



**LUÂN ĐÔN**  
Nông nghiệp  
Rừng  
Sông, ao hồ

c) Chức năng trong HLX

Hình 1.1. Sơ đồ CTQH HLX trong quy hoạch vùng Luân Đôn

### 1.1.2. CTQH HLX vùng Thủ đô Bắc Kinh, Trung Quốc.

a. *Quá trình phát triển:* Ý tưởng xây dựng HLX ở Thủ đô Bắc Kinh lần đầu tiên được đề nghị trong quy hoạch vùng Thủ đô Bắc Kinh năm 1958. Tuy nhiên, đến năm 1983, mô hình quy hoạch HLX mới được đưa vào quy hoạch vùng Thủ đô Bắc Kinh [105] [108]. Loại hình cấu trúc HLX được đề xuất bao gồm 2 lớp VĐX bao bọc đô thị trung tâm. Năm 2003, quy hoạch vùng Thủ đô Bắc Kinh tiếp tục được thông qua. Lớp VĐX đầu tiên tiếp tục thay đổi để bổ sung thêm nhiều chức năng hơn, không chỉ đơn thuần là hạn chế phát triển lan tỏa đô thị trung tâm với các đô thị từ bên ngoài.

b. *Mục tiêu:* Theo ý tưởng HLX trong quy hoạch vùng Thủ đô Bắc Kinh năm 1958, mục tiêu của HLX được xác định như sau: Giúp phân tách các khu vực đô thị lõi với các đô thị mới; Bảo tồn các khu vực đất nông nghiệp, cây xanh và mặt nước; Kiểm soát sự phát triển của các khu đô thị theo quy hoạch và thiết lập ranh giới đô thị với khu vực nông thôn. [108]

c. *Vị trí và quy mô:* VĐX đầu tiên nằm giữa đường vành đai thứ tư và thứ năm, diện tích khoảng 140 km<sup>2</sup>; VĐX thứ hai nằm giữa đường vành đai thứ năm và thứ sáu, nhằm phân tách các khu vực đô thị trung tâm và các khu vực nông thôn, diện tích khoảng 1.620 km<sup>2</sup>, rộng đến 1km. Chiều rộng tối thiểu của VĐX khoảng 0,5km. [108]

d. *Mô hình cấu trúc:*

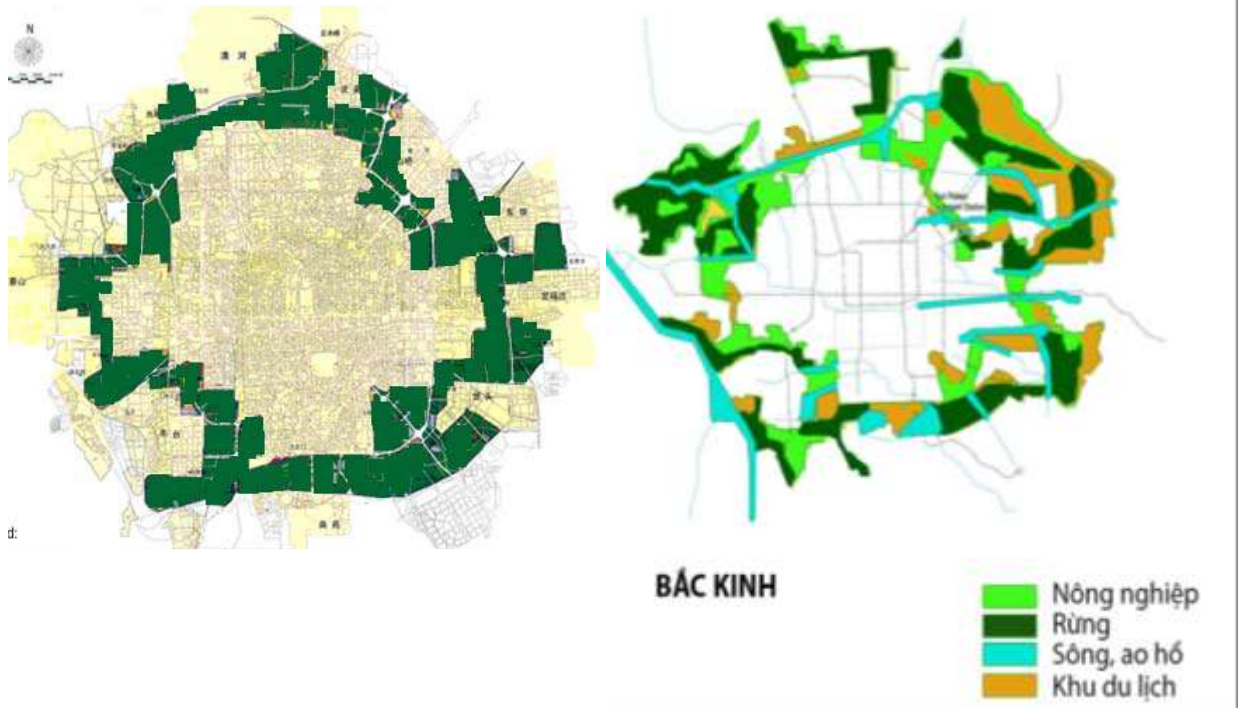
*Loại hình cấu trúc HLX:* HLX là dạng hai lớp VĐX. (xem Hình 1.2..a, c)

*Thành phần chức năng:* VĐX đầu tiên chủ yếu bao gồm 5 công viên rừng và 9 skhu vực cắm, với các thành phần chức năng như rừng, công viên, nông nghiệp, trang trại, mặt nước. VĐX thứ 2 bao gồm các khu rừng trồng mới bao gồm nhiều khu vực khác nhau như: Các khu vực cho cảnh đẹp (chiếm 20%), các khu vực dịch vụ sinh thái (chiếm 20%), các khu vực hoạt động kinh tế (chiếm 60%). [108] (xem Hình 1.2.b)

*Hạ tầng kỹ thuật xanh:* Khung cấu trúc HLX được thiết lập dựa trên các liên kết về môi trường sinh thái, hoạt động kinh tế dịch vụ du lịch.

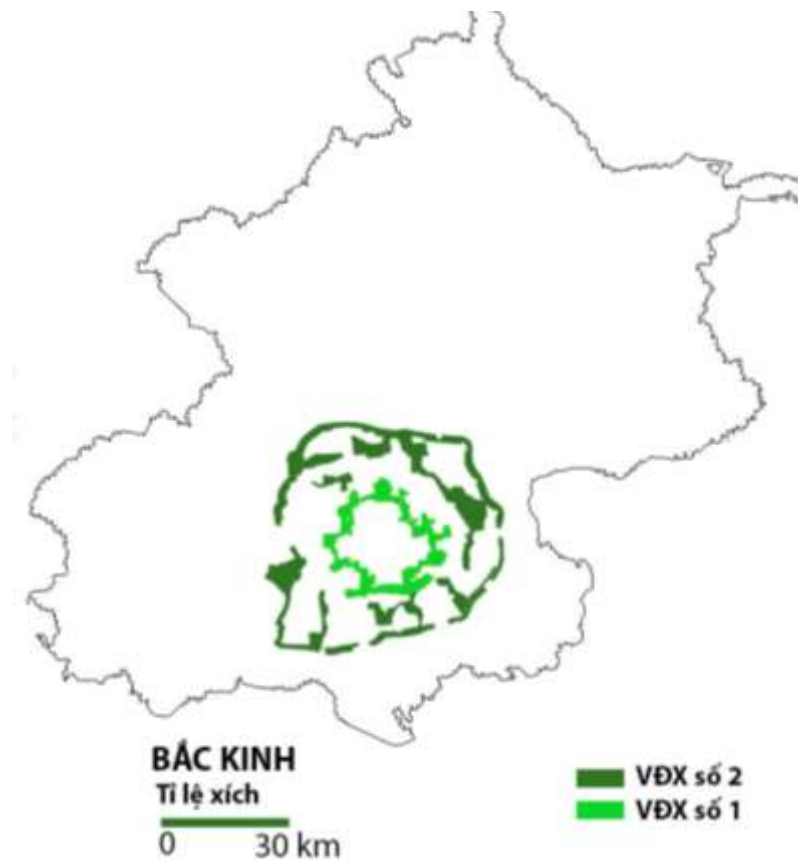
e. *Thế chế quản lý nhà nước:* Chính quyền thành phố Bắc Kinh đã ban hành các Pháp lệnh nhằm thiết lập diện tích cây xanh của HLX. Pháp lệnh yêu cầu các cơ quan chính phủ phải tham gia vào các chương trình phát triển HLX để tăng quy mô và tốc độ trồng cây xanh. [108]

g. *Lợi ích của HLX:* HLX trở thành khu vực công viên rừng, công viên, nông nghiệp, trang trại, mặt nước của thành phố.



a) Cấu trúc VĐX số 1 [105]

b) Thành phần chức năng VĐX số 1



c) Loại hình cấu trúc HLX Bắc Kinh

Hình 1.2. Sơ đồ CTQH HLX trong quy hoạch vùng Bắc Kinh

### 1.1.3. CTQH HLX vùng Seoul, Hàn Quốc

a. *Quá trình phát triển:* Năm 1971, quy hoạch HLX được đề xuất trong quy hoạch vùng Seoul. Mô hình HLX trong quy hoạch vùng Seoul được thiết lập trên cơ sở ý tưởng HLX của vùng Luân Đôn (năm 1935) nhưng có bổ sung các mục tiêu phát triển, chức năng để phù hợp với bối cảnh Hàn Quốc. Năm 1976, HLX được chỉ định lại ranh giới và quy mô và diện tích được mở rộng gấp bốn lần. HLX của Seoul có 1,566.8 km<sup>2</sup> (chiếm 13,3% trong tổng diện tích Seoul). Dân số sống trong HLX rất thấp (chiếm 1,66% trong tổng dân số Seoul). Năm 2002, nhà quản lý khu vực thủ đô đã phải nhanh chóng xây dựng kế hoạch tổng thể nhằm loại bỏ 123,86 km<sup>2</sup> HLX. [110]

b. *Mục tiêu phát triển:* HLX Seoul có 7 mục tiêu chính như sau: Để giảm tốc độ tăng trưởng nhanh chóng của dân số và để ngăn chặn tập trung công nghiệp ở Seoul; Để hạn chế sự mở rộng đô thị Seoul vào thành phố láng giềng như Incheon, Suwon và Euijeongbu; Để hạn chế việc mở rộng về phía Bắc gần Bắc Triều Tiên nhằm đảm bảo an ninh quốc gia; Để dành quỹ đất cho các mục đích môi trường; Để ngăn chặn sự hình thành bất hợp pháp tại vùng ngoại ô xung quanh Seoul; Để bảo vệ quỹ đất nông nghiệp; Để cân bằng sự tăng trưởng của Seoul và các đô thị tại khu vực ngoại thành. [102]

c. *Vị trí và quy mô:* Tỷ lệ diện tích HLX chiếm 27,5% tổng diện tích đất tự nhiên, mở rộng quy mô diện tích theo 4 giai đoạn. Giai đoạn thứ tư và cuối cùng, tổng diện tích HLX được mở rộng là 247,6 km<sup>2</sup>, bao quanh các thị trấn mới của Ansan ở phía tây nam, gần đến vùng ngoại ô của Incheon, Anyang và Suwon. Kết quả cuối cùng của bốn giai đoạn, tổng diện tích HLX là 1566,8km<sup>2</sup>, khu vực xa nhất của HLX lên đến 40 km tính từ trung tâm thành phố. [102]. (xem Hình 1.3.a)

d. *Mô hình cấu trúc:*

*Loại hình cấu trúc HLX:* HLX có cấu trúc dạng VDX một lớp, là những không gian mở bao bọc bên ngoài đô thị lõi. (xem Hình 1.3.b)

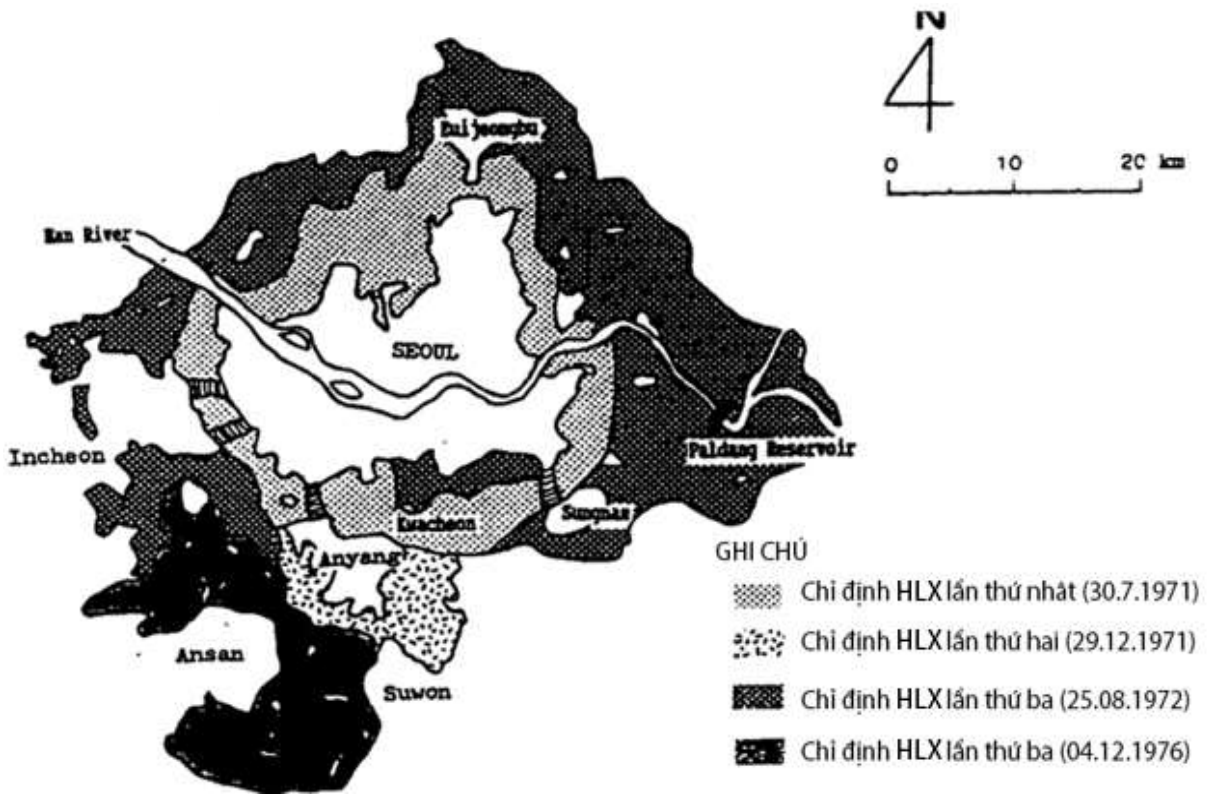
*Thành phần chức năng:* Các thành phần chức năng trong HLX Seoul là đa dạng. Bao gồm các khu vực chức năng như: Khu vực sông, ao hồ nằm rải rác và xuyên cắt qua đô thị; Khu vực nông nghiệp nằm; Khu vực giải trí, du lịch; Khu vực rừng và đồi núi. Trong đó, rừng chiếm tỉ trọng lớn nhất. [102] (xem Hình 1.3.c)

*Hạ tầng kỹ thuật xanh:* Khung cấu trúc HLX được thiết lập dựa trên các liên kết về môi trường sinh thái, cảnh quan, hoạt động kinh tế du lịch và hoạt động quân sự.

e. *Thế chế quản lý nhà nước:* Quy hoạch HLX Seoul trở thành một chính sách quốc gia, được chỉ đạo trực tiếp của Tổng thống Park Chung Hee. HLX được quy định trong Luật quy hoạch Thủ đô Seoul (TPA) là "Khu vực hạn chế phát triển". [102]

g. *Lợi ích của HLX:* HLX trở thành khu vực công viên rừng, công viên, nông nghiệp, trang trại, mặt nước của thành phố.

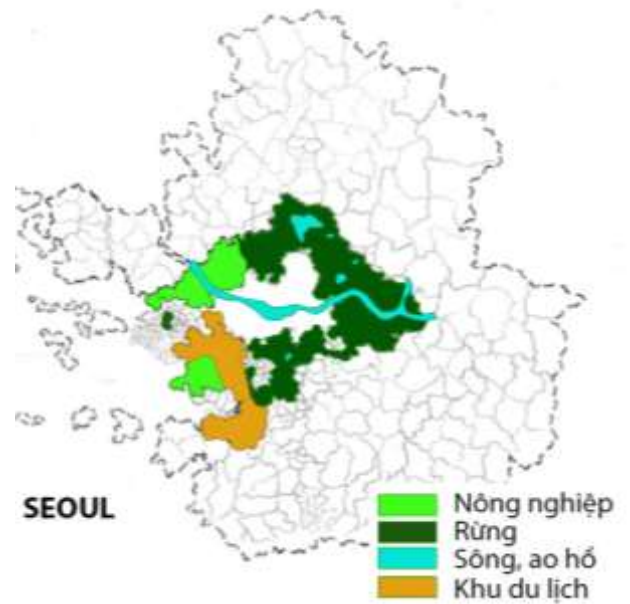




a) Sơ đồ quá trình mở rộng diện tích HLX Seoul [101]



b) Loại hình cấu trúc HLX Seoul



c) Chức năng chủ đạo trong HLX Seoul

Hình 1.3. Sơ đồ CTQH HLX trong quy hoạch vùng Seoul

#### 1.1.4. CTQH HLX vùng Tokyo - Nhật Bản

*a. Quá trình phát triển:* Phát triển HLX của Nhật Bản có thể được chia thành ba giai đoạn chính sau: Giai đoạn đầu tiên từ năm 1932 ÷ 1968: Khái niệm HLX (tương tự trong đồ án quy hoạch vùng Luân Đôn năm 1935) đã được giới thiệu tại Nhật Bản và chính quyền đô thị đã đưa ý tưởng HLX vào đồ án quy hoạch vùng Tokyo năm 1958. Giai đoạn thứ hai từ năm 1968 ÷ 1977: Luật quy hoạch thành phố mới được ban hành, theo đó khái niệm HLX đã được thay thế bằng một khái niệm mới đó là: Kiểm soát khu vực đô thị hóa (the Urbanization Control Area). Giai đoạn thứ ba từ năm 1977 đến nay: Hệ thống quy hoạch HLX đô thị được thành lập và một kế hoạch tổng thể công viên và KGX được xây dựng, theo đó quan điểm chính trong giai đoạn là xây dựng hệ thống “Điểm xanh” trên một khu vực nhỏ. [98]

*b. Mục tiêu phát triển:* Theo quy hoạch vùng Tokyo năm 1958, mục tiêu của HLX tương tự mục tiêu HLX Luân Đôn (năm 1935).

*c. Vị trí và quy mô:* Theo đề xuất quy hoạch vùng Tokyo năm 1958, KGX vùng Tokyo bao gồm 1 HLX rộng lớn với diện tích 13730 ha, 40 công viên lớn tổng diện tích là 1695 ha và 591 công viên nhỏ với tổng diện tích là 674 ha. [98]

*d. Mô hình cấu trúc HLX:*

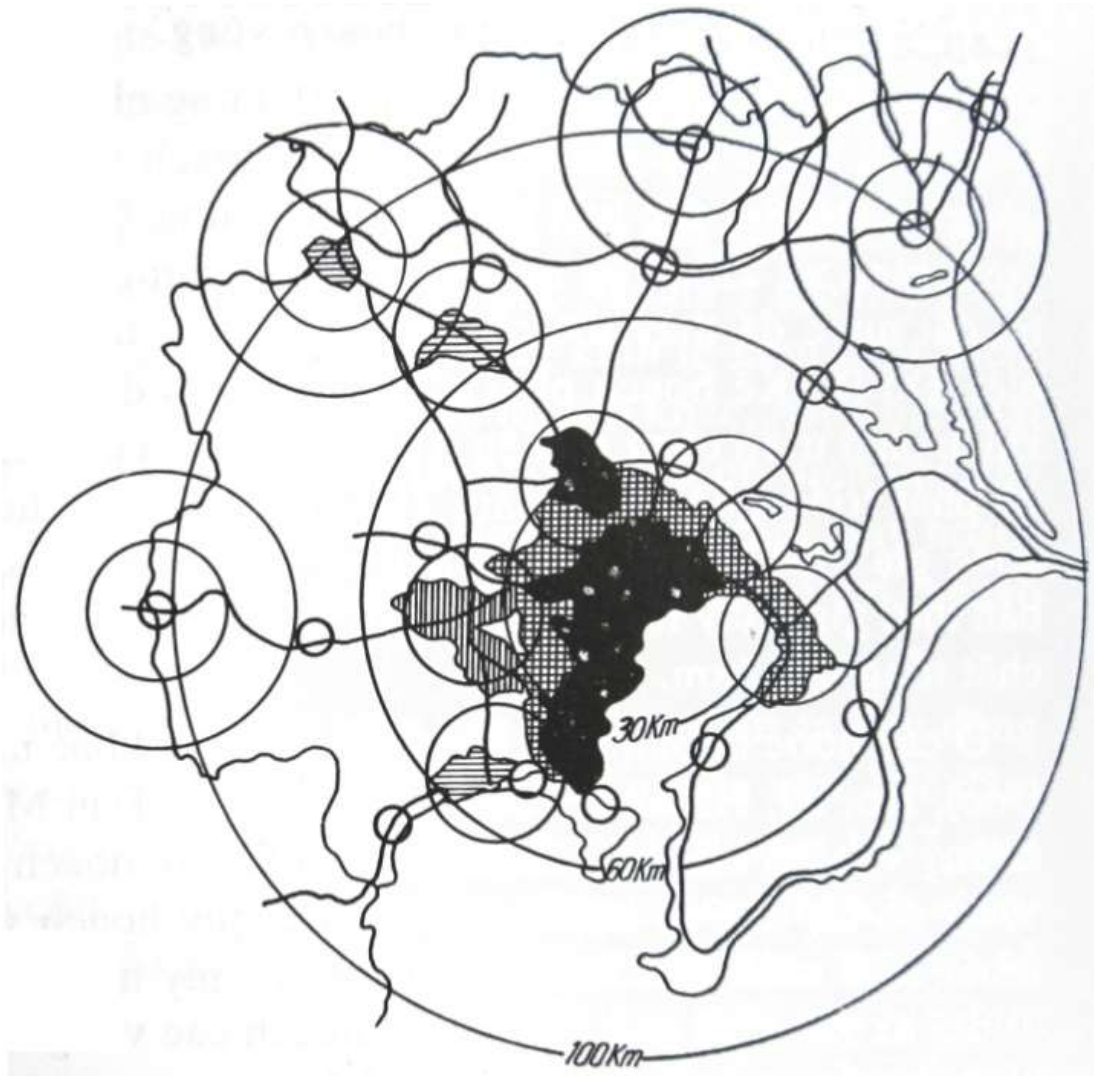
*Loại hình cấu trúc HLX:* Có sự biến đổi mô hình cấu trúc từ năm 1958 đến năm 1968. Trong đề xuất quy hoạch vùng Tokyo năm 1958: HLX dạng VĐX một lớp, là các không gian mở bao bọc đô thị, nằm xen giữa các đô thị trong vành đai 1 và đô thị lõi. Trong đề xuất điều chỉnh quy hoạch vùng Tokyo năm 1968: HLX được điều chỉnh sang cấu trúc dạng mạng xanh, bao gồm hệ thống các điểm xanh là các công viên đô thị. (xem Hình 1.4.b,c)

*Thành phần chức năng:* Theo đề xuất quy hoạch vùng Tokyo năm 1958, HLX vùng Tokyo bao gồm các chức năng sau: VĐX (rừng, đất nông nghiệp, làng xã) và công viên đô thị (khu du lịch, công viên vui chơi giải trí - thể thao, công viên văn hóa lịch sử và công viên cây xanh). [98]

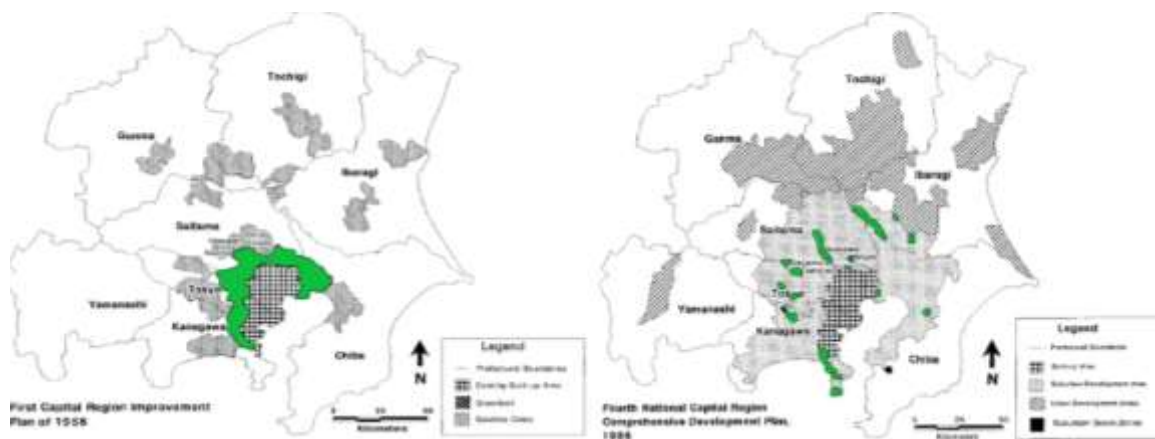
*Hạ tầng kỹ thuật xanh:* Khung cấu trúc mạng xanh được thiết lập dựa trên khai thác hoạt động du lịch, vui chơi giải trí, thể dục thể thao .

*e. Thể chế quản lý nhà nước:* Theo đồ án quy hoạch vùng Tokyo năm 1958 thì khu vực HLX chỉ được khoanh vùng xác định chức năng mà chưa có các chính sách kiểm soát cụ thể. Quá trình thực hiện xuất hiện nhiều mâu thuẫn dẫn đến cấu trúc HLX bị phá vỡ: Giữa lợi ích của chủ sở hữu đất và lợi ích công cộng, chênh lệch giá bất động sản giữa đô thị và đất trong HLX.

*g. Lợi ích của HLX:* HLX trở thành khu vực công viên rừng, công viên, nông nghiệp, trang trại, mặt nước của thành phố.



a) Sơ đồ CTĐT vùng Tokyo



b) HLX Tokyo trong quy hoạch  
- Năm 1958

c) HLX Tokyo trong quy hoạch  
- Năm 1968

Hình 1.4. Sơ đồ CTQH HLX trong quy hoạch vùng Tokyo [98]

### 1.1.5. Đánh giá chung CTQH HLX tại một số đô thị trên thế giới

Từ những phân tích tổng quan CTQH HLX tại các đô thị trên thế giới, nhận diện khái quát CTQH HLX như sau:

*Mục tiêu phát triển:* Tập trung vào các nhóm mục tiêu chính: Môi trường không gian cảnh quan, kinh tế, văn hóa và quốc phòng. (xem Bảng 1.2)

Bảng 1.2. Mục tiêu phát triển HLX tại một số đô thị trên thế giới

<b>Đô thị</b> <b>Phân loại</b>	<b>Luân Đôn</b>	<b>Bắc Kinh</b>	<b>Seoul</b>
Môi trường, không gian cảnh quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ trong việc bảo vệ các vùng nông thôn bị xâm lấn</li> <li>- Kiểm soát sự mở rộng giới hạn của đô thị lớn</li> <li>- Ngăn chặn các thị trấn lân cận sáp nhập vào nhau</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo vệ các khu vực đất nông nghiệp, cây xanh và mặt nước</li> <li>- Giúp phân tách các khu vực đô thị lõi với các đô thị mới</li> <li>- Kiểm soát sự phát triển của các khu đô thị theo quy hoạch và thiết lập ranh giới đô thị với khu vực nông thôn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Để dành quỹ đất cho các mục đích môi trường</li> <li>- Để ngăn chặn sự hình thành bất hợp pháp tại vùng ngoại ô xung quanh Seoul</li> <li>- Để bảo vệ quỹ đất nông nghiệp</li> <li>- Để hạn chế sự mở rộng đô thị Seoul vào thành phố láng giềng như Incheon, Suwon và Euijeongbu</li> <li>- Để giảm tốc độ tăng trưởng nhanh của dân số và ngăn chặn tập trung công nghiệp ở Seoul</li> </ul>
Kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ tái tạo đô thị, bằng cách khuyến khích sử dụng đất hoang và các loại đất đô thị khác</li> </ul>		Để cân bằng sự tăng trưởng của Seoul và các đô thị tại khu vực ngoại thành
Văn hóa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo vệ giá trị văn hóa lịch sử</li> </ul>		
Quốc phòng			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Để hạn chế việc mở rộng gần Bắc Triều Tiên nhằm đảm bảo an ninh quốc gia</li> </ul>

*Vị trí và quy mô:* Tỷ trọng diện tích HLX đến 76% diện tích tự nhiên của đô thị. Diện tích HLX càng lớn thì càng HLX càng có vai trò quan trọng trong phát triển đô thị. (xem Bảng 1.3)



Bảng 1.3. Vị trí và quy mô HLX tại một số đô thị trên thế giới

<b>Đô thị</b> <b>Đặc điểm</b>	<b>Luân Đôn</b>	<b>Bắc Kinh</b>	<b>Seoul</b>	<b>Tokyo</b>
Vị trí	Không gian mở toàn bộ vùng ngoại thành	VĐX đầu tiên nằm giữa đường vành đai 4 và 5. VĐX thứ hai nằm giữa đường vành đai 5 và 6.	Không gian mở bao bọc bên ngoài đô thị lõi	Công viên đan xen trong đô thị
Diện tích	4860km <sup>2</sup>	1760 km <sup>2</sup> .	1566,8km <sup>2</sup>	137,3 km <sup>2</sup>
Tỉ lệ với tổng diện tích tự nhiên	76,5%	10,4%	27,5%	6,3%

*Loại hình cấu trúc HLX* : HLX có sự biến đổi với nhiều dạng loại hình cấu trúc như: HLX dạng cấu trúc VĐX toàn bộ vùng ngoại thành, HLX dạng cấu trúc VĐX 1 lớp, HLX dạng cấu trúc VĐX có 2 lớp, HLX dạng cấu trúc mạng. Trong các dạng loại hình cấu trúc, HLX có loại hình cấu trúc dạng VĐX là được sử dụng phổ biến nhất và có vai trò kiểm soát sự phát triển lan tỏa của đô thị. (xem Bảng 1.4)

Bảng 1.4. Loại hình cấu trúc HLX tại một số đô thị trên thế giới

<b>Đô thị</b> <b>Đặc điểm</b>	<b>Luân Đôn</b>	<b>Bắc Kinh</b>	<b>Seoul</b>	<b>Tokyo</b>
Loại hình cấu trúc	VĐX toàn bộ vùng ngoại thành	VĐX hai lớp	VĐX một lớp	Mạng xanh

*Thành phần chức năng*: HLX tại các đô thị trên thế giới tập trung ở các chức năng chủ yếu như rừng núi, đất nông nghiệp, khu du lịch - vui chơi giải trí, sông hồ. Trong đó, chức năng rừng có vai trò quan trọng nhất, cần có giải pháp khuyến khích phát triển. Có xu hướng bổ sung các chức năng phát triển kinh tế như: Khu vui chơi giải trí - thể thao, công viên và các khu vực phát triển kinh tế đô thị. Chức năng phát triển kinh tế đô thị là nguyên nhân chính phá vỡ CTQH HLX, cần phải có giải pháp kiểm soát nghiêm ngặt. (xem Bảng 1.5)

Bảng 1.5. Thành phần chức năng HLX tại một số đô thị trên thế giới

<b>Đô thị</b> <b>Đặc điểm</b>	<b>Luân Đôn</b>	<b>Bắc Kinh</b>	<b>Seoul</b>	<b>Tokyo</b>
Thành phần	Rừng, nông nghiệp, mặt	- VĐX 1: Rừng, công viên, nông nghiệp,	Rừng, nông nghiệp,	Rừng, nông nghiệp, làng

	nước, đất công trình khác (công viên, quảng trường...)	trang trại, mặt nước - VDX 2: Khu vực dịch vụ sinh thái, khu vực hoạt động kinh tế	sông, ao hồ, các khu du lịch – vui chơi giải trí	xã và công viên đô thị
Chức năng Chủ đạo	Nông nghiệp	Rừng	Rừng	Nông nghiệp

*Hạ tầng kỹ thuật xanh:* Khung cấu trúc HLX được thiết lập dựa trên các liên kết về môi trường sinh thái, cảnh quan, hoạt động kinh tế, văn hóa. Trong đó, liên kết môi trường, không gian cảnh quan có vai trò quan trọng nhất. (xem Bảng 1.6)

Bảng 1.6. Hạ tầng kỹ thuật xanh tại một số đô thị trên thế giới

<b>Đô thị</b>	<b>Luân Đôn</b>	<b>Bắc Kinh</b>	<b>Seoul</b>	<b>Tokyo</b>
<b>Dạng liên kết</b>				
Môi trường, không gian cảnh quan	x	x	x	x
Hoạt động kinh tế	x		x	
Văn hóa		x		

*Thế chế quản lý nhà nước:* Đã đưa các phương thức kiểm soát phát triển HLX như Chính sách quốc gia, Pháp lệnh, Luật. Các chính sách đủ mạnh để khắc phục triệt để các mâu thuẫn phát sinh trong thực tiễn. (xem Bảng 1.7)

Bảng 1.7. Thế chế quản lý nhà nước HLX tại một số đô thị trên thế giới

<b>Đô thị</b>	<b>Luân Đôn</b>	<b>Bắc Kinh</b>	<b>Seoul</b>	<b>Tokyo</b>
<b>Đặc điểm</b>				
Phương thức	Hướng dẫn chính sách công 2 - tương đương luật	Pháp lệnh	Chính sách quốc gia, Luật quy hoạch thành phố Seoul	Quy định quản lý chung theo đồ án
Tích cực	Là chính sách quốc gia để kiểm soát phát triển chức năng trong HLX	Là chính sách quốc gia để chuyển đổi đất nông nghiệp thành đất cây xanh	Là chính sách quốc gia và linh hoạt, có thể điều chỉnh trong thực tiễn	Là chính sách mở, có thể điều chỉnh trong thực tiễn
Hạn chế	Chưa linh hoạt	Chi phí thực hiện cao	Chi phí thực hiện cao	Chưa tính pháp lý để thực hiện quy hoạch

## 1.2. CTQH HLX tại một số đô thị tại Việt Nam

Luận án lựa chọn một số đô thị lớn tại Việt Nam để phân tích, bao gồm: Hải Phòng, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh. Tương tự các đô thị trên thế giới, các đô thị này cũng được phân tích trên cơ sở các vấn đề chính của CTQH HLX.

### 1.2.1. CTQH HLX thành phố Hải Phòng

*a. Quá trình phát triển:* Giai đoạn 1955 ÷ 2009: Năm 2001, quy hoạch chung thành phố Hải Phòng được phê duyệt. Đồ án tiếp tục đề xuất duy trì các HLX bám theo hành lang sông Tam Bạc, sông Lạch Tray và các dải cây xanh bám theo các tuyến đường chính vào trung tâm thành phố. Giai đoạn 2009 đến nay: Năm 2010, điều chỉnh quy hoạch thành phố Hải Phòng được phê duyệt. Ngoài các HLX bám theo hành lang sông Tam Bạc, sông Lạch Tray và các dải cây xanh bám theo các tuyến đường chính, đồ án đề xuất hình thành các HLX dạng VĐX bao bọc đô thị trung tâm ở phía Bắc và phía Nam thành phố. [64]

*b. Mục tiêu phát triển:* Bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái đô thị; Bảo tồn, tôn tạo các di sản tự nhiên theo luật di sản; Hạn chế tối đa việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất đai; Bảo vệ đặc biệt đối với các nguồn cấp nước mặt thành phố. [93]

*c. Vị trí và quy mô:* VĐX phía Bắc bao gồm toàn bộ khu vực nông thôn, lấy khu vực cây xanh bảo vệ di tích Tràng Kênh để phát triển. VĐX phía Nam lấy hành lang hai bên sông Đa Độ để thiết lập. Chiều rộng của VĐX từ 1 ÷ 5km tùy thuộc vào từng khu vực hai bên sông. Diện tích 34.569 ha, chiếm gần 15% diện tích đất tự nhiên. [93]

*d. Mô hình cấu trúc:*

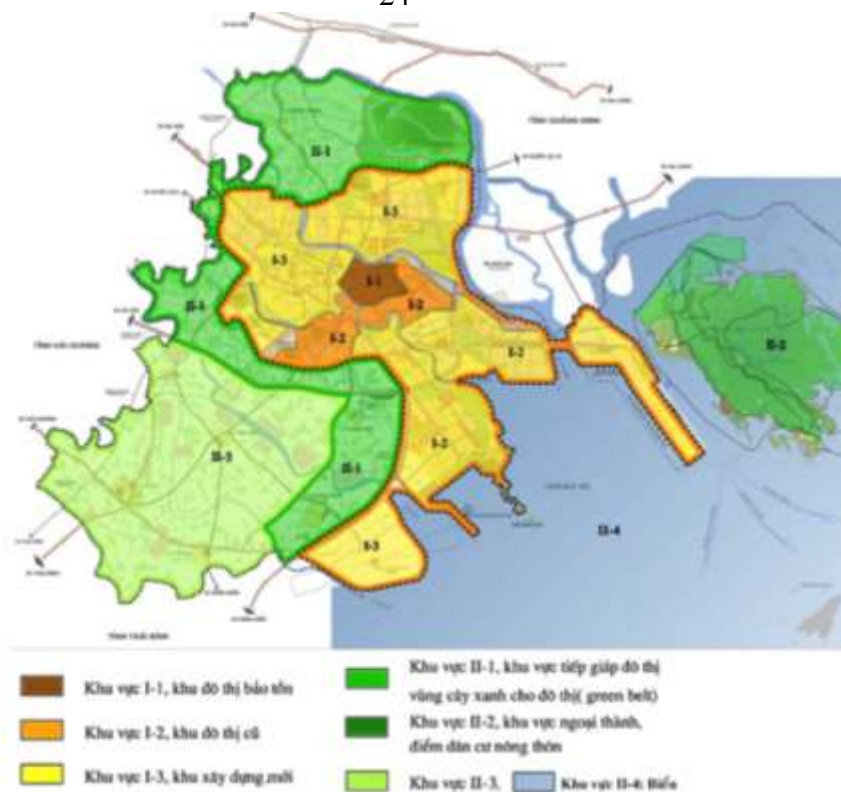
*Loại hình CTQH HLX:* HLX Hải Phòng theo quy hoạch theo loại hình cấu trúc VĐX bao bọc đô thị trung tâm. Phía Bắc là dạng VĐX toàn bộ vùng ngoại thành. Phía Nam là dạng VĐX một lớp. (xem Hình 1.7)

*Thành phần chức năng:* Khu vực tự nhiên (rừng núi, sông hồ), khu vực dân cư nông thôn, nông nghiệp, thị trấn, công nghiệp, hành lang hai bên sông.

*Hạ tầng kỹ thuật xanh:* Liên kết môi trường sinh thái cảnh quan đô thị, di sản văn hóa và hoạt động kinh tế dịch vụ gắn với khai thác hệ thống giao thông thủy và cảng.

*e. Thể chế quản lý nhà nước:* Quy định quản lý quy hoạch theo đô án quy hoạch chung xây dựng đô thị được phê duyệt. Đồ án đã có những đề xuất kiểm soát phát triển đối với tiểu vùng HLX thành phố và tiểu vùng ven biển, hải đảo.

*g. Lợi ích của HLX:* HLX trở thành khu vực công viên rừng, công viên, nông nghiệp, trang trại, mặt nước của thành phố.



Hình 1.5. Sơ đồ CTQH HLX trong quy hoạch chung thành phố Hải Phòng [93]

Trong bối cảnh diện tích xanh trong trung tâm thành phố Hải Phòng thấp, đồ án quy hoạch đã đề xuất HLX ven đô thị nhằm bù đắp sự thiếu hụt đó. Tuy nhiên, việc quá chú trọng HLX ven đô, đồ án chưa đề xuất các HLX bám theo hành lang sông xuyên cắt qua đô thị trung tâm (sông Cấm, sông Lạch Tray,...).

### 1.2.3. CTQH HLX thành phố Đà Nẵng

Theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng được phê duyệt năm 2013, KGX mở của thành phố Đà Nẵng bao gồm “những khu vườn, công viên nhỏ, vừa và lớn”, các HLX theo “các đại lộ cây xanh trên các trục đường chính trong đô thị, dọc theo bờ biển, bờ sông...” và “VĐX bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái”. [95]

#### a. Quá trình phát triển:

Giai đoạn 1980 ÷ 1985: Đà Nẵng được xác định là một trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh với vị trí là thủ phủ của tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng. Trục cây xanh chủ yếu của toàn thành phố tập trung hai bên bờ sông Hàn.

Giai đoạn 1993 ÷ 2002, Quy hoạch chung cho Thành phố Đà Nẵng đến năm 2020. Xây dựng các khu cây xanh gắn với các trung tâm giải trí ở khu vực gần Bà Nà, ven sông Hàn, Mỹ Khê, Non Nước, Ngũ Hành Sơn, công viên 29/3, công viên đường 2/9, công viên Hòa Cường - Khuê Trung; hình thành các công viên rừng bảo tồn thiên nhiên tại Sơn Trà, Phước Tường, Bà Nà - Núi Chúa.

Giai đoạn 2002 ÷ 2011: Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng

đến năm 2025. Không gian mở bao gồm “*những khu vườn, công viên nhỏ, vừa và lớn, các đại lộ cây xanh trên các trục đường chính trong đô thị, dọc theo bờ biển, bờ sông...*”. [95]

*b. Mục tiêu phát triển:* Bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái;

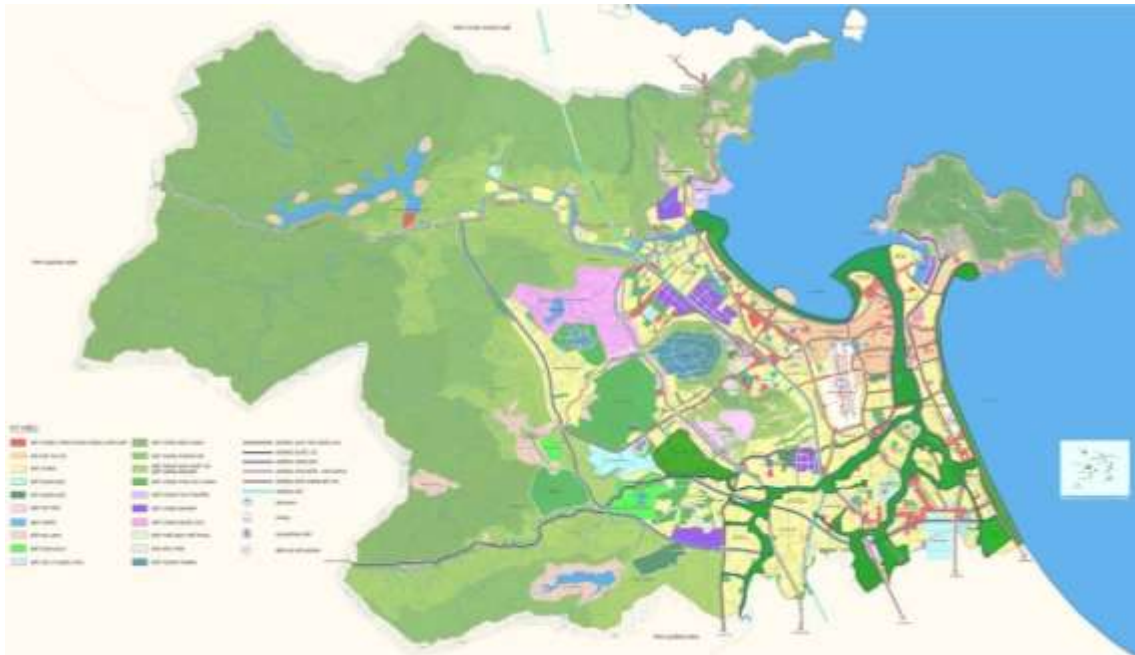
*c. Vị trí và quy mô:* Tổng diện tích đất cây xanh đô thị đến năm 2020 là 1.750 ha, bao gồm hệ thống công viên và các không gian mở, chiếm gần 1,7% diện tích đất tự nhiên của thành phố. [95]

*d. Mô hình cấu trúc HLX:* HLX có loại hình cấu trúc dạng tuyến bám theo hành lang đường giao thông chính, sông và ven biển. Tuy nhiên, HLX không được xác định cụ thể trong định hướng phát triển đô thị (*xem Hình 1.6*). *Liên kết cấu trúc HLX:* Liên kết môi trường, cảnh quan. *Phân khu chức năng bao gồm khu vực cây xanh cách ly, cây xanh đường phố, cây xanh sinh thái theo hành lang sông, ven biển.*

*e. Thể chế quản lý nhà nước về HLX:* Quy định theo đô án quy hoạch chung xây dựng đô thị. Hành lang bám theo sông và ven biển là khu vực hạn chế phát triển.

*g. Lợi ích của HLX:* HLX trở thành khu vực công viên rừng, công viên, nông nghiệp, trang trại, mặt nước của thành phố.

*Nhìn chung, đồ án quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đã xác định vị trí, loại hình cấu trúc HLX trong CTĐT. Tuy nhiên, các nội dung như mục tiêu, thành phần chức năng, liên kết cấu trúc và phương thức kiểm soát phát triển chưa được đề xuất cụ thể trong định hướng phát triển đô thị.*



Hình 1.6. Sơ đồ CTQH HLX trong quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng [95]

#### 1.2.4. CTQH HLX thành phố Hồ Chí Minh

*a. Quá trình phát triển:* Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố trực thuộc trung ương lớn nhất cả nước từ năm 1975. Giai đoạn từ năm 1993 ÷ 1998: Quy hoạch tổng thể xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010. Giai đoạn từ năm 1998 ÷ 2010: Điều chỉnh Quy hoạch chung Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020. Giai đoạn từ năm 2010 ÷ 2025: Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025; Đã đề xuất KGX bám theo hành lang sông, VĐX gắn với nông nghiệp ven đô thị.

*b. Mục tiêu phát triển:* Bảo vệ bảo vệ thiên nhiên, đảm bảo cân bằng sinh thái; Tạo lập cảnh quan, mặt nước kết hợp du lịch, giải trí; Phát triển đất nông nghiệp;

*c. Vị trí, quy mô:* HLX hai bên bờ sông Sài Gòn, sông Đồng Nai và sông Nhà Bè có diện tích khoảng 7.000 ha, dọc các sông lớn qua địa bàn các huyện có chiều rộng từ 50 ÷ 800m. 03 tuyến vành đai sinh thái: Có chiều rộng 2.000 ÷ 3.000 m. Vành đai dự trữ sinh quyển: Rừng ngập mặn Cần Giờ có diện tích khoảng 75.000 ha; Rừng phòng hộ, rừng đặc dụng thuộc địa bàn huyện Bình Chánh có diện tích khoảng 1.500 ha, Củ Chi có diện tích khoảng 2.250 ha; Tổng diện tích 85750 ha, chiếm gần 40,9% diện tích toàn Thành phố. [89]

*d. Mô hình cấu trúc:*

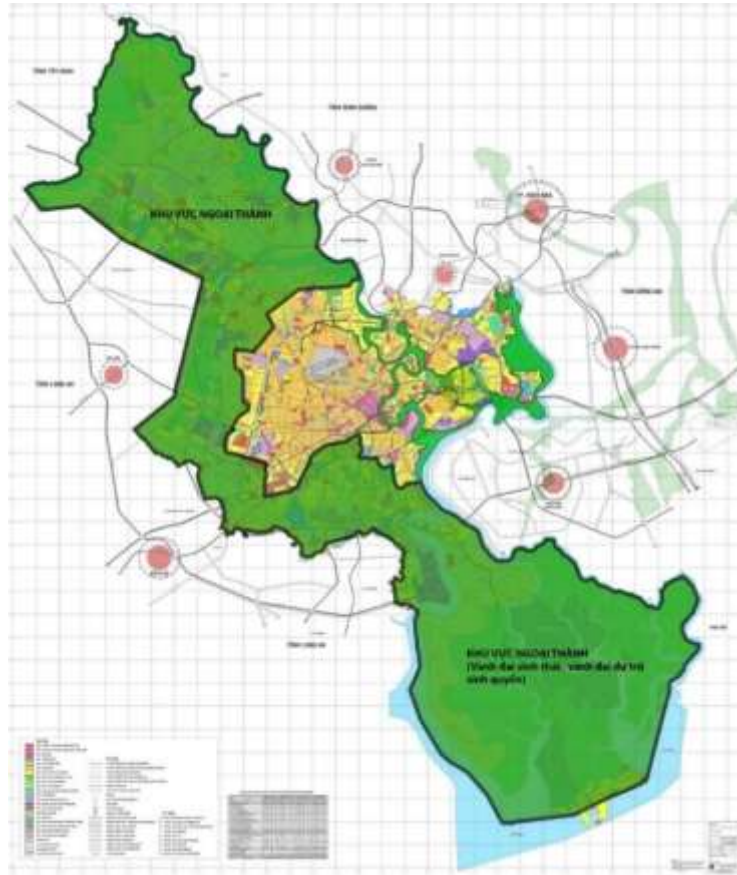
*Loại hình cấu trúc HLX:* Trong đô thị trung tâm: HLX có loại hình cấu trúc dạng tuyến theo hành lang sông. Trong khu vực ngoại thành: HLX có loại hình cấu trúc VĐX bao bọc đô thị trung tâm. (xem Hình 1.7)

*Thành phần chức năng:* HLX hai bên bờ sông Sài Gòn, sông Đồng Nai và sông Nhà Bè: Mặt nước kết hợp du lịch, giải trí. VĐX sinh thái: không gian xanh kết hợp với đất nông nghiệp. VĐX dự trữ sinh quyển: rừng ngập mặn;

*Hạ tầng kỹ thuật xanh:* Liên kết môi trường cảnh quan, hoạt động kinh tế du lịch và giải trí, kinh tế nông nghiệp.

*h. Thể chế quản lý nhà nước:* Quy định theo đô án quy hoạch chung xây dựng đô thị. Cấm xây dựng trong khu vực bảo vệ nghiêm ngặt trong khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng. Cấm và hạn chế xây dựng trong các khu vực hành lang bảo vệ dọc sông. Hạn chế phát triển đô thị trong các khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp có chức năng kết hợp làm vành đai sinh thái của Thành phố. [89]

*g. Lợi ích của HLX:* HLX trở thành khu vực công viên rừng, công viên, nông nghiệp, trang trại, mặt nước của thành phố.



Hình 1.7. Sơ đồ CTQH HLX trong quy hoạch chung thành phố Hồ Chí Minh

### 1.2.5. Đánh giá chung CTQH HLX tại một số đô thị tại Việt Nam

a. *Mục tiêu:* Tập trung các mục tiêu về bảo vệ và cân bằng môi trường đô thị, bảo vệ quỹ đất nông nghiệp và vùng nông thôn, bảo tồn các giá trị văn hóa lịch sử, phát triển kinh tế đô thị. Tuy nhiên, trong bối cảnh đô thị Việt Nam, các đồ án quy hoạch tại một số đô thị trên chưa đưa ra các mục tiêu về kiểm soát phát triển đô thị. (xem Bảng 1.8)

Bảng 1.8. Mục tiêu quy hoạch HLX tại một số đô thị tại Việt Nam

<b>Đô thị</b> <b>Phân loại</b>	<b>Hải Phòng</b>	<b>Đà Nẵng</b>	<b>TP Hồ Chí Minh</b>
Môi trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái đô thị</li> <li>- Bảo vệ đặc biệt đối với các nguồn cấp nước mặt</li> <li>- Bảo vệ đất nông nghiệp</li> </ul>	Bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái;	Bảo vệ bảo vệ thiên nhiên, đảm bảo cân bằng sinh thái;
Văn hóa	Bảo tồn di sản văn hóa		
Kinh tế			Kinh tế du lịch, giải trí và nông nghiệp;



*b. Vị trí và quy mô:* HLX được khoanh vùng chủ yếu dựa vào hệ thống các đường giao thông chính của đô thị. Tuy nhiên việc xác định quy mô ranh giới không phù hợp với khung tự nhiên và chức năng có tiềm năng phát triển KGX của đô thị. Các đồ án vẫn tính toán diện tích xanh theo quy mô dân số, cách tính toán này không khả thi do yếu tố dân số là biến động và không thể hiện được vai trò KGX trong CTĐT. (xem Bảng 1.9)

Bảng 1.9. Quy mô HLX tại một số đô thị tại Việt Nam

<b>Đô thị</b> <b>Đặc điểm</b>	<b>Hải Phòng</b>	<b>Đà Nẵng</b>	<b>TP Hồ Chí Minh</b>
Vị trí	Phía Bắc: sông Cấm, sông Bạch Đằng, sông Giá. Phía Nam: Sông Đa Độ	Hành lang sông, dải đất ven biển	Hành lang sông và các rừng ngập mặn
Diện tích (km <sup>2</sup> )	345	17	857
Tỉ lệ với tổng diện tích tự nhiên (%)	22,6	1,3	40,9

*c. Loại hình cấu trúc HLX:* Các loại hình cấu trúc áp dụng như dạng VĐX một lớp và dạng VĐX toàn bộ vùng ngoại thành (Hải Phòng), dạng tuyến (Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh). Các loại hình cấu trúc HLX chủ yếu thiết lập dựa trên hành lang sông, biển và rừng ngập mặn. (xem Bảng 1.10)

Bảng 1.10. Loại hình cấu trúc HLX tại một số đô thị tại Việt Nam

<b>Đô thị</b> <b>Đặc điểm</b>	<b>Hải Phòng</b>	<b>Đà Nẵng</b>	<b>TP Hồ Chí Minh</b>
Loại hình cấu trúc HLX	Phía Bắc: VĐX toàn bộ vùng ngoại thành. Phía Nam: VĐX một lớp	HLX có cấu trúc dạng tuyến bám theo hành lang, sông và ven biển.	HLX có cấu trúc dạng tuyến, VĐX bao bọc đô thị đô thị trung tâm.

*d. Thành phần chức năng:* Bao gồm các khu vực bảo tồn tự nhiên (núi rừng, biển, sông), điểm dân cư nông thôn, nông nghiệp và các khu du lịch và vui chơi giải trí. Tuy nhiên, các đồ án quy hoạch mới dừng lại ở việc liệt kê chức năng, chưa có sự phân loại nhóm theo tiêu chí. Từ đó nhận diện nhóm chức năng cần bảo tồn, chức năng khuyến khích phát triển, chức năng hạn chế và kiểm soát phát triển. (xem Bảng 1.11)



Bảng 1.11. Thành phần chức năng HLX tại một số đô thị tại Việt Nam

<b>Đô thị</b> <b>Đặc điểm</b>	<b>Hải Phòng</b>	<b>Đà Nẵng</b>	<b>TP Hồ Chí Minh</b>
Thành phần	Rừng núi, sông hồ, điểm dân cư nông thôn, đất nông nghiệp, di tích	Cây xanh cách ly, cây xanh đường phố, cây xanh sinh thái theo hành lang sông, biển.	HLX hai bên bờ sông Sài Gòn, Đồng Nai và Nhà Bè: Mặt nước kết hợp du lịch, giải trí. VDX sinh thái: KGX kết hợp với đất nông nghiệp. VDX dự trữ sinh quyển: rừng ngập mặn;

*e. Hạ tầng kỹ thuật xanh:* Đây là yếu tố then chốt trong thiết lập CTQH HLX tại các đô thị lớn Việt Nam. Các liên kết cấu trúc đảm bảo kết nối các chức năng xanh trong HLX thành một hệ thống KGX hoàn chỉnh. Tuy nhiên, khung liên kết này chưa được làm rõ trong các đề án quy hoạch đã được đề xuất. (xem Bảng 1.12)

Bảng 1.12. Hạ tầng kỹ thuật xanh của HLX tại một số đô thị tại Việt Nam

<b>Đô thị</b> <b>Dạng liên kết</b>	<b>Hải Phòng</b>	<b>Đà Nẵng</b>	<b>TP Hồ Chí Minh</b>
Môi trường cảnh quan	x	x	x
Văn hóa	x		
Kinh tế	x	x	x

*g. Thể chế quản lý nhà nước:* Các đề án quy hoạch chung đã đưa ra được một số quy định quản lý theo đề án. Tuy nhiên, phương thức kiểm soát này chưa tính pháp lý để thực hiện, cụ thể hóa quy hoạch và kiểm soát phát triển HLX. (xem Bảng 1.13)

Bảng 1.13. Thể chế quản lý nhà nước về HLX tại một số đô thị tại Việt Nam

<b>Đô thị</b> <b>Đặc điểm</b>	<b>Hải Phòng</b>	<b>Đà Nẵng</b>	<b>TP Hồ Chí Minh</b>
Phương thức	Quy định theo đề án quy hoạch chung xây dựng đô thị	Quy định theo đề án quy hoạch chung xây dựng đô thị	Quy định theo đề án quy hoạch chung xây dựng đô thị
Tích cực	Đã xác định vùng kiểm soát phát triển	Đã xác định đối tượng kiểm soát phát triển	Đã xác định vùng kiểm soát phát triển
Hạn chế	Chưa tính pháp lý để thực hiện, cụ thể hóa quy hoạch	Chưa tính pháp lý để thực hiện, cụ thể hóa quy hoạch	Chưa tính pháp lý để thực hiện, cụ thể hóa quy hoạch

### 1.3. Hệ thống KGX, HLX thành phố Hà Nội

#### 1.3.1. Cấu trúc KGX, HLX trong các đồ án quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội

##### a. Cấu trúc KGX, HLX trong các đồ án quy hoạch chung từ năm 1954 ÷ 2011

KGX thành phố Hà Nội bắt đầu được thiết bài bản theo cơ cấu quy hoạch hiện đại từ năm 1920 bởi các chuyên gia Pháp. KGX là các công viên cây xanh gắn với cấu trúc giao thông dạng ô cờ. Sau giải phóng Thủ đô năm 1954, công tác quy hoạch và cụ thể hơn là quy hoạch KGX Thành phố đã có những biến đổi như sau:

- Đồ án quy hoạch chung được phê duyệt vào năm 1961. Đồ án đề xuất KGX đô thị bao gồm các công viên đô thị, trong đó có đề xuất công viên lớn gắn với cảnh quan mặt nước Hồ Tây. Đồ án đã đề xuất HLX phía Tây Nam Thành phố, HLX kết nối với Hồ Tây với khu vực ngoại thành tạo thành trục xanh lớn nhất đô thị.

- Đồ án quy hoạch chung được phê duyệt vào năm 1974. Đồ án đã đề xuất VĐX khu vực ngoại thành. VĐX là khu vực cung cấp thực phẩm, nơi bố trí các hoạt động văn hóa, các công trình đầu mối giao thông và là vành đai bảo vệ môi trường đô thị.

- Đồ án quy hoạch chung được phê duyệt vào năm 1981. Đồ án đề xuất quy hoạch các hồ lớn kết hợp với cây xanh tạo thành các công viên cây xanh của thành phố, trong đó lấy Hồ Tây là công viên trung tâm.

- Đồ án quy hoạch chung được phê duyệt vào năm 1992. Đồ án đề xuất cấu trúc KGX đô thị có loại hình cấu trúc nôm xanh gắn kết đô thị với vùng ngoại thành. Các nôm xanh kết hợp các điểm xanh tạo thành hệ thống KGX đô thị.

- Đồ án quy hoạch chung được phê duyệt vào năm 1998. Đồ án đề xuất cải tạo công viên hiện có, xây dựng mới các công viên mới, vườn hoa, thiết lập VĐX tại vùng ven đô, rộng từ 1 ÷ 4 km, tạo thành bộ khung bảo vệ thiên nhiên, giữ gìn cân bằng sinh thái đô thị. [37] (*xem Hình 1.8*)

b. KGX trong đồ án quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Quan điểm quy hoạch KGX: “*Nhằm phát triển thành phố Hà Nội trở thành thành phố Xanh, Thành phố phải bảo tồn và tận dụng các tài nguyên cảnh quan để làm đẹp thành phố; tạo dựng nhiều KGX, sạch, đẹp; nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, cải thiện môi trường tự nhiên, thúc đẩy phát triển bền vững, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên*”. [90]

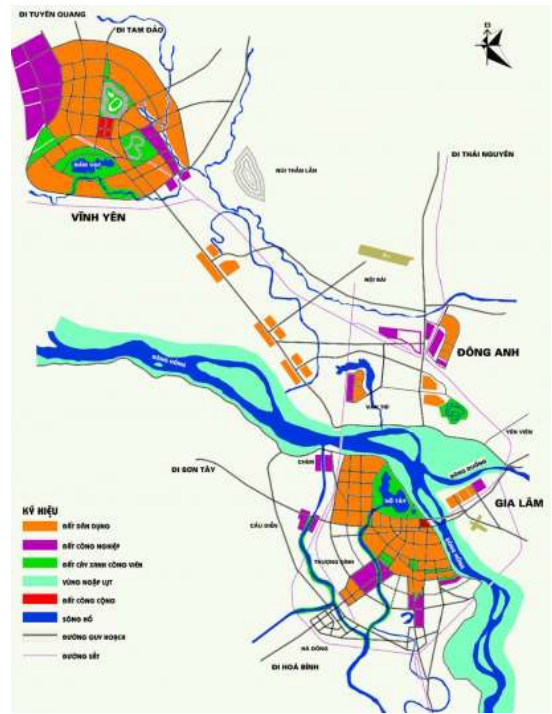
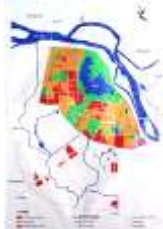
Mục tiêu phát triển KGX: Mục đích chung của quy hoạch không gian mở và cảnh quan là thiết lập một mạng lưới hoàn chỉnh và tích hợp các cây xanh đường phố, công viên, môi trường tự nhiên và cảnh quan văn hóa cho thành phố Hà Nội.

Thành phần chức năng KGX: Trong đồ án quy hoạch chung xây dựng thành phố

Hà Nội năm 2011, KGX của Hà Nội chiếm tỷ trọng lớn trong tổng diện tích tự nhiên toàn thành phố. KGX bao gồm “đất nông nghiệp, lâm nghiệp, sông, hồ ao, không gian mở ven mặt nước và các công viên trong đô thị” [90]. Các thành phần KGX thành phố Hà Nội được xác định trong đồ án như sau: HLX, VĐX, nêm xanh, công viên chuyên đề và các KGX khác. Theo đó cơ sở thiết lập, vai trò và loại hình cấu trúc của HLX, VĐX, nêm xanh, công viên chuyên đề và các KGX khác được xác định trong Bảng 1.14 sau:

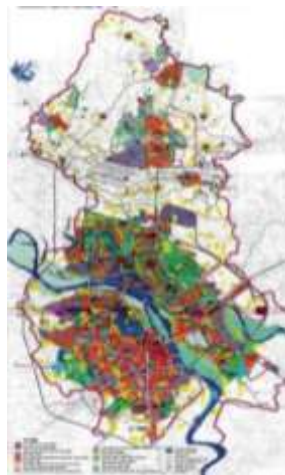
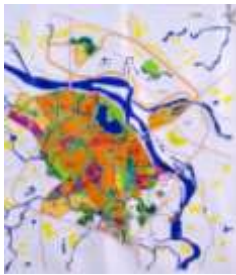
Bảng 1.14. Thành phần KGX trong đồ án quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 [90]

<b>TT</b>	<b>KGX</b>	<b>Cơ sở thiết lập</b>	<b>Vai trò trong CTĐT</b>	<b>Loại hình cấu trúc KGX</b>
1	HLX	Hành lang sông Đáy, sông Tích, vùng núi Ba Vì, Hương Tích, Đền Sóc	vùng trung gian liên kết giữa phần lõi và các vệ tinh, dựa trên cơ sở cân bằng giữa bảo tồn và phát triển	Cấu trúc vành đai toàn bộ vùng ngoại thành bao bọc đô thị trung tâm
2	VĐX	Hành lang sông Nhuệ và nhánh cuối của sông Tô Lịch	không gian đệm xanh phân tách khu vực nội đô Hà Nội với khu vực phát triển mới phía Nam sông Hồng, không để Hà Nội phát triển theo "vết dầu loang"	Cấu trúc vành đai 1 lớp bao bọc khu vực nội đô lịch sử
3	Nêm xanh	Ao hồ, làng xã, đất nông nghiệp	Không gian kết nối giữa VĐX và HLX đồng thời tạo khoảng không gian xanh phân tách giữa các cụm đô thị trong chuỗi đô thị vành đai 3-4 mở rộng, dọc theo một số con đường nhỏ ở phía Bắc sông Hồng	Dạng tuyến
4	Công viên chuyên đề và các KGX khác	Công viên, ao hồ và tuyến giao thông hiện có và mở rộng	KGX, thể thao và vui chơi giải trí của đô thị	Dạng mạng, gắn điểm xanh công viên với các tuyến cây xanh đường phố



a) Năm 1961

b) Năm 1974



c) Năm 1981

d) Năm 1998

e) Năm 2011

Hình 1.8. KGX trong quy hoạch chung thành phố Hà Nội qua các thời kỳ [90]

*c. HLX trong đồ án quy hoạch chung thành phố Hà Nội giai đoạn từ năm 2011 ÷ 2030, tầm nhìn đến năm 2050*

*Mục tiêu phát triển: “Phân tách và giới hạn ngưỡng phát triển của đô thị trung tâm với các đô thị vệ tinh; Thiết lập ranh giới, quản lý sự phát triển thiếu kiểm soát của đô thị; Bảo vệ các vùng nông nghiệp năng suất cao; Bảo vệ các vùng dễ xảy ra lũ; Bảo tồn văn hóa và di sản; Khuyến khích các hoạt động xanh, thân thiện môi trường; Cho phép duy trì, nâng cấp các làng nghề truyền thống hiện nay và thúc đẩy du lịch sinh thái; Tạo thuận tiện cho giao thông công cộng giữa đô thị vệ tinh và đô thị trung tâm”.* [90]

*Vị trí và quy mô: “HLX chạy dọc sông Đáy, sông Tích, vùng núi Ba Vì và Hương Tích, theo đường vành đai 4 vượt qua sông Hồng kết nối với khu vực xanh quanh Đền Sóc, diện tích chiếm gần 70% diện tích của Thủ đô”.* [90]

*Loại hình cấu trúc HLX: HLX dạng cấu trúc “vành đai bao bọc khu vực phát triển mở rộng đô thị, bao gồm toàn bộ vùng ngoại thành”* [90]. (xem Hình 1.9.b)

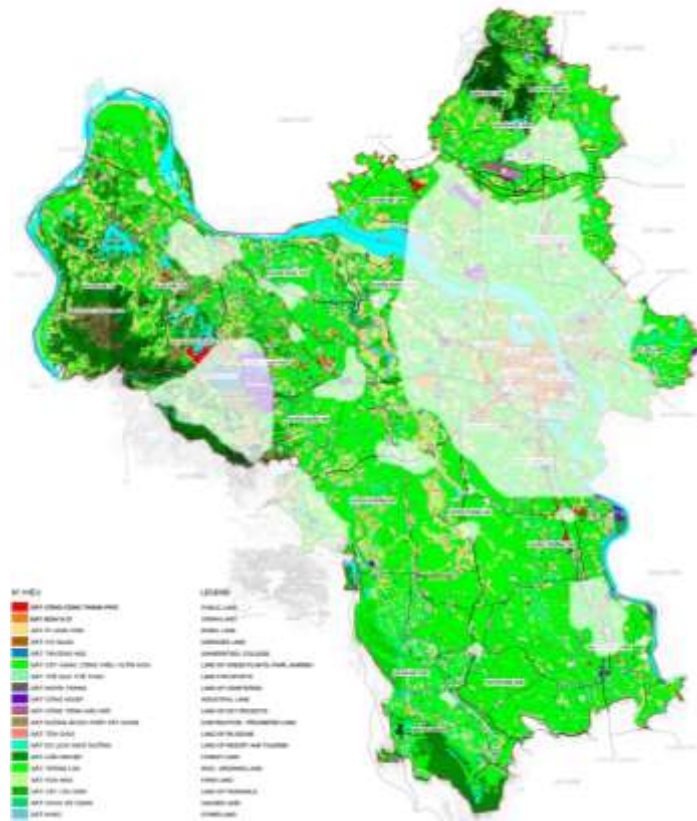
*Thành phần chức năng: Khu vực bảo tồn tự nhiên, khu vực phát triển nông nghiệp, khu vực điểm dân cư nông thôn và các di sản văn hoá.* (xem Hình 1.9.a)

*Hạ tầng kỹ thuật xanh: Liên kết sinh thái, bảo tồn và phát huy giá trị di sản, phát triển kinh tế du lịch, làng nghề và nông nghiệp.*

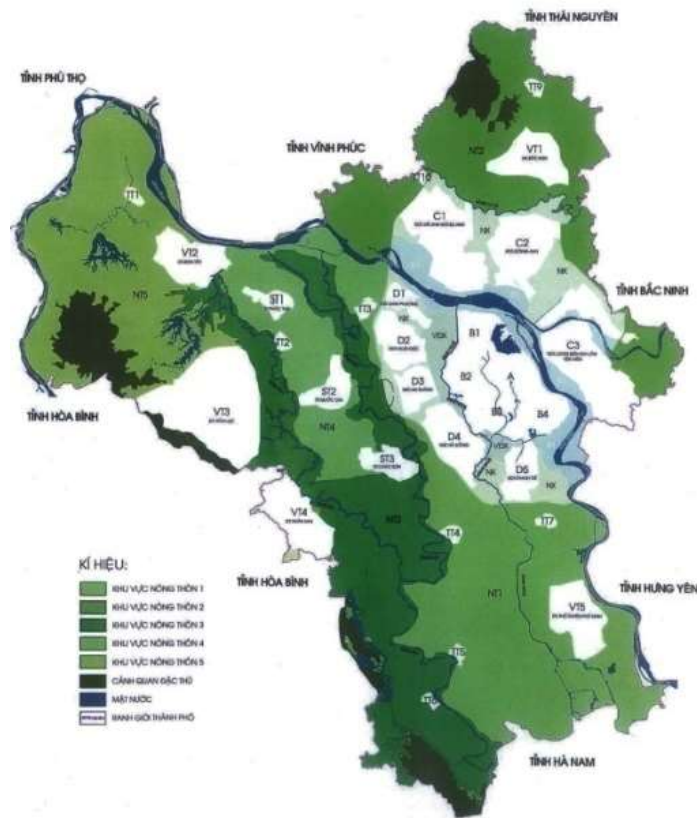
*Thế chế quản lý nhà nước: Đã có những quy định kiểm soát phát triển HLX trong quy hoạch chung và phân thành 3 khu vực chính: (i) Khu vực bảo tồn tự nhiên, (ii) Khu vực phát triển nông nghiệp, (iii) Khu vực làng xóm và các di sản văn hoá.*

Nhìn chung ý tưởng thiết lập CTQH HLX là cần thiết, đề án đã kế thừa ý tưởng của các đề án quy hoạch đã lập trong giai đoạn trước. Tuy nhiên, việc thiết lập CTQH HLX trong đồ án quy hoạch chung năm 2011 còn tồn tại những bất cập sau:

- Chưa có sự thống nhất và còn lẫn lộn về khái niệm KGX, HLX, VĐX, nôm xanh đã được đơn vị tư vấn sử dụng trong đồ án;
- Vị trí thiết lập HLX chưa gắn với điều kiện tự nhiên cũng như quỹ đất xanh cấu thành phố; Diện tích để thiết lập HLX quá lớn, đến gần 70% diện tích đất tự nhiên của đô thị, tính khả thi phương án quy hoạch thấp;
- Loại hình cấu trúc VĐX chưa phù hợp, nặng về hình thái, còn mang tính áp đặt, thiếu cơ sở khoa học.
- Trong khu vực sự kiến thiết lập HLX đã tồn tại nhiều chức năng “xám” như: Dự án phát triển đô thị, khu vực sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng xã đô thị hóa, làng nghề,...
- Hạ tầng kỹ thuật xanh rất yếu, khó khăn trong việc liên kết chức năng xanh thành hệ thống xanh
- Việc phân vùng quản lý theo chức năng chưa gắn với mục tiêu phát triển, khó khăn trong việc quản lý khu vực có quá nhiều chức năng như HLX đề ra.



a) Sơ đồ chức năng HLX trong quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội



b) Loại hình cấu trúc HLX trong quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội

Hình 1.9. Sơ đồ CTQH HLX trong quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội, năm 2011 [90]



### 1.3.2. Khái quát thực trạng môi trường, cây xanh, mặt nước thành phố Hà Nội

#### a. Khái quát thực trạng môi trường đô thị thành phố Hà Nội

Môi trường đô thị bị ô nhiễm nặng, trong đó ô nhiễm không khí và ô nhiễm nguồn nước mặt là đang ở mức báo động. Nồng độ bụi lơ lửng ở các quận nội thành đều vượt quá tiêu chuẩn cho phép 5 ÷ 6 lần thậm chí có nơi trên 10 lần. Lượng khí thải độc hại như CO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO<sub>3</sub>, NO, CO... ngày càng gia tăng và tác động tiêu cực tới con người, môi trường [90]. (xem Hình 1.10)



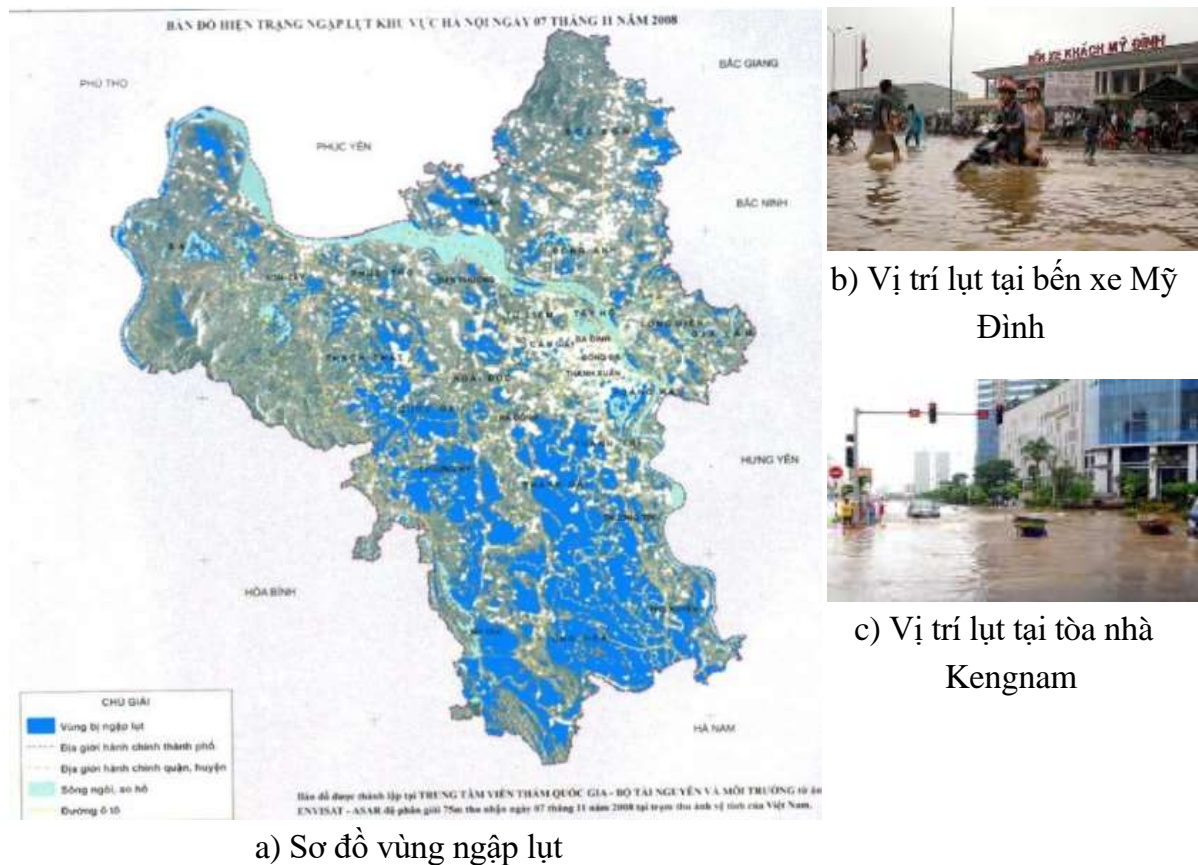
Hình 1.10. Thực trạng môi trường thành phố Hà Nội [90]

Môi trường sông: Chất lượng nước 4 sông thoát nước nội thành Hà Nội bị ô nhiễm nghiêm trọng và xu thế tiếp tục bị ô nhiễm do nước thải chưa được xử lý triệt để và đổ trực tiếp ra sông. [90]

Môi trường hồ: Nước hồ nội thành đang bị ô nhiễm nghiêm trọng do nước thải và chất thải rắn bắt nguồn từ các hoạt động dân cư đổ trực tiếp vào hồ. Các hồ ngoại thành bắt đầu có dấu hiệu ô nhiễm. Thành phố đã thực hiện một số biện pháp cải thiện chất lượng hồ nhưng chủ yếu là xây dựng, cải tạo hệ thống cống thoát nước nhằm tách riêng nước mưa và nước thải để nước thải không đổ vào hồ. Những việc làm trên đã làm cho cảnh quan quanh hồ khang trang hơn, nhưng về chất lượng nước hồ vẫn chưa được cải thiện.

Môi trường làng xã, nông nghiệp: Hiện nay môi trường ngoại thành Hà Nội đang chịu ảnh hưởng nghiêm trọng bởi sự gia tăng phế thải công nghiệp, sinh hoạt. Phần lớn nguồn phế thải chưa được xử lý đều đổ vào môi trường đất, nước, mà hậu quả là môi trường đất, nước nông nghiệp trở nên ô nhiễm. Phế thải công nghiệp, phế thải sinh hoạt, hoá chất nông nghiệp tồn dư đi vào nước, vào không khí rồi tích tụ trong đất, làm cho đất bị thoái hoá, làm giảm năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp. [38]

Tác động tác động tiêu cực của thiên tai (bão, lũ, hạn hán, nắng nóng kéo dài ... ) cũng tạo lên yếu tố khác biệt riêng cho thành phố Hà Nội. Hàng năm, thành phố Hà Nội chịu trực tiếp của rất nhiều trận mưa, bão, dông lớn và thường tập trung xuất hiện từ tháng 5 ÷ 10. Trận lụt tại thành phố Hà Nội năm 2008 lớn nhất trong vòng 100 năm trở lại đây, tổng lượng mưa đo được lên tới gần 900mm đã gây thiệt hại lớn về người và tài sản [90]. (xem Hình 1.11)



Hình 1.11. Sơ đồ vùng ngập lụt tại thành phố Hà Nội, năm 2008 [22]

### b. Khái quát thực trạng hệ thống cây xanh thành phố Hà Nội

*Hệ thống cây xanh đô thị bao gồm:* Cây xanh công cộng (các công viên, vườn hoa và cây đường phố) và cây xanh chuyên môn (vườn ươm). Khu vực nội thị, mật độ che phủ cây xanh đạt 12% diện tích tự nhiên. Tỷ lệ xanh trung bình ở nội thành Hà Nội hiện nay là 2,4 m<sup>2</sup>/người. Chỉ số này là quá thấp nếu so sánh với các đô thị khác trên thế giới như ở Paris là 10 m<sup>2</sup> xanh/người, Moskva là 40 m<sup>2</sup>/người. [90]



Không những vậy quỹ đất cây xanh, mặt nước công cộng đô thị hiện đang chịu áp lực từ quá trình phát triển đô thị, diện tích cây xanh tại quận nội thành có xu hướng giảm. Hoạt động cải tạo, nâng cấp và mở rộng đường giao thông đã phá hủy hệ thống cây xanh đường phố, hai bên sông của Thành phố. Điển hình là “*dự án thay thế 6.700 cây của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội*” [7]. *Tại đoạn sông Tô Lịch và đường Láng, từ cầu Cống Vị đến Ngã Tư Sở, mật độ xanh đã giảm từ 33% (năm 2000) xuống còn 5% (năm 2015).* (xem Hình 1.12)



**Mật độ xanh: 33% - Năm 2000**

**Mật độ xanh: 9% - Năm 2015**

Hình 1.12. Sơ đồ mật độ bao phủ cây xanh đoạn sông Tô Lịch

*Đánh giá chung: Môi trường đô thị Hà Nội ngày càng bị ô nhiễm trầm trọng. Diện tích đô thị gia tăng, phát triển lan tỏa ra vùng ven. Tỷ lệ diện tích xanh trên đầu người của Hà Nội là rất thấp so với các đô thị trên thế giới. Diện tích cây xanh trong công viên, theo hành lang đường giao thông, sông ngày càng thu hẹp.*

### 1.3.3. Khái quát tình hình phát triển chức năng trong HLX thành phố Hà Nội từ năm 2011 đến nay

*a. Các khu vực tự nhiên:* Trong khu vực HLX có nhiều khu vực tự nhiên như rừng núi, sông hồ, đầm, kênh mương tạo thành khung thiên nhiên đan xen và bao bọc lấy đô thị. *Khảo sát tại hành lang sông Đáy, cho thấy địa hình tự nhiên rất phong phú bao gồm núi, đồi, đồng bằng và sông (xem Phụ lục 10).* Thực trạng hiện nay là các khu vực này đang bị khai thác quá mức, dẫn đến cạn kiệt nguồn tài nguyên, suy thoái về môi trường. Trong đó nguy hiểm nhất là ô nhiễm nghiêm trọng hệ thống sông. *Khảo sát sông Nhuệ (tuyến khảo sát số 1) cho thấy mặt nước ô nhiễm nghiêm trọng, tuyến sông Đáy (tuyến*

khảo sát số 3) có đến 14 đoạn bị ngăn lại, tại đoạn sông Đáy chảy qua địa phận phường Đồng Mai (điểm khảo sát số 2) có môi trường mặt nước bị ô nhiễm rất nghiêm trọng, người dân không thể sử dụng nguồn nước cho hoạt động sản xuất nông nghiệp. (xem Phụ lục 11)

b. Các khu vực di sản văn hóa: Trong khu vực HLX có hệ thống di tích lịch sử phân bố dày đặc. Các di tích lịch sử chủ yếu là di tích được xếp hạng cấp quốc gia, cấp tỉnh và di tích có giá trị khác. Các di tích lịch sử đã được đầu tư tu bổ, cải tạo và nâng cấp. Tuy nhiên các diện tích KGX như ao hồ, cây xanh, vườn bị thu hẹp. Hoạt động du lịch gắn với tài nguyên di sản chưa phát huy, đóng góp dịch vụ vào kinh tế địa phương còn hạn chế. Khảo sát các di tích lịch sử cho thấy mật độ di tích rất lớn, tập trung trong các điểm dân cư nông thôn (làng Đồng Mai) và hành lang sông (sông Đáy, sông Nhuệ). Trong hành lang sông Đáy có đến 21 ngôi chùa, 12 nhà thờ đã được xếp hạng. (xem Phụ lục 13)

c. Các khu vực dịch vụ:

Dịch vụ du lịch: Trong khu vực HLX tập trung nhiều khu du lịch lớn của Hà Nội (khu du lịch Hương Sơn, khu du lịch Ba Vì, khu du lịch Đền Sóc,...) và các điểm du lịch vừa và nhỏ khác. Khảo sát tuyến sông Đáy (tuyến số 3) cho thấy đã có 01 cụm du lịch lớn, 14 khu du lịch và 03 điểm du lịch được khai thác phát triển (xem Phụ lục 12). Hoạt động du lịch và dịch vụ nhìn chung chưa hiệu quả. Các khu du lịch lớn chưa có sản phẩm du lịch đặc thù, độc đáo riêng đúng vị thế là du lịch Thủ đô. Hoạt động du lịch tại khu du lịch hồ Quan Sơn (tuyến khảo sát số 3), nhà nước đã đầu tư hàng ngàn tỷ đồng, nhưng đến nay vẫn chưa là điểm đến hấp dẫn của các công ty du lịch lữ hành. Một trong các nguyên nhân là chưa có quy hoạch sản phẩm du lịch cụ thể. (xem Phụ lục 9)

Dịch vụ gắn với hoạt động giáo dục, đào tạo: Trong khu vực HLX tập trung nhiều viện (trung tâm nghiên cứu), cụm trường đại học và cao đẳng. Khảo sát tại khu vực phường Cổ Nhuế, Thụy Phương, Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm (điểm khảo sát số 1), đã hình thành nhiều cơ sở đào tạo đại học, viện nghiên cứu, vườn ươm và dự án khu đô thị sinh học. (xem Phụ lục 5)

d. Các điểm dân cư nông thôn: Là thành phần chủ yếu trong HLX thành phố Hà Nội. Hiện nay điểm dân cư nông thôn tại khu vực ven đô thị trung tâm; hành lang hai bên các trục đường quốc lộ, tỉnh lộ phát triển nhanh, xu hướng bám mặt đường giao thông lớn, tăng mật độ xây dựng. Phân bố điểm dân cư nông thôn theo kiểu sô dĩ. Phát triển nhanh khu vực dân cư nông thôn ven tuyến đường QL32 trong tuyến khảo sát số 1 (xem Phụ lục 6). Việc quản lý khu vực này vẫn là công việc rất khó khăn đối với chính quyền địa phương

e. Khu vực sản xuất nông nghiệp, làng nghề: Đất nông nghiệp là khu vực chiếm diện tích lớn nhất HLX. Chênh lệch giá trị sản xuất nông nghiệp với các ngành dịch vụ

đô thị ngày càng tăng. Ruộng đất nhỏ, phân tán manh mún. Bình quân mỗi mảnh từ 200 ÷ 500m<sup>2</sup> đất nông nghiệp/khẩu. Diện tích đất nông nghiệp ven đô bị bỏ hoang rất nhiều. *Khảo sát xã tại phường Đồng Mai (điểm khảo sát số 2), gần 60% đất nông nghiệp bị bỏ hoang, do thuộc đất dự án phát triển đô thị (xem Phụ lục 6). Trên thực tế, một số những hoạt động tiểu thủ công nghiệp làng nghề vẫn được duy trì ở một mức độ ổn định, thu nhập tương đối cao. Khảo sát tại làng nghề miến Cự Đà (trong tuyến khảo sát số 02), thu nhập trung bình một tháng là 15 ÷ 30 triệu đồng/hộ.*

*g. Các khu vực dự án phát triển đô thị: Trong HLX đã tồn tại rất nhiều dự án khu đô thị mới, dự án công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật. Phức tạp nhất là các dự án khu đô thị mới với quy mô diện tích lớn, mật độ dân cư cao. Hàng loạt dự án khu đô thị đã được cấp phép "vội vàng" sau chủ trương mở rộng Hà Nội, chúng chong lún vào những hành lang quan trọng như hành lang sông Đáy, sông Nhuệ, các khu vực đất nông nghiệp 2 vụ. Có đến 6 dự án đã được thực hiện trong khu vực 700ha tại khu vực khảo sát tại xã Đông Mai, quận Hà Đông (điểm khảo sát số 2), Trong các dự án, dự án đô thị Đồng Mai đã được cấp phép trước khi thành phố Hà Nội mở rộng. Sau khi có quy hoạch, dự án được chuyển đổi thành Khu nhà ở sinh thái Đồng Mai", tổng diện tích khu đất nghiên cứu quy hoạch khoảng 214,08 ha, quy mô dân số quy hoạch khoảng 10.094 người. (xem Phụ lục 6)*

*g. Các khu, cụm công nghiệp: Khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các xí nghiệp công nghiệp đã hình thành trước khi có quy hoạch chung. Đây là chức năng không phù hợp với mục tiêu phát triển HLX theo quy hoạch chung. Khảo sát tại khu công nghiệp Nam Thăng Long (điểm khảo sát số 1), cụm công nghiệp Thanh Oai (tại điểm khảo sát số 2) và điểm sản xuất Tiểu thủ công nghiệp dọc Hành lang sông Đáy (tuyến khảo sát số 3) cho thấy tác động tiêu cực hoạt động công nghiệp đối với không gian kề cận (xem Phụ lục 5,6,7). Khảo sát tại tuyến sông Đáy cho thấy có tồn tại nhiều dự án công nghiệp như khu công nghiệp, cụm tiểu thủ công nghiệp (xem Phụ lục 14). Do đó việc cân bằng giữa kiểm soát hoạt động công nghiệp và đảm bảo việc làm, khắc phục ô nhiễm môi trường là rất khó khăn.*

*Đánh giá chung: Các chức năng trong HLX rất đa dạng và phức tạp. HLX thành phố Hà Nội vẫn duy trì được khung tự nhiên và các chức năng có tiềm năng phát triển KGX như điểm dân cư nông thôn, dịch vụ, nông nghiệp. Tuy nhiên, KGX tự nhiên ngày càng thu hẹp, ô nhiễm môi trường ngày một trầm trọng, nông nghiệp bị bỏ hoang, chênh lệch thu nhập bình quân giữa nông thôn và thành thị ngày gia tăng. Hiệu quả kinh tế từ hoạt động sản xuất nông nghiệp thấp.*

#### **1.3.4. Khái quát thực trạng quản lý HLX thành phố Hà Nội**

##### *a. Thực trạng hoạt động quản lý phát triển HLX thành phố Hà Nội*

Hiện nay, Sở Quy hoạch Kiến trúc Hà Nội và Sở Xây dựng Hà Nội là cơ quan giúp

việc cho UBND thành phố Hà Nội trong việc quản lý trực tiếp hoạt động quy hoạch xây dựng trong HLX. Trong đó Sở Quy hoạch Kiến trúc quản lý hoạt động quy hoạch, thiết kế dự án và Sở Xây dựng quản lý xây dựng. Tuy nhiên, các hoạt động quản lý HLX gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc. Những vướng mắc được thể hiện qua những mong muốn của chuyên gia, nhà quản lý và cộng đồng địa phương qua phỏng vấn trực tiếp như sau:

i) Qua phỏng vấn ông Lê Trương (giám đốc công ty vắn TTAS, năm 2016), ông có trao đổi: “Chúng tôi thực hiện một dự án xây dựng cao tầng trong khu vực HLX, trước khi quy hoạch được cấp phép là 21 tầng, sau khi có quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, Sở quy hoạch Kiến trúc yêu cầu cắt xuống 17 tầng cho phù hợp với quy định trong HLX; ông cho rằng thiếu cơ sở khoa học để giảm từ 21 tầng xuống 17 tầng, việc cắt giảm tầng này đã ảnh hưởng đến lợi ích của Chủ đầu tư và doanh nghiệp tư vấn.

ii) Qua phỏng vấn với ông Hiệp (phó Phòng quy hoạch số 5, sở Quy hoạch Kiến trúc thành phố Hà Nội, năm 2016), ông cho rằng: Chưa thống nhất định nghĩa HLX, VĐX và nêm xanh. Hiện nay quản lý phát triển HLX là rất khó khăn, các quy định quản lý theo quy hoạch chung xây dựng không cụ thể cho các dạng phát triển trong HLX, đặc biệt là các dự án đã được cấp phép.

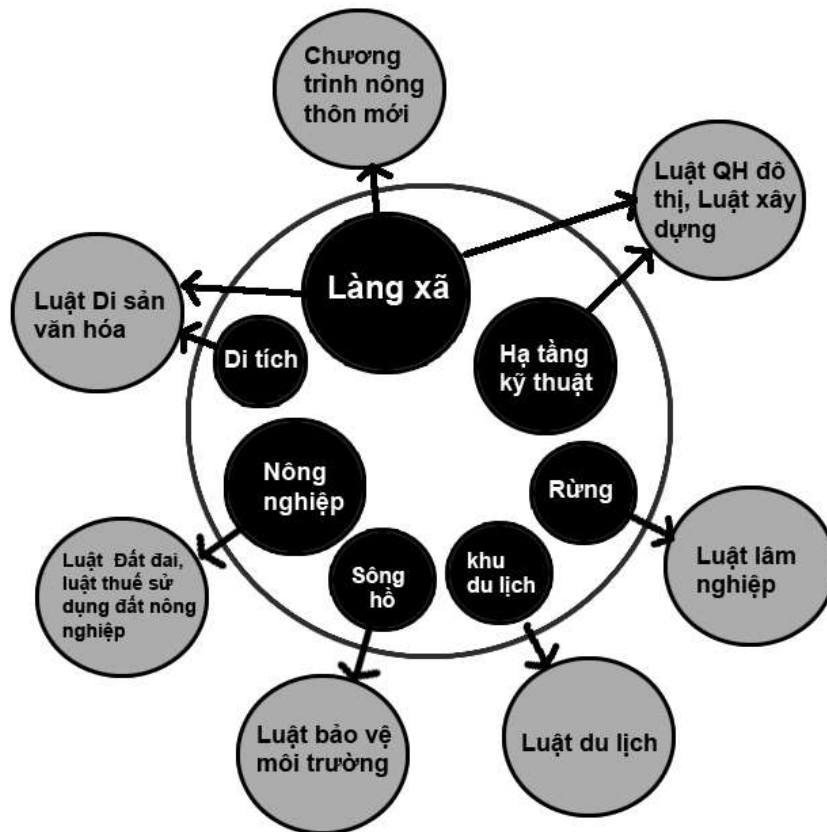
iii) Qua phỏng vấn với ông Hoàn (phó Phòng quản lý đô thị, huyện Đan Phượng, năm 2017), ông cho rằng: Ông rất băn khoăn về quản lý xây dựng các khu vực trong HLX theo quy hoạch chung đã phê duyệt năm 2011, đặc biệt là khu vực trong hành lang thoát lũ sông Đáy. Theo ông, khu vực này không được phép xây dựng mới. Tuy nhiên có rất nhiều chức năng như làng xã, điểm tiểu thủ công nghiệp,.. nằm trong hành lang thoát lũ sông Đáy. Ví dụ như một nửa xã Song Phượng nằm trong đê sông Đáy. Nếu vận dụng quy định quản lý theo quy hoạch, các khu vực này không được phát triển mới.

iv) Qua phỏng vấn với cộng đồng dân cư tại phường Đồng Mai (điểm khảo sát số 1), hầu hết người dân không quan tâm đến HLX, không hiểu khái niệm, vai trò HLX. Người dân chỉ mong chính quyền địa phương mau giải quyết những vấn đề chính sách liên quan đến bồi thường giải phóng mặt bằng, quỹ đất nông nghiệp còn lại, với các dự án treo trên địa bàn của họ.

*b. Thực trạng công tác quản lý HLX thành phố Hà Nội sau quy hoạch chung xây dựng được phê duyệt năm 2011*

Thành phố Hà Nội đã có quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 [67]. Nội dung trong Quyết định số 1259/QĐ-TTg quản lý chủ yếu tập trung đưa ra quy định chung về KGX. Tuy nhiên, trong khu vực HLX có rất nhiều chức năng phức tạp như dự án phát triển đô thị, công nghiệp, làng xã đô thị hóa, đất nông nghiệp ... Không giống như quản lý KGX công cộng, quản lý HLX là bài toán phức tạp, gắn với nhiều đối tượng tham gia, tương ứng

với nhiều chức năng tồn tại song hành trong HLX. Các chức năng này bị chi phối bởi nhiều quy định pháp lý khác nhau. (xem Hình 1.13)



Hình 1.13. Sơ đồ phân tích thực trạng quản lý chức năng HLX

#### 1.4. Các công trình nghiên cứu có liên quan đến CTQH KGX, HLX

##### 1.4.1. Nghiên cứu CTĐT gắn khung tự nhiên

Đã có nhiều nghiên cứu về CTĐT tại Việt Nam. Các nghiên cứu đã cơ bản xác định khái niệm, nguyên tắc thiết lập, mô hình CTĐT ở Việt Nam. Trong đó, một số nghiên cứu liên quan trực tiếp đến CTQH HLX như sau: Công trình nghiên cứu toàn diện từ lý luận đến thực tiễn về lập quy hoạch vùng đô thị, tác giả nhấn mạnh tư tưởng phát triển bền vững và khung tự nhiên trong CTĐT trong các cuốn sách “*Quy hoạch vùng*” và “*Quy hoạch đô thị ở Châu Á*” của PGS.TS Trần Trọng Hanh [25][26]. Nghiên cứu “*CTQH đô thị*” công bố trong giáo trình “*Quy hoạch đô thị*” của PGS.TS Phạm Hùng Cường đã đưa ra quan điểm CTQH đô thị “*là thể hiện các mối liên kết cơ bản giữa các thành phần chức năng chính của đô thị*” [17]; “*Quy hoạch CTĐT trong lý thuyết và thực tiễn quy hoạch Việt Nam*” và “*Quy hoạch CTĐT thích ứng*” của ThS. Huỳnh Quốc Hội [33] [34]; “*Cấu trúc không gian đô thị thích ứng trong quá trình chuyển hóa không gian đô thị Việt Nam*” của NCS Ngô Trung Hải đã đưa ra quan điểm, nguyên tắc và giải pháp cấu trúc không gian đô thị thích ứng. Nghiên cứu CTQH đô thị gắn khung tự nhiên đã được đề cập đến trong nhiều nghiên cứu tại Việt Nam. Trong đó, các nghiên cứu đã nhấn mạnh quan điểm thiết lập cấu trúc dựa trên “*tài nguyên thiên*

*nhiên của đô thị” [23].*

#### **1.4.2. Nghiên cứu CTQH KGX đô thị**

Các chuyên gia đã đề cập đến vai trò không gian tự nhiên đến CTĐT, "*khai thác tối đa điều kiện tự nhiên*" là "*cơ sở quan trọng hình thành đô thị xanh*". Bên cạnh đó, các chuyên gia cũng đã nhấn mạnh đến việc kết nối giá trị văn hóa và tinh thần trong KGX. Đã có rất nhiều nghiên cứu về KGX trong đô thị, trong đó có thành phố Hà Nội. Trong đó, một số nghiên cứu liên quan trực tiếp đến CTQH KGX như sau: *Khai thác tối đa điều kiện tự nhiên và hiện trạng là cơ sở quan trọng hình thành đô thị xanh*” [31] của TS. Nguyễn Xuân Ninh; "*Cần có quy hoạch hệ thống sinh thái tự nhiên trước khi phân bố đất để quy hoạch các khu chức năng đô thị*” [52] của TS. Trương Văn Quảng; "*Quy hoạch hệ thống KGX - mặt nước để cải thiện bảo vệ môi trường vùng Thủ đô Hà Nội*” [91] của Trung tâm nghiên cứu và Quy hoạch môi trường - Viện Quy hoạch đô thị nông thôn; "*Quy hoạch hệ thống công viên vườn hoa và hồ thành phố Hà Nội đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050*" [96] của Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội;

*Khai thác yếu tố cây xanh, mặt nước trong tổ chức không gian công cộng các khu đô thị mới tại Hà Nội*” [79] của NCS Đỗ Trần Tín; "*Mô hình và giải pháp tổ chức hệ thống KGX khu đô thị mới Hà Nội*” [45] của NCS Đào Thị Tiến Ngọc; "*Tổ chức kiến trúc cảnh quan đô thị theo hướng sinh thái (lấy đô thị Đà Nẵng làm địa bàn nghiên cứu)*” [35] của NCS Tô Văn Hùng; "*Khai thác đặc trưng sông, hồ trong tổ chức cảnh quan đô thị Hà Nội*” [2] của NCS Nguyễn Tuấn Anh; "*Nghiên cứu cơ sở quy hoạch cây xanh và chọn loài cây trồng phù hợp phục vụ quá trình đô thị hoá thành phố Hồ Chí Minh*” [43] của NCS Trần Việt Mỹ; "*Quản lý hệ thống KGX các đô thị du lịch vùng Đồng bằng Sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc, Lấy đô thị Ninh Bình làm ví dụ*” của NCS Lương Tiến Dũng [20]; "*Quản lý KGX Thành phố Huế*” của NCS Nguyễn Thị Hạnh [28].

*“Xây dựng cơ sở khoa học môi trường cho việc quy hoạch cây xanh trên một số tuyến đường quốc lộ”* [58] của Lê Xuân Thái; "*Mối quan hệ giữa cấu trúc cảnh quan của KGX đô thị và sự thích hợp của khu vực cư trú: Trường hợp các quận trung tâm của thành phố Hà Nội*” [29] của Phạm Thị Thanh Hiền, Dong Chen He, Denis Morin; "*Đảo nhiệt đô thị và giải pháp xanh cho thủ đô Hà Nội*” [1] của Andhang, Kento Sumida; "*Các giải pháp chủ yếu quản lý và phát triển cây xanh tại các quận nội thành Hà Nội đến năm 2030*” [47] của TS Nguyễn Văn Ôn; Hội thảo quốc tế "*Cảnh quan sông hồ Hà Nội*" [94], hợp tác Việt Nam (Viện quy hoạch và kiến trúc đô thị trường đại học Xây dựng) và Bỉ (trường Đại học tổng hợp Laval).

Các nghiên cứu đã khái quát được thực trạng KGX trong quá trình phát triển đô thị Hà Nội, đã đề xuất nguyên tắc thiết lập KGX đô thị dựa trên khung tự nhiên trong đó lấy sông hồ làm yếu tố chủ đạo. Tuy nhiên, các nghiên cứu vẫn chưa đề cập đến cấu



trúc KGX thành phố Hà Nội mở rộng sau năm 2008.

### 1.4.3. Nghiên cứu CTQH HLX

Trên thế giới, đã có nhiều chuyên gia đã nghiên cứu sâu sắc về vấn đề này, trong đó có các chuyên gia hàng đầu thế giới như: E. Howard, F. L. Olmsted, V.V.Vladimirov, Marco Amati, Romà Pujadas và Jaume Front, Keeble, Peter Hall, Hellmund & Smith ... E. Howard trong cuốn sách “Tomorrow: a peaceful path to real reform” [59] [106] đã đề xuất ý tưởng Thành phố vườn, ông đã đề xuất HLX có loại hình Vành đai ngăn cách đô thị trung tâm và các đô thị vệ tinh. F. L. Olmsted đề xuất ý tưởng HLX gắn với dải công viên trong quy hoạch công viên Emerald Necklace, Boston [116]. Tiếp nối học thuyết lý thuyết Thành phố vườn của E. Howard (1889), V.V.Vladimirov đã đề xuất ý tưởng vùng thành phố lớn gắn với bảo vệ môi trường cân bằng sinh thái trên cơ sở: Thành phố hạt nhân, HLX, Vành đai hạn chế phát triển và Vành đai ưu tiên dành để xây dựng đô thị, khu dân cư [117]. Marco Amati với cuốn sách Vành đai xanh trong thế kỷ 21 (Urban green belts in Twenty-first Century) [124], Ông đã có những tổng kết sâu sắc về các vấn đề HLX ở nhiều nước trên thế giới từ các nghiên cứu, tổng hợp và sự phát triển thực tiễn tại Nhật Bản, Áo, Úc và một số nước châu Âu khác. Keeble đã tổng kết những nhiệm vụ mà HLX thực hiện (Keeble, 1961) [124]. Peter Hall nghiên cứu các vấn đề của HLX ở cuối cuốn sách London 2000, ông đã nghiên cứu toàn diện khẳng định các chiến lược phát triển của chính phủ đã lấn át HLX và nông thôn [112]. Hellmund & Smith nghiên cứu các loại hình KGX trong cuốn sách “Designing Greenways: Sustainable Landscapes for Nature and People” [104]. Romà Pujadas và Jaume Front giải pháp thiết lập HLX trong cơ cấu đô thị dưới góc độ địa lý học trong cuốn sách “Ordenación y Planificación Territorial” [118]... Nhìn chung, trên thế giới đã nghiên cứu toàn diện và sâu sắc về HLX, các chuyên gia đã khẳng định vai trò và lợi ích của HLX trong thiết lập cơ cấu đô thị, đặc biệt trong giai đoạn chuyển đổi từ chủ nghĩa đô thị công năng sang giai đoạn chủ nghĩa đô thị sinh thái.

Tại Việt Nam, nghiên cứu HLX vẫn là vấn đề mới, chưa có những nghiên cứu về CTQH HLX. Các chuyên gia trong nước mới đưa ra những quan điểm về HLX trên cơ sở phản biện đề án quy hoạch chung xây dựng Thủ đô năm 2011. Trong đó, một số nghiên cứu, quan điểm đề xuất liên quan trực tiếp đến CTQH HLX như sau: “Xây dựng cơ sở khoa học để thiết lập các mô hình phát triển trong HLX phía Tây thành phố Hà Nội” [18] của PGS.TS Phạm Hùng Cường; “Xây dựng hệ thống lý thuyết về HLX cho các đô thị lớn vùng ĐBSH, áp dụng cho thành phố Hải Phòng” [81] và “Ứng dụng công nghệ GIS cho phân tích mật độ xanh trong khu vực dự kiến thiết lập HLX tại đô thị Hà Nội” [82] của NCS Nguyễn Văn Tuyên; “Phát triển cấu trúc hệ thống hạ tầng xanh cho đô thị Hà Nội” [27] của NCS Phùng Thị Mỹ Hạnh. Hầu hết các nghiên cứu đều đánh giá cao vai trò HLX trong việc tạo lập môi trường sinh thái đô thị, hạn chế phát triển lan tỏa đô thị. Tuy nhiên, hầu hết các chuyên gia có quan điểm hoài nghi về tính khả thi của

nó, cần làm rõ hơn về khái niệm HLX, cơ sở để thiết lập CTQH và thể chế quản lý phát triển HLX thành phố Hà Nội.

## **1.5. Những vấn đề cần nghiên cứu**

### **1.5.1. Đánh giá tổng hợp lý luận và thực tiễn thiết lập cấu trúc QH HLX**

#### *a. Điểm mạnh*

Đã có nhiều nghiên cứu HLX trên thế giới. HLX là khu vực có vai trò quan trọng trong cơ cấu quy hoạch chung của các đô thị.

HLX tạo lập khu vực cân bằng sinh thái đô thị, thúc đẩy bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, thúc đẩy các hoạt động kinh tế xanh, thân thiện với môi trường. HLX là tiền đề để phát triển các mô hình kinh tế du lịch, vui chơi giải trí, nông nghiệp công nghệ cao. HLX là công cụ để quản lý phát triển đô thị, khu vực hỗ trợ kiểm soát sự phát triển đô thị lan tỏa.

Tại Việt Nam, việc áp dụng CTQH HLX đã được đưa vào các đồ án quy hoạch chung, dần trở thành xu hướng quy hoạch bền vững và được nhà quản lý và cộng đồng hưởng ứng. Việt Nam nói chung, thành phố Hà Nội nói riêng có điều kiện địa hình tự nhiên đặc thù và quỹ đất còn có thể khai thác để phát triển HLX cho đô thị.

#### *b. Điểm yếu*

Khu vực tự nhiên trong đô thị phân bố rời rạc, đang bị suy giảm về cả quy mô lẫn chất lượng môi trường. Mảng xanh lớn gắn với hệ thống rừng bị giảm diện tích. Tuyến xanh bám theo hành lang sông, giao thông bị chia cắt thành từng đoạn. Điểm xanh gắn với công viên, vườn hoa, ao hồ bị bê tông hóa. KGX hiện có trong các khu vực di sản văn hóa, dịch vụ du lịch, nông nghiệp, điểm dân cư nông thôn bị thu hẹp do tác động của quá trình đô thị hóa.

Hệ thống di sản bị chia cắt. Giá trị di sản văn hóa bị biến đổi theo hướng tiêu cực. Không gian bảo vệ di sản bị thu hẹp. Xuất hiện các mâu thuẫn giữa phát triển dịch vụ du lịch và bảo vệ giá trị di sản.

Chưa khai thác hiệu quả kinh tế quỹ đất tự nhiên và quỹ đất tiềm năng phát triển KGX. Do đó chưa phát huy vai trò HLX trong phát triển kinh tế xã hội thành phố Hà Nội. Thiếu những mô hình phát triển bền vững cho các chức năng trong HLX, từ đó nhân rộng cho toàn bộ khu vực HLX thành phố Hà Nội.

Hiện nay, chính quyền đô thị mới đưa ra quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung, chưa có quy chế quản lý cụ thể khu vực HLX đô thị. Các văn bản này chưa đủ mạnh để quản lý phát triển HLX thành phố Hà Nội theo quy hoạch chung xây dựng đã đề ra.



### *c. Cơ hội*

Bảo vệ môi trường, phát triển đô thị bền vững đã được đưa thành chiến lược phát triển đô thị tại Việt Nam. Đây là cơ hội lớn để bảo vệ và phát huy vai trò hệ thống KGX còn lại, khai thác bổ sung quỹ đất xanh mới.

Di sản văn hóa là thành phần chức năng chủ yếu của HLX. Di sản văn hóa được đưa thành một trong 4 trụ cột phát triển của Việt Nam. Việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa là vấn đề ưu tiên hàng đầu của Chính phủ hiện nay.

Quá trình toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng đã mang lại nhiều cơ hội mới, bổ sung các công nghệ mới để phát triển các loại hình kinh tế xanh.

Chính phủ Việt Nam cũng như các bộ ngành đang cắt giảm sâu rộng các văn bản pháp luật nhằm tăng nhanh quá trình xử lý, giảm thời gian thực hiện và tăng hiệu quả quản lý. Đây là cơ hội tốt để hoàn thiện các văn bản thiếu để tăng cường quản lý bền vững HLX.

### *d. Thách thức*

Song song với áp lực của quá trình đô thị hóa nhanh là diện tích KGX ngày một suy giảm. Xuất hiện mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Di sản chịu tác động mạnh của quá trình đô thị hóa, xuất hiện mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế và bảo tồn giá trị của di sản. Thu nhập dân cư trong khu vực dự kiến phát triển HLX thấp.

Khác với các đô thị trên thế giới, Việt Nam chưa có hệ thống thể chế quản lý phát triển đồng bộ và hoàn chỉnh. Đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế, các văn bản pháp luật là rào cản để phát huy vai trò HLX trong phát triển đô thị bền vững.

## **1.5.2. Những vấn đề nghiên cứu giải quyết**

Để khắc phục những tồn tại trên, cần nghiên cứu giải quyết các vấn đề trên quan điểm phát triển bền vững như sau:

- (i) Hoàn thiện nhận thức, khái niệm, định nghĩa HLX đô thị;
- (ii) Nghiên cứu cơ sở khoa học và phương pháp luận thiết lập CTQH HLX đô thị trong điều kiện thực tiễn của Thủ đô Hà Nội;
- (iii) Xác định tính chất, quy mô HLX đô thị cho Thủ đô Hà Nội;
- (iv) Các giải pháp định hướng phát triển HLX; mô hình CTQH HLX; Phân vùng chức năng HLX; Hạ tầng kỹ thuật xanh; Thể chế quản lý phát triển HLX;
- (v) Nghiên cứu kiến nghị điều chỉnh CTQH HLX của Thủ đô Hà Nội theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

## **Chương 2 - CÁC CƠ SỞ KHOA HỌC THIẾT LẬP CẤU TRÚC QUY HOẠCH THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

### **2.1. Cơ sở lý thuyết**

#### **2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển HLX**

HLX là hành lang KGX đan xen bên trong và bao bọc bên ngoài đô thị trung tâm. Luận án tập trung nghiên cứu HLX nằm bao bọc bên ngoài đô thị, ở dạng loại hình cấu trúc VĐX.

Ý tưởng quy hoạch HLX có loại hình cấu trúc VĐX gắn với mục tiêu hạn chế sự phát triển lan tỏa được khởi xướng đầu tiên từ lý thuyết Thành phố vườn của E. Howard (1889). Ông đã đề xuất xây dựng các thành phố vệ tinh tách ra khỏi thành phố trung tâm nhằm hạn chế sự phát triển khó kiểm soát của các đô thị lớn. Trong lý thuyết “Thành phố vườn”, các thành phố vệ tinh cách thành phố mẹ khoảng 30km và được ngăn cách bởi VĐX nông nghiệp, cây xanh cảnh quan. (*xem Hình 2.2*)

Năm 1929, kiến trúc sư trưởng của Hội đồng quy hoạch vùng Luân Đôn đề xuất HLX có loại hình cấu trúc VĐX toàn bộ vùng ngoại thành. Năm 1935 quy hoạch HLX Luân Đôn được triển khai thực hiện. Hiện nay, Vương quốc Anh có 14 thành phố thiết lập quy hoạch HLX. [110]

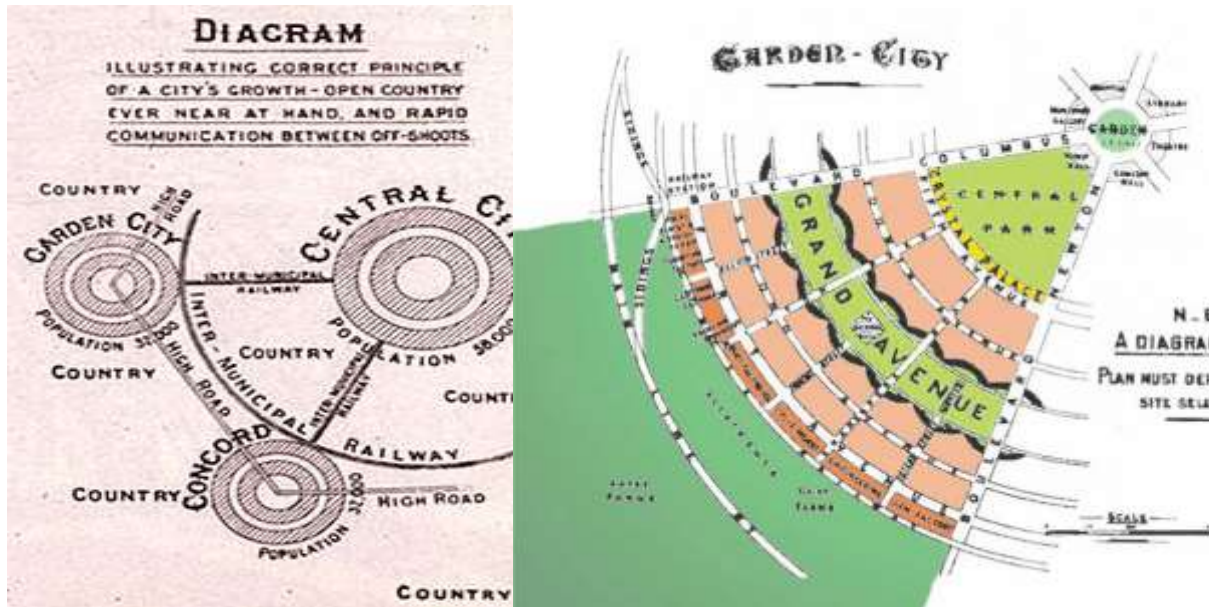
Giai đoạn từ năm 1950 đến năm 1960: HLX có loại hình cấu trúc VĐX trở thành ngôn ngữ quy hoạch quốc tế, chức năng HLX là các vùng xanh thiên về khía cạnh môi trường, trong đó chủ yếu là đất rừng và đất nông nghiệp, mô hình cấu trúc HLX chủ yếu là dạng bao bọc ngoài đô thị trung tâm. [110]

Giai đoạn từ năm 1960 đến năm 1970, xuất hiện nhiều quan điểm mới về HLX, chức năng HLX không chỉ thuần về khía cạnh môi trường mà có sự tham ra của các chức năng phát triển kinh tế như nông nghiệp, du lịch và vui chơi giải trí. Giai đoạn này đã hình thành nhiều loại hình cấu trúc HLX mới như: VĐX một lớp hay nhiều lớp, mạng xanh, nêm xanh, tuyến xanh... [110]

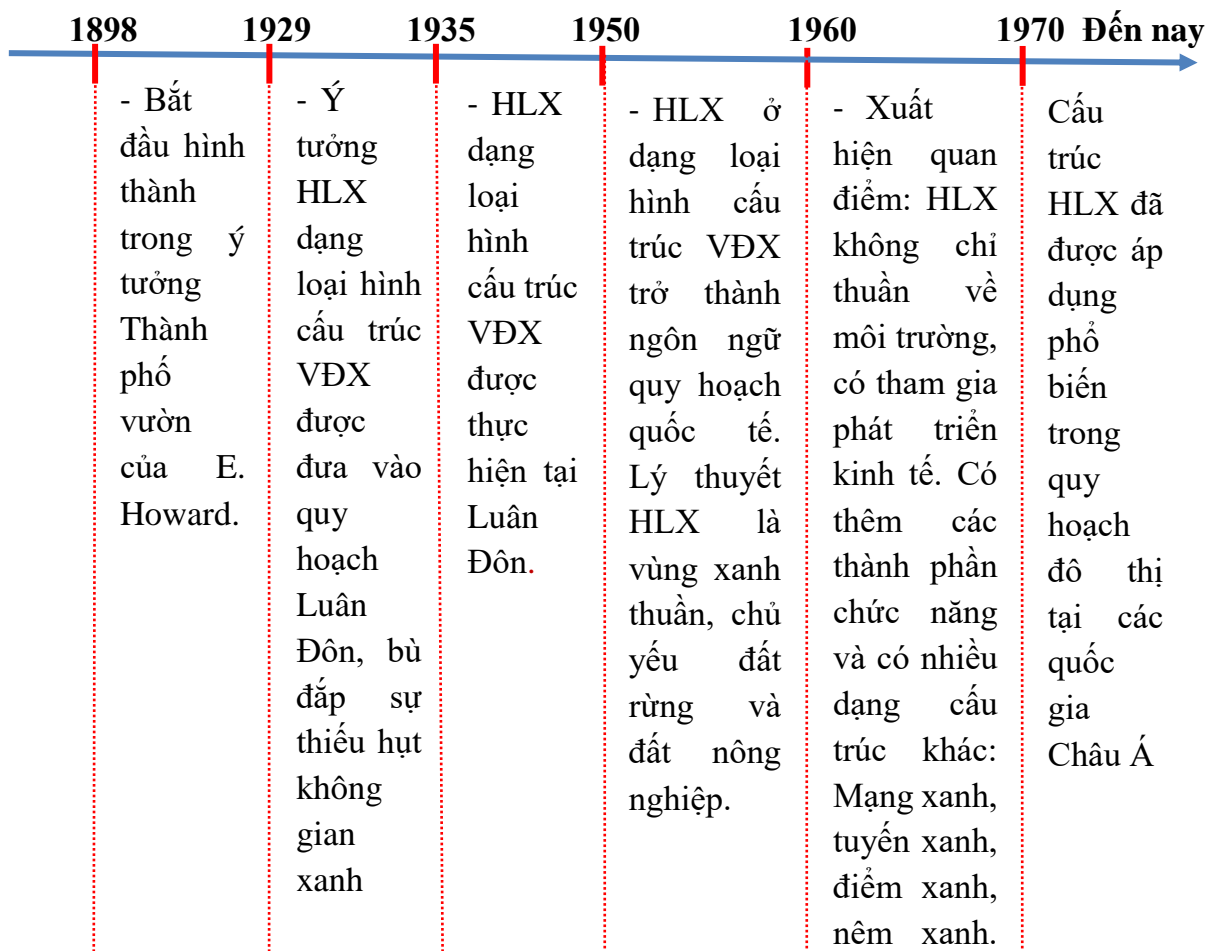
Từ năm 1970 đến nay, các cấu trúc HLX đã được áp dụng phổ biến trong quy hoạch đô thị tại các quốc gia Châu Á.

*Nhìn chung, HLX có nhiều loại hình cấu trúc, HLX khởi nguồn từ lý thuyết Thành phố vườn, với vai trò chính là không gian để hạn chế phát triển đô thị lan tỏa; HLX đã có sự biến đổi về loại hình cấu trúc rất đa dạng (với nhiều dạng cấu trúc khác nhau phù hợp điều kiện từng đô thị), bổ sung các thành phần chức năng mới, bổ sung vai trò trong việc phát triển kinh tế đô thị...*

(Quá trình hình thành và phát triển HLX được thể hiện trong Hình 2.2)



Hình 2.1. Lý thuyết Thành phố vườn của Abenezzer Howard [6]



Hình 2.2. Quá trình hình thành và phát triển HLX trên thế giới

### 2.1.2. Cơ sở lý thuyết thiết lập cơ cấu thành phố hiện đại từ chủ nghĩa công năng đến tư tưởng phát triển bền vững

Le Corbusier là người khởi xướng chủ nghĩa công năng, đưa ra triết lý “ngôi nhà là cái máy để ở”, với 5 quan điểm về kiến trúc hiện đại, các nghiên cứu và thực hành về đô thị học hay kiến trúc, sáng lập viên nhóm CIAM... Ông là nhà lý thuyết và là người thực hành triệt để nhất các tư tưởng của Chủ nghĩa công năng.

Từ cách mạng công nghiệp lần 2 (từ đầu thế kỷ XX), các đô thị bắt đầu xây dựng cấu trúc theo hướng ưu tiên công năng, thúc đẩy sản xuất theo hướng hàng hóa bằng phương pháp công nghiệp. Đô thị được phân vùng theo công năng: Khu ở, khu công nghiệp, khu trung tâm, khu vực hạ tầng kỹ thuật... Các khu vực công nghiệp và khu ở có vai trò chính trong CTĐT và được kết nối với nhau bởi hệ thống giao thông.

Cách mạng công nghiệp lần 3 (từ năm 1969 đến cuối thế kỷ XX), gắn với máy tính và tự động hóa, là giai đoạn quá độ chuyển từ xã hội công nghiệp sang xã hội thông tin và dịch vụ. Khu vực sản xuất dần tách rời khu vực ở. Khái niệm phân vùng công năng không còn rõ nét, các khu vực chức năng đô thị được bố trí linh hoạt bám theo cấu trúc tự nhiên.

Tuy nhiên mô hình đô thị hiện đại có dấu hiệu chững lại vào cuối thế kỷ XX. Những đô thị chạy theo công năng đã tác động đến tiêu cực môi trường tự nhiên, di sản văn hóa và đặc biệt không phù hợp với sự biến đổi của Cách mạng công nghiệp lần 4. Cuộc cách mạng công nghiệp lần 4 gắn với hệ thống internet, điện thoại thông minh, cơ sở dữ liệu, liên kết và chia sẻ dữ liệu... đã làm biến đổi về cả bề rộng lẫn chiều sâu của hệ thống quản lý và sản xuất, môi trường đô thị. Do đó, lý thuyết phát triển đô thị cần có quan điểm phát triển mới, vừa để khắc phục được những vấn đề của chủ nghĩa đô thị hiện đại và vừa tiếp cận được sự phát triển của cuộc cách mạng lần thứ 4.

Tư tưởng phát triển bền vững (ESSD) đã được tổ chức liên hợp quốc Brundtland Commission đề cập đầu tiên trong lần trưng trình “*Tương lai của chúng ta*” (Our Common Future), đã định nghĩa Phát triển bền vững là sự phát triển thỏa mãn nhu cầu con người, không chỉ cho giai đoạn hiện tại mà còn cả trong tương lai, phải đảm ứng yêu cầu kinh tế lẫn bảo vệ môi trường” [48]. Từ đó, trên thế giới hình thành lý thuyết mới như đô thị bền vững, đô thị xanh, đô thị thích ứng... Trong các lý thuyết đó, KGX đã trở thành yếu tố quan trọng từ quá trình thiết lập đến hoàn thiện và thúc đẩy phát triển CTĐT phát triển bền vững.



Hình 2.3. Cấu trúc mô phỏng sự kết hợp yêu cầu của phát triển bền vững

Một số lý thuyết và mô hình quy hoạch đô thị theo hướng phát triển bền vững:

- Chủ nghĩa đô thị mới (New Urbanism) được đưa ra năm 1990 [19]. KGX được hiểu là hành lang đi bộ thân thiện với môi trường, mở rộng vùng kết nối không gian cho người đi bộ an toàn với các đường dành cho xe, sử dụng tài nguyên đất đa dạng, nâng cao chất lượng thiết kế đô thị và kiến trúc tòa nhà, xây dựng các khu dân cư nhiều loại hình và đa chức năng, cung cấp đủ không gian sinh hoạt công cộng,...

- Lý thuyết tăng trưởng thông minh (Smart growth) là phương thức quản lý quy hoạch đô thị nhằm phát triển kinh tế song song với bảo tồn môi sinh, nâng cao chất lượng cuộc sống...[48]. Lý thuyết nhấn mạnh vào tính hiệu quả KGX, tích hợp giữa các mục đích sử dụng đất. Quy hoạch KGX, đất nông nghiệp, bảo tồn các khu vực quan trọng để gìn giữ môi sinh và cảnh quan tự nhiên,...

- Một số mô hình phát triển đô thị theo hướng phát triển bền vững: Thành phố sinh thái (The Eco city); Thành phố sinh thái kiêm kinh tế (The Eco<sup>2</sup> city); Thành phố xanh (The Green city); Thành phố thông minh (The Smart city); Thành phố đáng sống và thành phố hạnh phúc...

### 2.1.3. Các xu hướng lý thuyết thiết lập CTQH HLX tại các thành phố lớn ở các nước trên thế giới

*a. Xu hướng lý thuyết thiết lập CTQH HLX đến cuối thế kỷ XIX:* Bắt đầu với sự xuất hiện của các thành phần KGX gắn với đô thị cổ. Các hệ thống cây xanh thường có dạng hình học. Tuy nhiên, đô thị này không có tính đến sự vây bọc bên ngoài. Giai đoạn này các nhà quy hoạch đã đề xuất KGX ở dạng loại hình cấu trúc VĐX, tuyến xanh. Trong đó có thể đưa ra một số lý thuyết quy hoạch đô thị tiêu biểu như sau:

Lý thuyết thành phố lý tưởng của J.F.Perret (1601) với hệ thống cây xanh bao quanh tường ngoài của thành nhưng bên trong thành lại hoàn toàn thiếu hụt hẳn hệ thống xanh này [4]. (*xem Hình 2.4.a*)

Lý thuyết thành phố từ thiên nhiên của Morelli. KGX đan xen với CTĐT [4]. KGX ở dạng loại hình cấu trúc VĐX bám xung quanh đô thị trung tâm. (*xem Hình 2.4.b*)

Lý thuyết đô thị của S.Fure (1820) [4]. KGX có dạng loại hình cấu trúc VĐX nhiều lớp, đồng tâm bao quanh đô thị trung tâm và giới hạn phát triển đô thị trung tâm và đô thị mới. (*xem Hình 2.4.c*)

Lý thuyết đô thị của E.Kabe (1840). Ông là người đầu tiên đề xuất hệ thống nước - cây xanh phân bố theo dải xuyên cắt qua đô thị trung tâm [4]. KGX có cấu trúc dạng tuyến xanh, bám theo hành lang sông. (*xem Hình 2.4.d*)

*b. Xu hướng lý thuyết thiết lập CTQH HLX vào cuối thế kỷ XIX đến nửa đầu thế kỷ XX:* Quy hoạch KGX gắn với sự hình thành các trung tâm công nghiệp lớn và sự ra đời của chòm đô thị. Các giải pháp quy hoạch - kiến trúc của thành phố đều yêu cầu có

hệ thống đất cây xanh dưới dạng cấu trúc VĐX, dải xanh hướng tâm hoặc dải xanh dọc hành lang sông...[4]. Trong gian đoạn này các nhà quy hoạch tập trung vào việc nghiên cứu tìm kiếm mối tương quan tối ưu giữa khu vực đất công trình và đất cây xanh. Hệ thống KGX có vai trò quan trọng trong việc cách ly, tăng thẩm mỹ và bổ sung chức năng nghỉ ngơi thư giãn. Trong các sơ đồ quy hoạch tổng thể phát triển của các thành phố đã bắt đầu xuất hiện các mảng xanh tự nhiên với diện tích lớn. Trong đó có thể đưa ra một số lý thuyết quy hoạch đô thị tiêu biểu như sau:

Lý thuyết thành phố dải của Soria-Y-Mata (1884). Hệ thống cây xanh bao gồm khu nông nghiệp và khu nghỉ dưỡng được bố trí thành một dải hẹp chạy dọc các khu nhà chức năng của đô thị được xây dựng bám theo trục đường xa lộ. *(xem Hình 2.4.e)*

Lý thuyết Thành phố vườn của Ebenezer Howard (1898 ÷ 1902) [4]. KGX là VĐX giữa thành phố trung tâm và thành phố vệ tinh. *(xem Hình 2.4.f)*

Lý thuyết đô thị của E.Enar (1904). KGX được phân bố đồng đều giữa trung tâm và vành đai [4]. *(xem Hình 2.4.g)*

Lý thuyết đô thị của Rudolf Eberstadt (1910) [4]. KGX là các tuyến xanh hướng tâm kết nối với VĐX bên ngoài. *(xem Hình 2.4.h)*

Lý thuyết đô thị của R.Envin (1922). KGX là hệ thống cây xanh liên hoàn. *(xem Hình 2.5.i)*

Lý thuyết đô thị của N.Baranov (1950). Dải cây xanh sẽ tách khu vực dân cư ra khỏi khu vực công nghiệp và sản xuất [4]. *(xem Hình 2.4.k)*

*c. Lý thuyết quy hoạch KGX trong giai đoạn nửa sau thế kỷ XX:* Các thành phố cùng các khu vực lân cận có sự khác biệt so với thời kỳ trước bởi cách tiếp cận tổng thể trong thiết kế của các thành phố cùng các khu vực lân cận. Trong đó có thể đưa ra một số lý thuyết quy hoạch đô thị tiêu biểu như sau:

Lý thuyết thành phố sinh thái của P. Xoleri (1960) [4]. KGX có dạng loại hình cấu trúc VĐX mềm, liên kết các KGX bên trong và bên ngoài đô thị thành một hệ thống. *(xem Hình 2.4.l)*

Lý thuyết thành phố phát triển theo các đường hướng tâm của R.Hillebreht (1961) [4]. KGX có dạng loại hình cấu trúc nêm xanh, hướng tâm nhằm đưa KGX ngoại ô vào trong lòng đô thị. *(xem Hình 2.4.m)*

Lý thuyết thành phố của đường cao tốc của I.Gluza năm (1972) [4]. KGX có dạng loại hình cấu trúc VĐX toàn bộ vùng ngoại thành, hạn chế đô thị phát triển lan tỏa theo trục đường cao tốc *(xem Hình 2.4.n)*. Vào cuối thế kỷ XX, đã xuất hiện những lý thuyết mới như phát triển bền vững (ESSD), Chủ nghĩa đô thị mới (New Urbanism) Tăng trưởng thông minh (Smart Growth)... đã đưa ra những định nghĩa mới về KGX đô thị như:

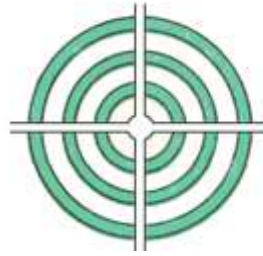




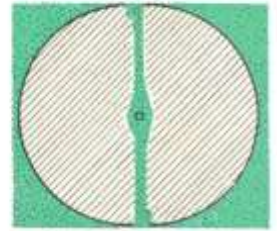
a) Lý thuyết thành phố lý tưởng của J.F.Perret



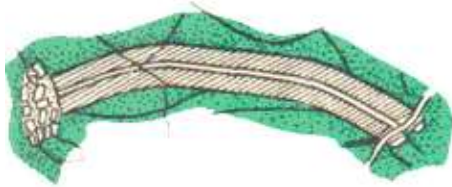
b) Lý thuyết thành phố từ thiên nhiên của Morelli



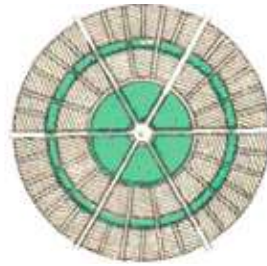
c) Lý thuyết đô thị của S.Fure



d) Lý thuyết đô thị của E.Kabe



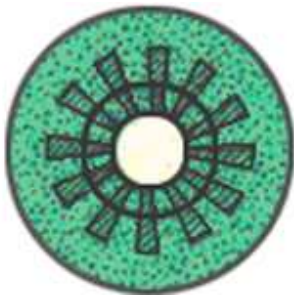
e) Lý thuyết thành phố dải của Soria-Y-Mata



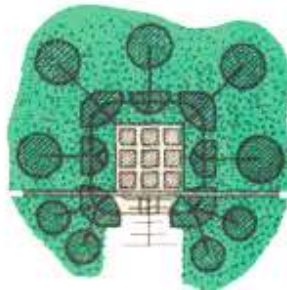
f) Lý thuyết Thành phố vườn của Ebenezer Howard



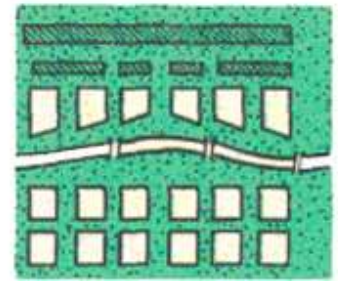
g) Lý thuyết đô thị của E.Enar



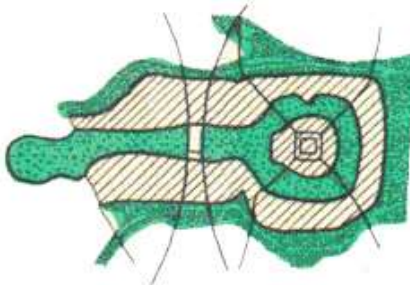
h) Lý thuyết đô thị của Rudolf Eberstadt



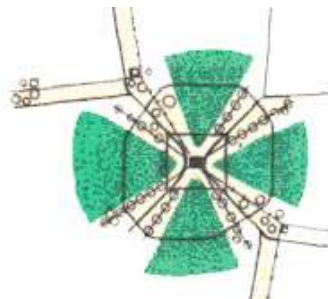
i) Lý thuyết đô thị của R.Envin



k) Lý thuyết đô thị của N.Baranov



l) Lý thuyết thành phố sinh thái



m) Lý thuyết thành phố phát triển theo các đường hướng tâm



n) Lý thuyết thành phố của đường cao tốc

Hình 2.4. Sơ đồ loại hình cấu trúc KGX gắn với các lý thuyết quy hoạch [4]

*d. Xu hướng lý thuyết thiết lập CTQH HLX trong giai đoạn đầu của thế kỷ XXI*

Sự phát triển nhanh chóng của thành phố cả về chiều cao lẫn bề rộng đã làm suy giảm diện tích các khu vui chơi giải trí, khu nghỉ ngơi có chứa đựng các yếu tố cảnh quan tự nhiên của đô thị. Trong đầu thế kỷ XXI, đã xuất hiện xu hướng mới về quy hoạch KGX đô thị gắn với các lý thuyết sau: Đô thị nén (Compact City); TND (Traditional Nighborhood Development); Underground Development, Waterfront Development, TOD, Mixed Landuse Development, MXD [48]. Điểm chung của những xu hướng mới này là đưa ra quan điểm phải bảo tồn và duy trì hình thái khung tự nhiên của đô thị, thông qua việc quản lý hiệu quả sự biến động gia tăng của dân số thành thị và phát triển đô thị theo chiều cao.

#### **2.1.4. Cơ sở lý thuyết về sinh thái học môi trường**

Sinh thái học môi trường là khoa học tổng hợp về quan hệ tương hỗ giữa sinh vật và môi trường và giữa các sinh vật với nhau. Sinh thái học là cơ sở cho công tác bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Thuật ngữ Sinh thái học (Ecology) bắt nguồn từ chữ Hy Lạp Oikos, được Ernst Heckel đề xướng năm 1866 và dùng nó để xác định mối quan hệ tương hỗ giữa sinh vật và môi trường, là tập hợp tất cả những hiểu biết về tự nhiên. [57]

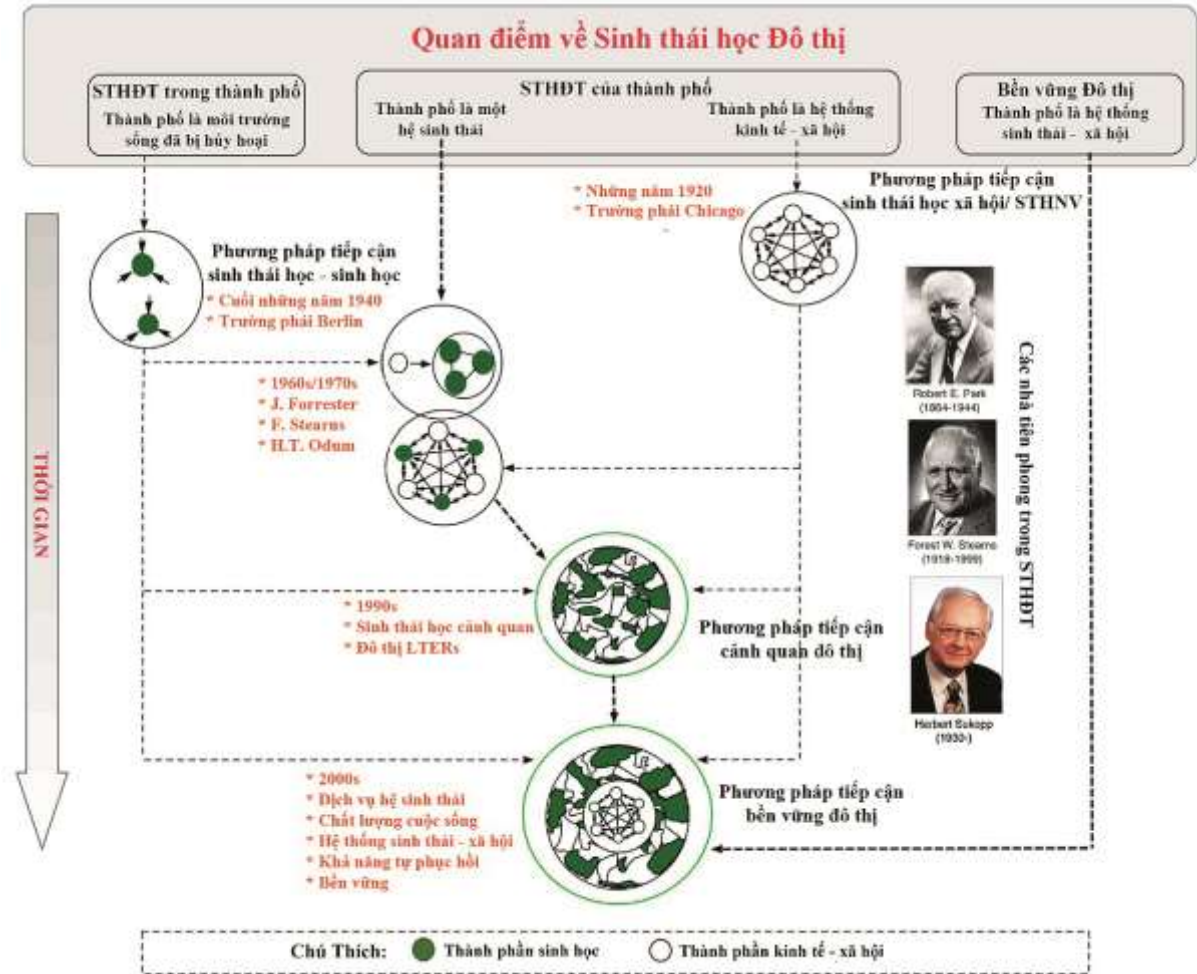
Sinh thái học đô thị là khoa học nghiên cứu các mối quan hệ giữa con người với môi trường xung quanh trên địa bàn đô thị để từ đó đưa ra giải pháp quy hoạch đô thị, tổ chức xây dựng và sản xuất, đề ra các biện pháp bảo vệ môi trường sống. Hệ sinh thái đô thị bao gồm: (i) Thành phần hữu sinh, (ii) Thành phần vô sinh, (iii) Thành phần công nghệ. Trong đó thành phần công nghệ quyết định và chi phối dòng năng lượng qua HST. Cấu trúc HST Đô thị bao gồm: Vùng đô thị (vùng trung tâm) và Vùng ngoại thành (ven đô). Vùng ven đô là vùng đệm tạo nên HST chuyển tiếp từ HST tự nhiên sang HST nhân tạo. [57]

Sinh thái học đô thị ban đầu được phát triển với vai trò là một phần của sinh thái học nhân văn vào những năm 1920 bởi một nhóm nhỏ các nhà xã hội học tại Đại học Chicago (khoa xã hội học và Sinh thái học nhân văn của trường Chicago). Các nhà nghiên cứu chủ chốt bao gồm: Robert E. Park (1864-1944), Ernest W. Burgess (1886-1966), Roderick D. McKenzie (1885-1940), và Amos H. Hawley (1910-2009). [41]

Các khái niệm và quan điểm khác nhau về Sinh thái học đô thị đã được phân loại thành “sinh thái trong thành phố” (ecology in cities – tập trung chủ yếu vào các sinh vật không phải con người trong môi trường đô thị) và “sinh thái của thành phố” (ecology of cities – coi toàn thành phố là một hệ sinh thái riêng biệt). Trong quan điểm về phát triển bền vững đô thị, Wu (2014) đã đưa ra một loại Sinh thái học đô thị khác, đó là “bền vững đô thị” – được định nghĩa là một quá trình thích nghi nhằm tạo ra các điều kiện thuận lợi và duy trì một chu kỳ đúng đắn giữa các dịch vụ hệ sinh thái và cuộc sống của



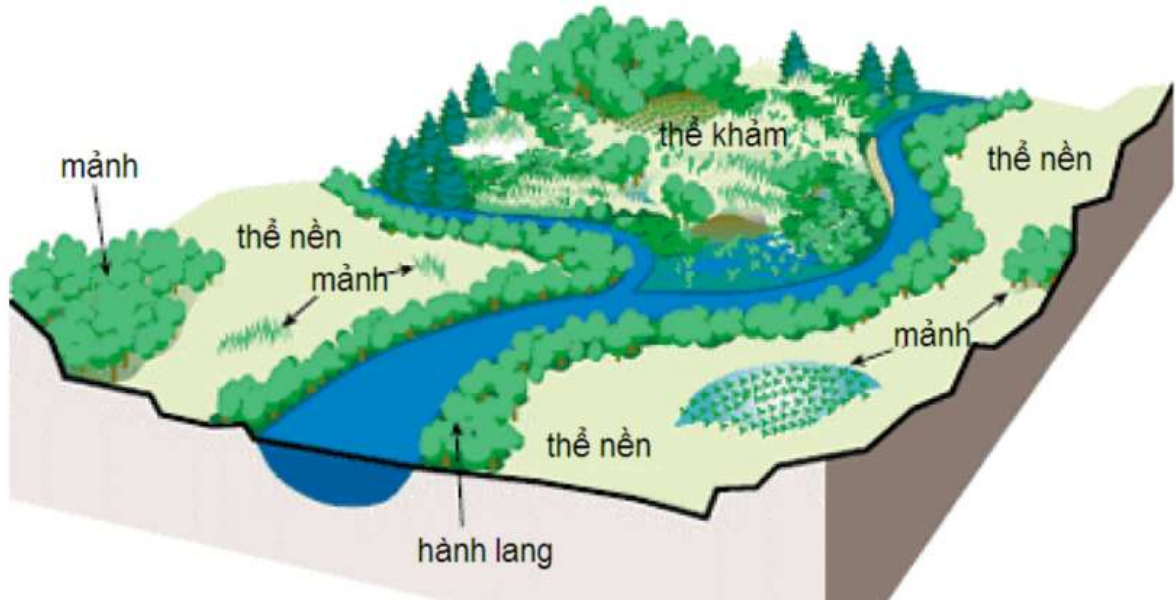
con người. Quá trình này thông qua các hành động phối hợp giữa sinh thái – kinh tế – xã hội để thích ứng với những thay đổi trong và ngoài cảnh quan đô thị. Cả ba quan điểm trên có phương pháp tiếp cận Sinh thái học đô thị riêng biệt nhưng đều có mối liên quan với nhau (Hình 2.5).



Hình 2.5. Tiến trình phát triển quan điểm và cách tiếp cận về Sinh thái học đô thị [41]

Các nghiên cứu về sinh thái học khi bàn về các vấn đề rộng lớn trong lĩnh vực cảnh quan thực chất cuối cùng đều phải giải quyết các câu hỏi về tính bền vững. Trên cơ sở lý thuyết Sinh thái học đô thị, nhiều nhà khoa học đã đề xuất các lý thuyết quy hoạch theo hướng sinh thái như sau:

- i) Lý thuyết về sinh thái cảnh quan (Landscape ecology): Đã có nhiều khái niệm về sinh thái cảnh quan trên thế giới, trong đó khái niệm được sử dụng nhiều nhất là “mô hình P-C-M (Patch – Corridor – Matrix) của Forman và Gordon” [61]. Cấu trúc cảnh quan biểu thị mối quan hệ không gian giữa các hệ sinh thái khác nhau hoặc giữa các yếu tố cảnh quan. (xem Hình 2.5). Lý thuyết này là cơ sở để thiết lập hình thái khung cấu trúc tự nhiên cho đô thị. [21]



Hình 2.6. Sơ đồ lý thuyết sinh thái học cảnh quan [61]

- ii) Lý thuyết về dấu chân sinh thái (Ecological footprint): "Là diện tích tương ứng các hệ sinh thái thủy sinh và trên cạn cần thiết để tái tạo các nguồn tài nguyên và đồng hóa các chất thải được sử dụng và thải ra bởi một cộng đồng dân cư xác định với mức sống vật chất nhất định, bất kể diện tích đó ở đâu trên Trái đất" [97]. Lý thuyết này là cơ sở thúc đẩy vai trò cân bằng KGX ngoại thành trong tạo lập loại hình cấu trúc tổng thể đô thị.

## 2.2. Cơ sở pháp lý

### 2.2.1. Các văn bản quản lý pháp luật

a. Các văn bản Luật do Quốc hội ban hành: Hiện nay, Quốc hội Việt Nam đã ban hành 51 luật liên quan đến công tác quản lý đô thị [44]. Các văn bản luật đã có quy định mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đô thị theo hướng sinh thái, bảo vệ quỹ đất nông nghiệp, bảo vệ di sản văn hóa và môi trường tự nhiên. Trong các văn bản Luật đã được ban hành, một số nội dung tác động trực tiếp đến thiết lập CTQH HLX thành phố Hà Nội như sau:

"*Quản lý và bảo vệ môi trường là rất cấp thiết*" và "*không gian tự nhiên, văn hóa, lịch sử cần được ưu tiên duy trì*" (Luật Thủ đô) [55]. Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan đô thị phải "*bảo tồn đa dạng sinh học, ứng phó BĐKH, phù hợp với đặc điểm và quy luật, đặc điểm tự nhiên, văn hóa, lịch sử, trình độ phát triển kinh tế xã hội*" (Luật bảo vệ Môi trường, Luật xây dựng) [53] [56]. Một trọng yếu cầu đối với quy hoạch đô thị là "*bảo vệ môi trường, khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, hạn chế sử dụng đất nông nghiệp, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả đất đô thị là yêu cầu quan trọng*" (Luật quy hoạch đô thị). [54]

Ngoài ra, Luật "*khuyến khích tích tụ và tập trung đất, thu hồi và đền bù đất nông nghiệp, chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất trang trại*" (Luật thuê chuyển quyền sử

dụng đất, Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp và Thông tư hướng dẫn đã có những quy định [10]).

*Nhìn chung, các văn bản Luật đã xác định vai trò môi trường tự nhiên, di sản văn hóa trong phát triển bền vững đô thị, trong đó có thiết lập CTĐT. Hiện nay, Việt Nam đã cho phép chuyển đất nông nghiệp hiệu quả sản xuất thấp sang mô hình nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ. Đây là cơ sở quan trọng để thiết lập khu vực HLX với vai trò bảo tồn sinh thái tự nhiên và di sản văn hóa cho thủ đô Hà Nội.*

*b. Các văn bản quản lý quy hoạch của Chính phủ ban hành:* Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt nhiều đề án quy hoạch cấp vùng như quy hoạch tổng thể đô thị, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch nông nghiệp, quy hoạch giao thông và quy hoạch thủy lợi... Các đề án quy hoạch đã nhấn mạnh nhiệm vụ bảo vệ và giữ gìn *khung thiên nhiên*, khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên và định hướng phát triển đô thị theo hướng đô thị xanh hay ĐTST. Trong các văn bản quản lý quy hoạch của Chính phủ ban hành, một số văn bản có tác động trực tiếp đến thiết lập CTQH KGX, HLX thành phố Hà Nội như sau: Điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 [63]; Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng ĐBSH và Duyên hải Đông Bắc đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 [70]; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBSH đến năm 2020 [71]; Quy hoạch thủy lợi vùng ĐBSH giai đoạn 2012 - 2020 và định hướng đến năm 2050 trong điều kiện BĐKH, nước biển dâng [72]; Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô [62] và Điều chỉnh quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô tầm nhìn đến năm 2050 [78]

Quy hoạch phòng chống lũ đề điều hệ thống sông Đáy có mục tiêu chung: “*Tạo dòng chảy thường xuyên cho sông Đáy; Chủ động phòng, chống lũ trên hệ thống sông Đáy; Tạo điều kiện phát triển sản xuất, ổn định đời sống của nhân dân tại các khu vực phân lũ, chận lũ thuộc hệ thống sông Đáy trước đây*”. [74]

Quy hoạch phòng chống lũ và quy hoạch đề điều hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình. Quyết định đưa ra các giải pháp công trình chống lũ: “*Củng cố đề điều; Cải tạo lòng dẫn: nạo vét lòng sông, cửa sông tại những vị trí bị bồi lắng cục bộ để tăng khả năng thoát lũ; Chuyển lũ từ sông Hồng vào sông Đáy*”. [77]

Chính phủ đã ban hành nhiều quyết định phê duyệt các quy hoạch. Các văn bản này là cơ sở pháp lý cho việc thiết lập hành lang sinh thái gắn với dòng sông. Đặc biệt là sự liên kết hành lang sinh thái giữa thành phố Hà Nội và các đô thị trong vùng Thủ đô, vùng ĐBSH.

Ngoài các văn bản phê duyệt quy hoạch, Chính phủ đã ban hành các Nghị định:

Nghị định số 38/2010/NĐ-CP về “*quản lý không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị*”[67]. Tiếp nối Nghị định này, Bộ Xây dựng ban hành Thông tư 19/2010/TT-BXD “*hướng dẫn lập quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị*”[14]. Thông tư đã quy định

nội dung và hình thức quy chế quản lý đối với các khu vực chức năng đô thị trực thuộc Trung Ương, là cơ sở để xây dựng quy chế quản lý HLX.

Nghị định 43/2015/NĐ-CP về “*quy định việc lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước đối với các nguồn nước*”. Theo Nghị định, hệ thống dòng sông phải được lập “*hành lang bảo vệ nguồn nước*”. Hành lang này có 4 chức năng chủ đạo sau: Hành lang bảo vệ nguồn nước được lập để thực hiện các chức năng sau đây: (i) Bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước; (ii) Phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước; (iii) Bảo vệ, bảo tồn và phát triển hệ sinh thái thủy sinh, các loài động, thực vật tự nhiên ven nguồn nước; (iv) Tạo không gian cho các hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí, bảo tồn và phát triển các giá trị về lịch sử, văn hóa, du lịch, tín ngưỡng liên quan đến nguồn nước. Nghị định là cơ sở để xây dựng hành lang sông, thiết lập mục tiêu và chức năng HLX thành phố Hà Nội. [75]

*c. Các văn bản quản lý quy hoạch của UBND thành phố Hà Nội ban hành:* UBND thành phố Hà Nội đã ban hành nhiều văn bản có liên quan đến KGX đô thị. Trong các văn bản quản lý quy hoạch của UBND thành phố ban hành, một số nội dung tác động trực tiếp đến CTQH KGX, HLX thành phố Hà Nội như sau:

Quy hoạch hệ thống cây xanh, công viên, vườn hoa và hồ thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hệ thống công viên, vườn hoa bao gồm các chức năng chính: “*Công viên đô thị (gắn với mặt nước); Thể dục thể thao; Vui chơi giải trí; Đường dạo, quảng trường; Cây xanh sinh thái và vùng nông nghiệp tập trung*”. [85]

Quy hoạch phân khu đô thị GS tỷ lệ 1/5000, bao gồm khu vực *VĐX sông Nhuệ và các Nêm xanh phía Nam sông Hồng*. Quy hoạch phân khu đô thị GS bao gồm khu vực *VĐX sông Nhuệ và các Nêm xanh phía Nam sông Hồng*. Khu vực *VĐX sông Nhuệ*: “*Là vùng cung cấp không gian mở, công viên sinh thái, dịch vụ công cộng và các tiện ích vui chơi giải trí, vùng sinh thái nông nghiệp tập trung*”. [88]

Quy hoạch phân khu đô thị GN tỷ lệ 1/5000, ở *phía Bắc sông Hồng thuộc địa giới hành chính 30 xã và thị trấn của 3 huyện*. Chức năng chính của phân khu GN chủ yếu là “*công viên, vườn hoa, cây xanh, mặt nước; thể dục thể thao, hỗ trợ cho các phân khu lân cận, gắn với mặt nước; cây xanh sinh thái, công viên chuyên để gắn với đào tạo, khoa học công nghệ, chăm sóc sức khỏe, nghỉ dưỡng và nghiên cứu khoa học...*” [87]

Chỉ giới hành lang bảo vệ công trình thủy lợi sông Nhuệ trên địa bàn thành phố Hà Nội tỷ lệ 1/500: Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi sông Nhuệ được xác định như sau: “*Những đoạn sông hình thành bờ đê có phạm vi bảo vệ tính từ chân mái ngoài bờ đê trở ra là 5m; Những đoạn sông không hình thành bờ đê: Phạm vi bảo vệ tính từ tim sông trở ra phía không hình thành bờ đê là 50m*”. [84]

“*Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc chung thành phố Hà Nội*” đã được ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-UBND của UBND Thành phố. Quy chế đã xác

định khu vực cảnh quan chung của đô thị (VĐX sông Nhuệ, nêm xanh, hành lang dọc hai bên sông Hồng, khu vực cảnh quan đặc thù); Khu vực bảo tồn (Các cụm di tích, công trình và di tích đơn lẻ, vùng cảnh quan sinh thái đặc biệt quan trọng, các làng và làng nghề truyền thống); Khu vực giáp ranh nội ngoại thị, làng xóm trong nội thành, nội thị). [86]

UBND thành phố Hà Nội đã có những chính sách tác động trực tiếp đến KGX đô thị. Trong đó Thành phố đã ban hành quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc chung, bước đầu nghiên cứu quy chế quản lý VĐX, Nêm xanh và quy hoạch phòng chống lũ hệ thống sông Đáy. Tuy nhiên, thành phố Hà Nội vẫn chưa có quy chế quản lý KGX tổng thể. Dẫn đến, công tác quản lý phát triển các chức năng trong KGX gặp nhiều khó khăn, đặc biệt đối với HLX, VĐX.

*Đánh giá chung văn bản pháp luật: Quốc hội, Chính phủ và UBND thành phố Hà Nội đã ban hành nhiều văn bản gắn với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đô thị theo hướng sinh thái, bảo vệ quỹ đất nông nghiệp, bảo vệ di sản văn hóa và môi trường tự nhiên đã đặt ra.*

### 2.2.2. Các tiêu chuẩn, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật và định mức kinh tế kỹ thuật

Tiêu chuẩn, quy chuẩn phát triển HLX gắn với quy hoạch xây dựng đô thị đã được đề cập trong nhiều văn bản của Bộ Xây dựng như: Tiêu chuẩn xây dựng, Tiêu chuẩn quy hoạch, Tiêu chuẩn thiết kế cây xanh công viên. Nội dung các tiêu chuẩn, quy chuẩn có tác động đến CTQH HLX thành phố Hà Nội như sau:

Các loại cây xanh đô thị bao gồm “*cây xanh công viên, cây xanh vườn hoa và cây xanh đường phố*” [11]. Chỉ tiêu đất cây xanh công cộng được tính bằng: Tổng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng/dân số nội thành. Trong đó “*Mật độ xây dựng tối đa của các chức năng đất có xu hướng giảm dần từ chức năng công nghiệp đến đất cây xanh chuyên dụng. Mật độ xây dựng tối đa cây xanh chuyên dụng là 5%, do đó mật độ cây xanh tối đa đất này là 95%*”. [12]

Bảng 2.1. Mật độ xây dựng gộp tối đa của các chức năng đất [12]

TT	Loại đô thị	Mật độ xây dựng gộp tối đa (%)
1	Đất đơn vị ở	60
2	Đất công nghiệp	50
3	Đất điểm dân cư nông thôn	45
4	Đất du lịch – nghỉ dưỡng tổng hợp	25
5	Đất công viên chuyên đề	25
6	Đất công viên công cộng	5
7	Đất khu cây xanh chuyên dụng	5

"Diện tích liền khoảnh tối thiểu từ 0,5 ha trở lên, nếu là dải cây rừng phải có chiều rộng tối thiểu 20m và có từ 3 hàng cây trở lên" [9]. Do đó, khoảng cách 1 hàng lang cây xanh bên sông để đạt hiệu quả sinh thái cần tối thiểu 20m, khoảng cách hàng lang cây xanh 2 bên sông để đạt hiệu quả sinh thái tối thiểu 40m.

Tiêu chuẩn thiết kế Quy hoạch phát triển khu du lịch: Trong các khu du lịch sinh thái núi cần lưu ý tổ chức các công viên cây xanh theo chuyên đề có quy mô rộng từ 10 ÷ 15ha phục vụ mục đích nghiên cứu; Đối với những khu du lịch lớn có tổ chức công viên rừng, công viên bách thú... đảm bảo diện tích tối thiểu từ 30 ÷ 50 ha. [8]

Theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng nông thôn: Hệ thống cây xanh trong điểm dân cư nông thôn bao gồm: Cây xanh, vườn hoa công cộng; Các vườn cây tập trung như vườn cây kinh tế, cây ăn quả, cây thuốc, vườn ươm; Cây xanh cách ly trồng quanh các khu sản xuất tập trung hoặc quanh các công trình sản xuất. [13]

*Đánh giá chung các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và định mức kinh tế kỹ thuật: Các tiêu chí tính toán đất cây xanh được tính toán theo phân cấp đô thị; được tính toán theo tỉ lệ m<sup>2</sup>/người. Việc phân loại đất cây xanh, cách tính toán đất cây xanh là chưa phù hợp với thực tế, thể hiện được vai trò KGX trong CTĐT.*

### **2.2.3. Các chính sách, định hướng chiến lược của Đảng, Nhà nước**

*Các chiến lược phát triển đô thị cấp quốc gia của Chính phủ ban hành:* Hiện nay, Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt nhiều chiến lược phát triển cấp quốc gia gắn với nhiều lĩnh vực khác nhau của đô thị như phát triển bền vững nông thôn, nông nghiệp, du lịch, môi trường... Trong các chiến lược đã được ban hành, một số chiến lược có tác động trực tiếp đến quy hoạch KGX, HLX thành phố Hà Nội như sau: “*Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam)* [65], “*Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 ÷ 2020 và tầm nhìn đến năm 2050*” [69]; “*Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 ÷ 2020*” [73]; “*Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 ÷ 2020*” [76], “*Quản lý không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị*” [67], và các nghị định, quyết định, thông tư hướng dẫn; “*Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020*”. [68]

## **2.3. Khung quy hoạch đô thị Hà Nội**

Luận án tập trung nghiên cứu quy hoạch đô thị Hà Nội ở 2 cấp độ là quy hoạch vùng và quy hoạch chung. Trong đó, luận án đi sâu vào nghiên cứu cấu trúc quy hoạch, mối quan hệ giữa loại hình cấu trúc quy hoạch và KGX, các dạng phát triển lan tỏa và các chức năng cần kiểm soát phát triển. Đây là những vấn đề cốt lõi để thiết lập CTQH HLX đô thị Hà Nội.

### **2.3.1. Định hướng phát triển không gian thành phố Hà Nội trong đồ án điều chỉnh**



## quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội

Vùng thủ đô Hà Nội bao gồm thành phố Hà Nội và 9 tỉnh: *Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Hòa Bình, Phú Thọ, Thái Nguyên và Bắc Giang*. Tổng diện tích toàn vùng khoảng 24.314 km<sup>2</sup>. [62] [78]

Trong đồ án, Thủ đô Hà Nội có tính chất là “*trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ, kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước; có ý nghĩa quốc tế quan trọng trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương*” [78]. Định hướng không gian Thủ đô Hà Nội “*phát triển theo mô hình chùm đô thị gồm khu vực đô thị trung tâm, 5 đô thị vệ tinh, các thị trấn được kết nối bằng hệ thống giao thông đường vành đai kết hợp các trục hướng tâm, có mối liên kết với mạng lưới giao thông vùng và quốc gia*” [78]; Đô thị trung tâm được phân cách với các đô thị vệ tinh, các thị trấn bằng “*HLX (khu vực nông nghiệp, làng xóm, di tích văn hóa - lịch sử, bảo tồn thiên nhiên...)*”. CTĐT Thủ đô Hà Nội phải “*hài hòa với cảnh quan tự nhiên (núi, sông, suối, hồ...), ưu tiên hình thành các vùng KGX nông, lâm nghiệp; Sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, hạn chế phát triển theo mô hình đô thị lan tỏa*”. [78]



Hình 2.7. Sơ đồ cấu trúc đô thị vùng Thủ đô Hà Nội [92]

*Đánh giá chung: CTĐT thành phố Hà Nội đã xác định theo mô hình chùm đô thị*

và đô thị trung tâm được phân cách với các đô thị vệ tinh, các thị trấn bằng HLX. HLX có vai trò hạn chế sự phát triển lan tỏa với chức năng là khu vực nông nghiệp, làng xóm, di tích văn hóa - lịch sử, bảo tồn thiên nhiên.

### 2.3.2. Định hướng phát triển không gian đô thị trong các đồ án quy hoạch chung thành phố Hà Nội

a. Định hướng phát triển không gian thành phố Hà Nội từ năm 1954 ÷ 2011: Chính sách đổi mới với sự xuất hiện của nhiều thành phần kinh tế đã trở thành động lực thúc đẩy đô thị Hà Nội phát triển với tốc độ nhanh chưa từng có trong lịch sử. Nhiều khu đô thị, khu công nghiệp mới cùng với hệ thống cơ sở hạ tầng quy mô lớn đang làm thay đổi đáng kể bộ mặt kiến trúc đô thị Hà Nội. Từ cấu trúc tập trung, hướng tâm, đơn cực, Hà Nội mở rộng hướng tới CTĐT đa tâm, dạng mạng phức hợp Đô thị - Nông thôn với sự xuất hiện của các đô thị đối trọng, đô thị vệ tinh. (xem Bảng 2.2)

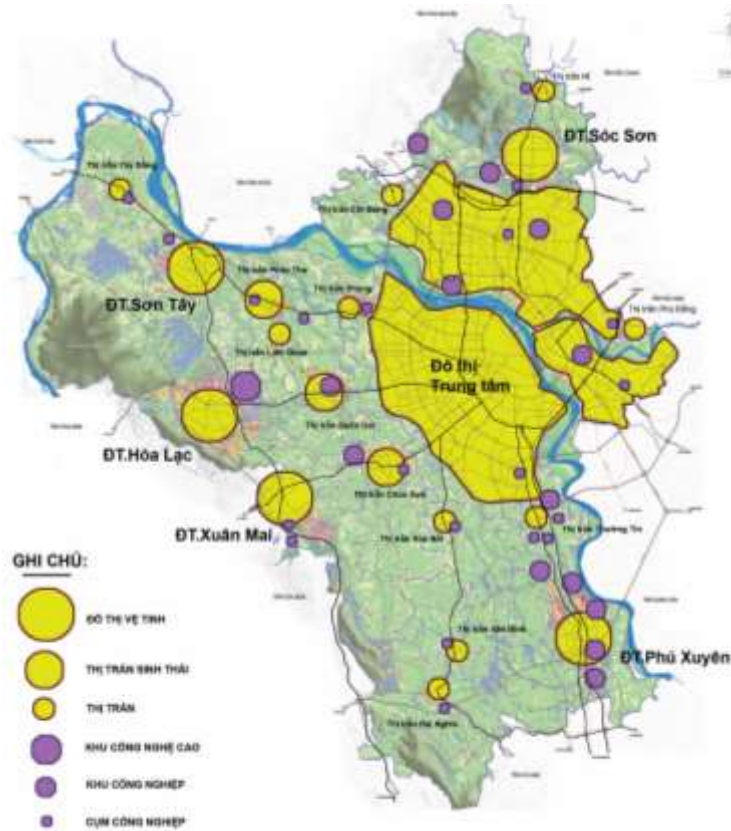
Bảng 2.2. Định hướng phát triển không gian đô thị trong một số đồ án quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội trước năm 2011 [90]

TT	Năm phê duyệt	Quy mô dân số (triệu)	Quy mô diện tích (km <sup>2</sup> )	Định hướng phát triển không gian thành phố Hà Nội
1	1961	1	70	Phát triển hoàn toàn nằm phía hữu ngạn sông Hồng. Khu vực trung tâm đô thị là khu vực Ba Đình - Hoàn Kiếm và phần phía Nam Hồ Tây vào bố cục không gian
2	1974	1,5	584	Trong quá trình phát triển vùng đô thị, Hà Nội xác định là đô thị trung tâm và các đô thị vệ tinh làm chức năng công nghiệp, nông nghiệp, du lịch và nghỉ mát (Xuân Mai - Sơn Tây - Ba Vì, Vĩnh Yên - Tam Đảo - Bắc Ninh)
3	1981	1,5	135	Hướng phát triển phía nam sông Hồng là chủ yếu. Hệ thống trung tâm thành phố gồm Ba Đình - Hoàn Kiếm - Hồ Tây và mở rộng không gian đi Hòa Lạc, lấy Hồ Tây là trung tâm bố cục không gian thành phố
4	1998	4,5	924	Định hướng thành phố phát triển hai bờ sông Hồng. Hà Nội đóng vai trò thành phố trung tâm trong chùm đô thị Hà Nội.

b. Định hướng phát triển không gian trong đồ án quy hoạch chung xây dựng Thủ



đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Cấu trúc đô thị Hà Nội có cấu trúc “đa cực, đa trung tâm, đa tầng bậc”. Phát triển Thủ đô Hà Nội gồm đô thị hạt nhân và 5 đô thị vệ tinh. Đô thị hạt nhân là trung tâm chính trị, văn hóa, lịch sử, dịch vụ, y tế, đào tạo chất lượng cao của cả nước, khu vực và Thành phố Hà Nội, có dân số khoảng 4 ÷ 4,5 triệu người. Hình thành 5 đô thị vệ tinh là Hòa Lạc, Sơn tây, Xuân Mai, Phú Xuyên – Phú Minh và Sóc Sơn có dân số từ xấp xỉ từ 21 ÷ 75 vạn người/1 đô thị [90]. (xem Hình 2.8)



Hình 2.8. CTQH đô thị Hà Nội phê duyệt năm 2011

c. *Mối quan hệ loại hình CTĐT đến KGX thành phố Hà Nội:* Loại hình CTĐT thành phố Hà Nội theo kiểu tập trung hướng tâm. CTĐT được tạo lập bởi 04 tuyến vành đai (từ đường vành đai 1 đến vành đai 04) và 07 tuyến hướng tâm (QL1; QL2; QL3; QL5; QL6; QL32; Đại lộ Thăng Long) tạo thành mạng lưới hình nan quạt. (xem Hình 2.11)

Trên cơ sở loại hình CTĐT thành phố Hà Nội, loại hình KGX cũng được hình thành với 02 dạng chủ yếu: Dạng vành đai bao bọc đô thị trung tâm và dạng tuyến hướng tâm (hay còn được định nghĩa là dạng nôm). Mối quan hệ cấu trúc giao thông và KGX có những mặt tích cực và tiêu cực như sau:

Tích cực: Hình thành các tuyến KGX bám theo các trục đường giao thông; Kết nối các KGX, chức năng tiềm năng phát triển KGX thành một hệ thống xanh; Tăng khả năng tiếp cận, khai thác phát triển KGX

Tiêu cực: Nếu không được kiểm soát chặt chẽ, tuyến đường giao thông sẽ chia cắt liên kết cấu trúc giữa KGX nội thành và ngoại thành, giữa các KGX ngoại thành.



Hình 2.9. Định hướng giao thông đô thị Hà Nội phê duyệt năm 2011 [90]

*Đánh giá chung: CTĐT thành phố Hà Nội giai đoạn 1954 đến nay có sự biến đổi từ mô hình đô thị đơn cực sang mô hình đô thị đa cực, từ phát triển một phía Nam sông Hồng sang phát triển đồng đều hai bên sông Hồng, tuy nhiên đô thị vẫn phát triển kế thừa trên cơ sở cấu trúc giao thông hình đường vành đai kết hợp xuyên tâm. Gắn kết với hình thái cấu trúc giao thông, KGX cũng có 02 dạng chủ yếu là dạng vành đai bao bọc và dạng tuyến hướng tâm.*

### 2.3.3. Các dạng phát triển lan tỏa đô thị của thành phố Hà Nội

Tương tự các đô thị trên thế giới trong giai đoạn công nghiệp hóa, không gian đô thị Hà Nội có xu hướng phát triển đô thị theo kiểu lan tỏa ra vùng ven là chủ đạo (xem Hình 2.12). Đây là nguyên nhân chính dẫn đến việc cần thiết phải hình thành VĐX bao bọc đô thị. Các tác động của sự phát triển đô thị lan tỏa tới khu vực vùng ven được nhìn nhận dưới các khía cạnh sau:

- i) Biến đổi cấu trúc không gian điểm dân cư nông thôn truyền thống;
- ii) Biến đổi cơ cấu kinh tế điểm dân cư nông thôn truyền thống;
- iii) Chia cắt KGX tiềm năng như khu vực dịch vụ du lịch, làng xã, nông nghiệp.

Qua khảo sát hiện trạng và phân tích trên bản đồ hiện trạng Hà Nội, một số dạng 3

phát triển lan tỏa chính như sau:

*a. Dạng phát triển lan tỏa theo trục đường giao thông:* Xu hướng phát triển đô thị lan tỏa theo trục đường giao thông vẫn là xu hướng chính của các đô thị Việt Nam trong đó có Hà Nội. Đô thị trung tâm có xu hướng phát triển lan tỏa mạnh theo các trục giao thông chính như QL32, Đại lộ Thăng Long, QL6, QL1, QL5, QL3. Hình thành các chức năng như các khu công nghiệp, đô thị mới hay các khu du lịch bám theo hành lang giao thông. Sự phát triển lan tỏa theo các trục đường giao thông là nguyên nhân dẫn đến phát triển lộn xộn và khó kiểm soát tại khu vực vùng ven. Dẫn đến làm biến đổi cấu trúc và kinh tế điểm dân cư nông thôn truyền thống, chia cắt và phân đoạn KGX tự nhiên.

*b. Dạng phát triển lan tỏa phân mảnh tại vùng biên đô thị:* Phát triển các chức năng tại khu vực ven đô thị lõi. Các chức năng bao gồm: Khu công nghiệp, cụm tiểu thủ công nghiệp, đô thị mới, dự án công trình hạ tầng đô thị. Bên cạnh đó còn có các khu vực chức năng xây dựng lán chiếm, tự phát, không theo quy hoạch, đan xen khu vực làng xã, đồng ruộng.

Trong quá trình đô thị hóa tại đô thị Hà Nội, đô thị không những phát triển lan tỏa theo trục đường giao thông lớn mà còn phân mảnh trong khu vực biên đô thị. Đây là hậu quả của sự chuyển đổi quyền sử dụng đất "*phi thể thức*" và không đồng đều ở nhiều cấp độ phạm vi, từ những khu dân cư và khu phát triển công nghiệp lớn nhỏ có ranh giới cửa ngõ rõ ràng, đến những địa điểm công nghiệp và dân cư quy mô nhỏ hơn, phát triển theo kiểu chia cắt từng miếng một mang tính "*cá nhân hóa*". [30]

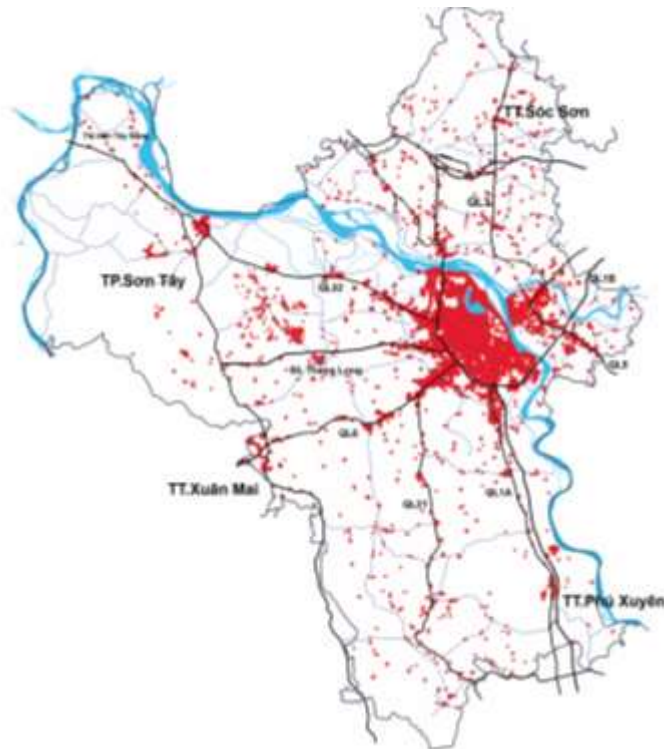
Quá trình phát triển dự án đã gây áp lực lớn đến hạ tầng vùng ven. Nhiều tuyến đường giao thông đã bị xuống cấp nghiêm trọng, thu hẹp các khu vực tiêu thoát nước (như sông hồ, kênh mương và diện tích tiêu lũ) dẫn đến ngập úng tại làng xã và đường giao thông, môi trường của các KGX bị suy giảm. Diện tích đất nông nghiệp bị thu hẹp, phân bố thành nhiều mảnh nhỏ nằm xen kẽ đất dự án. Ví dụ: Trong khu vực khoảng 700 ha (điểm khảo sát số 2) có đến 5 dự án (đã xây dựng hoặc đã phê duyệt nhưng chưa xây dựng) đan xen trong khu vực làng xã và đồng ruộng. Khu vực đất nông nghiệp bị chia nhỏ, phần lớn khu vực đất nông nghiệp bị bỏ hoang.

*c. Dạng phát triển lan tỏa đan xen trong khu vực ngoại thành:* Phát triển các chức năng kinh tế đô thị nằm vùng ngoại thành. Các chức năng bao gồm: Khu công nghiệp, khu du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng cuối tuần, khu ĐTST. Đây là dạng chủ yếu đang được hình thành trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa tại nước ta hiện nay.

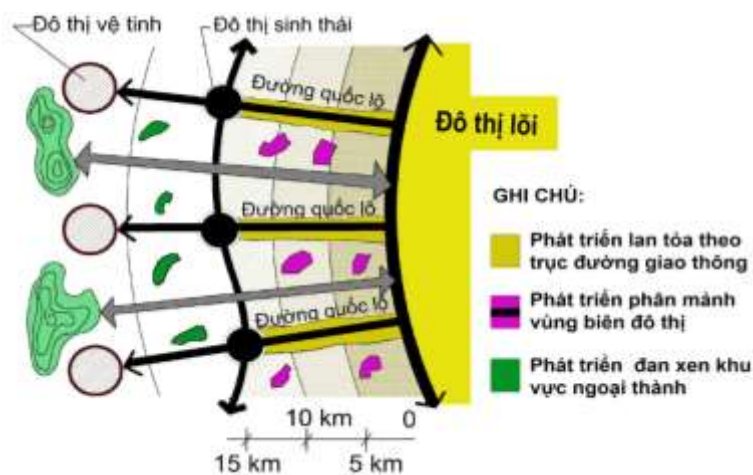
Dự án công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đã xây dựng trước khi sát nhập tỉnh Hà Tây vào thành phố Hà Nội. Nhìn chung các khu vực này có xu hướng bám đường giao thông chính. Một số điểm công nghiệp nhỏ, tiểu thủ công nghiệp phân bố đan xen khu vực dân cư. Các dự án này hiện tác động ô nhiễm đến môi trường. Cần có giải pháp kiểm soát phát triển.

Dự án phát triển dịch vụ du lịch đan xen trong khu vực ngoại thành. Tận dụng điều kiện, tiềm năng tự nhiên và các di sản văn hóa, một số khu du lịch, điểm du lịch sinh thái đã được hình thành khu vực ngoại thành. Nhìn chung các dự án này tác động ít đến môi trường. Cần có giải pháp thúc đẩy các dạng phát triển này. (xem Hình 2.10, Hình 2.11)

*Đánh giá chung: Phát triển đô thị lan tỏa tiếp tục vẫn là xu hướng phát triển chung của thành phố Hà Nội. Xu hướng phát triển này sẽ chia cắt và làm giảm tính liên kết và khả năng tiếp cận KGX, thu hẹp diện tích cây xanh và đất nông nghiệp, là nguyên nhân lớn nhất làm ô nhiễm môi trường mặt nước sông, hồ.*

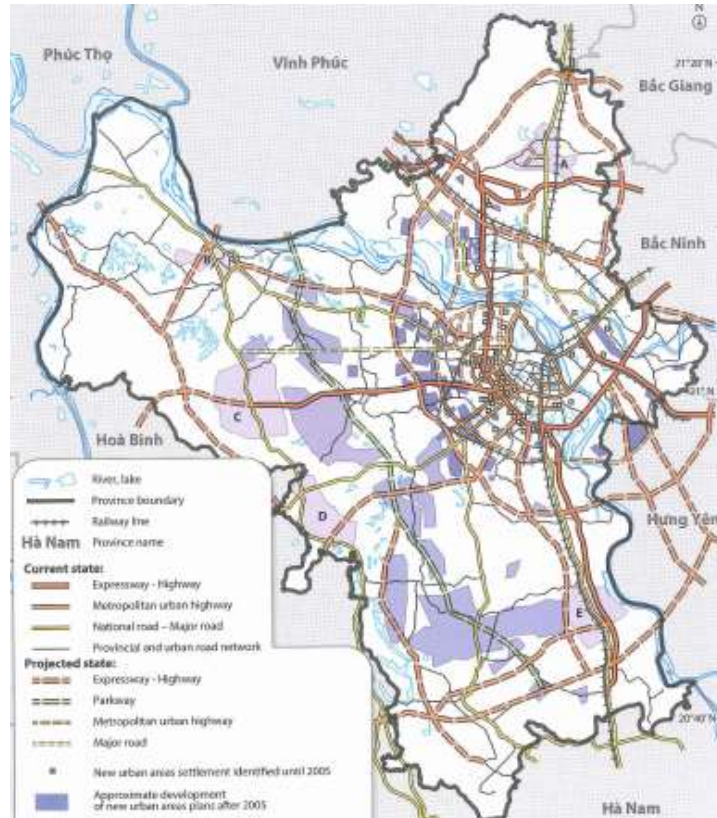


Hình 2.10. Sơ đồ đánh giá sự phát triển lan tỏa theo trục đường giao thông



Hình 2.11. Sơ đồ phân tích các dạng phát triển lan tỏa tại thành phố Hà Nội [81]





Hình 2.12. Phân bố các dự án phát triển đô thị vùng ven đô [114]

#### 2.3.4. Các chức năng cần phải kiểm soát phát triển

Từ phân tích thực trạng khu vực dự kiến thiết lập HLX thành phố Hà Nội, các nhóm chức năng phát triển cần kiểm soát như sau:

**Chức năng ở:** Bao gồm các đô thị mới, khu nghỉ ngơi cuối tuần, khu vực giãn dân - tái định cư. Các chức năng này làm suy giảm diện tích đất tự nhiên, đất nông nghiệp và tác động tiêu cực đến môi trường đô thị.

**Chức năng sản xuất:** Bao gồm các khu công nghiệp, cụm tiêu thủ công nghiệp, khu vực phát triển làng nghề truyền thống, khu vực khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng... Các chức năng này tác động nghiêm trọng đến môi trường sinh thái đô thị, trong đó môi trường không khí, nước.

**Chức năng dịch vụ:** Bao gồm chợ đầu mối, siêu thị, nhà hàng ăn uống và giải khát, cửa hàng dịch vụ thương mại thiết yếu,... Các chức năng này có quy mô nhỏ chưa có tác động nghiêm trọng đến môi trường, nhưng cần phải kiểm soát về quy mô và chức năng để hạn chế tác động đến tài nguyên tự nhiên.

**Chức năng hạ tầng kỹ thuật đầu mối:** Bao gồm khu vực xử lý rác tập trung, trạm cấp nước, trạm xử lý nước thải, trạm biến áp, ... Các chức năng này đã có quy chế kiểm soát riêng theo ngành. Tuy nhiên, cần hạn chế tối đa chức năng này và có biện pháp di dời khỏi khu vực phát triển HLX, đặc biệt là khu vực xử lý rác và nước thải.

*Đánh giá chung: Các chức năng này đã tồn tại trong khu vực dự kiến thiết lập HLX Thành phố. Tác động của chức năng này đến môi trường và cảnh quan tự nhiên, điểm dân cư nông thôn và nông nghiệp rất nghiêm trọng, cần có giải pháp kiểm soát nghiêm ngặt. Trong đó chức năng sản xuất và hạ tầng kỹ thuật đầu mối là cần có giải pháp di dời ra khỏi khu vực KGX, HLX.*

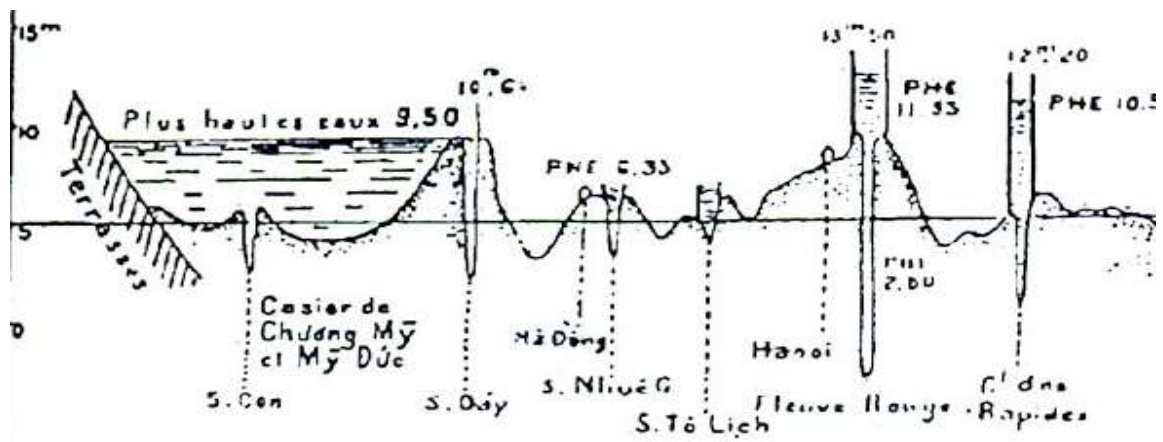
## 2.4. Các yếu tố và phương pháp luận thiết lập CTQH HLX thành phố Hà Nội

### 2.4.1. Các yếu tố thiết lập CTQH HLX thành phố Hà Nội

#### 2.4.1.1. Điều kiện tự nhiên thành phố Hà Nội

##### a. Địa hình, địa chất, thủy văn, khí hậu

*Đặc điểm địa hình:* Nhìn chung, địa hình thành phố thấp dần theo hướng từ Bắc (có độ cao khoảng 400m) xuống Nam, từ Tây (có độ cao trên 1200m) sang Đông, với độ cao trung bình từ 5 ÷ 20m so với mực nước biển [18]. Hình thái địa hình Hà Nội có nền tảng thiên nhiên, tựa lưng vào núi Ba Vì, Sóc Sơn, Hương Sơn, với 9 con sông lớn nhỏ uốn lượn, bồi tụ nên dải đồng bằng tốt nhất châu thổ Sông Hồng. Địa hình này được phản ánh rõ nét qua hướng dòng chảy tự nhiên của các dòng sông chính thuộc địa bàn thành phố Hà Nội. Có thể chia địa hình thành phố thành các khu vực: Núi, trung du và đồi núi thấp và đồng bằng. Đây là cơ sở quan trọng để phân loại cảnh quan đặc thù HLX thành phố Hà Nội. Trong đó, Địa hình khu vực ngoại thành phía Nam thành phố Hà Nội là khu vực "Võng sông Hồng" [50]. Khu vực phía Tây (tỉnh Hà Tây cũ) là vùng trũng, khó khăn trong việc tiêu thoát nước, điều này được minh họa trong Hình 2.13 dưới đây. Do đó, cần có giải pháp quy hoạch phù hợp với vùng thoát lũ này.



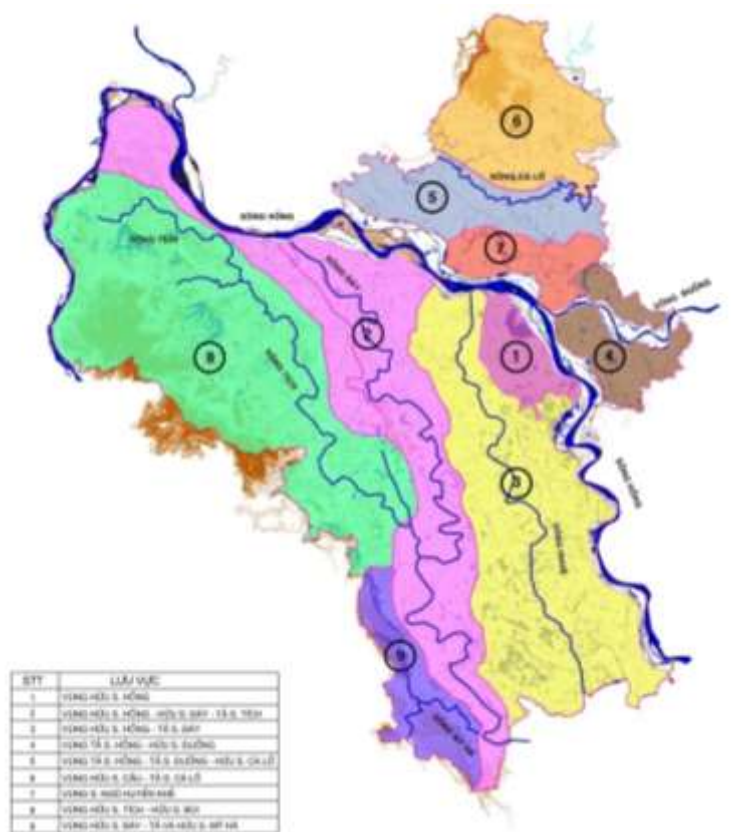
Hình 2.13. Sơ đồ mặt cắt địa hình Hà Nội [51]

*Đặc điểm cấu trúc, kiến tạo địa chất:* Khu vực ngoại thành phía Nam thành phố Hà Nội (tỉnh Hà Tây cũ) chia làm 2 nhóm chính: "Đất phong hóa từ đá mẹ gốc tại chỗ" và "đất hình thành trên các sản phẩm bồi tụ" [60]. Những đất phát triển tại chỗ gồm: "Đất đỏ vàng trên đá mẹ phiến, đất đỏ nâu sản phẩm của đá vôi terra rossa, đất đỏ trên đá phun xuất trung bình" [60] rất tốt cho sản xuất nông lâm nghiệp, đặc biệt là trồng hoa màu và cây ăn quả.

*Đặc điểm thủy văn:* Chế độ thủy văn của thành phố Hà Nội phụ thuộc vào lượng mưa theo mùa và được chi phối bởi sông Hồng. Sau khi có thủy điện Hòa Bình trên sông Đà, chế độ thủy văn sông Hồng có những thay đổi đáng kể: Mùa mưa mực nước không dâng quá cao, mùa cạn cũng bớt gay gắt hơn vì được xả nước chống hạn. Tuy nhiên, thành phố vẫn duy trì vùng tiêu thoát lũ ở sông Đáy, sông Tích.

*Đặc điểm khí hậu:* Đặc trưng bởi khí hậu nhiệt đới gió mùa, một năm có 4 mùa, kiến tạo lên cảnh quan đô thị hấp dẫn. Khí hậu tạo cho thành phố Hà Nội những đặc thù sắc thái cảnh quan hấp dẫn, độc đáo riêng. Những cảnh sắc mùa thu, mùa xuân, mùa đông của thành phố Hà Nội đã đi vào tác phẩm âm nhạc, thi ca, hội họa nổi tiếng của Việt Nam.

*Đặc điểm thủy lợi:* Trên cơ sở địa hình, thành phố Hà Nội được phân thành 3 vùng tiêu chính: (i) Vùng hệ thống thủy lợi sông Nhuệ, (ii) Vùng hệ thống thủy lợi sông Tích-sông Thanh Hà, (iii) Vùng Bắc Hà Nội. (xem Hình 2.14)



Hình 2.14. Sơ đồ các lưu vực thoát nước thành phố Hà Nội [90]

*b. Cấu trúc khung tự nhiên thành phố Hà Nội:* Cấu trúc *khung tự nhiên* thành phố Hà Nội được cấu thành bởi các hệ thống: Rừng núi, sông suối, kênh mương, ao hồ. Trong đó hệ thống sông có vai trò chủ đạo, là trục không gian chính thiết lập cấu trúc khung tự nhiên thành phố Hà Nội. KGX gắn với dòng sông có vai trò liên kết KGX trong đô thị trung tâm, gắn kết KGX trong đô thị trung tâm và khu vực ngoại thành thành hệ thống.



Cấu trúc *khung tự nhiên* thành phố Hà Nội tồn tại ở các cấu trúc dạng mảng xanh, dạng tuyến xanh, dạng điểm xanh. Đặc điểm chính của các dạng cấu trúc *khung tự nhiên* thành phố Hà Nội như sau:

*Dạng mảng xanh:* Cấu trúc mảng xanh là hệ thống rừng núi kết hợp với ao hồ. Mảng xanh này có diện tích lớn, trong đó lớn nhất là mảng xanh gắn với rừng núi và nhỏ nhất là mảng xanh gắn với núi thấp và gò đồi. Mảng xanh phân bố phân tán tại khu vực ngoại thành và ven đô thị (*xem Hình 2.15*). Mảng xanh lớn gắn với hệ thống rừng núi, chủ yếu phân bố tại 7 huyện và thị xã: Ba Vì, Sóc Sơn, Mỹ Đức, Sơn Tây, Chương Mỹ, Quốc Oai và Thạch Thất. Trong đó tập trung nhiều nhất tại 3 huyện Ba Vì, Sóc Sơn và Mỹ Đức. Nhìn chung, thành phố Hà Nội có diện tích rừng thấp (tổng diện tích rừng là 29.171,3ha, chiếm 9% diện tích đất tự nhiên). Trong đó, rừng sản xuất là 13.982,9ha, rừng phòng hộ là 5.034,2ha và rừng đặc dụng là 10.154,2ha [90]. Đây là quỹ đất cây xanh tự nhiên có giá trị quan trọng nhất của thành phố Hà Nội, cần có giải pháp quy hoạch để bảo vệ nghiêm ngặt.

Bảng 2.3. Bảng tổng hợp diện tích hệ thống rừng thành phố Hà Nội

TT	Huyện	Diện tích (ha)
1	Ba Vì	11.134
2	Sóc Sơn	5.817
3	Mỹ Đức	2.373



Hình 2.15. Sơ đồ mảng rừng lớn thành phố Hà Nội [90]

*Dạng tuyến xanh bám theo hành lang sông:* Hà Nội là thành phố trong sông, từng được người Pháp ví là “*Venice Phương Đông*” [50]. Trong suốt lịch sử phát triển, thành phố Hà Nội gắn liền với yếu tố mặt nước. Đặc trưng này để lại dấu ấn sâu đậm của nó trên toàn bộ diện mạo của Thủ đô và trở thành đặc điểm đặc trưng của cấu trúc không gian Thủ đô (xem Hình 2.16). Tuyến xanh bám theo sông được xác định từ sông có mặt cắt ngang từ 20m trở lên. Mật độ mạng nước sông khoảng  $0,5 \div 1\text{km/km}^2$ . Thành phố Hà Nội hiện có: 4 con sông trong khu vực nội thành (sông Tô Lịch, sông Lừ, sông Sét, sông Kim Ngưu) và 9 dòng sông chính chảy qua khu vực ngoại thành (sông Hồng, sông Đuống, sông Đà, sông Nhuệ, sông Tích, sông Công, sông Đáy, sông Cà Lồ, sông Bùi). Trong đó sông Hồng (hay còn gọi là “*sông Cái*” [50]) là con sông dài nhất (163km), rộng nhất (1000 ÷ 1500m) có vai trò quan trọng nhất của thành phố Hà Nội. (*Quy mô sông nội thành, ngoại thành xem Phụ lục 1 và 2*)



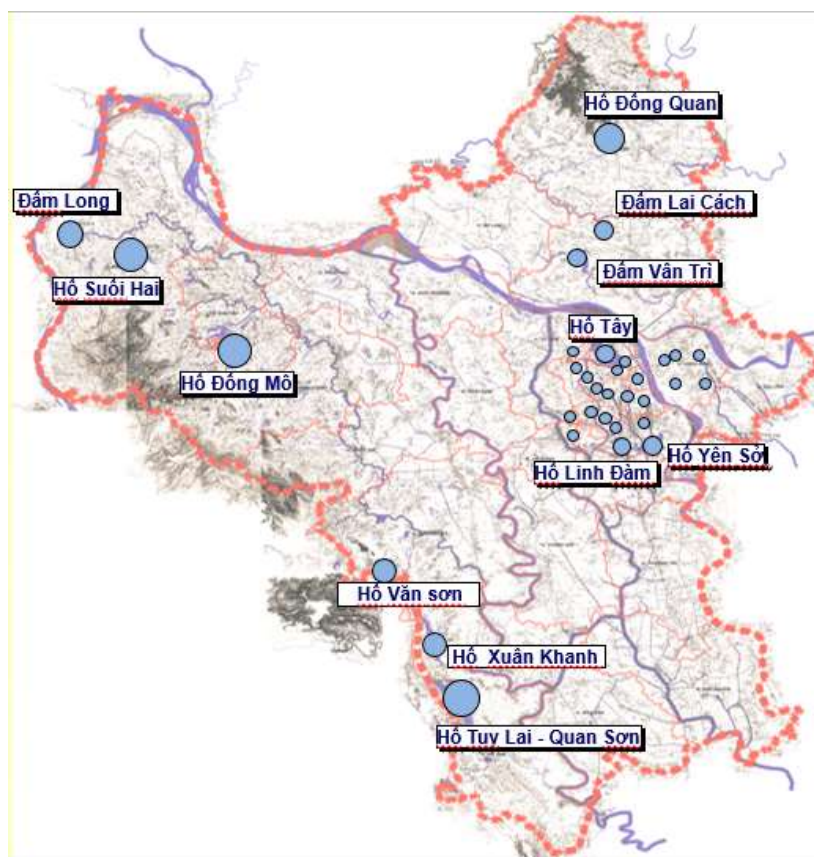
Hình 2.16. Sơ đồ hệ thống sông thành phố Hà Nội

*Dạng điểm xanh gắn với hệ thống ao hồ:* Bao gồm hệ thống hồ ao lớn nằm đan xen trong khu vực phát triển đô thị và ngoại thành. (xem Hình 2.17)

Hệ thống hồ ao trong khu vực ven đô và ngoại thành: Các hồ khu vực ngoại thành có giá trị cảnh quan, đóng góp cho không gian văn hóa, khu sinh thái, gắn với hoạt động du lịch. Tổng số có 12 hồ và quy mô diện tích khoảng 3.950,97 ha [96]. Hồ, ao ở khu vực ngoại thành chủ yếu phục vụ: Canh tác nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản, tham gia điều hòa thoát nước. Số lượng và diện tích các hồ ao, trong những năm gần đây đã

giảm đi một cách đáng kể do quá trình đô thị hoá, lấn chiếm đất đai (hợp pháp và bất hợp pháp). (*Quy mô các hồ ngoại thành xem Phụ lục 3*)

Hệ thống hồ ao trong khu vực nội thành: Hiện nay thành phố có số lượng ao hồ nhiều, diện tích ao hồ lớn so với các đô thị trong cả nước. Hiện nay trên địa bàn 11 quận nội thành Hà Nội có khoảng 111 hồ, ao với tổng diện tích khoảng 1.146ha. Trong số đó có 46 hồ đã được cải tạo (với 15 hồ đã cải tạo đồng bộ, hoàn chỉnh); 65 hồ chưa được cải tạo (với 21 hồ đã có dự án cải tạo, còn lại 44 hồ chưa có dự án cải tạo) [96]. Các hồ trong đô thị đảm nhận các chức năng chính sau: Tạo cảnh quan, điều hoà vi khí hậu và môi trường; Là không gian công cộng quan trọng; Điều hoà nước mưa, tiếp nhận nước thải (chủ yếu là nước thải sinh hoạt). (*Quy mô các hồ nội thành xem Phụ lục 4*)

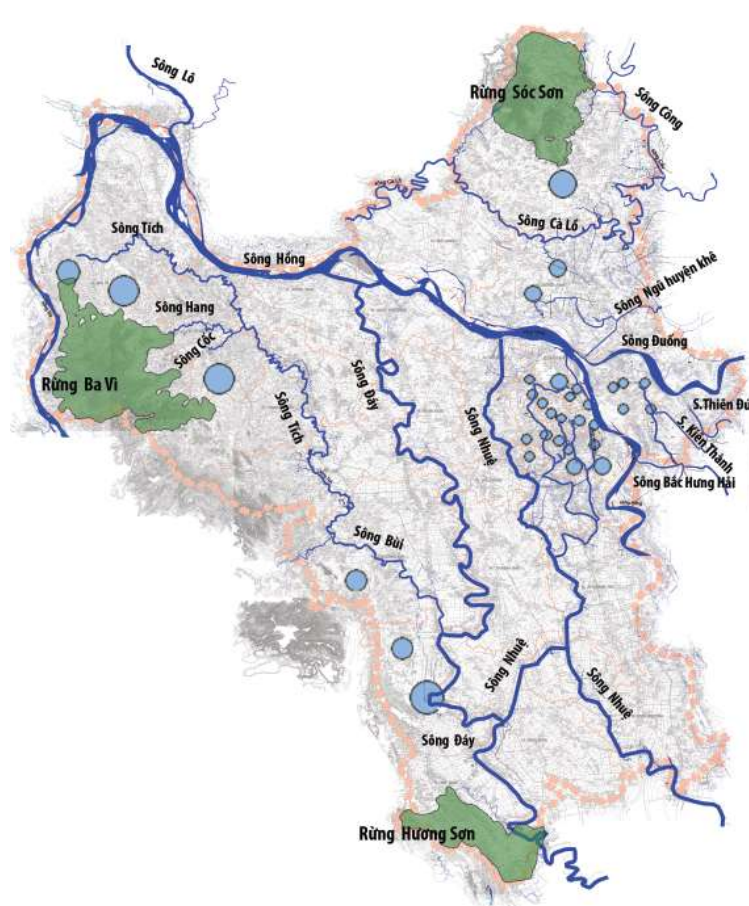


Hình 2.17. Sơ đồ vị trí hệ thống ao hồ thành phố Hà Nội

Sau khi phân tích các thành phần tự nhiên như rừng, sông, hồ, NCS tiến hành chồng lớp các Sơ đồ trong các hình 2.15 đến 2.17, để đưa ra sơ đồ khung hình thái cấu trúc tự nhiên thành phố Hà Nội. (xem Hình 2.18)

*Đánh giá chung điều kiện tự nhiên: Thành phố Hà Nội có khung tự nhiên phong phú và đa dạng bao gồm hệ thống rừng, sông, ao hồ và được hình thành từ các hành lang sông theo hướng Tây Bắc – Đông Nam. Đây là quỹ KGX có giá trị sinh thái cảnh quan rất quan trọng của thành phố Hà Nội. Trong khung tự nhiên, hệ thống sông hồ là yếu tố đặc trưng nhất. Sông là yếu tố liên kết không gian tự nhiên nội thành và ngoại thành, liên kết các chức năng của khung cấu trúc tự nhiên Thành phố.*





Hình 2.18. Sơ đồ khung hình thái cấu trúc tự nhiên thành phố Hà Nội

#### 2.4.1.2. Quỹ đất cây xanh và đất có tiềm năng phát triển KGX thành phố Hà Nội

##### a. Quỹ đất cây xanh của thành phố Hà Nội

(i) *Quỹ đất xanh gắn với công viên đô thị: Đất cây xanh gắn với công viên là quỹ KGX có quy hoạch.* Đất công viên chủ yếu tập trung ở các quận nội thành cũ (đặc biệt là quận Ba Đình và Hoàn Kiếm). Tổng số công viên thành phố Hà Nội 67 công viên, vườn hoa, sân thể dục thể thao các loại (thuộc khu vực nội đô và 9/23 thị trấn). Tổng diện tích: 365,61 ha (lớn nhất là công viên hồ Yên Sở 67ha) [96] và tập trung chủ yếu ở khu vực 10 quận nội thành. (xem Hình 2.19)

Công viên khu vực nội thành (2012): Chủ yếu là công viên văn hóa tổng hợp và vườn hoa nghỉ ngơi, thư giãn, rèn luyện sức khỏe. Tổng số: 52 công viên (78%). Tổng diện tích: 303,98 ha (83%). Trong đó: 34 vườn hoa có quy mô nhỏ hơn 1ha (chiếm khoảng 65% số lượng công viên, vườn hoa nội thành); 18 công viên bao gồm: 3 công viên chuyên đề; 14 công viên văn hóa tổng hợp. [96]

Công viên khu vực ngoại thành (2012): Cây xanh gắn với di tích; Sân luyện tập thể thao; Gắn với các khu đô thị mới. Quy mô nhỏ từ 2000 ÷ 5000 m<sup>2</sup>. Số lượng là 15 công viên, vườn hoa. Tổng diện tích khoảng 61,63 ha; bao gồm 1 công viên chuyên đề, 3 công viên văn hóa tổng hợp, 11 vườn hoa và sân luyện tập. [96]



Hình 2.19. Sơ đồ phân bố công viên đô thị thành phố Hà Nội

(ii) *Quy hoạch cây xanh gắn với đường giao thông*: Tuyến cây xanh gắn với đường giao thông là KGX có quy hoạch. Bao gồm hệ thống cây xanh theo hành lang giao thông. . Quy hoạch cây xanh này chủ yếu tại khu vực nội thành từ đường vành đai 2 trở vào, các trung tâm huyện, thị xã (Sơn Tây, Đông Anh) và các tuyến đường chính đô thị (QL3, QL5A, QL32, QL6, QL21, QL1A, Đại lộ Thăng Long,..) ( xem Hình 2.20). Đặc điểm phân bố quy hoạch cây xanh này như sau:

**Khu vực ngoại thành**: Các tuyến đường chính đô thị liên kết đô thị trung tâm với các đô thị vệ tinh và các tỉnh khác trong vùng ĐBSH. Hình thành 02 hàng cây xanh bóng mát hai bên đường hoặc trong giải phân cách giữa đường (QL1A, QL5, QL21, QL32, QL3, đại lộ Thăng Long,...). Tuy nhiên, cây xanh không phân bố đồng đều, nhiều đoạn đường chưa được trồng cây xanh bóng mát.

**Trong đô thị trung tâm**: Các tuyến phố cũ trong đô thị trung tâm: Vẫn được duy trì được 02 hàng cây ở hai bên đường trên cơ sở cấu trúc mạng lưới đường giao thông (tuyến phố Pháp). Các tuyến phố mới trong đô thị trung tâm: Hiện đang bổ sung, phát triển 02 hàng cây hai bên đường hoặc trong giải phân cách giữa đường. Các tuyến đường đã hình thành hành lang cây xanh hai bên đường (đường vành đai 3, đường vành đai 2 và 2,5, đường vành đai 1, đường Nguyễn Chí Thanh, đường đê sông Hồng...). ( xem Hình 2.21)



Hình 2.20. Sơ đồ phân bố hệ thống cây xanh đường phố thành phố Hà Nội [96]



Hình 2.21. Sơ đồ phân bố hệ thống cây xanh đường phố trong trung tâm đô thị Hà Nội

*Nhìn chung cây xanh gắn với công viên, tuyến đường giao thông có vai trò trong thiết lập hệ thống KGX đô thị. Tuy nhiên, diện tích cây xanh này ngày suy giảm do việc mở rộng phát triển đô thị.*

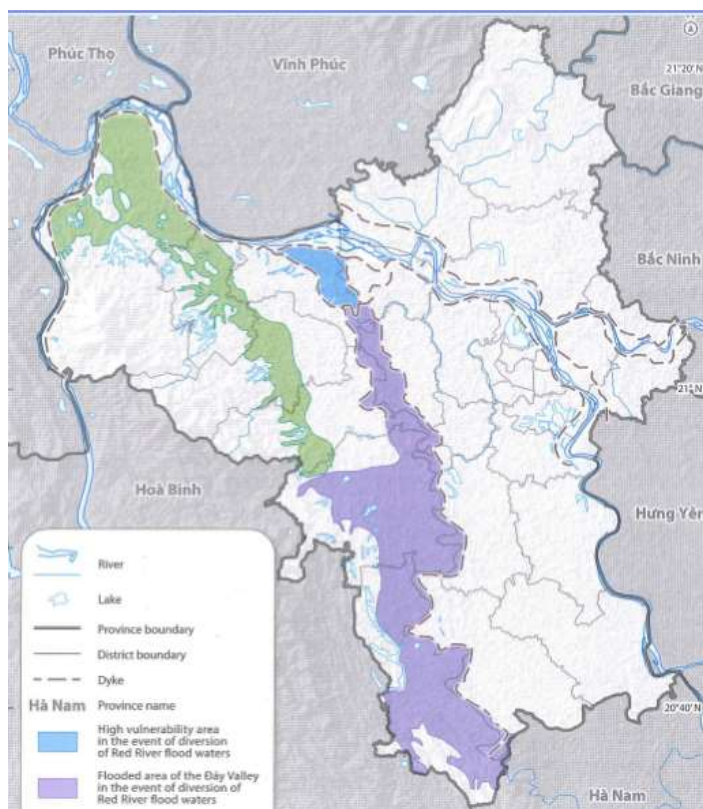


## b. Quỹ đất mới có tiềm năng phát triển KGX thành phố Hà Nội

Quỹ đất có tiềm năng phát triển KGX là tài nguyên có thể thiết lập HLX thành phố Hà Nội. Quỹ đất có tiềm năng phát triển KGX thành phố Hà Nội bao gồm các loại đất: Đất di sản văn hóa, đất dịch vụ, đất nông nghiệp, đất làng xã và các loại đất khác. Đặc điểm của quỹ đất có tiềm năng phát triển KGX thành phố Hà Nội như sau:

(i). *Khu vực phân lũ và hồ điều hòa*: Vùng phân lũ cho sông Hồng là sông Đáy và sông Tích. Diện tích vùng phân lũ cho sông Hồng được xác định trong Hình 2.22. Diện tích vùng phân lũ này chùng lấn vào phạm vi rộng lớn khu vực ngoại thành, trong đó bao gồm thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức. Khu vực trong hành lang sông Đáy thuộc HLX thành phố Hà Nội là “*khu vực cần bảo tồn cảnh quan tự nhiên, giữ nguyên hiện trạng (hiện nay có mật độ xây dựng thấp)*”.

Việc xây dựng các công trình trong phạm vi hành lang thoát lũ sông Đáy phải tuân thủ đúng quy định của Luật Đê điều năm 2006. Diện tích mặt nước, cây xanh trong điểm dân cư và cây xanh gắn với sản xuất nông nghiệp được bảo tồn là không gian tiềm năng để hình thành KGX.



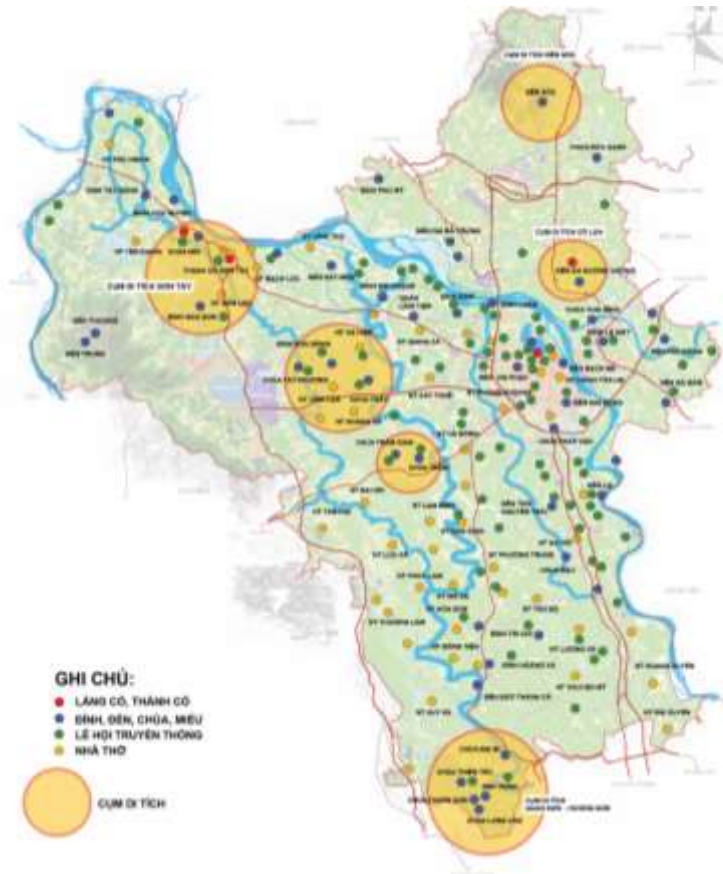
Hình 2.22. Sơ đồ phân vùng thoát lũ sông Đáy, sông Tích thành phố Hà Nội [114]

Theo quy hoạch chung xây dựng được phê duyệt năm 2011, thành phố Hà Nội quy hoạch 06 hồ điều hòa chính [90]. Trong đó: 02 hồ điều hòa gắn với hệ thống sông Đáy, sông Bùi, sông Tích (phía Tây); 02 hồ điều hòa gắn với hệ thống sông Nhuệ, sông Tô Lịch (khu vực đô thị trung tâm); 01 hồ điều hòa gắn với hệ thống sông Công (phía Bắc);





tiền Thủ đô. Di sản không những là giá trị văn hóa đặc trưng của Thủ đô mà còn là tài nguyên vô giá trong phát triển dịch vụ du lịch Thủ đô.



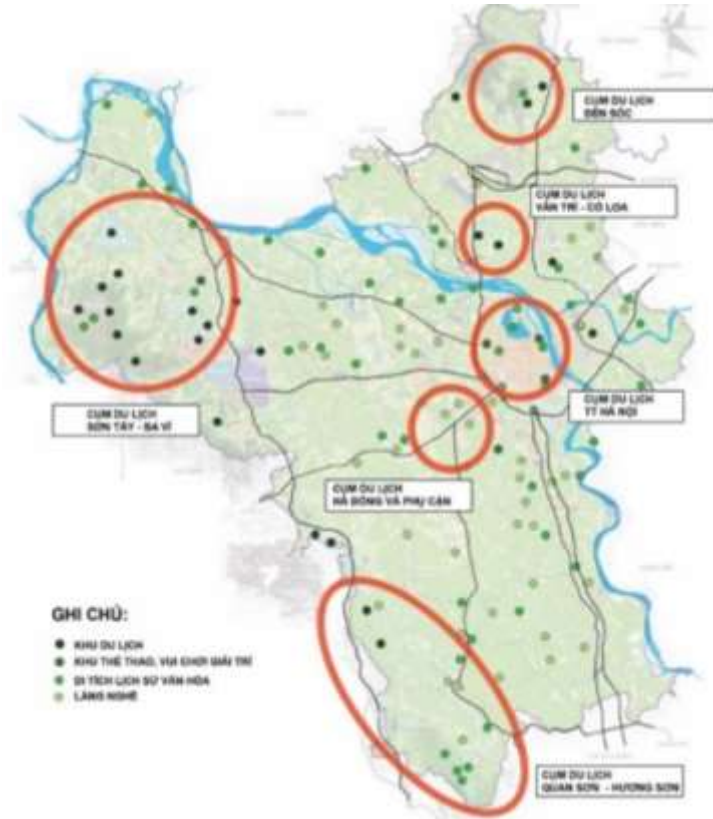
Hình 2.24. Sơ đồ phân bố hệ thống di sản văn hóa thành phố Hà Nội

iii). *Đất dịch vụ du lịch:* Hiện nay, thành phố Hà Nội có 2 loại hình phát triển du lịch đặc thù: Khu du lịch, điểm du lịch.

**Khu du lịch:** Thành phố Hà Nội hiện có các khu du lịch quốc gia trong đó có 1 khu du lịch tổng hợp được ưu tiên tập trung quy hoạch và đầu tư phát triển (ví dụ: Khu du lịch văn hóa, sinh thái Hương Sơn; Khu du lịch nghỉ dưỡng núi Ba Vì - Suối Hai; Khu du lịch Làng văn hóa - du lịch các dân tộc Việt Nam...). Ngoài các khu du lịch quốc gia, thành phố Hà Nội còn có các khu du lịch địa phương xây dựng dựa trên sự nổi trội của tài nguyên, khả năng khai thác mà chưa xác định quy mô ranh giới cụ thể. Khu du lịch này đã tạo nhiều sản phẩm du lịch mới, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế vùng ngoại thành.

**Điểm du lịch:** Các điểm du lịch được phân thành ba nhóm: i) Điểm du lịch sinh thái có quy mô khoảng từ 1 ÷ 10 ha, tập trung ở các khu vực ven đô (Ví dụ: Điểm du lịch sinh thái Thiên Đường Bảo Sơn). ii) Điểm du lịch văn hóa gắn với các công trình di tích, tôn giáo tín ngưỡng, tập trung nhiều ở khu vực ngoại thành (Ví dụ: Cầu tình duyên tại Chùa Hà, du lịch Homestay tại làng cổ Đường Lâm,...). iii) Điểm du lịch vui chơi giải trí cho trẻ em có xu hướng phát triển mạnh tại khu vực ven đô (Ví dụ: Công viên nông nghiệp Long Việt tại huyện Sóc Sơn,...)

- Hồ Cầu, vườn dịch vụ sinh thái: Các khu vực này được hình thành khoảng từ những năm 1995 đến nay nhằm đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi của người dân đô thị. Đây là khu vực nằm trong đất nông nghiệp, được giao cho thuê khoảng 20 ÷ 50 năm. Các chức năng du lịch trong khu vực chủ yếu là câu cá, ăn uống các món ăn ẩm thực nông thôn (cá, gà, ba ba,...), nghỉ ngơi trong ngày. (xem Hình 2.25)



Hình 2.25. Sơ đồ phân bố hoạt động du lịch thành phố Hà Nội

KGX gắn với điểm du lịch có diện tích mặt nước cây xanh lớn, môi trường trong lành. KGX này có vị trí gần với đô thị trung tâm. Điểm du lịch này đã có sức hút khá lớn, nhất là vào dịp cuối tuần.

iv) *Đất giáo dục*: Hệ thống giáo dục của Hà Nội bao gồm hệ thống trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp do các bộ ngành quản lý và mạng lưới các trường phổ thông từ bậc mầm non đến bậc PTTH. Hệ thống trường đại học chủ yếu tập trung ở khu vực trung tâm nội thành, hệ thống các trường phổ thông tổ chức tầng bậc theo phân cấp hành chính quận huyện, xã phường và đặc điểm phân bố dân cư. Thành phố đã xây dựng một số trung tâm chất lượng cao ở các ngành học và có hệ thống trường chuyên nghiệp dạy nghề nhằm phát triển đa dạng các loại hình đào tạo nghề. Bên cạnh hệ thống trường quốc lập, Thành phố đã quan tâm phát triển hệ thống trường bán công, dân lập, tư thục ở các ngành học theo quy chế mở trường của Bộ Giáo Dục và Đào tạo.

v) *Đất nông nghiệp*: Khác với các đô thị trên thế giới đã thiết lập HLX, không gian mở khu vực ven đô thị Hà Nội, bám theo các hành lang sông chủ yếu là khu vực đất nông nghiệp. Hiện nay, khu vực ngoại thành là vành đai cung cấp lương thực, thực phẩm

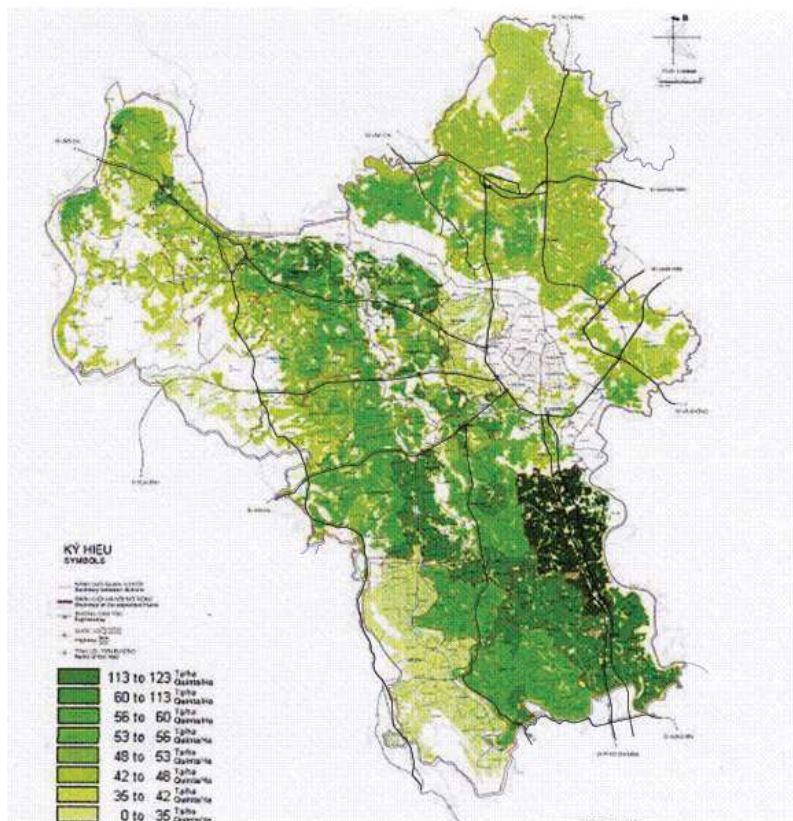


cho đô thị trung tâm. Phân bố hoạt động nông nghiệp phụ thuộc vào quỹ đất nông nghiệp, hạ tầng sản xuất và thị trường tiêu thụ. Hoạt động sản xuất nông nghiệp chủ yếu phân bố trong khu vực ngoại thành. (*xem Hình 2.26*)

Khu vực đất nông nghiệp ven đô: Có sự chuyển dịch từ kinh tế nông nghiệp thuần sang nông nghiệp kết hợp thương mại dịch vụ. Hiện nay, tại khu vực nông nghiệp ven đô đã xuất hiện các loại hình nông nghiệp gắn với du lịch như: Hồ câu, chụp ảnh vườn cải, ao sen,... Tuy các hoạt động dịch vụ mới còn nhỏ lẻ, manh mún và tự phát nhưng đã gợi ý hướng đi mới cho nông nghiệp ven đô. Do đó, cần có sự chuyển đổi khu vực đất này sang mô hình mới cho phù hợp nhằm khai thác hiệu quả quỹ đất và tận dụng lợi thế khoảng cách với đô thị.

Khu vực đất nông nghiệp ngoại thành (cách ranh giới đô thị trung tâm từ 10 ÷ 15km): Kinh tế nông nghiệp vẫn là chủ đạo. Xuất hiện các mô hình sản xuất nông nghiệp mới như khu nông nghiệp công nghệ cao, trang trại đô thị. Ví dụ: Khu đô thị sinh học tại điểm khảo sát số 1, các hoạt động nghiên cứu, thực nghiệm và chuyển giao các công nghệ sản xuất nông nghiệp mới được tập trung phát triển.

Việc phát triển nông nghiệp với hệ thống cây trồng tạo ra KGX rộng lớn, đóng góp quan trọng trong điều hòa và cân bằng sinh thái đô thị.

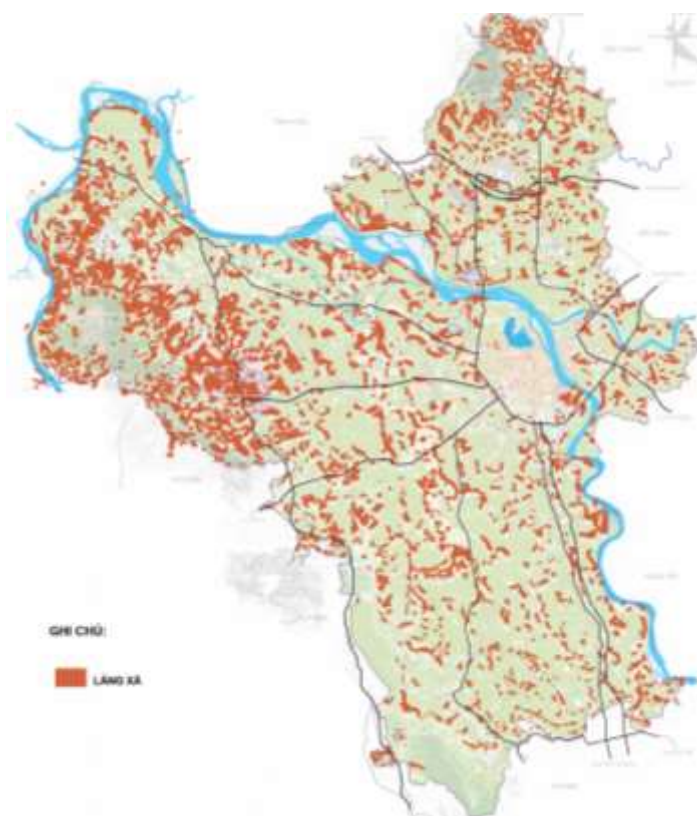


Hình 2.26. Sơ đồ phân bố năng suất nông nghiệp thành phố Hà Nội [90]

vi) *Đất điểm dân cư nông thôn*: Khác với các đô thị trên thế giới đã thiết lập HLX, khu vực ven đô thị trung tâm Hà Nội là hệ thống làng xã dày đặc. Hệ thống điểm dân cư

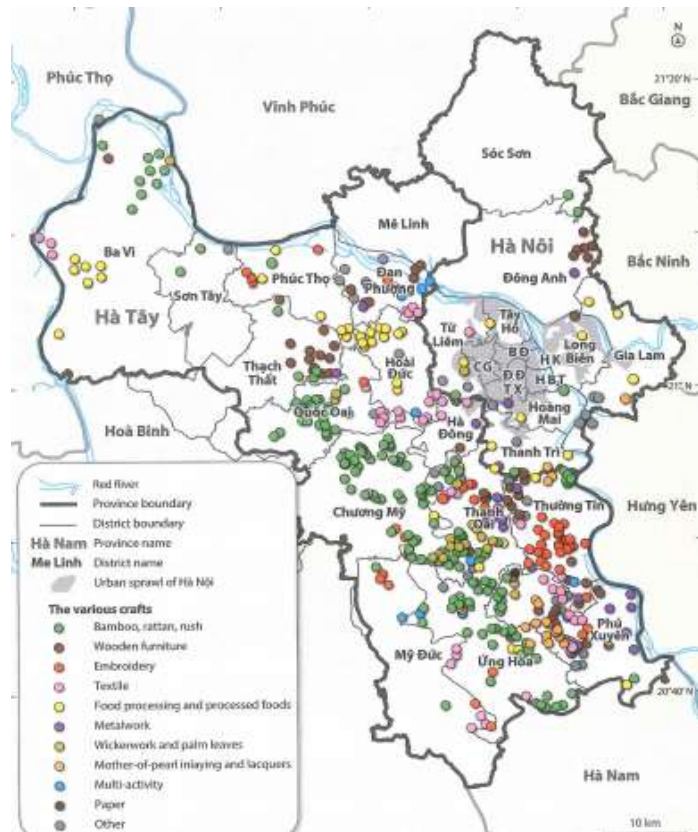
nông thôn tại Hà Nội phân bố phân tán và manh mún, phù hợp với canh tác thủ công, bán kính phục vụ sản xuất và sinh hoạt dưới 8km. Các điểm dân cư nông thôn tập trung, trung bình  $0,8 \div 1,5$  điểm/km<sup>2</sup>. Phân bố đặc trưng điểm dân cư nông thôn thành phố Hà Nội là kiểu “xôi đỗ”. Diện tích trung bình của một điểm dân cư nông thôn là  $500 \div 1000$ ha/xã; Mật độ dân cư từ  $5000 \div 10000$  người/km<sup>2</sup>; Khoảng cách giữa các điểm dân cư nông thôn từ  $1 \div 5$ km. Đặc trưng phân bố này đã tác động đến tính khả thi để thiết lập một mảng xanh lớn, làm giảm tính liên kết của hệ thống KGX.

Tuy nhiên, khác với điểm dân cư nông thôn ven đô thì các điểm dân cư nông thôn thuần nông cách xa đô thị trung tâm khoảng 15 km trở ra, vẫn có môi trường sinh thái tương đối tốt, KGX đã bị thu hẹp diện tích nhưng vẫn được gìn giữ các cây xanh lâu năm. Các điểm dân cư này vẫn duy trì hệ thống vườn cây bao bọc làng, bám ven theo sông, ven đường kênh mương tiêu thoát nước chính. (Xem hình 2.27)



Hình 2.27. Sơ đồ phân bố điểm dân cư nông thôn thành phố Hà Nội

“Thành phố Hà Nội có 1.350 làng có nghề, trong đó có 272 làng được công nhận là làng nghề, 198 làng nghề truyền thống” [24]. Các sản phẩm nghề và làng nghề có tiềm năng lớn trong việc khai thác phát triển du lịch. Trong hệ thống điểm dân cư nông thôn thành phố Hà Nội, làng nghề có tác động mạnh nhất đến môi trường sinh thái, diện tích đất tự nhiên, diện tích đất sản xuất nông nghiệp. Làng nghề thành phố Hà Nội chủ yếu phân bố phía Nam thành phố, bám theo các hành lang sông Hồng, sông Đáy và sông Tích. (xem Hình 2.28)



Hình 2.28. Sơ đồ phân bố làng nghề thành phố Hà Nội [114]

*Đánh giá chung về quỹ đất tiềm năng phát triển KGX mới: Thành phố Hà Nội vẫn còn duy trì diện tích đất có thể chuyển đổi và bổ sung vào quỹ đất cây xanh thành phố như đất di tích lịch sử văn hóa, đất dịch vụ, đất nông nghiệp, đất điểm dân cư nông thôn. Đất di tích lịch sử văn hóa có mật độ cây xanh lớn, cùng với các yếu tố tín ngưỡng là không gian có tiềm năng lớn nhất để bổ sung quỹ đất cây xanh thành phố.*

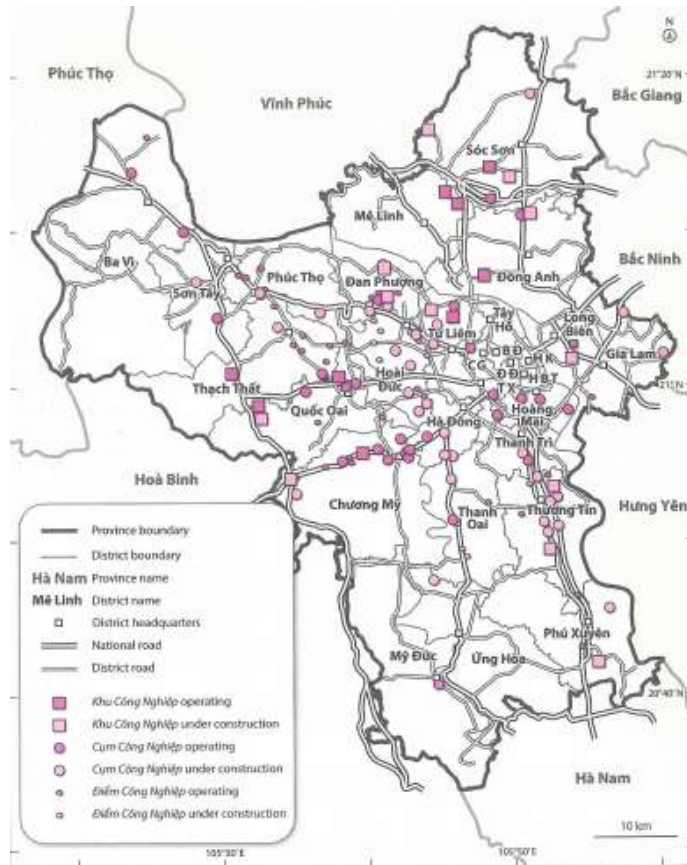
#### 2.4.1.3. Các yếu tố kinh tế, xã hội tác động đến thiết lập CTQH HLX

##### a. Yếu tố kinh tế tác động đến thiết lập CTQH HLX

i) *Hoạt động kinh tế dịch vụ:* Hoạt động thương mại cấp thành phố Hà Nội bao gồm: Chợ đầu mối, mạng lưới siêu thị và trung tâm thương mại, hệ thống dịch vụ du lịch vui, thể thao và chơi giải trí. Trong các hoạt động kinh tế dịch vụ, các hoạt động kinh tế dịch vụ du lịch đã tạo động lực mới cho sự phát triển kinh tế ngoại thành. *Hoạt động dịch vụ du lịch tạo không gian phát triển kinh tế cân bằng với việc bảo vệ khung tự nhiên và di sản văn hóa Thành phố.*

ii) *Hoạt động kinh tế Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp:* Các khu công nghiệp lớn vẫn tập trung tại vùng ven các đô thị lớn, phát triển lan tỏa theo các trục đường quốc lộ, tỉnh lộ. Chủ yếu là các khu công nghiệp có quy mô lớn. Hoạt động sản xuất công nghiệp đã tác động tiêu cực đến HST tự nhiên, môi trường và quỹ đất nông nghiệp. Đặc biệt là khu công nghiệp cao, khu công nghiệp đa ngành, phát triển theo các trục đường QL5, QL1A, QL3, QL21 và đại lộ Thăng Long. (*xem Hình 2.29*)





Hình 2.29. Sơ đồ phân bố các hoạt động công nghiệp thành phố Hà Nội [114]

*iii) Hoạt động kinh tế nông nghiệp:* Khác với các đô thị trên thế giới đã thiết lập HLX, không gian mở khu vực ven đô thị Hà Nội, chủ yếu là khu vực đất nông nghiệp. Hiện nay, khu vực này là vành đai cung cấp lương thực, thực phẩm cho đô thị trung tâm. Qua khảo sát hiện trạng, hầu hết diện tích đất nông nghiệp ven đô bị bỏ hoang, hoặc cho người dân tỉnh khác thuê đất. Người dân Hà Nội giữ đất vì muốn duy trì quyền sở hữu đối với những thửa ruộng đã được Nhà nước giao từ trước. Phân bố hoạt động nông nghiệp phụ thuộc vào quỹ đất nông nghiệp, hạ tầng sản xuất và thị trường tiêu thụ. Hoạt động sản xuất nông nghiệp chủ yếu phân bố trong khu vực ngoại thành. Do tác động của quá trình đô thị hóa, phân ra 2 khu vực: *Nông nghiệp ven đô (bao gồm cả đất nông nghiệp nằm trong khu vực phát triển đô thị)* và *nông nghiệp ngoại thành*.

Khu vực đất nông nghiệp ven đô: Có sự chuyển dịch từ kinh tế nông nghiệp thuần sang nông nghiệp kết hợp thương mại dịch vụ. Giá trị sản xuất nông nghiệp thấp, hạ tầng sản xuất xuống cấp, nhiều khu vực đất nông nghiệp bị bỏ hoang (như điểm khảo sát số 2). Hiện nay, tại khu vực nông nghiệp ven đô đã xuất hiện các loại hình nông nghiệp gắn với du lịch như: Hồ câu, chụp ảnh vườn cải, ao sen,... Tuy các hoạt động dịch vụ mới còn nhỏ lẻ, manh mún và tự phát nhưng đã gợi ý hướng đi mới cho nông nghiệp ven đô. *Do đó, cần có sự chuyển đổi khu vực đất nông nghiệp này sang mô hình mới cho phù hợp nhằm khai thác hiệu quả quỹ đất và tận dụng lợi thế khoảng cách với đô thị.*



Khu vực đất nông nghiệp ngoại thành (cách ranh giới đô thị trung tâm từ 10 ÷ 15km): Kinh tế nông nghiệp vẫn là chủ đạo. Khu vực ngoại thành có xu hướng phát triển các hoạt động dịch vụ du lịch gắn với sản xuất nông nghiệp mới. Xuất hiện các mô hình sản xuất nông nghiệp mới như khu nông nghiệp công nghệ cao, trang trại đô thị. Ví dụ: Khu nông nghiệp công nghệ cao tại huyện Đông Anh, Hà Nội. Các khu vực nông nghiệp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đồng bộ về hạ tầng. Trong đó chú trọng phát triển các hoạt động nghiên cứu, thực nghiệm và chuyển giao các công nghệ sản xuất nông nghiệp mới.

*Đánh giá chung các yếu tố kinh tế xã hội: Trong HLX phát triển nhiều loại hình kinh tế khác nhau như công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp. Hoạt động công nghiệp có tác động tiêu cực đến HST, môi trường và quỹ đất nông nghiệp. Hoạt động dịch vụ có tiềm năng lớn nhưng chưa được phát huy. Hoạt động sản xuất nông nghiệp ngoại thành có hiệu quả sản xuất thấp, cần có giải pháp chuyển đổi phù hợp, vừa tăng giá trị quỹ đất hiện có mà hạn chế tối đa ảnh hưởng đến môi trường sinh thái.*

*b. Yếu tố dân cư tác động đến thiết lập CTQH HLX*

*i) Phân bố dân cư: Mật độ dân số trung bình của Hà Nội là 2.093 người/km<sup>2</sup> (năm 2013) [3]. Mật độ này cao gấp 7.4 lần so với mức trung bình của cả nước, gấp 1.5 lần mật độ dân số trung bình của vùng ĐBSH. Các huyện ngoại thành có mật độ dân số trung bình 1200 người/km<sup>2</sup>, thấp nhất là 613 người/km<sup>2</sup> (năm 2015) [80]. Nếu so sánh với mật độ dân cư cao nhất của HLX Luân Đôn vào năm 1961 là 342 người/km<sup>2</sup> và HLX Seoul là 226 người/km<sup>2</sup> thì mật độ dân số trong HLX thành phố Hà Nội là rất cao.*

Bảng 2.4. So sánh mật độ dân số trong HLX Hà Nội với Luân Đôn, Seoul [3]

TT	Đô thị	Hà Nội	Luân Đôn	Seoul
1	Diện tích (km <sup>2</sup> )	2093	4978	1567
2	Dân số (nghìn người)	3999	1661	355
3	Mật độ (người/km <sup>2</sup> )	1831	334	226

Mật độ dân số nội thành rất cao, có xu hướng tiếp tục gia tăng. Mật độ dân số trong khu vực ngoại thành không đồng đều. Tại khu vực có địa hình đồi núi, mật độ dân cư thấp, khoảng 350 ÷ 600 người/km<sup>2</sup>, các khu vực huyện Gia Lâm, Đông Anh có mật độ dân cư cao, ví dụ như khu vực tiểu vùng nam sông Đuống có mật độ lên tới 2000 người/km<sup>2</sup>. [3]

Sự phân bố dân cư không đồng đều do tác động của các nhân tố tự nhiên và các nhân tố kinh tế xã hội. Điều này có ảnh hưởng rất lớn tới việc bố trí lao động, giải quyết vấn đề việc làm, chuyển đổi nghề nghiệp, khai thác quỹ đất, cải thiện đời sống và tác động xấu đến môi trường sinh thái (nước sạch, nhà ở giao thông, rác, nước thải,...). Do đó cần có giải pháp kiểm chế gia tăng dân số, giảm mật độ dân số trong HLX. (xem Hình

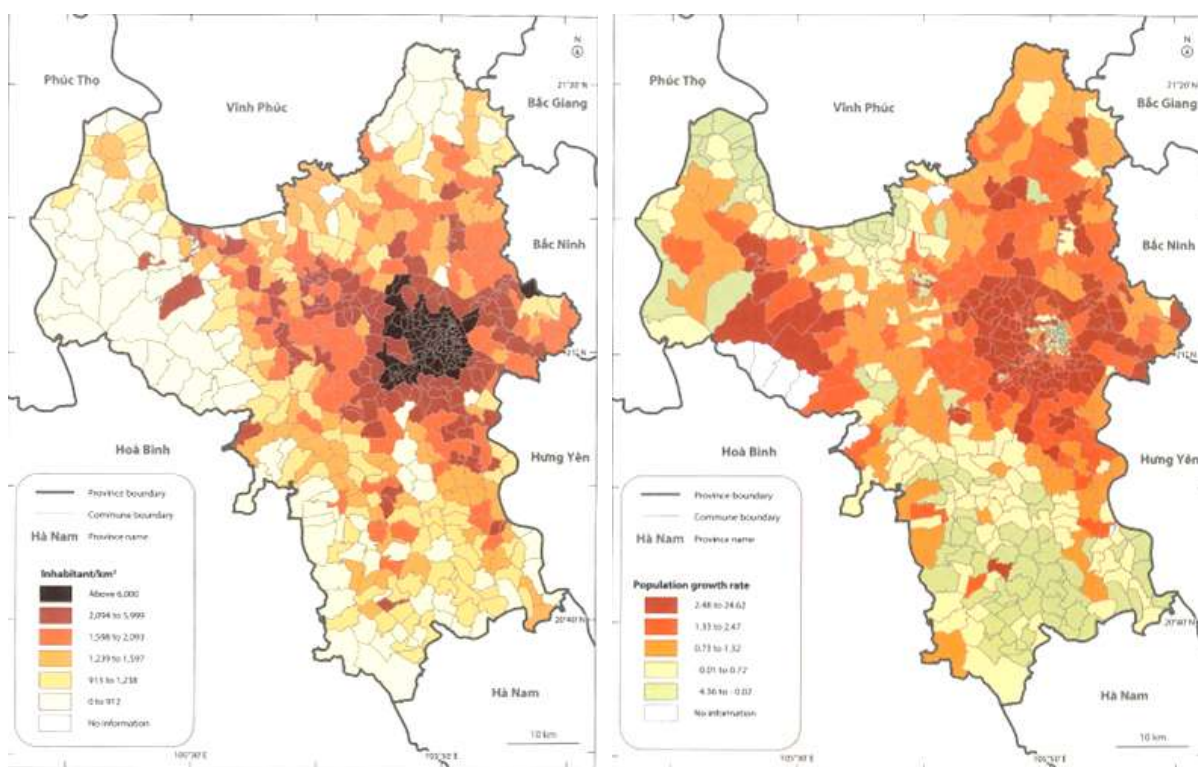
## 2.30)

ii) *Chuyển dịch dân cư*: Do sức hút của quá trình phát triển kinh tế, đặc biệt là của quá trình phát triển công nghiệp và tốc độ đô thị hoá ngày càng cao, tạo ra các dòng di cư đến trung tâm thành phố Hà Nội tìm việc làm ngày càng lớn, làm cho tốc độ tăng cơ học luôn lớn hơn vùng ĐBSH. Số người cư trú không được đăng ký quản lý ngày một tăng, đây đang là sức ép lớn về mọi mặt cho quá trình phát triển kinh tế của Thành phố. Ti suất di cư từ các tỉnh tới Hà Nội có xu hướng giảm. Có 03 luồng dịch cư chính:

- Dịch cư từ các tỉnh khác vào Hà Nội: Luồng nhập cư vào đô thị trung tâm Hà Nội cũ từ tất cả các tỉnh trong cả nước nhưng chủ yếu từ các tỉnh phía Bắc, nhiều nhất là dân các tỉnh thuộc vùng ĐBSH, chiếm trên 70% tổng số dân nhập cư vào Hà Nội cũ [90]. Trong đó 61% di cư vào các quận nội thành.

- Dịch cư từ ngoại thành vào nội thành: Số lượng dân cư nông thôn quanh khu vực nội thành Hà Nội do không đủ diện tích đất sản xuất nông nghiệp nên nông dân có xu hướng dịch chuyển vào thành thị, mục tiêu tìm kiếm việc làm. Hiện tượng di cư nội tỉnh cũng tạo ra luồng dịch cư đáng kể của một bộ phận dân chúng.

- Dịch cư từ nội thành ra vùng ven đô: Giải pháp thoát khỏi sự chật chội và nôm nôm trong nội thành cũ người dân đã và đang chuyển đến các quận mới được thành lập (Long Biên, Hoàng Mai, Thanh Xuân, Tây Hồ và Cầu Giấy) hoặc khu vực ven đô.



a) Mật độ dân cư 2009

b) Sự thay đổi mật độ dân cư từ năm 1999 đến năm 2009

Hình 2.30. Sơ đồ phân bố dân cư của thành phố Hà Nội năm 2010 [114]

*Đánh giá chung các yếu tố kinh tế, xã hội: Trong HLX phát triển nhiều loại hình kinh tế khác nhau như công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp. Hoạt động công nghiệp có tác động tiêu cực đến HST, môi trường và quỹ đất nông nghiệp. Hoạt động dịch vụ có tiềm năng lớn nhưng chưa được phát huy. Hoạt động sản xuất nông nghiệp ngoài thành có hiệu quả sản xuất thấp, cần có giải pháp chuyển đổi phù hợp, vừa tăng giá trị quỹ đất hiện có mà hạn chế tối đa ảnh hưởng đến môi trường sinh thái. Dân cư thành phố Hà Nội có trình độ nghề nghiệp cao so với các tỉnh trong vùng, lực lượng lao động trẻ, có xu hướng gia tăng cơ cấu lao động trong lĩnh vực thương mại dịch vụ và giảm dần trong lĩnh vực nông lâm nghiệp.*

#### **2.4.2. Phương pháp luận thiết lập CTQH HLX thành phố Hà Nội**

##### *a. Đặc điểm của phát triển bền vững*

Thuật ngữ "Phát triển bền vững" xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1980 trong ấn phẩm Chiến lược bảo tồn Thế giới (công bố bởi Hiệp hội Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên Quốc tế - IUCN) với nội dung như sau: "Sự phát triển của nhân loại không thể chỉ chú trọng tới phát triển kinh tế mà còn phải tôn trọng những nhu cầu tất yếu của xã hội và sự tác động đến môi trường sinh thái học". [26]

Khái niệm này được phổ biến rộng rãi vào năm 1987 nhờ Báo cáo Brundtland (còn gọi là Báo cáo Our Common Future) của Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới - WCED (nay là Ủy ban Brundtland). Báo cáo này ghi rõ: Phát triển bền vững là "sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai..." [26]. Nói cách khác, phát triển bền vững phải bảo đảm có sự phát triển kinh tế hiệu quả, xã hội công bằng và môi trường được bảo vệ, gìn giữ. Để đạt được điều này, tất cả các thành phần kinh tế - xã hội, nhà cầm quyền, các tổ chức xã hội... phải bắt tay nhau thực hiện nhằm mục đích dung hòa 3 lĩnh vực chính: kinh tế - xã hội - môi trường.

Nghiên cứu phát triển bền vững cần lưu ý hai đặc điểm quan trọng. Đó là: tính mâu thuẫn và tính đặc thù.

i) Tính mâu thuẫn chứa đựng ngay trong khái niệm: Phát triển bền vững. Trong khi đó yếu tố phát triển bao hàm sự biến đổi, bền vững đề cập đến sự ổn định, lâu bền. Tuy nhiên phát triển bền vững đều có ý nghĩa tương đối nếu ta đặt ra trong khoảng thời gian và không gian xác định.

ii) Tính đặc thù thể hiện ở cách tiếp cận trên các lĩnh vực khác nhau và trong các điều kiện cụ thể. Các giải pháp thực hiện gắn với các điều kiện tự nhiên, văn hóa xã hội và thể chế đặc thù của thành phố Hà Nội.

Hai đặc tính đặc thù của phát triển bền vững chi phối quá trình thiết lập cơ sở khoa

học, đề xuất giải pháp thiết lập CTQH HLX thành phố Hà Nội. [42]

*b. Phương pháp luận nghiên cứu*

i) Cân đối tác động, lựa chọn giải pháp tối ưu để nghiên cứu giải quyết mâu thuẫn phát triển HLX: Trong nhiều trường hợp, các ưu tiên cho mục tiêu môi trường nhằm giải quyết tốt các yêu cầu về bảo vệ và cải thiện môi trường đô thị, cũng như đáp ứng mục tiêu phát triển lâu dài của thành phố Hà Nội.

ii) Vận dụng các quy luật chung:

- Quy luật về sự phát triển của các yếu tố tự nhiên, đặc biệt là hệ thống sông, áp dụng cho thành phố Hà Nội, cơ sở để xác định cấu trúc HLX.

- Quy luật về sự phát triển đô thị dưới tác động của quá trình đô thị hóa, áp dụng cho thành phố Hà Nội, cơ sở xác định quá trình phát triển lan tỏa đô thị, từ đó đặt ra nhiệm vụ cho HLX.

- Các lý thuyết chung về đô thị học, quy hoạch đô thị, quy hoạch du lịch, quy hoạch bảo tồn và quy hoạch điểm dân cư nông thôn.

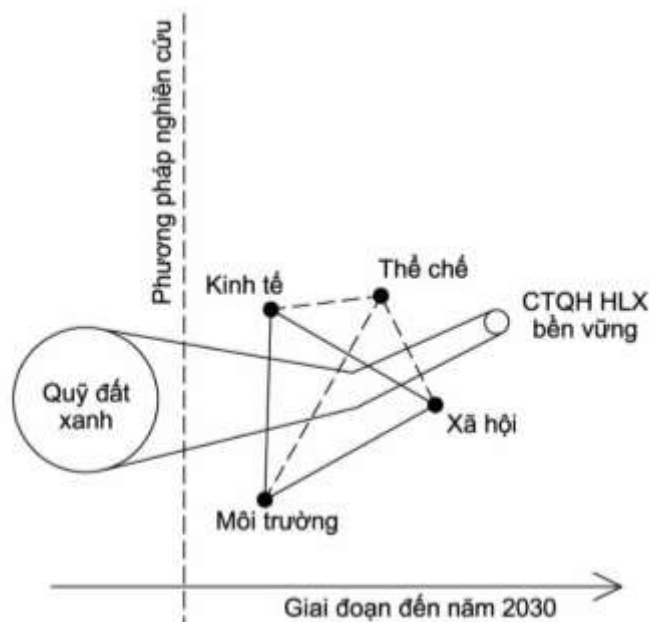
iii) Khai thác tính đặc thù:

- Về tự nhiên: Đặc điểm quỹ đất tự nhiên và cấu trúc không gian kiến trúc cảnh quan tự nhiên thành phố Hà Nội.

- Về văn hóa xã hội: Đặc điểm di sản văn hóa, nghề nghiệp, lối sống tác động đến không gian HLX.

- Về kinh tế: Đặc điểm kinh tế Thủ đô trong bối cảnh kinh tế chung của cả nước và quốc tế. Luận án tập trung nghiên cứu kinh tế du lịch, nông nghiệp.

- Về thể chế: Các văn bản pháp lý của Chính phủ, quy hoạch đô thị, quy hoạch chuyên ngành, tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế.



Hình 2.31. Phương pháp luận thiết lập CTQH HLX

Quá trình nghiên cứu dựa trên cơ sở phân tích tổng hợp, trồng lớp các vấn đề chung riêng, lựa chọn kịch bản tối ưu. Trong khuôn khổ luận án, CTQH HLX thành phố Hà Nội được nghiên cứu ở 3 cấp độ Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu và chức năng chính. Về chi tiết, nghiên cứu các nguyên tắc thiết lập CTQH HLX trong cơ cấu quy hoạch chung thành phố, giải pháp chức năng và cấu trúc HLX trong quy hoạch phân khu và định hướng trong quy hoạch các chức năng chính. Các đề xuất chương 3 dựa trên những phân tích ở chương 2 đảm bảo các mục tiêu nghiên cứu đề ra, nghiên cứu cho thành phố Hà Nội, giải quyết trong mối quan hệ tổng hòa giữa kinh tế - xã hội - môi trường. [42]

## 2.5. Một số bài học kinh nghiệm thiết lập CTQH HLX

### a. Bài học về thiết lập và bố trí hệ thống HLX tròn cơ cấu quy hoạch chung thành phố

Nhìn nhận sự phát triển mô hình HLX trong cơ cấu quy hoạch chung thành phố tại các đô thị trên thế giới như là bài học giá trị trong việc thiết lập CTQH HLX tại các đô thị lớn của Việt Nam, trong đó có thành phố Hà Nội.

Kinh nghiệm tạo lập CTQH HLX thành phố Adelaide, Australia. HLX được thiết lập trên cơ sở sông Torrens kết hợp với 29 công viên bao bọc và giới hạn sự phát triển của đô thị. Diện tích các công viên này khoảng 7,6 km<sup>2</sup>. Hệ thống công viên này vừa là lá phổi xanh đô thị vừa là nơi cung cấp các dịch vụ vui chơi, giải trí, ngắm cảnh của người dân.



Hình 2.32. Cấu trúc HLX thành phố Adelaide, Australia [103]

### b. Bài học về xác định chức năng, quy mô và các liên kết CTQH HLX theo hướng phát triển bền vững

Bài học về xác định chức năng: Qua các kinh nghiệm thiết lập CTQH các đô thị trên thế giới, HKX chủ yếu có các chức năng: Rừng, đất nông nghiệp, trang trại, khu du lịch, sông hồ. Trong đó, rừng có vai trò quan trọng nhất, được ưu tiên phát triển và chính quyền địa đô thị có giải pháp khuyến khích mở rộng diện tích. Ví dụ: Tại Seoul, tổng thống Park Chung Hee đã thành lập trung tâm phát triển rừng trong HLX, có quy định chiến lược tăng diện tích rừng cho từng giai đoạn và cho từng chuyên gia. Bên cạnh việc duy trì và phát triển diện tích rừng, có xu hướng bổ sung các chức năng phát triển kinh tế như: Khu du lịch, khu vui chơi giải trí - thể thao, công viên và các khu vực phát triển kinh tế đô thị. Tuy nhiên, các chức năng này cũng là nguyên nhân làm xuất hiện các yếu

tổ dẫn đến phá vỡ cấu trúc quy hoạch HLX.

Nghiên cứu trong nước cũng khẳng định chức năng HLX rất đa dạng, bao gồm: “Rừng núi, công viên cây xanh, khu vực du lịch – vui chơi giải trí, đất nông nghiệp, khu vực dân cư” [110]. Các chức năng HLX có xu hướng gắn với các hoạt động kinh tế của đô thị. Các chức năng khu du lịch, công viên thể thao - vui chơi giải trí đã đóng góp tích cực vào kinh tế đô thị. Tuy nhiên, cũng đã xuất hiện những chức năng mới như các khu vực công nghiệp, dự án phát triển đô thị... phân bố đan xen vào khu vực HLX, làm suy giảm các liên kết cấu trúc KGX. Các khu vực chức năng có thể hình thành trong HLX tại thành phố Hà Nội trong nghiên cứu của PGS.TS. Phạm Hùng Cường như: “Khu vực xanh tự nhiên: Sông, hồ hiện trạng và hệ thống hồ, cây xanh có thể bổ sung mới; Khu vực làng xã, điểm dân cư nông thôn với các chức năng hỗn hợp: ở, sản xuất tiểu thủ công, dịch vụ; Khu vực đồng ruộng: Sản xuất nông nghiệp phương thức cũ và mới; Khu vực thể thao, vui chơi giải trí; Điểm du lịch sinh thái; Nhà vườn; Khu biệt thự vườn; Công viên rừng” [16]. (xem Bảng 2.5)

Bảng 2.5: Phân tích lựa chọn các khu vực chức năng trong HLX [16]

TT	Tiêu chí/ Khu vực chức năng	Tiêu chí môi trường xanh	Tiêu chí đô thị hoá	Tiêu chí hoạt động “xanh” đa dạng	Tiêu chí kinh tế, sử dụng đất	Tiêu chí kiểm soát phát triển	Tiêu chí bảo tồn các giá trị văn hoá	Tiêu chí khôn g gian cảnh quan	Cộng
1	Khu vực xanh tự nhiên	+++	0	+++	+	+++	0	+++	13+
2	Làng xã	+	+++	+	++	--	+++	-	10+, 2-
3	Đồng ruộng	+++	++	+	+++	+++	+	++	15+
4	Khu thể thao, vui chơi giải trí	++	+	+++	++	++	0	++	12+
5	Khu du lịch	+++	++	+++	++	++	++	++	17+
6	Công viên rừng	+++	0	++	---	+++	0	+++	11+, 3-
7	Khu nhà vườn	++	++	+	0	-	0	+	6+, 1 -
8	Khu biệt thự	+	+	0	0	--	0	+	3+, 2 -

Bài học về xác định quy mô: Trong các đô thị nghiên cứu, tỉ lệ diện tích HLX Luân Đôn là lớn nhất, chiếm tới 76,5% diện tích vùng Luân Đôn. Việc duy trì một diện tích lớn đã mang lại hiệu quả tích cực về môi trường và cũng chứa đựng nhiều áp lực để duy trì diện tích xanh đó. Tại các đô thị tại Châu Á, tỉ lệ diện tích HLX trên diện tích tự

nhiên đô thị không quá 30%. Tỷ lệ này phản ánh thực trạng quỹ đất có thể phát triển HLX, áp lực phát triển phức tạp của các đô thị Châu Á. Ngoài ra việc dự báo khoảng cách HLX cũng ảnh hưởng đến việc thành công của giải pháp quy hoạch trong thực tiễn. Ví dụ: Tại Tokyo, việc đề xuất khoảng cách xa nhất của HLX đến trung tâm (tính từ ga Tokyo) là 10km [1], trước áp lực phát triển lan tỏa mạnh của đô thị trung tâm thì khoảng cách này là chưa hợp lý; Kết quả là hiện tượng tăng dân số, phát triển thiếu kiểm soát nhà ở và xuất hiện các mâu thuẫn phát sinh trong khu vực HLX.

Bài học về xác định chỉ tiêu diện tích HLX là rất phức tạp, giải quyết đồng thời nhiều tham số. Chỉ tiêu diện tích của HLX được tính toán nhằm đảm bảo có hiệu quả nhất về mặt môi trường, kinh tế và xã hội. Diện tích HLX càng lớn thì đóng góp về môi trường đô thị càng cao. Tuy nhiên, diện tích HLX càng lớn thì chi phí xây dựng HLX càng tăng, trong đó *“chi phí khai thác cơ sở hạ tầng càng cao và giảm hiệu quả các dịch vụ du lịch”* [15]. V.V.V ladimirov đã nghiên cứu đề xuất công thức xác định quy mô HLX theo công thức sau [117]:

$$SH_3T_{2,5}$$

$$D_p = \frac{SH_3T_{2,5}}{\sum_{i=1}^n n_i} - D_n$$

$$\sum_{i=1}^n n_i$$

Trong đó:

$D_p$ : Quy mô đất đai của HLX cân bằng sinh thái (km<sup>2</sup>)

$H_3$ : Quy mô dân số của vùng đô thị (1000 người)

$T$ : Nhu cầu tương lai về sử dụng nguyên liệu chất đốt hàng năm (tính cho 1000 người), tạo ra CO<sub>2</sub>

$N_i$ : Quy mô trung bình lượng Oxy tạo ra trong lãnh thổ

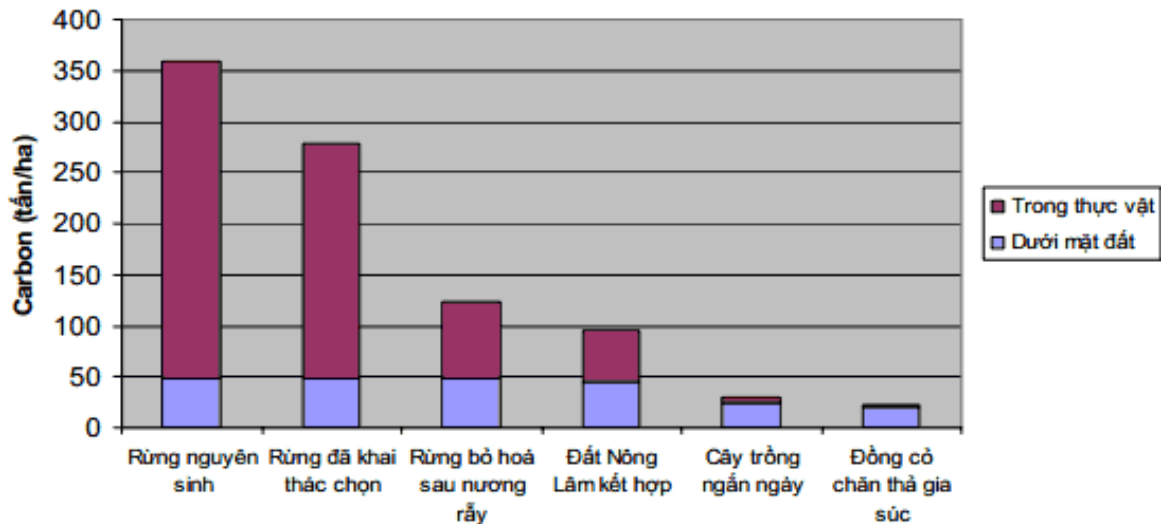
$D_n$ : Quy mô vùng sản xuất nông nghiệp lớn

2,5: Hệ số chuyển đổi lượng Oxy trong không khí (hàng năm)

$i$ : Sự cân bằng cảnh quan

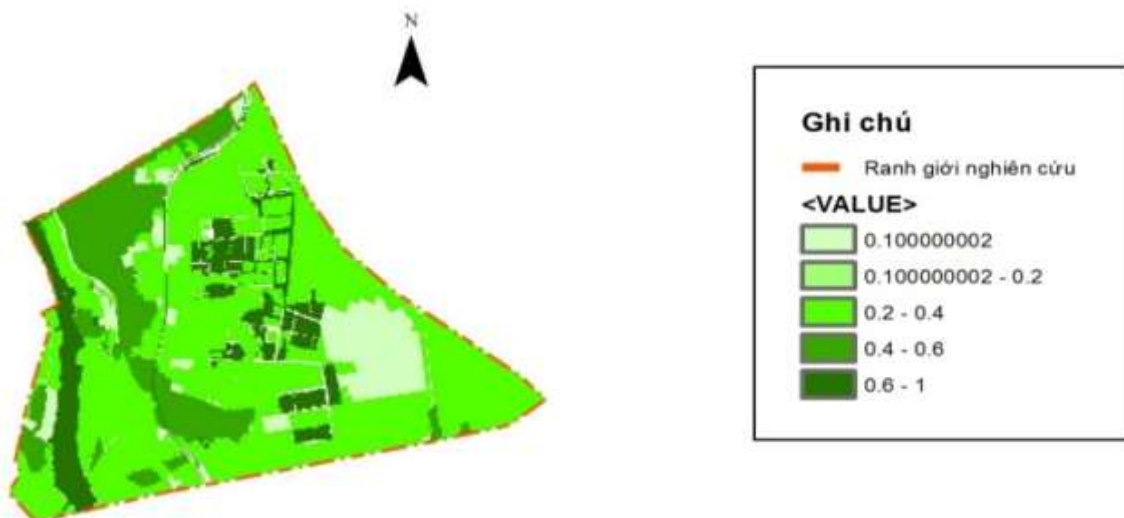
Trong đó để xác định chỉ tiêu HLX cần đánh giá mức độ đóng góp về môi trường đô thị. Một trong các tiêu chí đánh giá chất lượng KGX là *“lượng các bon lưu trữ”* [46] trong các KGX. Lượng các bon lưu trữ trong thực vật giảm dần từ kiểu rừng nguyên sinh đến rừng đã khai thác và giảm mạnh đối với các loại đất nông nghiệp (Joyotee Smith và Sara J.Scher, 2002) [107]. Đất rừng đã khai thác có lượng carbon lưu trữ bằng 76% rừng nguyên sinh. Đất nông lâm kết hợp có lượng carbon lưu trữ bằng 25% rừng nguyên sinh. Đất trồng cây ngắn ngày có lượng carbon lưu trữ bằng 25% rừng nguyên sinh. (xem Hình 2.33)





Hình 2.33. Lượng Các bon được lưu giữ trong các dạng thảm thực vật theo các kiểu sử dụng rừng nhiệt đới ở Brazil, Cameroon, Indonesia [107]

Bên cạnh đó, "công nghệ để phân tích mật độ diện tích xanh" [82] cũng cho kết quả chất lượng từng khu vực trong KGX. "Cây xanh không những phân bố trong công viên mà còn phân bố đan xen trong các khu vực dân cư" [82]. Phân tích mật độ diện tích cây xanh các chức năng đất tại khu vực phường Đồng Mai, mật độ diện tích xanh giảm dần từ đất tự nhiên cho đến đất công nghiệp. Phương pháp phân tích bằng phần mềm ArcGIS và kết hợp ảnh vệ tinh chụp lớp phủ thực vật được giải đoán bằng phần mềm ENVI để xây dựng cơ sở dữ liệu phân tích. *Mật độ xanh của đất tự nhiên là cao nhất từ  $0,6 \div 1$ , mật độ xanh của đất lúa là thấp nhất từ  $0 \div 0,2$ , đất công nghiệp có mật độ điểm xanh bằng không* [82] (xem Hình 2.34). Đây là cơ sở khoa học quan trọng để tính toán chỉ tiêu mật độ xanh của các chức năng trong HLX.



Hình 2.34. Kết quả phân tích mật độ điểm xanh bằng phần mềm Arcgis 10.1

Bài học về xây dựng hạ tầng kỹ thuật xanh: Tại các đô thị nghiên cứu, HLX được thiết lập dựa trên các liên kết về môi trường sinh thái, cảnh quan, hoạt động du lịch - thể dục thể thao, phát triển kinh tế và hạ tầng kỹ thuật. Đối với HLX Luân Đôn, các liên kết

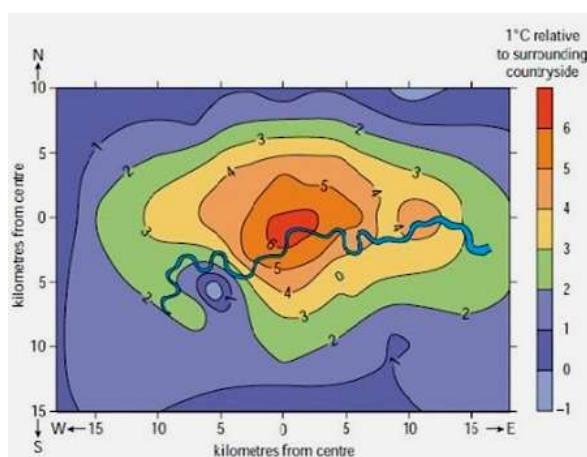
là kết quả của quá trình phát triển. Đối với HLX các đô thị còn lại các liên kết được xác định là một quá trình thiết lập HLX, nó thể hiện vai trò trong việc liên kết các "điểm xanh" thành hệ thống xanh hoàn chỉnh. Ngoài các liên kết có vai trò thiết lập, cần kiểm soát các liên kết hạ tầng kỹ thuật (điển hình là hệ thống giao thông), liên kết này có khả năng chia cắt và làm giảm tính liên tục, tính mảng của HLX.

i) Liên kết KGX sẽ khắc phục “hiệu ứng đảo nhiệt đô thị” [1]. Các giải pháp thay đổi sử dụng đất trên tính chất bề mặt lớn (như HLX dạng loại hình cấu trúc VĐX) là giải pháp giảm đảo nhiệt đô thị (xem Bảng 2.6).

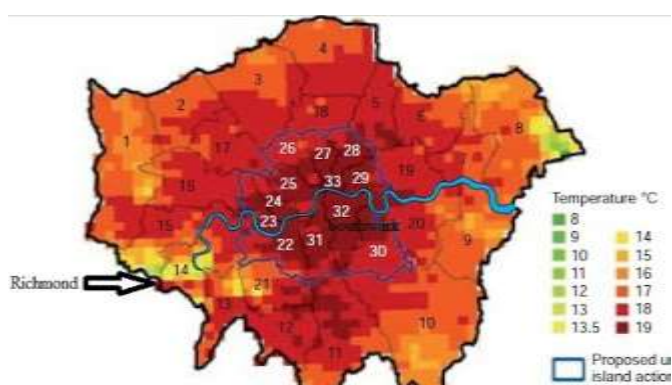
Bảng 2.6. Khái niệm và các giải pháp làm giảm UHI ở các quy mô khác nhau [1]

Giải pháp, quy mô	(1) Thay đổi sử dụng đất/ tính chất bề mặt	(2) Thay đổi sử dụng đất/ tính chất bề mặt	(3) Thay đổi sử dụng đất/ tính chất bề mặt
Thành phố/vùng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khu vực xanh, mái xanh, mái có suất phản chiếu lớn</li> <li>- Khu vực xanh lớn, VĐX</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiết kiệm năng lượng</li> <li>- Giao thông thân thiện môi trường</li> <li>- Sử dụng năng lượng tái tạo được</li> <li>- Sử dụng làm mát/nóng tự nhiên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường trao đổi không khí giữa các tầng không khí và mặt đất</li> <li>- Tận dụng gió mát từ biển vào</li> <li>- Tăng sự khác biệt về độ cao công trình và mật độ xây dựng giữa các khu vực</li> </ul>

Nhiệt độ đô thị trung tâm thường cao hơn vùng ngoại thành “trung bình khoảng 4 °C, có khi lên đến 6°C như trường hợp Luân Đôn” [99]. (xem Hình 2.35)



a) Nhiệt độ Luân Đôn vào mùa hè năm 2000

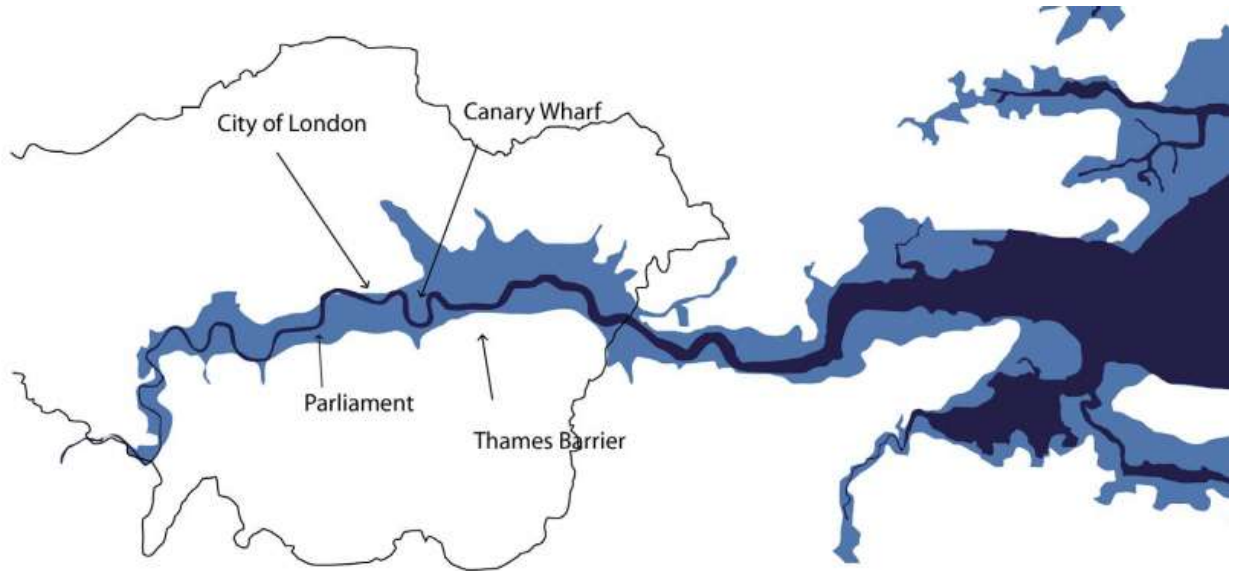


b) Nhiệt độ Luân Đôn vào tháng 8 năm 2003

Hình 2.35. HLX trong vai trò giảm đảo nhiệt đô thị Luân Đôn [99]

ii) Liên kết HLX thành không gian dự trữ và hỗ trợ tiêu thoát lũ cho đô thị trung tâm. BĐKH đang tác động rõ rệt đến đô thị vùng ĐBSH trong đó có thành phố Hà Nội. Thành phố Hà Nội chịu thiên tai như bão, lũ và úng ngập là rất mạnh. Ví dụ: Tại Anh, sông Thame có “vai trò tiêu thoát lũ cho toàn bộ thành phố Luân Đôn” [22]. (Hình

2.36)



Hình 2.36. Sông Thame trong vai trò tiêu thoát lũ cho Đô thị Luân Đôn [25]

*c. Bài học về quản lý phát triển HLX*

Kinh nghiệm xây dựng chính sách bổ sung quỹ đất cây xanh: Kinh nghiệm thành công trong dự án trồng rừng tại HLX Seoul, Hàn Quốc. Để giúp việc cho Tổng thống trong việc biến ý tưởng của ông thành hiện thực, ngày 20/5/1961 Tổng thống Park đã "bổ nhiệm một Bộ trưởng nông nghiệp và lâm nghiệp, Luật lâm nghiệp." [102].

Kinh nghiệm phát triển nông nghiệp trong HLX.

+ Kinh nghiệm phát "triển trang trại đô thị để cung cấp thực phẩm tươi sống của thành phố Thâm Quyển"[45] (Trung Quốc) rất đáng tham khảo. Các trang trại này có cấu trúc làng và hình thành hai vành đai cách trung tâm thành phố khoảng 10km. Tại đây họ tổ chức sản xuất những sản phẩm mà thành phố tiêu thụ. Vành đai 1 gần trung tâm hơn, tập trung sản xuất rau xanh, còn vành đai 2 sản xuất rau củ như khoai tây, cà rốt, hành. Do áp dụng công nghệ cao, tổ chức sản xuất tốt nên thu nhập của nông dân cũng cao không thua kém dân đô thị.

+ Mô hình nông thôn trong đô thị tại Pháp: Từ những năm 60, chính phủ Pháp có chính sách quy hoạch và phát triển đô thị theo mô hình "nông thôn trong đô thị". Chính sách này được xem như một thành công lớn vì nó đáp ứng được yêu cầu và mong muốn của người dân, nâng cao chất lượng sống của thị dân. Đó là làm thế nào để con người có thể tận hưởng được thiên nhiên mà vẫn được đảm bảo những nhu cầu về dịch vụ của đô thị. Những mảng xanh ven đô vừa để đảm bảo KGX đô thị, vừa là nơi sản xuất nông sản. Như thế, nông dân có thị trường tiêu thụ cho sản phẩm của mình là chính thành phố của mình, lại thêm không phải chịu nhiều chi phí vận chuyển. [88]





a) Đô thị và nông nghiệp ở Thảm Quyển



b) Nông nghiệp ven đô ở Pháp

Hình 2.37. Một số mô hình phát triển nông nghiệp trên thế giới [81]

*e. Bài học về huy động các nguồn lực và tham gia của cộng đồng dân cư*

Kinh nghiệm tham gia cộng đồng trong việc quản lý nguồn nước: Hệ thống canh tác Subak (Bali, Indonesia) là kinh nghiệm cho việc cộng đồng cùng tham gia vào quản lý nguồn nước. Nguồn nước được cộng đồng bảo vệ, phân phối sử dụng “từ đời này sang đời khác theo nghi lễ tôn giáo và truyền thống của tổ tiên”. Nguồn nước được quản lý thông qua hệ thống các công trình “tôn giáo gắn với tục thờ nước, thân nước và tham gia quản lý nước” và “ngôi đền là trọng tâm của việc quản lý nước trong các tiểu vực tưới nước”. [83]



a) Đền thờ nước Dauau Beratan



b) Hệ thống mương dẫn nước

Hình 2.38. Hệ thống canh tác Subak (Bali, Indonesia) [83]

*Đánh giá chung một số kinh nghiệm thế giới: Một số kinh nghiệm thiết lập HLX làm ranh giới phát triển đô thị, tồn tại dưới hình thức rừng hoặc các công viên cây xanh, vừa là lá phổi xanh đô thị, vừa là nơi diễn ra các hoạt động vui chơi giải trí; Xác định chỉ tiêu diện tích dựa trên nhiều tham số, trong đó có diện tích các thành phần chức năng xanh; Hình thành các mô hình sản xuất nông nghiệp kết hợp phục vụ hoạt động du lịch dịch vụ cho đô thị, vừa khai thác ưu thế của nông thôn vừa khai thác lợi thế kề cận đô thị; Xây dựng cộng đồng bảo vệ nguồn nước là những kinh nghiệm quý, có thể vận dụng trong điều kiện của thành phố Hà Nội.*

### Chương 3 - ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP THIẾT LẬP CẤU TRÚC QUY HOẠCH HÀNH LANG XANH THÀNH PHỐ HÀ NỘI, KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

#### 3.1. Quan điểm, mục tiêu phát triển

##### 3.1.1. Quan điểm

Thiết lập CTQH HLX là giải pháp cần thiết, cần phải làm ngay đối với thành phố Hà Nội trong giai đoạn phát triển hiện nay, nhằm thực hiện mục tiêu phát triển các đô thị theo hướng Xanh - Văn hiến - Văn minh - Hiện đại. Từ đó, cần có quan điểm thiết lập CTQH HLX thành phố Hà Nội như Bảng 3.1 sau:

Bảng 3.1. Các quan điểm thiết lập CTQH HLX

Quan điểm	01	02	03	04	05	06
<b>Nội dung</b>	CTQH HLX là một bộ phận của kết cấu hạ tầng xanh đô thị Hà Nội	CTQH HLX là thiết lập hệ thống xanh	CTQH HLX lấy khung tự nhiên làm trục phát triển chủ đạo	HLX có đa dạng thành phần chức năng xanh	Tạo lập cấu trúc HLX là quá trình xây dựng liên kết xanh	Cần có giải pháp quản lý phát triển HLX

*Quan điểm 1: Cấu trúc HLX là một bộ phận cấu thành kết cấu hạ tầng xanh đô thị Hà Nội:* Cấu trúc HLX là một bộ phận của kết cấu hạ tầng xanh trong hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển của thành phố Hà Nội, thúc đẩy sự cân bằng giữa 3 trụ cột: Đất (địa hình dương), nước (địa hình âm) và giao thông để thiết lập khung CTĐT đặc trưng của thành phố Hà Nội.

*Quan điểm 2: CTQH HLX là thiết lập hệ thống xanh:* CTQH HLX là sự kết nối các điểm xanh, tuyến xanh, mảng xanh trong một hệ thống có mục tiêu phát triển đô thị bền vững. Hiệu quả của HLX chính là khai thác tối đa quỹ đất xanh của đô thị.

*Quan điểm 3: CTQH HLX lấy khung tự nhiên làm trục phát triển chủ đạo:* CTQH HLX được thiết lập trên cơ sở lấy khung tự nhiên làm trục phát triển chủ đạo, với các yếu tố cốt lõi là các dòng chảy tự nhiên, ao hồ và các diện tích ngập nước.

*Quan điểm 4: HLX có đa dạng thành phần chức năng xanh:* Ngoài thành phần chức năng tự nhiên, HLX được bổ sung nhiều thành phần chức năng xanh khác như khu xanh văn hóa, khu xanh dịch vụ, khu xanh nông nghiệp, khu xanh làng xã được hình thành trên cơ sở quỹ đất tiềm năng phát triển cây xanh của đô thị.

*Quan điểm 5: Tạo lập cấu trúc HLX là quá trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật xanh:* Tạo lập liên kết xanh giữa khung tự nhiên với chức năng xanh trong khu vực để hình thành nên các hành lang sinh thái, hành lang văn hoá, hành lang phát triển kinh tế xanh và hành lang kiểm soát sự phát triển đô thị.

*Quan điểm 6: Cần có giải pháp quản lý phát triển HLX.* HLX là mô hình mới đối với Việt Nam, liên quan đa ngành. Do đó, cần phải có chính sách đủ mạnh, bổ sung phương pháp quy hoạch chung và xây dựng cộng đồng HLX để thực hiện thành công giải pháp điển hình tại Hà Nội và nhân rộng như một nguyên tắc quy hoạch phát triển chung cho các đô thị Việt Nam.

### 3.1.2. Mục tiêu phát triển

a. *Mục tiêu chung:* Đảm bảo phát triển của Thủ đô theo hướng bền vững;

b. *Mục tiêu cụ thể:* Trên cơ sở tổng hợp các mục tiêu phát triển các đô thị trên thế giới và Việt Nam tại chương 1, CTQH HLX thành phố Hà Nội bao gồm các nhóm mục tiêu phát triển như sau:

Bảng 3.2. Các nhóm mục tiêu phát triển của CTQH HLX

Nhóm	01	02	03
Nội dung	Môi trường, không gian cảnh quan	Văn hóa xã hội	Kinh tế

(i) *Mục tiêu bảo vệ môi trường, không gian cảnh quan*

- *Tạo lập môi trường thiên nhiên tốt, thích ứng với BĐKH.* Trong bối cảnh thành phố Hà Nội có tốc độ đô thị hóa nhanh, môi trường sinh thái đô thị bị suy giảm nghiêm trọng. Không những vậy, tác động tiêu cực của BĐKH đến đô thị Hà Nội diễn biến bất thường và cực đoan. HLX thành phố Hà Nội là kết cấu hạ tầng xanh, gắn với bộ khung tự nhiên đô thị phải có vai trò tạo lập môi trường thiên nhiên tốt, thích ứng với BĐKH. Mục tiêu này thể hiện ở các khía cạnh sau:

+ Bảo vệ khung tự nhiên và tạo lập một môi trường sinh thái cho đô thị: HLX là khu vực bảo vệ nghiêm ngặt diện tích mặt nước tự nhiên, nước ngầm, rừng núi, cây xanh. HLX với vai trò hành lang thiên nhiên lớn, hành lang liên kết khung tự nhiên với chức năng xanh nhằm tạo lập cấu trúc không gian sinh thái cho đô thị.

+ Hỗ trợ hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị: HLX là hành lang thoát nước của đô thị (các sông suối, hồ, khu vực ngập lũ) và dự trữ nước ngầm cho đô thị.

+ Góp phần thích ứng với tác động tiêu cực của BĐKH. Dự báo cho thấy tác động BĐKH đến thành phố Hà Nội ngày một gia tăng, điển hình trong đó là hiện tượng ngập lụt, nắng nóng, hạn hán... HLX có vai trò trong việc giảm thiểu các thiệt hại cho đô thị khi có những biến cố khí hậu bất thường như hiện tượng đảo nhiệt, mưa lũ,...



- *Tạo lập vùng KGX có cảnh quan đẹp, góp phần tạo bản sắc đô thị.* Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, việc gìn giữ không gian cảnh quan đặc thù để tạo bản sắc đô thị Hà Nội là nhiệm vụ rất quan trọng. HLX thành phố Hà Nội hình thành từ khung tự nhiên, quỹ đất xanh có đặc điểm cảnh quan đa dạng phong phú. Đặc biệt, cảnh quan của HLX phản ánh được sức sống của đô thị Hà Nội trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Do đó HLX thành phố Hà Nội phải là không gian kiến tạo dấu ấn đặc trưng cảnh quan của đô thị. Cảnh quan đặc trưng của HLX là sự kết hợp cảnh quan tự nhiên (rừng núi, sông, hồ) với cảnh quan di sản văn hóa, du lịch và vui chơi giải trí, đồng ruộng, điểm dân cư nông thôn tạo thành cảnh quan hấp dẫn, góp phần tạo nên bản sắc của đô thị.

- *Góp phần hạn chế sự phát triển tràn lan, phân mảnh, thiếu kiểm soát của đô thị.* Tại các đô thị trên thế giới, HLX dạng vành đai rừng bao bọc đô thị thể hiện vai trò kiểm soát phát triển không giới hạn của đô thị. Như đã phân tích tại chương 2, đô thị Hà Nội đang diễn ra sự phát triển nhanh và khó kiểm soát. Như vậy, HLX phải tạo ra các khu vực xanh với chức năng riêng biệt có sự kiểm soát khả thi, mật độ xây dựng thấp và ổn định, có thể hạn chế được sự phát triển lan tỏa, phân mảnh của đô thị bằng những quy định nghiêm ngặt.

#### (ii) Mục tiêu văn hóa xã hội

- *Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.* Trong khu vực HLX có một môi trường văn hóa truyền thống lớn gắn với di sản văn hóa vật thể và phi vật thể phong phú bám theo các hành lang sông, hồ. Do đó HLX cũng phải có vai trò bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

- *Tạo lập điểm dân cư nông thôn bền vững.* Quá trình phát triển điểm dân cư nông thôn tại thành phố Hà Nội luôn có tính 2 mặt, để đảm bảo sự phát triển bền vững, đòi hỏi khu vực HLX phải hỗ trợ *điểm dân cư nông thôn* trong việc giảm thiểu tối đa những mặt trái của quá trình phát triển như nạn thất nghiệp, chênh lệch giàu nghèo, dịch cư ra đô thị, tệ nạn xã hội. HLX thành phố Hà Nội trong vai trò tạo lập môi trường *điểm dân cư nông thôn* bền vững được nhìn nhận dưới các khía cạnh sau: Tạo ra các công việc mới, ổn định dân cư làng xã; Thúc đẩy xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh gắn với các hoạt động xã hội, hướng tới môi trường sống bền vững.

#### (iii) Mục tiêu kinh tế

- *Tạo lập các không gian tổ chức hoạt động kinh tế dịch vụ xanh mới gắn kết với các chức năng của đô thị.* Quá trình đô thị hóa tại đô thị Hà Nội dẫn đến việc thu hẹp và suy giảm chất lượng các KGX trong đô thị. Bên cạnh đó, quá trình đô thị hóa thúc đẩy nhu cầu ngày càng tăng của hoạt động giáo dục, vui chơi giải trí, du lịch và thể thao. HLX với các không gian tổ chức các hoạt động kinh tế dịch vụ xanh đa dạng không những bổ sung thêm quỹ đất cây xanh cho đô thị mà còn tạo ra không gian nhằm thỏa

mãn các nhu cầu giáo dục, vui chơi giải trí, du lịch và thể thao của người dân đô thị.

- *Tăng hiệu quả kinh tế trong khai thác sử dụng đất nông nghiệp.* Khu vực HLX ngoài các không gian tự nhiên còn là một không gian phát triển kinh tế nông nghiệp, nghề thủ công truyền thống, du lịch gắn với nông nghiệp... Sự kề cận với đô thị lớn đòi hỏi các hoạt động kinh tế này phải có những đặc thù riêng, nhất là với hoạt động sản xuất nông nghiệp. Phát huy những ưu thế của sản xuất nông nghiệp, nghề thủ công truyền thống,.. Hoạt động kinh tế nông nghiệp trong khu vực HLX thành phố Hà Nội phải có những hiệu quả kinh tế đủ để cạnh tranh với kinh tế công nghiệp, dịch vụ bên trong đô thị trung tâm và kinh tế nông nghiệp của các đô thị kề cận. Như phân tích tại chương 2, HLX thành phố Hà Nội với diện tích đất nông nghiệp chiếm tỉ trọng lớn. Do đó, mục tiêu tăng khả năng sử dụng đất nông nghiệp hiệu quả và góp phần ổn định xã hội, chuyển đổi nghề nghiệp trong HLX thành phố Hà Nội là rất cấp thiết.

### 3.2. Các nguyên tắc, diện tích HLX quy đổi

#### 3.2.1. Các nguyên tắc

HLX thành phố Hà Nội là khu vực phức tạp, tồn tại đan xen nhiều dạng chức năng phát triển kinh tế đô thị, tồn tại những nguy cơ phá vỡ CTQH. Do vậy, thiết lập CTQH HLX Hà Nội bao gồm các nguyên tắc sau:

i) CTQH HLX thiết lập dựa trên cơ cấu quy hoạch chung của thành phố Hà Nội.

ii) Thiết lập CTQH HLX là quá trình thực hiện đồng thời 04 hành động chính, cụ thể như Bảng 3.3 sau:

Bảng 3.3. Các hành động thiết lập cấu trúc HLX

Hành động	01	02	03	04
Nội dung	Bảo tồn HST tự nhiên	Duy trì KGX đã có	Bổ sung KGX mới	Kiểm soát phát triển

- *Hành động 01: Bảo tồn HST tự nhiên.* Khôi phục các dòng chảy tự nhiên, gắn với khu vực ao hồ và diện tích thoát lũ nhằm tạo lập các trục không gian chủ đạo của HLX.

- *Hành động 02: Duy trì KGX đã có.*

+ *Duy trì KGX gắn với di sản văn hóa dựa trên bảo tồn giá trị di sản văn hóa:* Khoanh vùng bảo vệ nghiêm ngặt di tích lịch sử văn hóa - tôn giáo tín ngưỡng và khu vực cây xanh lớn (rừng, vườn quốc gia,...) nhằm tạo lập hành lang văn hóa.

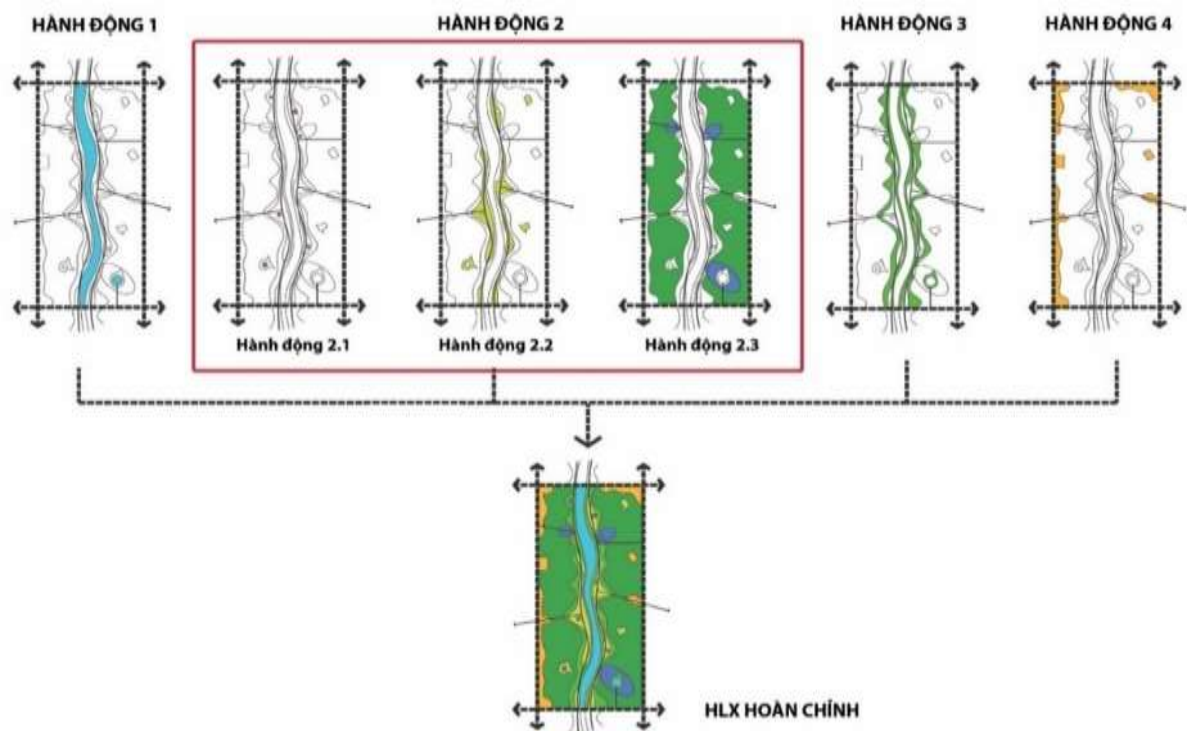
+ *Duy trì KGX gắn với điểm dân cư nông thôn:* Phát triển hệ thống các công trình công cộng, nhà ở và hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo hướng sinh thái, trên cơ sở bảo vệ tài nguyên di sản văn hóa và tự nhiên, nhằm tạo lập khu vực cư trú nông thôn bền vững.

+ *Duy trì KGX gắn với khu vực dịch vụ:* Khai thác phát triển hệ thống giáo dục

tiên tiến gắn với hội nhập quốc tế, kinh tế dịch vụ dựa trên tài nguyên sinh thái, cảnh quan và tài nguyên di sản văn hóa, phát triển nông nghiệp công nghệ cao nhằm tạo lập hành lang kinh tế bền vững.

- *Hành động 03: Bổ sung KGX mới.* Chuyển đổi diện tích đất có hiệu quả sử dụng thấp, đất chưa sử dụng sang đất cây xanh. Hình thành hệ thống các hành lang cây xanh mới của đô thị.

- *Hành động 04: kiểm soát phát triển.* Kiểm soát các chức năng khác như dân cư nông thôn có mật độ cao, dự án phát triển đô thị, công trình đầu mối hạ tầng đan xen với mật độ xây dựng thấp, duy trì đúng quy mô, tỷ trọng chiếm đất trong HLX theo quy hoạch, không để phát triển lan tỏa loạn hướng chia cắt tính liên tục của các KGX. (xem Hình 3.1)



Hình 3.1. Sơ đồ không gian quá trình lồng ghép 04 hành động thiết lập CTQH HLX

iii) CTQH HLX là quá trình thiết lập các liên kết giữa khung tự nhiên với *chức năng tiềm năng phát triển KGX* (di sản văn hóa, dịch vụ, điểm dân cư nông thôn, nông nghiệp) trong khu vực thành hệ thống xanh hoàn chỉnh, liên hoàn và tương hỗ trong quá trình phát triển.

iv) CTQH HLX là quá trình lồng ghép, cộng hưởng 04 hành động chính và tiêu chuẩn, quy chuẩn, văn bản quy phạm pháp luật về hành lang lưu không dọc sông nhằm tạo lập HLX có tính chất: **Tự nhiên - Văn hóa - Kinh tế bền vững** nhằm thúc đẩy tối đa mục tiêu phát triển của HLX trong phát triển đô thị.

v) CTQH HLX phải được đầu tư phát triển và bảo vệ bằng nhiều nguồn lực;

vi) CTQH HLX phải được quản trị bảo vệ chặt chẽ bởi cơ quan quản lý nhà nước và sự tham gia của cộng đồng, dân cư.

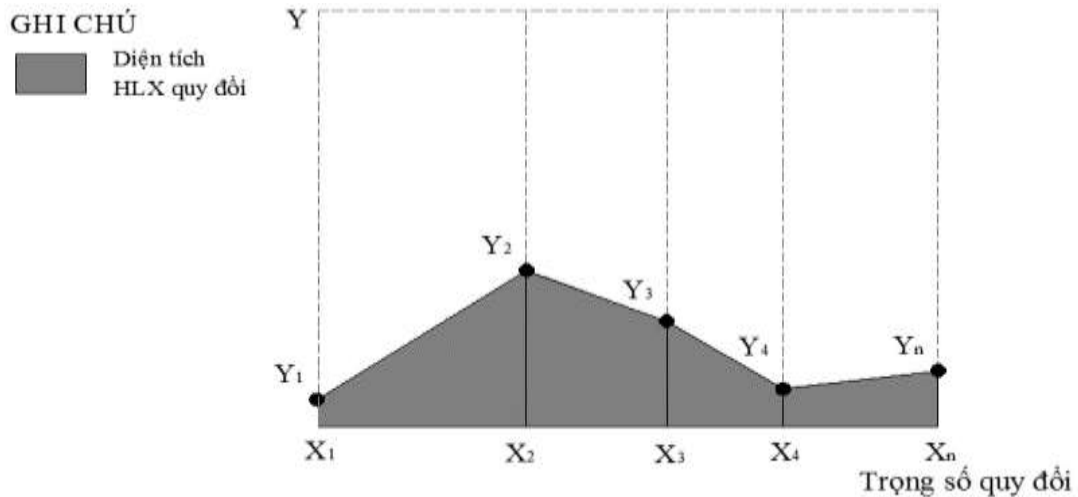
### 3.2.2. Diện tích HLX quy đổi

Do mỗi chức năng trong HLX có các đặc tính tác động môi trường khác nhau, mật độ xanh che phủ khác nhau nên cần thiết phải quy đổi diện tích HLX về diện tích xanh thuần để xác định đúng quy mô HLX.

Diện tích HLX quy đổi phụ thuộc vào các yếu tố chính: Diện tích các chức năng đất có trong HLX (ha), trọng số mật độ xanh quy đổi (hằng số). (xem Hình 3.2)

Trọng số quy đổi có giá trị từ 0 ÷ 1 lần, thay đổi tùy thuộc vào diện tích che phủ xanh trên tổng diện tích chức năng đó. Mỗi chức năng sẽ có một trọng số quy đổi khác nhau.

Việc quy đổi này sẽ phản ánh rõ thực chất diện tích của một khu vực có vai trò đúng với tính chất của HLX, không chỉ nhìn vào diện tích tổng cộng. Việc so sánh chỉ tiêu diện tích HLX so với diện tích đô thị, hoặc giữa HLX đô thị này với đô thị khác phải lấy theo diện tích HLX quy đổi.



Hình 3.2. Biểu đồ tương quan diện tích xanh quy đổi trên diện tích xanh thực

Trong đó: Y: Diện tích các chức năng xanh thực; X: Trọng số quy đổi.

*Hệ số HLX thực (k):* Hệ số HLX thực là tỷ số giữa Diện tích HLX quy đổi ( $HLX_{qd}$ ) và diện tích HLX thực tế ( $HLX_{th}$ ):  $k = HLX_{qd} / HLX_{th}$ . Tỷ số này càng gần 1 thì tính khả thi của việc thiết lập HLX càng cao. *Hệ số k* là một hệ số cần được đánh giá để xem xét tính khả thi của giải pháp quy hoạch. Đề xuất hệ số k phải đạt từ 0,5 lần trở lên.

Với cách tính này ví dụ như HLX của Thủ đô Hà Nội hiện nay, diện tích HLX quy đổi có thể chỉ còn khoảng 30% so với diện tích HLX là toàn bộ đất ngoại thành như quy hoạch. Điều này cũng phản ánh chính xác hơn thực trạng các KGX có thể có được đóng góp cho môi trường sống đô thị.

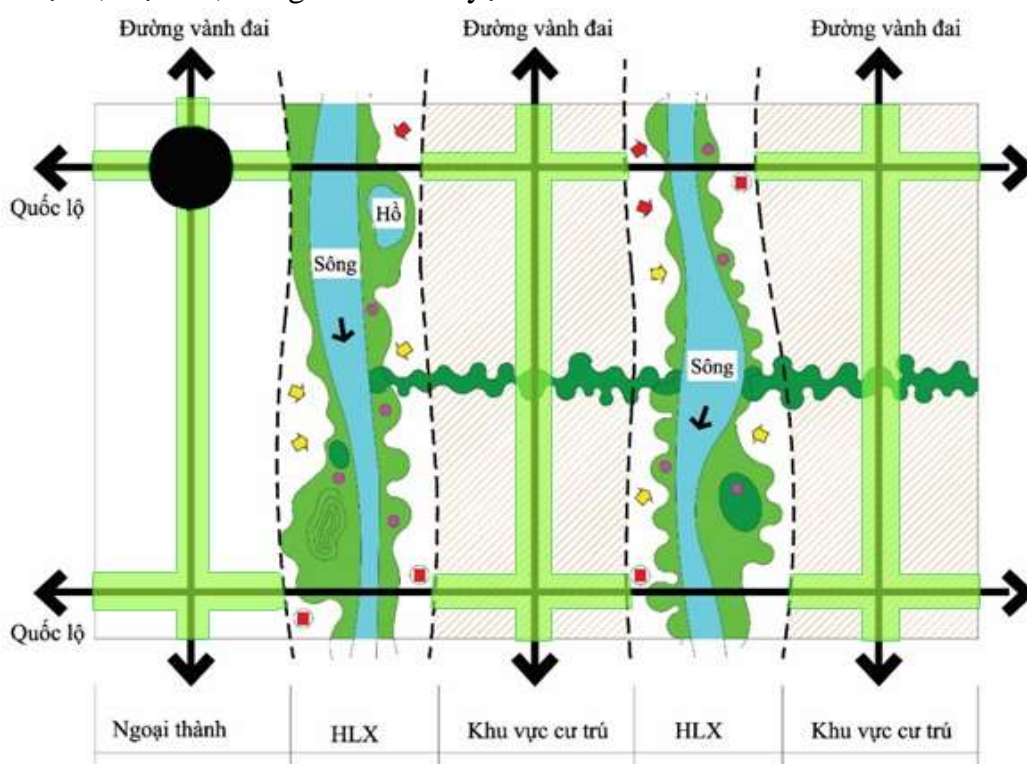
### 3.3. Giải pháp CTQH HLX

Việc thiết lập CTQH HLX thành phố Hà Nội về nguyên tắc được tiến hành đồng thời các giai đoạn lập quy hoạch đô thị. Nhiệm vụ thiết lập CTQH HLX cụ thể như sau:

- (i) Ở giai đoạn quy hoạch chung toàn thành phố: Định hướng CTQH HLX (cấu trúc lớn) trong cơ cấu quy hoạch chung thành phố Hà Nội, cho đô thị hạt nhân và HLX cho các đô thị vệ tinh thuộc cơ cấu quy hoạch chung thành phố.
- (ii) Ở giai đoạn quy hoạch phân khu: Thiết lập mô hình cấu trúc, phân vùng - thành phần chức năng, hạ tầng kỹ thuật xanh, định hướng quy hoạch chức năng chính và quản lý phát triển.

#### 3.3.1. Định hướng CTQH HLX trong cơ cấu quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội

Thành phố Hà Nội là vùng đô thị, bao gồm khu vực đô thị trung tâm và khu vực phụ cận. Khu vực đô thị là đô thị trung tâm (nội thị), khu vực phụ cận bao gồm khu vực ven đô và ngoại thành. Trong khu vực phụ cận có thể xuất hiện các đô thị vừa và nhỏ như các thị xã, thị trấn, trung tâm của huyện.



**GHI CHÚ**

- Sông, hồ, khu vực thoát lũ
- Dải cây xanh cảnh quan
- Dải cây xanh theo hành lang giao thông
- Khu vực rừng núi
- Khu vực di sản văn hóa
- Khu vực dịch vụ du lịch gắn với di sản văn hóa
- Khu vực nông nghiệp công nghệ cao
- Điểm dân cư nông thôn có mật độ thấp
- Điểm dân cư nông thôn mật độ cao
- Khu vực dự án đã cấp phép,

Hình 3.3. Sơ đồ mô hình khung cấu trúc HLX thành phố Hà Nội

Trên cơ sở quan điểm trên, mô hình khung cấu trúc HLX thành phố Hà Nội được xác định như sau: Cấu trúc HLX là cấu trúc dạng tuyến, lấy dòng chảy tự nhiên làm trục chủ đạo, gắn kết di sản văn hóa, khu vực phát triển dịch vụ, đất nông nghiệp, điểm dân cư nông thôn mật độ thấp bằng hệ thống hạ tầng kỹ thuật xanh (xem Hình 3.3)



Hình 3.4. Sơ đồ khung cấu trúc HLX trong cơ cấu quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội

Cấu trúc HLX trong cơ cấu quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội ở 2 cấp độ:

- Tổng thể toàn thành phố Hà Nội: HLX là không gian đệm liên kết đô thị trung tâm và các đô thị vệ tinh. HLX giới hạn sự phát triển lan tỏa của đô thị trung tâm và đô thị vệ tinh ra khu vực ngoại thành theo các trục đường chính xuyên tâm như QL1, QL6, Đại lộ Thăng Long, QL32, QL3 và QL5.

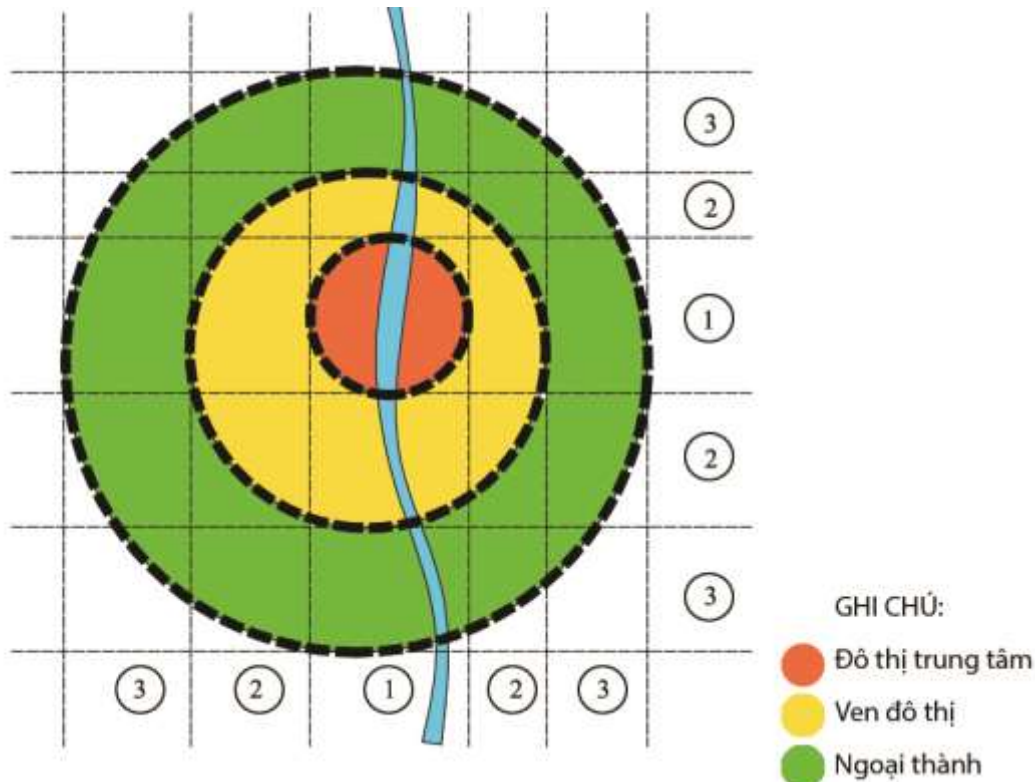
- Đô thị trung tâm: HLX là không gian giới hạn sự phát triển đô thị trung tâm lịch sử và đô thị trung tâm mở rộng. Phía Nam sông Hồng: HLX bám theo hệ thống sông Nhuệ. Phía Bắc sông Hồng: HLX bám theo hệ thống sông Ngũ Huyện Khê và đầm Vân Trì.

(xem Hình 3.4)



### 3.3.2. Các mô hình CTQH HLX thành phố Hà Nội

Khung cấu trúc HLX thành phố Hà Nội được phân loại theo vị trí: Theo vị trí, HLX có 3 dạng chủ yếu: HLX xuyên cắt qua khu vực đô thị trung tâm, HLX bám sát khu vực trung tâm và HLX không xuyên cắt qua khu vực đô thị trung tâm. Hình 3.5:



Hình 3.5. Sơ đồ HLX thành phố Hà Nội theo vị trí trong đô thị

Đặc điểm các loại mô hình CTQH HLX thành phố Hà Nội như sau:

a. Trong đô thị trung tâm (xem Hình 3.6): Có thể xuất hiện 3 kịch bản phát triển như sau:

- Kịch bản 1.a (cao): Hình thành cấu trúc HLX dạng mạng xanh hoàn chỉnh. Cấu trúc này đạt được các mục tiêu về môi trường cảnh quan, văn hóa; thiết lập dựa trên 04 hành động chính là bảo tồn HST tự nhiên, duy trì KGX đã có, bổ sung KGX mới và kiểm soát phát triển; Bao gồm các chức năng chính là khu xanh tự nhiên, khu xanh văn hóa, xanh dịch vụ. Cấu trúc này tương tự cấu trúc KGX đã được đề xuất trong đề tài nghiên cứu Quy hoạch hệ thống công viên vườn hoa và hồ thành phố Hà Nội đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 của Viện quy hoạch xây dựng Hà Nội. [96]

Ưu điểm: HLX dạng này được hình thành trên cơ sở kết nối các KGX đô thị (công viên, vườn hoa, cây xanh đường phố, sông, hồ,...), khu vực di tích văn hóa thành hệ thống xanh liên hoàn, tương hỗ. Với quy mô diện tích không lớn, nhưng chức năng xanh được phân bố đồng đều trên toàn bộ phạm vi đô thị. Cấu trúc này có hiệu quả về môi trường, cảnh quan đô thị rất cao.

Nhược điểm: Cấu trúc này dễ bị phá vỡ, tính ổn định cấu trúc thấp. Theo phân tích tại chương 2, việc tạo lập các liên kết xanh bằng tuyến giao thông trong đô thị trung tâm là rất khó khăn và có khả thi thấp.

- Kịch bản 1.b (trung bình): Hình thành cấu trúc nhiều HLX dạng mạng xanh gắn với hành lang cây xanh bám theo sông với hệ thống công viên, vườn hoa và cây xanh bám theo hành lang giao thông. Cấu trúc này lấy mục tiêu về môi trường, văn hóa là mục tiêu chính; Thiết lập dựa trên 02 hành động chính là bảo tồn HST tự nhiên, bổ sung KGX mới; Chức năng chính là khu xanh tự nhiên, khu xanh văn hóa và khu xanh dịch vụ.

Đây là cấu trúc được nhiều thành phố lớn trên thế giới áp dụng do tạo dựng được bản sắc riêng, đẹp cho đô thị từ việc kết hợp yếu tố tự nhiên sông ngòi với kiến trúc bản địa đặc sắc. Dạng cấu trúc này phù hợp với đặc trưng địa hình sông của thành phố Hà Nội.

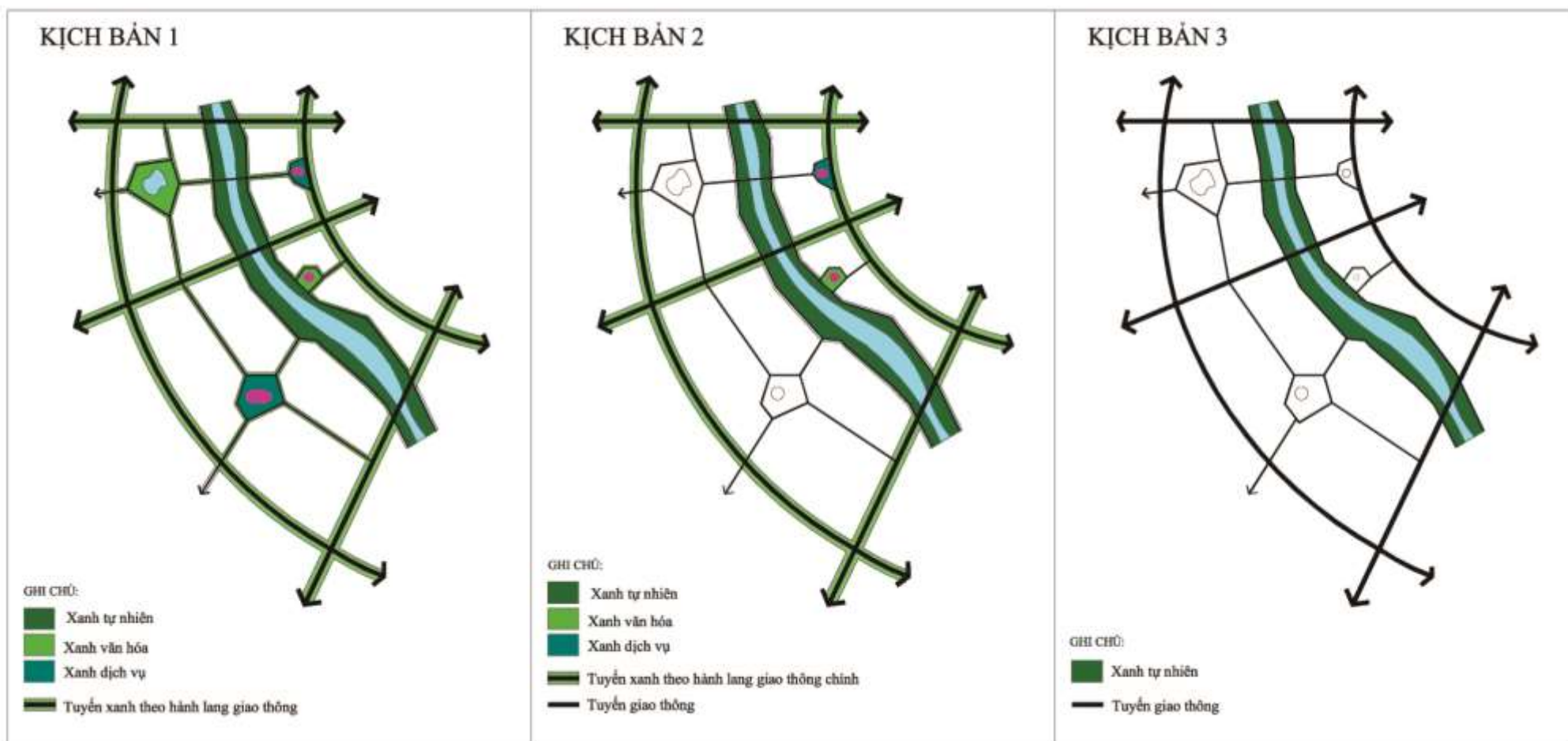
Ưu điểm: Tính ổn định cấu trúc cao. HLX này được hình thành trên cơ sở các hành lang sông đô thị đã được khoanh vùng bảo vệ nghiêm ngặt (hành lang bảo vệ sông). Cấu trúc này phù hợp với đặc trưng hình thái khung tự nhiên thành phố Hà Nội.

Nhược điểm: Do quy mô diện tích không lớn nên cấu trúc này có tác động tới môi trường chỉ trong phạm vi hai bên sông. Việc hình thành HLX chủ yếu đạt được mục tiêu về môi trường, bảo tồn di sản văn hóa và thiết lập cảnh quan đặc trưng đô thị Hà Nội, không đáp ứng các mục tiêu còn lại.

- Kịch bản 1.c (thấp): Hình thành cấu trúc HLX dạng tuyến xanh (hoặc nêm xanh) gắn với các con sông (sông Hồng, sông Đà, sông Đuống, sông Tô Lịch, sông Kim Ngưu, sông Sét). Tương tự kịch bản 1.2, cấu trúc này lấy mục tiêu môi trường không gian cảnh quan là mục tiêu chính; Thiết lập dựa trên 02 hành động chính bảo tồn HST tự nhiên và Duy trì KGX đã có; Dựa trên 02 phần chức năng (khu xanh tự nhiên, khu xanh văn hóa), các nhóm liên kết chính là môi trường sinh thái và văn hóa.

Ưu điểm: Tính ổn định cấu trúc và khả thi cao. HLX này được hình thành trên cơ sở các hành lang sông lớn đã được khoanh vùng bảo vệ nghiêm ngặt (hành lang bảo vệ sông). Chi phí thiết lập HLX thấp.

Nhược điểm: Tương tự kịch bản 1.2, cấu trúc HLX gắn với con sông lớn, tác động tới môi trường chỉ trong phạm vi hai bên sông. Tuy nhiên, đặc thù đề sông Hồng và sông Đuống cao để chống lũ, tác động HLX sông dạng này đến môi trường đô thị rất thấp.



Hình 3.6. Sơ đồ kịch bản mô hình CTQH HLX trong khu vực đô thị trung tâm Hà Nội

b. *Ven đô thị trung tâm (xem Hình 3.7)*: Có thể xuất hiện 3 kịch bản phát triển như sau:

- Kịch bản 2.a (cao): Hình thành HLX dạng VĐX 1 lớp bao bọc đô thị trung tâm. Cấu trúc này đạt đầy đủ các mục tiêu phát triển, các hành động, các chức năng chính và các nhóm liên kết. Thực tế, loại hình cấu trúc này đã được đề xuất tương tự mô hình VĐX phía Nam, nêm xanh phía Bắc trong đồ án quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Ưu điểm: Phát huy tối đa khung tự nhiên, quỹ đất xanh khu vực ngoại thành như sông hồ, đất nông nghiệp nhằm tạo lập KGX đô thị, bảo vệ hệ thống giá trị văn hóa trong đó có giá trị văn hóa làng xã, thúc đẩy chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp nhằm tăng hiệu quả sản xuất, giảm thiểu phát thải ô nhiễm ra môi trường.

Nhược điểm: Kịch bản cấu trúc này có tính *biến động* cao. Dạng cấu trúc này sẽ gặp khó khăn trong việc hình thành và quản lý phát triển do chứa đựng nhiều các thành phần phải kiểm soát phát triển. Sự phát triển của chức năng này có nguy cơ phá vỡ liên kết cấu trúc xanh. Cấu trúc này phát sinh nhiều mâu thuẫn trong quá trình phát triển. Do đó cần cân nhắc kỹ khi đưa ra cấu trúc này, trên cơ sở điều kiện nguồn lực kinh tế và thực trạng khu vực ngoại thành.

- Kịch bản 2.b (trung bình): Hình thành HLX dạng mạng xanh theo hành lang sông và đường giao thông chính. Cấu trúc này đạt đầy đủ các mục tiêu phát triển; Các hành động thiết lập chính là bảo tồn HST cảnh quan, duy trì KGX đã có và bổ sung KGX mới. Chức năng chính là khu xanh tự nhiên, khu xanh văn hóa, khu xanh dịch vụ và khu xanh điểm dân cư nông thôn (bám theo hành lang sông).

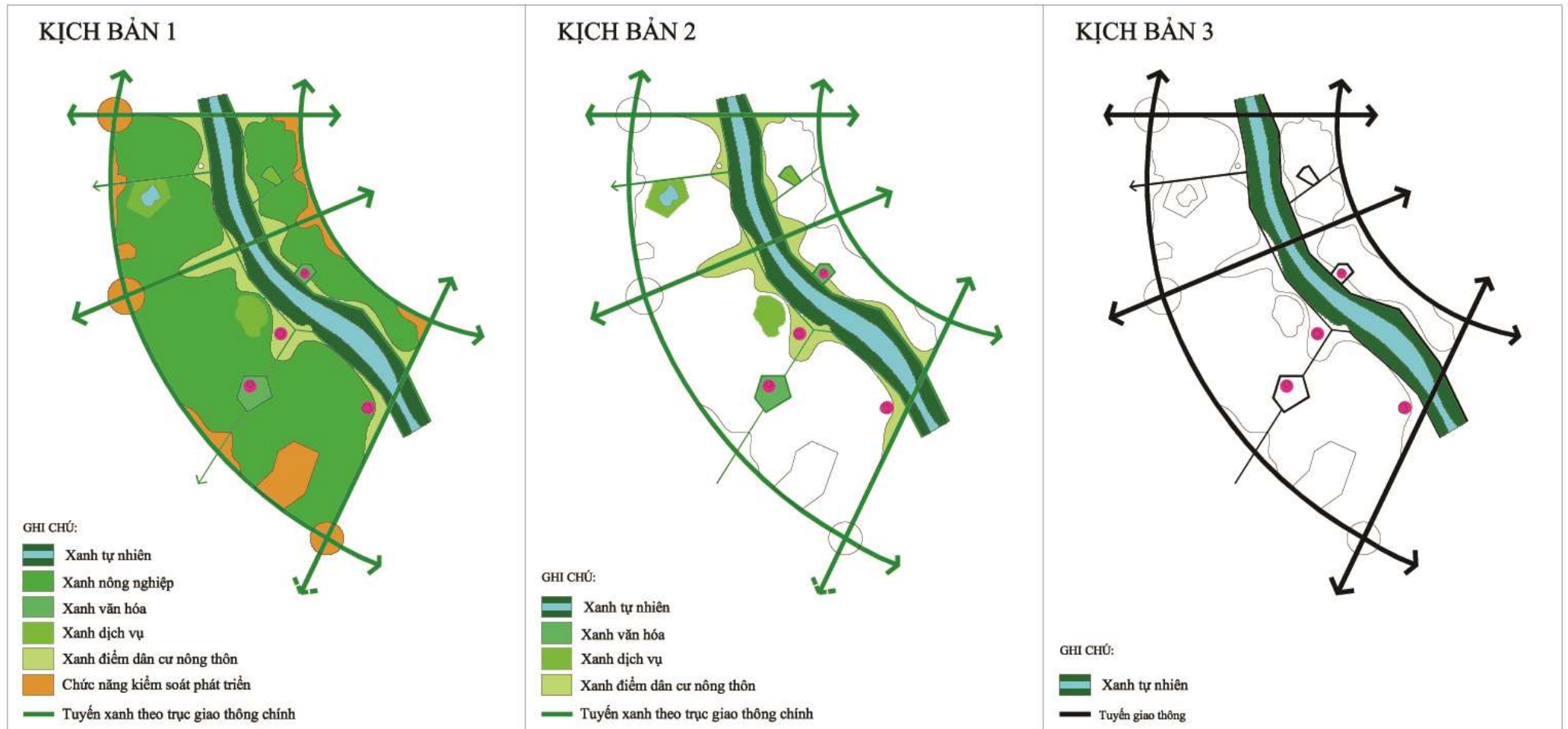
Ưu điểm: Kịch bản cấu trúc này có tính ổn định và khả thi cao hơn kịch bản 2.1, phát huy lợi thế khung tự nhiên, quỹ đất xanh bám theo hành lang sông.

Nhược điểm: Kịch bản cấu trúc này không có vai trò thúc đẩy phát triển bền vững đất nông nghiệp.

- Kịch bản 2.c (thấp): Hình thành HLX dạng tuyến xanh bám theo hành lang sông. Cấu trúc này đạt mục tiêu phát triển về môi trường cảnh quan; Thiết lập dựa trên các hành động chính là bảo tồn HST tự nhiên, duy trì KGX đã có; Chức năng chính là khu xanh tự nhiên.

Ưu điểm: Kịch bản này đơn thuần dựa trên khung tự nhiên gắn với hành lang sông, tính khả thi cao và chi phí thiết lập HLX thấp.

Nhược điểm: Khả năng khai thác quỹ đất xanh thấp. Kịch bản cấu trúc này không có vai trò kiểm soát phát triển đô thị lan tỏa, thúc đẩy phát triển bền vững làng xã và quỹ đất nông nghiệp.



Hình 3.7. Sơ đồ kịch bản mô hình CTQH HLX trong khu vực ven đô Hà Nội

*c. Trong khu vực ngoại thành (xem Hình 3.8): Có thể xuất hiện 3 kịch bản phát triển như sau:*

- Kịch bản 3.a (cao): Hình thành HLX dạng VĐX toàn bộ vùng ngoại thành: Cấu trúc này đạt đầy đủ các mục tiêu phát triển, các hành động, các chức năng chính và liên kết xanh. Thực tế, cấu trúc này tương đồng với cấu trúc HLX được đề xuất trong đồ án quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Ưu điểm: Phát huy tối đa khung tự nhiên, quỹ đất xanh khu vực ngoại thành tạo lập KGX rộng lớn cho đô thị Hà Nội, bảo vệ hệ thống giá trị văn hóa trong đó có giá trị văn hóa làng xã, thúc đẩy chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp nhằm tăng hiệu quả sản xuất, giảm thiểu phát thải ô nhiễm ra môi trường.

Nhược điểm: Kịch bản cấu trúc này có tính biến động rất cao. Khó khăn trong quản lý phát triển do diện tích thiết lập HLX lớn. Tính khả thi thấp do chứa đựng nhiều các thành phần chức năng cần phải kiểm soát phát triển. Vì vậy cần cân nhắc kỹ khi đưa ra cấu trúc này, trên cơ sở thực trạng khu vực ngoại thành.

- Kịch bản 3.b (trung bình): Hình thành cấu trúc HLX dạng mạng xanh tại khu vực ngoại thành. Cấu trúc này đạt được đồng thời mục tiêu phát triển về môi trường, không gian cảnh quan, văn hóa và kinh tế; Thiết lập dựa trên các hành động chủ đạo là bảo tồn HST tự nhiên, duy trì KGX đã có và bổ sung KGX mới; Chức năng chủ đạo là khu vực xanh tự nhiên, khu vực xanh văn hóa, khu vực xanh điểm dân cư nông thôn (khu vực bám theo hành lang sông); Liên kết chủ đạo là liên kết môi trường cảnh quan và văn hóa.

Ưu điểm: Vẫn phát huy khung tự nhiên, quỹ đất xanh khu vực ngoại thành. Có tính khả thi cao, do loại trừ 02 chức năng xanh: Điểm dân cư nông thôn và nông nghiệp.

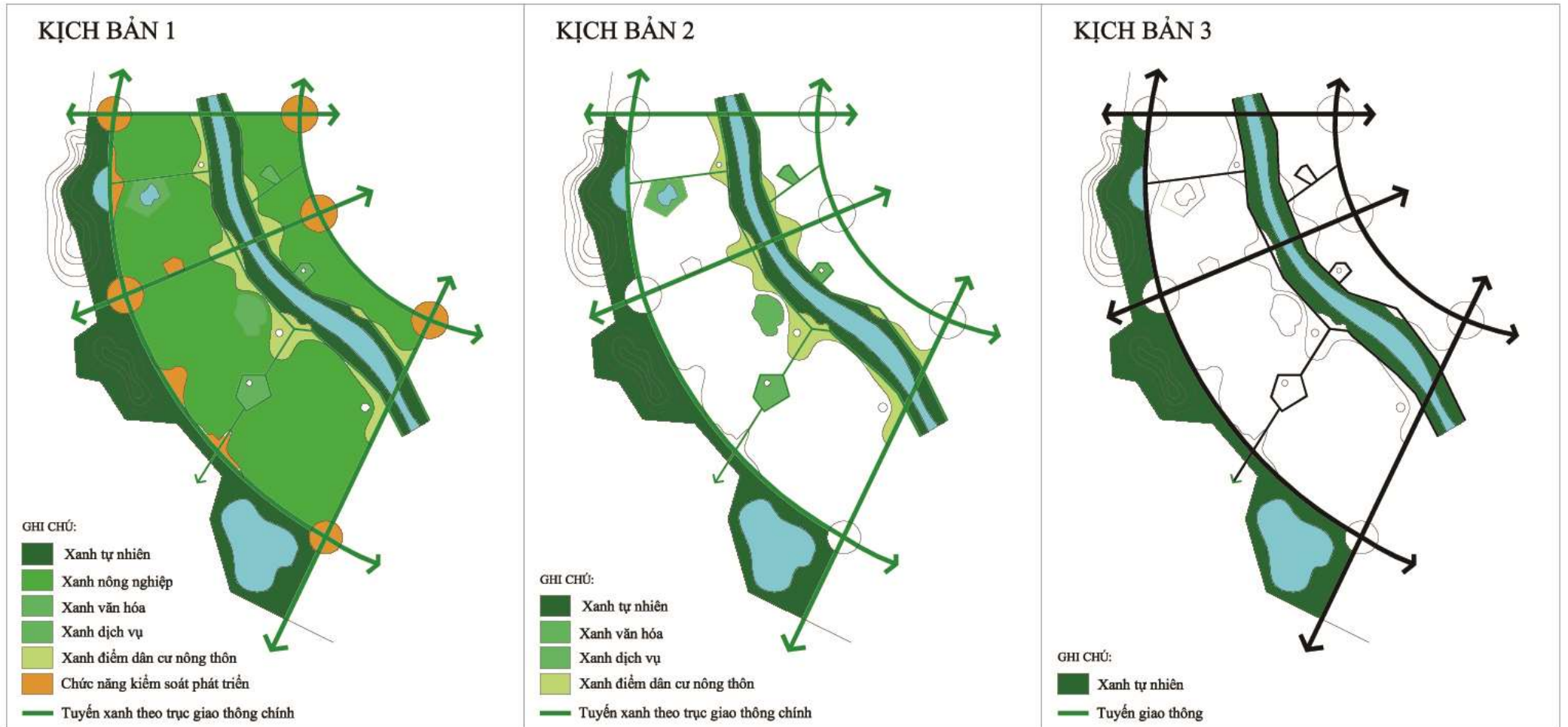
Nhược điểm: Nhưng dạng này không có vai trò thúc đẩy phát triển bền vững làng xã và quỹ đất nông nghiệp.

- Kịch bản 3.c (thấp): Hình thành cấu trúc HLX dạng tuyến trên cơ sở khung tự nhiên gắn với hệ thống sông, suối và ao hồ. Cấu trúc này đạt được mục tiêu phát triển môi trường, không gian cảnh quan; Thiết lập dựa trên các hành động chủ đạo là bảo tồn HST tự nhiên và duy trì KGX đã có; Chức năng chủ đạo là khu xanh tự nhiên; Liên kết chủ đạo là môi trường, cảnh quan.

Ưu điểm: Vẫn phát huy khung tự nhiên khu vực ngoại thành như sông, suối, hồ và rừng núi. Kịch bản cấu trúc này có tính khả thi cao nhất, chi phí thiết lập HLX thấp.

Nhược điểm: Nhưng dạng cấu trúc này không có vai trò thúc đẩy bảo tồn di sản, phát triển dịch vụ, hạn chế phát triển lan tỏa, phát triển bền vững điểm dân cư nông thôn và quỹ đất nông nghiệp.



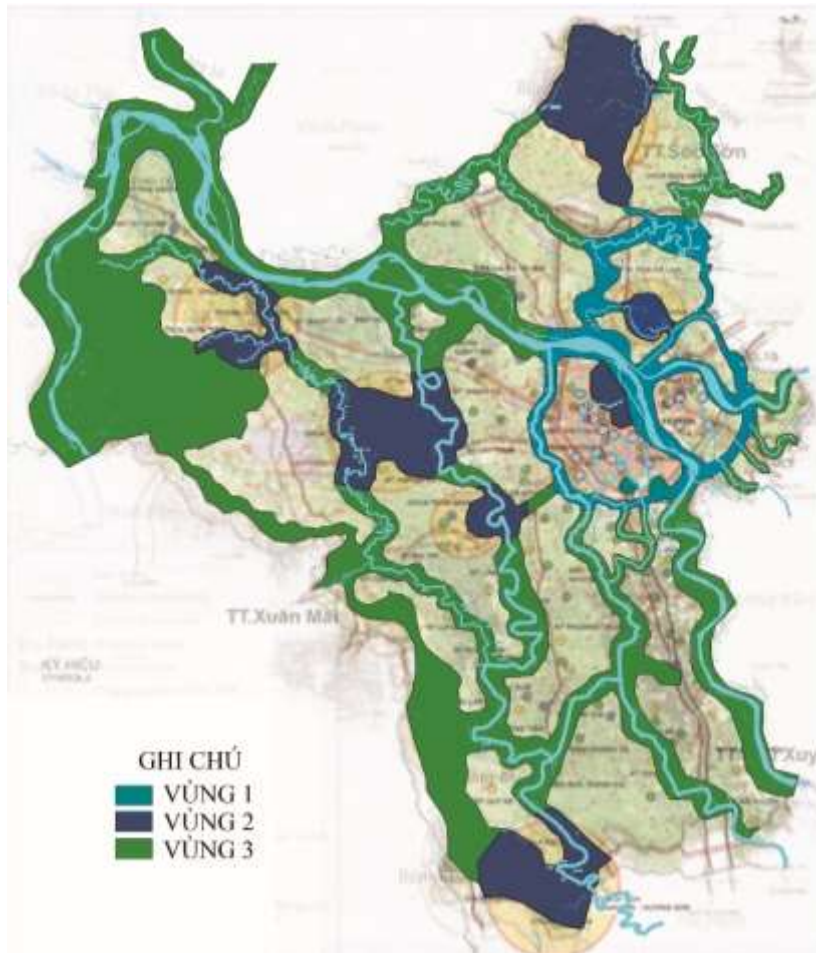


Hình 3.8. Sơ đồ kịch bản mô hình CTQH HLX trong khu vực ngoại thành Hà Nội

### 3.3.3. Phân vùng chức năng

#### a. Phân vùng chức năng

Với mục tiêu của HLX, cần có các phân vùng kiểm soát phát triển đặc thù cho việc kiểm soát các khu vực trong HLX. Phân vùng kiểm soát phát triển được xác định trên cơ sở các khu vực có mục tiêu phát triển chủ đạo. Các mục tiêu phát triển chủ đạo được đánh giá qua thành phần chức năng chủ đạo của HLX. Khung cấu trúc HLX thành phố được phân thành 03 vùng đặc thù trên như Hình 3.9 sau:



Hình 3.9. Sơ đồ phân vùng kiểm soát HLX thành phố Hà Nội

- Vùng 1: HLX có mục tiêu phát triển chủ đạo là Môi trường sinh thái. Vùng 1 gắn với HLX trong khu vực đô thị trung tâm và ven đô thị trung tâm. Bảo vệ nghiêm ngặt không gian mặt nước, cây xanh hiện có. Kiểm soát sự phát triển chức năng đô thị trong không gian kề cận đảm bảo không lấn chiếm không gian HLX.

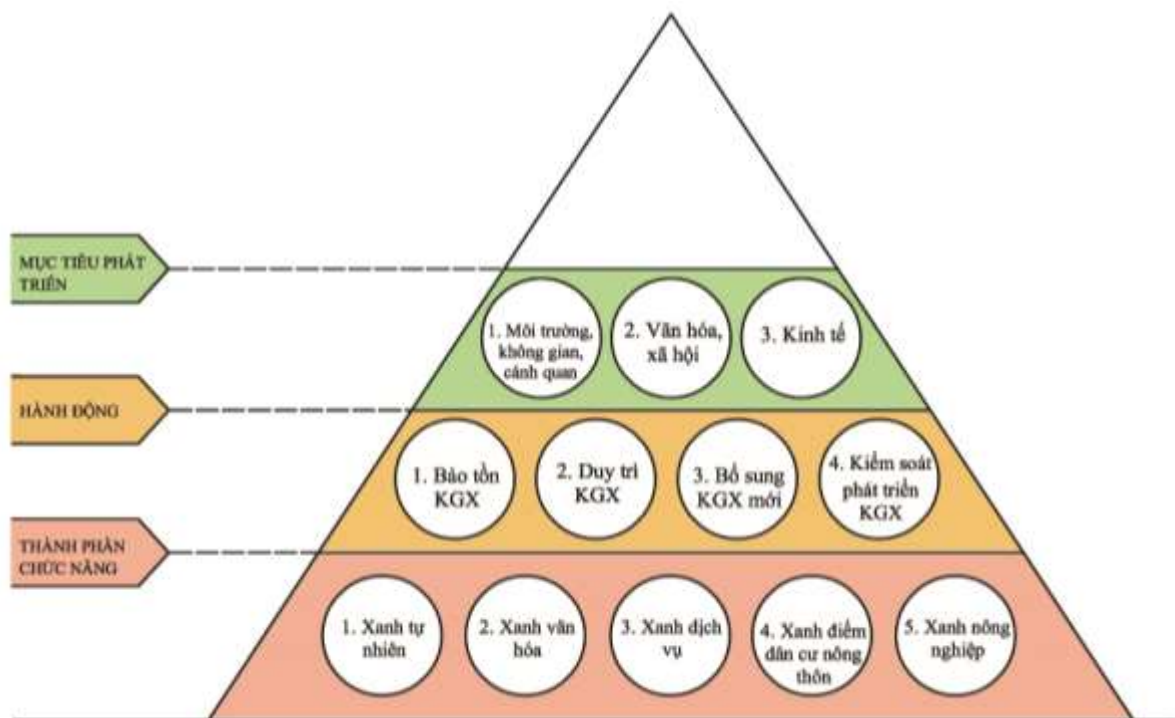
- Vùng 2: HLX có mục tiêu phát triển chủ đạo là Văn hóa. Vùng 2 khu vực gắn với các vùng, cụm, khu vực di sản của Thành phố như Cụm di tích Sơn Tây, cụm chùa Thầy, cụm Hương Sơn, cụm Sóc Sơn và cụm Hồ Tây – Phố Cổ - Phố Pháp. Bảo vệ nghiêm ngặt giá trị di sản (thông qua việc khoanh vùng bảo vệ vùng 1, vùng 2 của di sản). Kiểm soát nghiêm ngặt các hoạt động dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí.

- Vùng 3: HLX có mục tiêu phát triển chủ đạo là Kinh tế xanh. Vùng 3 gắn với các HLX còn lại. Bảo vệ nghiêm ngặt hệ thống mặt nước, cây xanh gắn với khung tự nhiên hiện có. Kiểm soát chặt chẽ là các làng xóm đô thị hóa, làng nghề, khu dự án đô thị, khu vực phát triển công nghiệp, khu vực hạ tầng kỹ thuật đô thị.

*b. Các thành phần chức năng chính trong HLX:* Trên cơ sở mục tiêu phát triển, hành động, HLX thành phố Hà Nội có 05 thành phần chức năng như Bảng 3.4. (xem Hình 3.10)

Bảng 3.4. Các thành phần chức năng xanh

Chức năng	01	02	03	04	05
Nội dung	Khu xanh tự nhiên	Khu xanh văn hóa	Khu xanh dịch vụ	Khu xanh nông nghiệp	Khu xanh điểm dân cư nông thôn



Hình 3.10. Sơ đồ quan hệ mục tiêu phát triển – Hành động – Thành phần chức năng

*Chức năng 01:* Gồm các khu vực rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng, rừng phòng hộ), mặt nước tự nhiên (sông, hồ, kênh, mương),... Tiêu chí xác định là có loại cây lâu năm, độ che phủ lớn, mặt nước tự nhiên lớn, ổn định. Khu vực này được xác định là Khu xanh tự nhiên.

*Chức năng 02:* Gồm khu vực bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa. Theo luật di sản và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa bao gồm “di sản văn hóa vật thể và phi vật thể”. Khu vực này được xác định là Khu xanh văn hóa.

*Chức năng 03:* Gồm các khu vực phát triển giáo dục, khu du lịch sinh thái, công

viên chuyên đề, khu thể thao ngoài trời. Với các khu này, phần phạm vi xây dựng được hạn chế thấp dưới 15%, tạo điều kiện để phát triển các mảng cây xanh lớn. Đây là chức năng xanh mà vị trí, quy mô được hình thành với sự chủ động quy hoạch. Có thể dựa trên yếu tố tự nhiên, văn hóa để thiết lập. Khu vực này được xác định là Khu xanh dịch vụ.

*Chức năng 04:* Gồm đất sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi thủy sản và mô hình vườn đô thị, trang trại. Khu vực này được xác định là Khu xanh nông nghiệp.

*Chức năng 05:* KGX của các không gian công cộng, cảnh quan truyền thống (ao làng, lũy tre làng). Cây xanh trong mô hình nhà vườn, nhà ở có mật độ xây dựng thấp (dưới 50%), nhiều vườn cây ăn quả. Tỷ lệ % diện tích xanh làng xã trên đất ở điểm dân cư, là khác biệt giữa làng nghề với làng thuần nông, làng giáp ranh đô thị... Khu vực này được xác định là Khu xanh điểm dân cư nông thôn.

*Tuy nhiên, thực tế trong HLX đã tồn tại nhiều chức năng không phù hợp với mục tiêu phát triển HLX, như các khu công nghiệp, khu vực phát triển đô thị, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật đô thị. Tuy nhiên phần lớn vùng ven Hà Nội đều đã tồn tại những loại hình này. Nó có thể đan xen hoặc nằm trọn trong các khu vực xanh của hệ thống HLX, vì vậy luôn phải xét đến tác động của chúng đối với HLX. Khu vực chức năng này cần kiểm soát ngay và có giải pháp di dời để đảm bảo tính thuần khiết của HLX. Quỹ đất còn lại sau khi di dời sẽ được tái sử dụng để phát triển các chức năng xanh.*

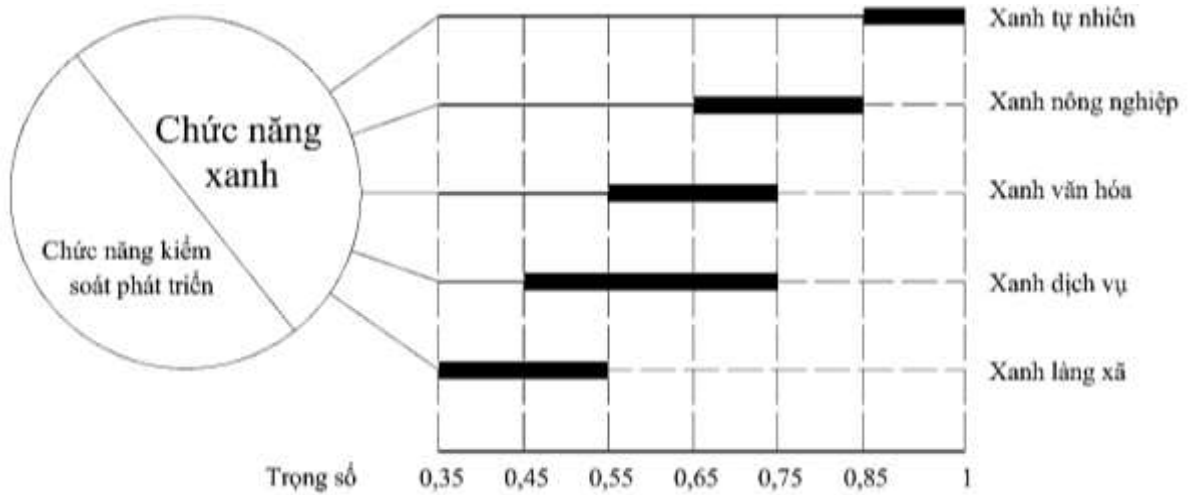
*b. Tỷ lệ diện tích các thành phần chức năng trong HLX:* Hiện nay, trong tiêu chuẩn, quy chuẩn quy hoạch đô thị Việt Nam hiện hành chưa đưa ra chỉ tiêu tính toán thống nhất giữa các chức năng tồn tại trong HLX. Do đó cần có cách tính toán mới vừa kiểm soát được tỷ lệ diện tích xanh, đáp ứng chỉ tiêu đất cây xanh khống chế cho toàn bộ đô thị.

Tiếp cận từ góc độ môi trường đô thị, luận án đề xuất lấy chỉ tiêu diện tích khu vực xanh tự nhiên là trọng số gốc để xác định trọng số mật độ xanh các thành phần chức năng còn lại trong HLX. Từ cơ sở phân tích về mật độ xanh trung bình của các khu vực chức năng và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, các trọng số mật độ xanh quy đổi cho các khu vực chức năng xanh như Bảng 3.5 sau:

Bảng 3.5. Trọng số của các thành phần chức năng xanh

<b>Chức năng</b>	<b>01</b>	<b>02</b>	<b>03</b>	<b>04</b>	<b>05</b>
Trọng số	0,95 ÷ 1	0,55 ÷ 0,75	0,45 ÷ 0,75	0,65 ÷ 0,85	0,35 ÷ 0,55



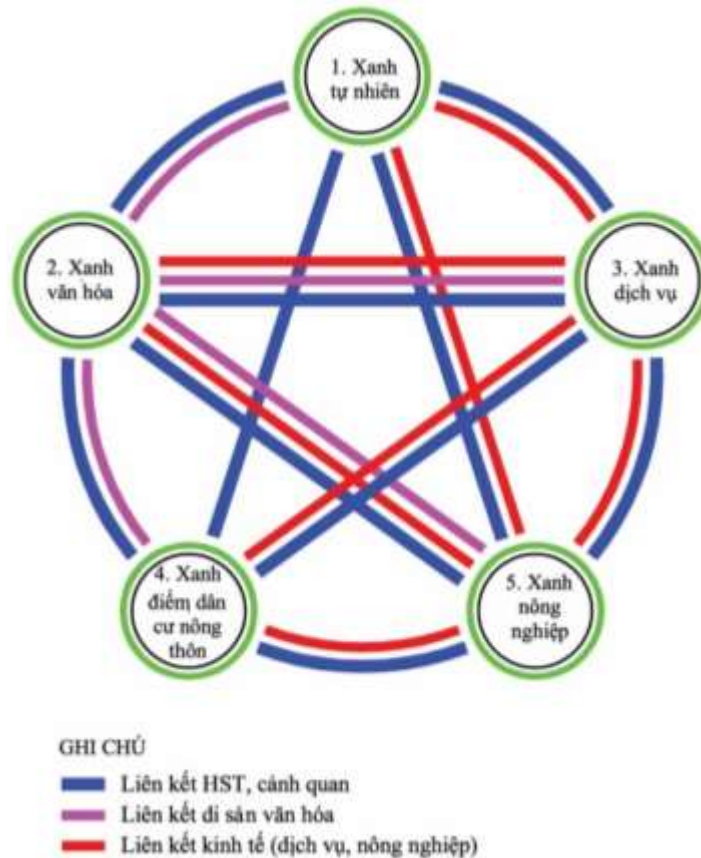


Hình 3.11. Trọng số mật độ xanh các chức năng chính trong HLX

Đối với các chức năng cần kiểm soát phát triển: Trọng số bằng 0.

Trọng số càng lớn thì diện tích xây dựng càng nhỏ và ngược lại. Khuyến khích, gia tăng trọng số của các chức năng nhằm tăng tối đa mật độ diện tích cây xanh. Trong thực tiễn, khó có thể đảm bảo thỏa mãn đồng thời cả 5 trọng số trên. Tuy nhiên, để đảm bảo mục tiêu phát triển số 1, HLX phải thỏa mãn tối thiểu 3/5 trọng số, các trọng số còn lại phải  $\geq 0,35$ . (xem Hình 3.11)

### 3.3.4. Hệ thống Hạ tầng kỹ thuật xanh



Hình 3.12. Hệ thống Hạ tầng kỹ thuật xanh trong HLX

Hạ tầng kỹ thuật xanh là yếu quyết định thiết lập lên khung cấu trúc HLX. Thực tiễn tại Hà Nội, khung tự nhiên bị chia cắt, quỹ đất xanh phân bố không đồng đều, do đó KGX trong CTĐT không phát huy hết vai trò. Hạ tầng kỹ thuật xanh sẽ kết nối các khung tự nhiên với quỹ đất xanh thành một cấu trúc xanh có hệ thống, nhằm thực hiện mục tiêu phát triển đề ra (xem Hình 3.12). Luận án đề xuất các nhóm Hạ tầng kỹ thuật xanh chủ đạo như Bảng 3.6 sau:

Bảng 3.6. Các nhóm Hạ tầng kỹ thuật xanh trong HLX

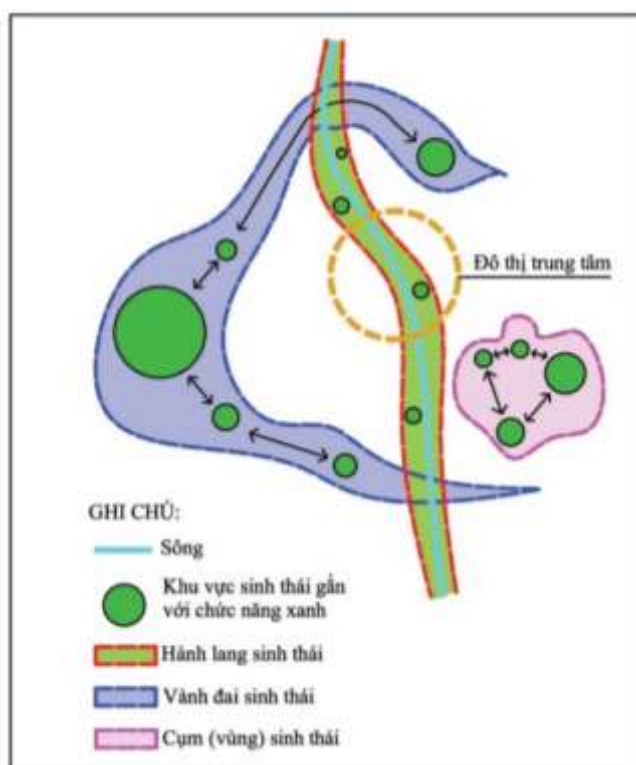
Nhóm	01	02	03
Nội dung	HST, cảnh quan	Di sản văn hóa	Phát triển kinh tế

a. Hạ tầng HST, cảnh quan. Đây là hạ tầng kỹ thuật xanh chủ đạo cho toàn bộ các chức năng HLX. Liên kết HST, cảnh quan lấy khu vực xanh tự nhiên làm gốc. Liên kết các HST gắn với các chức năng xanh tạo thành các dạng kết nối sau:

- Hành lang sinh thái được thiết lập từ hành lang sông hồ, kênh mương và các vùng ngập nước.

- Vành đai sinh thái được thiết lập từ sự kết nối giữa khu vực tự nhiên như rừng núi, khu dịch vụ du lịch và vui chơi giải trí phía Tây, Tây Nam và Tây Bắc.

- Vùng sinh thái cho đô thị được thiết lập từ sự kết nối các khu vực chức năng xanh như khu vực xanh dịch vụ, khu vực xanh văn hóa, khu vực xanh nông nghiệp và khu vực xanh điểm dân cư nông thôn.



Hình 3.13. Sơ đồ liên kết môi trường, cảnh quan HLX



Liên kết HST là liên kết các hệ thống cây xanh, mặt nước hợp lý nhằm khôi phục HST. Liên kết môi trường, sinh thái luôn tuân thủ nguyên tắc tạo tính khu vực và tính liên kết cấu trúc xanh hệ thống, tránh bị chia cắt thành những mảng nhỏ. Một số giải pháp thiết lập liên kết các hệ thống xanh trên khía cạnh môi trường, sinh thái đối với đô thị Hà Nội như sau:

+ Khôi phục dòng chảy tự nhiên của sông suối; ii) Kết nối ao hồ tự nhiên, ao hồ điều hòa với nhau bằng hệ thống kênh mương thủy lợi; iii) Bổ sung các loại động thực vật gắn với HST nước ngọt như: Cá, tôm, cua, ốc,.. và các loài thực vật (Rau muống, sen, tảo, rong và các loại thực vật bậc cao sống ven bờ).

+ Liên kết HST mặt nước. Khôi phục và phát triển HST nước ngọt (sông, suối, hồ ao và các vùng thoát lũ) để hình thành các hành lang sinh thái mặt nước như: i) Hành lang sinh thái mặt nước cấp vùng theo hành lang sông Đà, sông Hồng, sông Đuống và sông Đáy; ii) Hành lang sinh thái mặt nước cấp thành phố theo hành lang sông Tích, sông Nhuệ, sông Cà Lò, sông Tô Lịch, sông Kim Ngưu,... iii) Hình thành hành lang sinh thái ao hồ tự nhiên và hồ điều hòa.

+ Trồng bổ sung cây xanh lâu năm, cây ăn quả (tre, bưởi, nhãn...) nhằm tăng cường diện tích xanh che phủ, cây nhiều tầng vào các khoảng trống, cây tán thưa; Tạo lập các tuyến cây xanh bám theo các hành lang sông, suối làm cầu nối liên kết mảng xanh lớn; Tạo lập các tuyến xanh bám theo các trục đường giao thông, ao hồ làm cầu nối liên kết giữa các điểm điểm cây xanh phân bố trong khu vực dịch vụ, di sản văn hóa, làng xã.

+ Liên kết hệ thống cây gắn với sản xuất nông nghiệp. Nhằm tạo sự phát triển đa dạng sinh học trong sinh thái đồng ruộng, mặt nước nông (tôm, cua, ếch, rắn, lươn, đĩa... ) để hình thành các mảng xanh gắn với sản xuất nông nghiệp: i) Lúa, lúa - cá; ii) Hoa màu, cây ăn quả; iii) Nuôi trồng thủy sản. Phân bố mảng xanh nông nghiệp theo chuỗi sản xuất cung ứng nông sản và phân vùng sản xuất nông sản; Tạo lập tuyến cây xanh bám theo hệ thống kênh mương, giao thông nội đồng liên kết các mảng xanh nông nghiệp; Tạo lập các vùng sinh thái đa dạng của các loài côn trùng có lợi cho sản xuất nông nghiệp, theo hướng tạo sự cân bằng tự nhiên, giảm bớt các hóa chất trừ sâu độc hại.

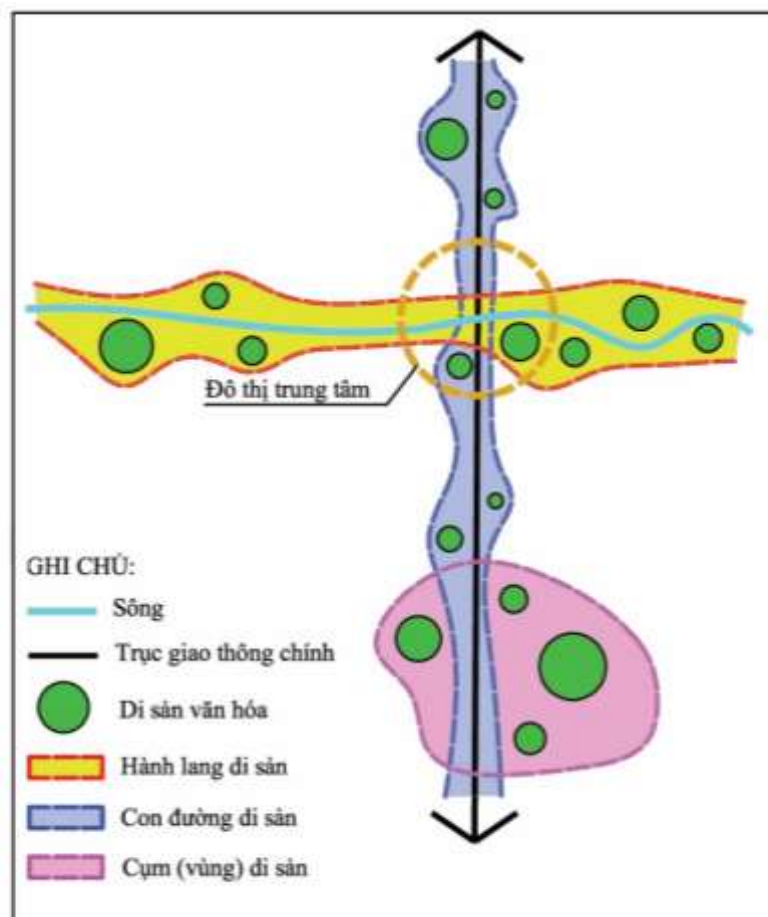
b. Liên kết 02: Liên kết bảo tồn di sản văn hóa. Liên kết các di sản văn hóa độc lập thành hệ thống di sản văn hóa. Liên kết này lấy chức năng xanh văn hóa làm gốc. Liên kết di sản văn hóa là sự kết nối khu vực xanh văn hóa với các chức năng xanh tự nhiên, xanh dịch vụ, xanh điểm dân cư nông thôn, xanh nông nghiệp. Các dạng kết nối được hình thành như sau:

+ Hình thành tuyến đường di sản văn hóa: Đặc biệt là tuyến đường di sản văn hóa Thế giới (Hoàng thành Thăng Long) gắn với 7 di sản văn hóa thế giới tại Việt Nam. Tuyến đường di sản văn hóa Thế giới kết nối văn hóa Việt Nam với các nước ASEAN

và các quốc gia khác, là cơ sở hình thành tuyến đường di sản văn hóa cấp quốc gia, cấp vùng và cấp thành phố.

+ Hình thành hành lang di sản văn hóa bám theo hành lang sông. Hình thành hành lang di sản văn hóa cấp vùng bám theo hệ thống sông Hồng, sông Đà, sông Đuống. Hình thành hành lang di sản cấp thành phố bám theo hành lang sông Đáy, sông Nhuệ, sông Tích, sông Cà Lồ. Các hành lang di sản văn hóa cấu trúc thành hệ thống hành lang di sản văn hóa thành phố Hà Nội.

+ Hình thành vùng, cụm bảo tồn di sản văn hóa: Trên cơ sở các khu vực có mật độ di sản lớn hình thành các cụm bảo tồn di sản như cụm bảo tồn di sản đô thị trung tâm lấy hồ Hoàn Kiếm và hồ Tây làm trung tâm; Cụm bảo tồn di sản Sóc Sơn lấy rừng núi Sóc Sơn làm vùng bảo vệ; Cụm bảo tồn di sản Hương Sơn lấy rừng núi Hương Sơn làm vùng bảo vệ; Cụm bảo tồn Sơn Tây lấy núi Ba Vì và sông Tích làm vùng bảo vệ; Cụm di tích chùa Thầy lấy sông Đáy làm vùng bảo vệ.



Hình 3.14. Sơ đồ liên kết di sản văn hóa trong HLX

Liên kết các di sản văn hóa là tạo lập vùng đệm vùng chuyển tiếp để phát huy các giá trị di sản. Nguyên tắc tạo lập liên kết di sản văn hóa là phát huy giá trị di sản trên cơ sở bảo vệ nghiêm ngặt giá trị gốc của di sản. Giải pháp thiết lập như sau:

- *Bảo tồn tổng thể hệ thống di tích:* Như đã phân tích tại mục 2.3.2, di sản Hà Nội đã phân bố thành các cụm di tích, làng cổ - làng nghề truyền thống, khu vực danh thắng, thành cổ. Tuy nhiên các di tích nằm phân tán trong khu vực dân cư, đất nông nghiệp và các chức năng đô thị khác. Thành phố Hà Nội cần không gian đệm, không gian chuyển tiếp để gia tăng tính liên kết để bảo tồn và phát huy giá trị tổng thể di tích. Các liên kết KGX tạo lớp không gian đệm, không gian chuyển tiếp để liên kết di tích thành hệ thống di tích của toàn Thành phố. Không gian đệm này là quỹ đất để hình thành các quỹ đất để phát triển các hoạt động du lịch văn hóa của tổng thể hệ thống di tích.

- *Bảo tồn di tích độc lập:* Bảo tồn các di tích đã xếp hạng như: Đình, đền, chùa, cổng làng, miếu, lăng mộ,... Dạng này đang được nhà nước, chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư quan tâm nhất. Tuy nhiên nhiều di tích chỉ còn vùng bảo vệ 1, thiếu không gian đệm để bảo vệ giá trị cốt lõi di tích. Liên kết các KGX theo hành lang sông, hành lang giao thông đã tạo vùng đệm để hạn chế tác động đô thị hóa đến giá trị di tích. Bên cạnh đó, KGX mới cũng tạo vùng bảo vệ cho các di tích chưa được xếp hạng như: Nhà cổ, giếng cổ, ao làng, lũy tre làng, cầu...

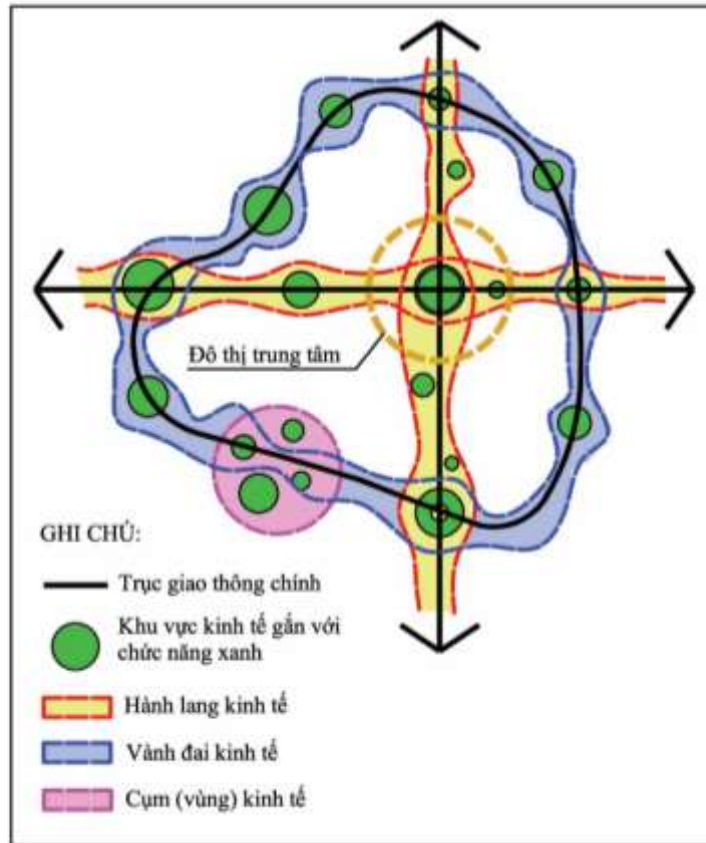
- *Bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể:* Các hoạt động văn hóa như lễ hội, các truyền thuyết dân gian, văn hoá sinh hoạt và cuộc sống trong ngôi nhà nông thôn, văn hoá ẩm thực, phương thức sản xuất nông nghiệp truyền thống, nghề truyền thống, tên gọi xóm, xứ đồng, các trang phục truyền thống, thư tịch, văn bản cổ, các hiện vật khảo cổ... Tuy nhiên không gian để tổ chức các hoạt động văn hóa (như sân đình) ngày một thiếu, có nguy cơ biến mất trong không gian đô thị. Tạo lập KGX mới tạo lập quỹ đất để tạo lập các không gian tổ chức hoạt động văn hóa. Không những vậy liên kết KGX sẽ nâng cao nhận thức cộng đồng về di sản văn hóa, thúc đẩy quảng bá và thúc đẩy giao lưu văn hóa thành phố Hà Nội với các nước trên thế giới.

*c. Liên kết 03: Liên kết phát triển kinh tế (dịch vụ, nông nghiệp, làng nghề).* Liên kết hoạt động kinh tế gắn với các chức năng xanh thành hệ thống phát triển kinh tế. Liên kết này lấy chức năng xanh dịch vụ và xanh nông nghiệp làm gốc. Các dạng kết nối được hình thành như sau:

- *Hàng lang kinh tế:* Liên kết các hoạt động kinh tế theo các trục đường giao thông hướng tâm thành các hành lang kinh tế. Liên kết thúc đẩy hình thành các chuỗi cung ứng dịch vụ và nông nghiệp cho đô thị trung tâm. Đặc biệt đối với sản xuất nông nghiệp, đây là cơ sở để hình thành các chuỗi sản xuất nông nghiệp: Sản xuất – Sơ chế và chế biến – Đóng gói – Cung ứng thị trường tiêu thụ.

- *Vành đai kinh tế:* Liên kết các hoạt động kinh tế theo các trục đường vành đai thành các vành đai kinh tế. Liên kết này gắn kết các khu vực kinh tế dịch vụ và nông nghiệp rời rạc thành chuỗi sản xuất. Qua đó, các khu vực sản xuất có thể hỗ trợ, bổ sung và tiêu thụ các sản phẩm của nhau.

- **Cụm (trung tâm) kinh tế:** Liên kết các hoạt động kinh tế theo vùng, khu vực kinh tế đặc thù thành các cụm (vùng) kinh tế. Liên kết các khu vực kinh tế và nông nghiệp thành cụm (vùng) sản xuất tập trung, lấy điểm trung tâm dịch vụ cấp vùng làm lõi phát triển.



Hình 3.15. Sơ đồ liên kết kinh tế trong HLX

*Giải pháp thiết lập:*

- **Hoạt động kinh tế dịch vụ du lịch:** Liên kết KGX tạo lập hành lang phát triển du lịch thành phố Hà Nội. Liên kết KGX thúc đẩy phát triển vành đai du lịch: Vành đai sông Hồng (du lịch văn hóa tâm linh, du lịch sinh thái ven sông) và vành đai sông Đáy (du lịch sinh thái, du lịch văn hóa). Liên kết KGX thúc đẩy phát triển các tuyến du lịch: Quốc tế (đường hàng không, đường sắt liên vận, đường bộ xuyên Á), quốc gia (tuyến du lịch theo quốc lộ 1- Xuyên Việt, tuyến du lịch theo quốc lộ 2, tuyến du lịch theo quốc lộ 3; tuyến du lịch theo quốc lộ 5, tuyến du lịch theo quốc lộ 6), nội vùng (tuyến du lịch Hồ Tây - Cổ Loa - Đền Sóc, tuyến du lịch Trung tâm Hà Nội - Vân Trì – Đền Sóc - Bắc Ninh, tuyến du lịch Hà Nội - Sơn Tây - Ba Vì, tuyến du lịch sông Đáy, tuyến du lịch sông Hồng Chương Dương - Đền Lộ - Bát Tràng). [32]

- **Hoạt động kinh tế dịch vụ vui chơi giải trí, thể thao:** Liên kết KGX tạo thành một công viên lớn với đa dạng các hoạt động vui chơi giải trí thành phố Hà Nội. Liên kết KGX thúc đẩy các vui chơi giải trí cao cấp, quy mô lớn như Các hoạt động kết nối theo KGX như: Công viên chuyên đề (tại cụm du lịch Sơn Tây - Ba Vì và núi Sóc - hồ Đồng

*Quan*) và hệ thống các trung tâm vui chơi giải trí hỗn hợp (mỗi cụm du lịch đều dành quỹ đất để thu hút ít nhất 01 dự án) [33]. Các tuyến liên kết KGX gắn với các hoạt động vui chơi giải trí, thể thao như: đi xe đạp thể thao với các điểm cảnh quan độc đáo, các điểm dịch vụ ẩm thực trong khu du lịch sinh thái hoặc trong làng xóm, các điểm sân thể thao gắn với các khu du lịch.

- *Hoạt động kinh tế dịch vụ giáo dục*: KGX là không gian thúc đẩy các hoạt động giáo dục đào tạo. Thành phố Hà Nội là một trong ba trung tâm giáo dục lớn nhất của Việt Nam. Hiện nay, Thành phố đã cho phép đầu tư xây dựng các mô hình giáo dục mới như các trường đại học, cao đẳng hoặc trường phổ thông theo tiêu chuẩn quốc tế. Các trường này cần có quỹ đất mới phù hợp với tính chất giáo dục để phát triển. Liên kết KGX sẽ gắn trường đại học, cao đẳng với hệ thống cây xanh mặt nước, hoạt động du lịch, vui chơi giải trí – thể thao tạo hành lang phát triển dịch vụ giáo dục bền vững, hướng tới tạo lập mô hình giáo dục có chất lượng quốc tế, xứng tầm với vị thế của Thủ đô.

- *Hoạt động kinh tế nông nghiệp*:

+ *Sản xuất nông nghiệp theo chuỗi và liên kết để sản xuất*: Sản xuất quy mô càng lớn, thì việc liên kết, tổ chức thực hiện chuỗi sản xuất giữa tổ chức doanh nghiệp, khoa học công nghệ trong và ngoài nước càng trở nên cấp thiết. Hệ thống kết cấu hạ tầng được xây dựng không chỉ đáp ứng cho việc sản xuất theo chuỗi mà còn phải tăng cường được khả năng liên kết giữa các bên có liên quan. Liên kết KGX tạo lập các hành lang gắn với chuỗi sản xuất, từ việc tạo lập sản phẩm, sản xuất đến tiêu dùng sản phẩm.

+ *Liên kết nông nghiệp với với khoa học công nghệ*: Tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp thành phố Hà Nội, nâng cao giá trị sản phẩm dựa trên 2 yếu tố là tổ chức lại sản xuất và tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật. *Liên kết KGX thúc đẩy* các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu và chuyển giao khoa học - công nghệ, ứng dụng công nghệ cao nhằm tạo đột phá về năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi, nâng cao khả năng cạnh tranh, hiệu quả của ngành; bảo đảm an toàn thực phẩm.

+ Liên kết hệ thống kết cấu hạ tầng sản xuất nông nghiệp và làng nghề: Thành phố Hà Nội đáp ứng giai đoạn mới của Chương trình nông thôn mới đòi hỏi hình thành hệ thống kết cấu hạ tầng tương ứng, hiện đại. Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật phù hợp với việc tái cơ cấu kinh tế, hình thành các khu vực tập trung phát triển kinh tế, hệ thống hạ tầng xã hội dân sinh, thương mại và khoa học công nghệ... Liên kết KGX tạo lập hệ thống kết cấu hạ tầng hiện đại nhưng vẫn đáp ứng được vấn đề môi trường nông nghiệp.

### **3.3.5. Định hướng phát triển các chức năng xanh**

*a. Mô hình phát triển khu vực xanh tự nhiên*

- *Mô hình công viên rừng quốc gia*: Là công viên gắn với các khu vực rừng đặc

dụng, rừng phòng hộ, rừng kinh tế. Quy mô công viên  $\geq 1000$  ha. Ví dụ: Công viên quốc gia Ba Vì, Sóc Sơn.

- *Mô hình công viên sông*: Là công viên gắn với dòng sông tự nhiên. Quy mô công viên  $\geq 500$  ha. Ví dụ: Công viên sông Hồng, sông Đáy

- *Mô hình công viên hồ*: Là công viên gắn ao hồ tự nhiên. Quy mô công viên  $\geq 100$  ha. Ví dụ: Công viên hồ Tụy Lai, Đồng Quan,....

#### *b. Mô hình phát triển khu vực xanh văn hóa*

- *Mô hình vùng bảo tồn và phát huy giá trị tổng thể di sản*: Là khu vực bảo tồn gắn với sự kết nối các di sản trong HLX. Thiết lập các tuyến đường di sản, hành lang di sản HLX thành phố Hà Nội, liên kết với hệ thống di sản chung của Thành phố, của vùng và của khu vực. Ví dụ: Tuyến hành lang di sản sông Hồng, sông Đáy.

- *Mô hình cụm bảo tồn và phát huy giá trị di làng cổ*: Là khu vực bảo tồn gắn với cụm di tích (chùa Thầy, chùa Hương, thành cổ, làng cổ). Ví dụ: Làng cổ Cự Đà.

- *Mô hình điểm bảo tồn và phát huy giá trị di sản*: Là khu vực bảo tồn gắn với các di tích độc lập nằm đan xen trong các điểm dân cư nông thôn. Ví dụ: Đình, chùa, miếu, điểm...

#### *c. Mô hình phát triển khu vực xanh dịch vụ*

- *Mô hình du lịch*: Là khu vực bố trí các công trình dịch vụ du lịch. Các chức năng dự kiến: Khu vực đón tiếp điều hành và dịch vụ, khu vực nhà nghỉ, khu thể thao - vui chơi giải trí, khu vực vườn dạo và cây xanh ven hồ, khu vực các công trình hạ tầng. Mô hình này có thể chia làm 03 nhóm chính như sau:

+ *Khu du lịch quốc gia*: Là khu vực phát triển du lịch có quy mô  $\geq 1000$  ha, có tài nguyên du lịch đặc biệt hấp dẫn với ưu thế về cảnh quan thiên nhiên, có khả năng thu hút ít nhất một triệu lượt khách du lịch một năm. Ví dụ: Khu du lịch văn hóa chùa Hương.

+ *Điểm du lịch quốc gia*: Là nơi có tài nguyên du lịch hấp dẫn, có khả năng bảo đảm phục vụ ít nhất 100 nghìn lượt khách tham quan một năm. Ví dụ: Điểm du lịch Ba Vì, Sóc Sơn.

+ *Tuyến du lịch quốc gia*: Là các tuyến liên kết các khu du lịch, điểm du lịch, trên cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch. Tuyến du lịch này gắn với các tuyến giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không. Ví dụ: Tuyến du lịch sông Hồng, sông Đáy.

- *Mô hình công viên*: Bao gồm các dạng công viên chính như sau:

+ *Công viên quảng trường trung tâm*: Là khu vực tập trung các công trình văn hóa, thương mại, dịch vụ công cộng như bảo tàng, nhà hát... trong tương lai đây sẽ là nơi diễn



ra các hoạt động văn hóa cấp quốc gia của Thủ đô. Các chức năng dự kiến: quảng trường trung tâm, biểu tượng văn hóa, lịch sử; các tuyến, trục không gian xanh kết hợp trung tâm mua sắm. Ví dụ: Công viên quảng trường trung tâm sông Hồng gắn với di sản cầu Long Biên và phố cổ Hà Nội.

+ *Mô hình công viên khoa học*: Là khu vực công viên kết hợp vui chơi, giáo dục, học tập, khuyến khích sự ham hiểu biết, tìm tòi về công nghệ và khoa học. Các mô hình phát triển như: *Hành lang công nghệ; Vườn ươm khoa học; Trung tâm sáng tạo; Công viên khoa học... gắn kết với hệ thống tự nhiên, văn hóa của HLX tạo thành hệ thống dịch vụ giáo dục đặc trưng của thành phố Hà Nội. Ví dụ: Công viên khoa học sông Đáy gắn với cụm trường đại học ở thị trấn Chúc Sơn.*

+ *Công viên thực vật, vườn ươm*: Công viên bảo tồn các nguồn gen, giống cây quý (kết hợp phục vụ công tác nghiên cứu khoa học); Vườn ươm (phục vụ cho nhu cầu cây giống của đô thị); Là không gian xanh phục vụ cho nhu cầu thể dục, nghỉ ngơi, thư giãn của dân cư khu vực. Ví dụ: *Vườn ươm Mỹ Đức gắn với các hoạt động sản xuất nông nghiệp.*

+ *Công viên du lịch, sinh thái*: Công viên gắn với các hoạt động du lịch dã ngoại, khám phá, du lịch sinh thái, cắm trại, bơi thuyền... Ví dụ: *Công viên rừng Ba Vì.*

+ *Công viên nông nghiệp*: Vùng sản xuất kết hợp bảo tồn các giống cây ăn quả đặc sản của địa phương; Vùng trồng hoa tập trung cung cấp cho thị trường; Vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao - cung cấp nguồn thực phẩm sạch cho khu vực đô thị (trồng rau, chăn nuôi, thủy sản...)

+ *Công viên văn hóa – lịch sử - lễ hội*: Là công viên kết nối di sản. Các hạng mục dự kiến: Di tích, dịch vụ, sân khấu ngoài trời, trục không gian văn hóa. Ví dụ: *Công viên văn hóa Cổ Loa*

+ *Công viên thể dục thể thao*: Trung tâm thể dục thể thao, chăm sóc sức khỏe cộng đồng cho dân cư khu vực; Các hạng mục dự kiến: sân vận động quy mô cấp khu vực, bể bơi, nhà thi đấu, sân tennis, cầu lông...

*d. Mô hình phát triển khu vực xanh nông nghiệp*: Sản xuất nông nghiệp có đặc thù cần diện tích sản xuất rộng, gắn kết các làng nghề theo chuỗi giá trị. Việc gắn kết này vừa phát huy tối đa diện tích đất nông nghiệp, hạ tầng kỹ thuật vừa thúc đẩy nhanh quá trình dồn điền đổi thửa. Các mô hình chủ yếu như sau:

- *Mô hình nông nghiệp công nghệ cao*: Khu trung tâm hành chính (nhà làm việc, nhà hội trường, nhà ăn, nhà khách), khu đầu tư sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (khu trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản), khu đào tạo, chuyển giao công nghệ và trình diễn sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (khu trưng bày triển lãm nông sản, chợ, kho, sân tập kết), khu nghiên cứu ứng dụng, thử nghiệm và trình diễn mô

hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (hội trường, trung tâm nghiên cứu, xưởng thực nghiệm, vườn ươm), công viên nông nghiệp (thăm quan và tổ chức những hoạt động du lịch ngày mùa, thu hoạch lúa, ngô, mùa hoa nở,...) và các chức năng hạ tầng kỹ thuật.

Theo kinh nghiệm các khu nông nghiệp công nghệ cao trên thế giới và quy định diện tích khu nông nghiệp công nghệ cao trong quy hoạch tổng thể khu và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, diện tích khu nông nghiệp công nghệ cao có diện tích từ  $100 \div 200$ ha.

- *Mô hình vườn đô thị, trang trại*: Bao gồm các chức năng: Khu dịch vụ sản xuất (kho chứa nông cụ, nông sản, phân bón,... chung cho cả khu), khu vực sản xuất nông nghiệp (khu vực trồng trọt, nuôi trồng thủy hải sản), nhà vườn, nhà nghỉ cuối tuần và một số công trình hạ tầng phục vụ sản xuất.

+ *Dạng vườn đô thị*: Là loại hình dành cho dân đô thị có nhu cầu làm vườn, vừa có yếu tố kinh tế vừa phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi thông qua lao động, tiếp cận với môi trường tự nhiên. Những hoạt động trồng rau, hoa, sinh vật cảnh là phù hợp. Gồm đất làm vườn là chủ yếu, diện tích đất từ  $500 \div 1000$  m<sup>2</sup>, diện tích xây dựng không chế tối đa 50%.

Mô hình có thể rộng từ  $5 \div 10$  ha, có 1 khu dịch vụ chung cho nhu cầu sản xuất hoặc khi nghỉ cuối tuần, các dịch vụ khác từ các khu ở lân cận hoặc trong đô thị. Không phải là giao đất sử dụng lâu dài. Mô hình này phù hợp với những người về hưu đô thị, có nhu cầu sản xuất như một nhu cầu giải trí (nhất là với việc làm sinh vật cảnh).

+ *Dạng trang trại vườn*: Quy mô lớn, có thể từ vài ngàn m<sup>2</sup> đến vài ha ( $1000 \div 20.000$  m<sup>2</sup>), có các chức năng hỗn hợp: Là nhà ở, nhà ở cuối tuần, sản xuất nông nghiệp hộ gia đình hoặc đơn thuần phục vụ nhu cầu nghỉ, tạo cảnh quan của cá nhân. Dịch vụ công cộng có thể hình thành theo nhóm, công trình hạ tầng xã hội chung với các khu làng xã lân cận. Mô hình này tận dụng các khu vực địa hình đồi phía Tây, không sử dụng đất ruộng. Mô hình cho thuê đất  $20 \div 50$  năm và một phần đất giao sử dụng lâu dài.

#### *e. Mô hình phát triển khu vực xanh điểm dân cư nông thôn*

- *Điểm dân cư nông thôn trong khu vực ven đô thị trung tâm (khu vực phát triển đô thị)*: Theo thời gian dần chuyển thành một phần của đô thị; chuyển từ kinh tế sản xuất gắn với sản phẩm nông nghiệp sang kinh tế công nghiệp và dịch vụ đô thị; Bảo vệ nghiêm ngặt quỹ đất tự nhiên và văn hóa; hòa nhập với các yếu tố cảnh quan tự nhiên và văn hóa mới đang được hình thành trong các khu vực đô thị.

- *Điểm dân cư nông thôn trong khu vực ngoại thành (khu vực ít chịu tác động phát triển đô thị)*: Vẫn giữ được tính chất nông thôn. Kinh tế dịch vụ nông nghiệp có vai trò chủ đạo. Đối với các điểm dân cư mật độ thấp: Xây dựng khung cấu trúc hạ tầng xanh

nông thôn; Bảo tồn và phát huy được các giá trị di sản và tài nguyên tự nhiên đã có (như sông hồ, lũy tre,...). Đối với các điểm dân cư nông thôn mật độ cao: Không đưa vào chức năng HLX, tuy nhiên phải bảo vệ nghiêm ngặt quỹ đất tự nhiên, văn hóa hiện có; Kết nối quỹ đất tự nhiên, văn hóa này với cấu trúc HLX bằng các liên kết xanh.

- *Điểm dân cư nông thôn gắn với làng nghề.* Vẫn giữ được tính chất làng nghề. Kinh tế làng nghề có vai trò chủ đạo. Đưa mục tiêu bảo vệ môi trường tự nhiên nông thôn song hành với việc phát triển và tạo dựng thương hiệu sản phẩm làng nghề. Phát triển điểm dịch vụ sản xuất làng nghề với giải pháp thiết lập như sau:

i) Bảo vệ nghiêm ngặt khung tự nhiên trên cơ sở kết nối với hệ thống di sản văn hóa làng xã thành hệ thống Tự nhiên - Văn hóa. Trong đó, hạn chế tối đa đổ nước thải, chất thải sản xuất xuống trực tiếp hệ thống mặt nước tự nhiên như sông, hồ và đất nông nghiệp.

ii) Nhận diện và giải quyết các vấn đề mang tính tổng thể, từ việc xây dựng thương hiệu, tạo lập thị trường, tổ chức sản xuất và tiêu thụ theo chuỗi sản xuất hàng hóa; tổ chức được các hoạt động du lịch gắn với làng nghề; hình thành hệ thống kết cấu hạ tầng tương xứng đảm bảo cho việc phát triển bền vững....

iii) Phát triển làng nghề phải gắn trực tiếp với quyền lợi chung của cộng đồng làng xã, với các quyền lợi riêng và sự chủ động của các hộ dân tham gia sản xuất;

### **3.3.6. Một số giải pháp thể chế quản lý phát triển HLX**

*a. Giải pháp chính sách phát triển:* Trên cơ sở các văn bản pháp lý đã ban hành và thực tiễn tại triển khai quy chế phát triển cho một số khu vực đặc thù tại thành phố Hà Nội, luận án đề xuất khung Quy chế quản lý quy hoạch HLX:

- Chương 1: Quy định chung: Mục tiêu, đối tượng áp dụng, nguyên tắc quản lý, các quy định chung.

- Chương 2: Quy định cụ thể: Đề xuất quy định quản lý gắn với 3 phân vùng HLX như đã đề xuất. Mỗi phân vùng có quy định quản lý cụ thể đối với các khu vực tự nhiên, khu vực văn hóa, khu vực nông nghiệp, khu vực điểm dân cư nông thôn và Khu vực kiểm soát phát triển (Bố cục, công trình kiến trúc, tiện nghi đô thị, cây xanh, hạ tầng kỹ thuật).

- Chương 3: Tổ chức thực hiện và phân công trách nhiệm của các cơ quan quản lý.

Quy chế này sẽ thống nhất các Luật, Nghị định, Thông tư và Quy định quản lý theo quy hoạch chi phối các thành phần chức năng, dạng phát triển trong HLX, làm rõ mục tiêu phát triển HLX. Quy chế là văn bản pháp lý quy định cụ thể công tác quản lý quy hoạch HLX theo quy hoạch chung xây dựng hay quy hoạch vùng Thủ đô. Là cơ sở pháp lý giúp chính quyền địa phương quản lý, cấp phép các dự án thuộc khu vực quy hoạch HLX.

Bảng 3.7. Khung quy chế quản lý quy hoạch HLX

Chương	Nội dung chính	Nội dung chi tiết
Chương 1	Quy định chung	Mục tiêu, đối tượng áp dụng, nguyên tắc quản lý, các quy định chung.
Chương 2	Quy định cụ thể	
	Phân vùng 1	Khu vực tự nhiên (Bố cục, công trình kiến trúc, tiện nghi đô thị, cây xanh, hạ tầng kỹ thuật).
	Phân vùng 2	Khu vực văn hóa (Bố cục, công trình kiến trúc, tiện nghi đô thị, cây xanh, hạ tầng kỹ thuật).
	Phân vùng 3	Khu vực tự nhiên (Bố cục, công trình kiến trúc, tiện nghi đô thị, cây xanh, hạ tầng kỹ thuật); Khu vực văn hóa (Bố cục, công trình kiến trúc, tiện nghi đô thị, cây xanh, hạ tầng kỹ thuật); Khu vực dịch vụ (Bố cục, công trình kiến trúc, tiện nghi đô thị, cây xanh, hạ tầng kỹ thuật); Khu vực điểm dân cư nông thôn (Bố cục, công trình kiến trúc, tiện nghi đô thị, cây xanh, hạ tầng kỹ thuật); Khu vực nông nghiệp (Bố cục, công trình kiến trúc, tiện nghi đô thị, cây xanh, hạ tầng kỹ thuật); Khu vực kiểm soát phát triển (Bố cục, công trình kiến trúc, tiện nghi đô thị, cây xanh, hạ tầng kỹ thuật).
Chương 3	Tổ chức thực hiện và phân công trách nhiệm của các cơ quan quản lý.	Quy định hiệu lực thi hành, quy định xử lý chuyển tiếp, tổ chức triển khai thực hiện, xây dựng chương trình kế hoạch.
Phụ lục	Sơ đồ, bảng biểu kèm theo.	

*b. Hoàn thiện, bổ sung phương pháp quy hoạch chung đô thị*

Hiện nay, trong quá trình lập quy hoạch chung tại Việt Nam, các nhà quy hoạch có sử dụng phương pháp quy hoạch gắn với đánh giá điều kiện tự nhiên. Trong đó, có nội dung phân tích và đánh giá khí hậu, địa hình - địa chất, thủy văn. Tuy nhiên, trong quá trình đưa ra phương án quy hoạch, nhà quy hoạch vẫn tập trung vào vai trò đường giao thông và không gian cư trú để thiết lập CTQH. Phương pháp này đã tạo ra những xung đột giữa khung tự nhiên và khung giao thông – không gian cư trú, dẫn đến tác động tiêu

cực đến tài nguyên tự nhiên. Kết quả của phương pháp này đã được phản ánh tại các đô thị lớn Việt Nam hiện nay. Trong khuôn khổ luận án, NCS đề xuất hoàn thiện, bổ sung phương pháp quy hoạch gắn với HLX như sau:

Bước 1: Rà soát tiềm năng và hệ thống hóa tài nguyên tự nhiên và văn hóa.

Bước 2: Dự báo nhu cầu phát triển hiện tại, tương lai của đô thị về dân số, sử dụng đất, phát triển kinh tế.

Bước 3: Thiết lập CTQH:

1/ Tạo lập khung phát phát đô thị dựa trên 2 khung cấu trúc cốt lõi: i) Khung tự nhiên và văn hóa; ii) Khung giao thông. Đảm bảo hạn chế tối đa xung đột giữa 2 khung cấu trúc này.

2/ Xây dựng bản đồ quy hoạch sử dụng đất: Đảm bảo chỉ tiêu mật độ diện tích đất cây xanh tối thiểu phải đạt được là 15% tổng diện tích đất tự nhiên, đối với đô thị loại 2 trở lên.

3/ Tổ chức không gian: Lấy HLX làm khung cấu trúc xanh đô thị, là trục không gian chủ đạo, liên kết toàn bộ các chức năng đô thị.

Bước 4: Đề xuất dự án trọng điểm: Lựa chọn các dự án gắn với HLX là dự án ưu tiên phát triển, tạo động lực mới cho phát triển đô thị. Các dự án: Du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, nông nghiệp công nghệ cao.

Bước 5: Nguồn lực phát triển: Coi HLX là tài nguyên, nguồn lực mới cho phát triển. HLX là không gian thúc đẩy sự sáng tạo và ứng dụng các công nghệ khoa học mới.

### *c. Giải pháp xây dựng các cộng đồng HLX*

Cộng đồng HLX là một nhóm xã hội của cư dân sống trong cùng một môi trường, có cùng quan tâm chung về HLX. Để phát triển HLX và có một sinh kế bền vững, không thể chỉ chú ý đến cá thể hay hộ dân mà phải chú ý đến việc xây dựng các tổ chức cộng đồng, theo nguyên tắc: “Cộng đồng trước, Công nghệ sau”. Các cộng đồng dân cư này không chỉ sống trong một môi trường có cùng chung về địa danh, dòng họ, tôn giáo... mà còn là các cộng đồng: Bảo vệ tài nguyên tự nhiên, bảo tồn và phát huy giá trị di sản, phát triển dịch vụ du lịch, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, phát triển bền vững làng xã.

Trong đó, cộng đồng dân cư gắn với hoạt động kinh tế nông nghiệp, dịch vụ du lịch là hạt nhân, là trung tâm của các hoạt động phát triển kinh tế xã hội HLX. Tiêu chí cơ bản cho việc hình thành cho một cộng đồng dân cư nông nghiệp tại HLX là thương hiệu, vị thế của sản phẩm gắn với chuỗi sản xuất. Tiêu chí cơ bản cho việc hình thành cho một cộng đồng dân cư dịch vụ du lịch là thương hiệu, vị thế của sản phẩm gắn với

tài nguyên tự nhiên và tài nguyên di sản văn hóa.

- *Cộng đồng bảo vệ tài nguyên tự nhiên (rừng núi, sông, hồ...)* HLX: Gắn với các tài nguyên tự nhiên và các hộ dân có liên quan, tạo thành một cộng đồng bảo vệ các giá trị tự nhiên, qua đó thúc đẩy khai thác bền vững khu vực tự nhiên.

- *Cộng đồng dân cư du lịch* HLX: Gắn các khu vực tự nhiên - di sản văn hóa với các hộ dân có liên quan, tạo thành một cộng đồng bảo vệ và phát huy các giá trị di sản, qua đó thúc đẩy khai thác bền vững giá trị di sản. Tổ chức dòng họ là cộng đồng du lịch nhỏ nhất (dạng Mỗi cộng đồng – Một di sản).

- *Cộng đồng dân cư nông nghiệp và làng nghề* HLX: Của một số hộ dân cùng có chung một hoạt động kinh tế sản xuất ra một loại sản phẩm tương tự (hợp tác xã); là tổ chức cộng đồng nhỏ nhất (dạng Mỗi cộng đồng – Một sản phẩm).

- *Cộng đồng doanh nghiệp phát triển* HLX: gắn với doanh nghiệp và các hộ dân có liên quan, tạo thành các cộng đồng nông nghiệp, cộng đồng dịch vụ... Thúc đẩy các hoạt động khởi nghiệp, đảm bảo tỉ lệ 1 doanh nghiệp trên /100 người dân.

- *Cộng đồng kinh tế* HLX: Đây là tổ chức cộng đồng lớn nhất, bao gồm cả các tổ chức chính trị, doanh nghiệp và xã hội. Cộng đồng này là cầu nối kết hợp 4 bên: Nhà quản lý, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp và cộng đồng dân cư. Cộng đồng kinh tế HLX có thể đồng nhất với Ban quản lý phát triển HLX, chịu sự quản lý trực tiếp của UBND thành phố.

Ngoài ra còn có các tổ chức cộng đồng của các doanh nghiệp, tổ chức xã hội trong và ngoài nước có cùng mối quan tâm đến vùng HLX, tạo thành Cộng đồng mạng xã hội về HLX. Hệ thống tổ chức cộng đồng là một thành phần của hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế và xã hội HLX.

### **3.4. Áp dụng điều chỉnh, hoàn thiện CTQH HLX thành phố Hà Nội**

#### **3.4.1. Điều chỉnh CTQH HLX Thủ đô Hà Nội theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ**

Trong giai đoạn từ nay đến năm 2030. NCS đề xuất sử dụng kịch bản b (kịch bản trung bình) là giải pháp khả thi nhất cho CTQH HLX thành phố Hà Nội. Kịch bản này là phù hợp với bối cảnh kinh tế xã hội đô thị nói riêng và cả nước nói chung.

Thống nhất và khớp nối HLX tại khu vực trung tâm, ven đô thị trung tâm và khu vực ngoại thành, luận án đề xuất điều chỉnh khung cấu trúc tổng thể HLX trong cơ cấu quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội như Hình 3.16 sau:





Hình 3.16. Sơ đồ cấu trúc HLX thành phố Hà Nội

*i) Trong đô thị trung tâm (xem Hình 3.16):* Loại hình cấu trúc HLX dạng mạng xanh liên hoàn nhằm tạo lập các kết nối kết KGX của đô thị (trên cơ sở nghiên cứu của viên Quy hoạch xây dựng Hà Nội [96]) với KGX theo hành lang sông Hồng, sông Đuống và sông Nhuệ. Cấu trúc HLX khu đô thị trung tâm bao gồm:

- *Khu vực phía Nam sông Hồng:*

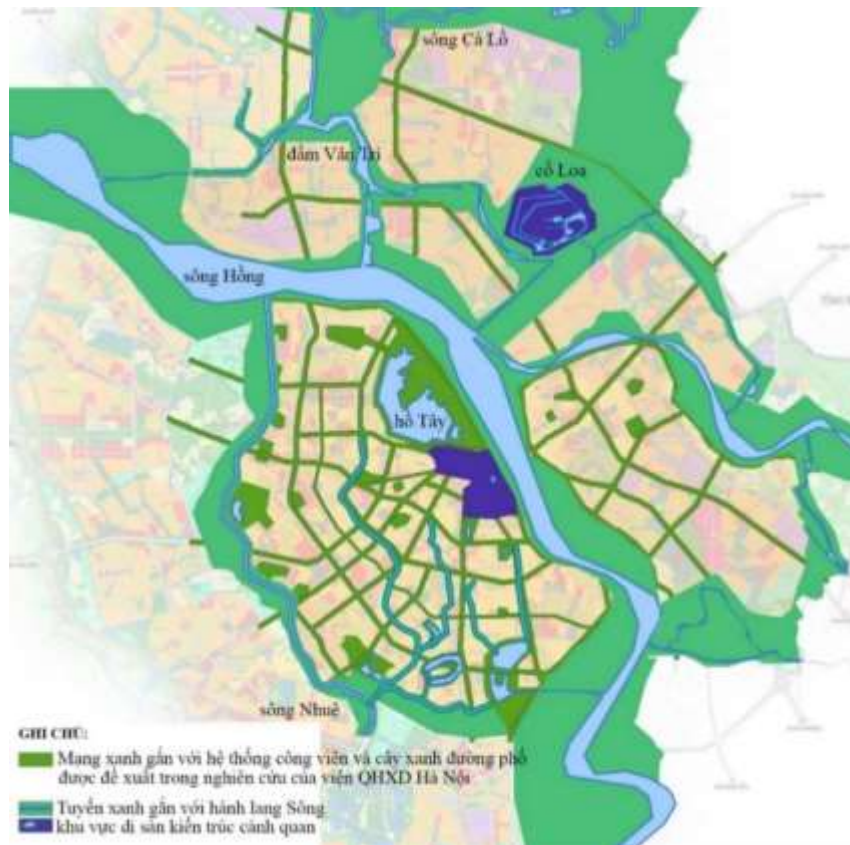
+ Thiết lập các tuyến xanh (nêm xanh) từ mạng lưới cây xanh ven sông và tuyến cây xanh đường phố hướng tâm [96] kết nối KGX đô thị và KGX ngoại thành. Các giải pháp thiết lập các tuyến xanh theo hành lang sông như sau: Tuyến xanh bám theo hành lang sông lớn (sông Hồng); tuyến xanh thiết lập từ hành lang sông (sông Tô Lịch, sông Kim Ngưu, sông Sét, sông Lừ). Cải tạo, khơi thông dòng chảy và làm sạch nước tại các sông trong đô thị (loại bỏ các nguồn gây ô nhiễm, trồng các loại thủy sinh phù hợp kết hợp với nạo vét định kỳ...), chuyển từ kè cứng (bê tông) sang kè mềm (lưới, đất) và trồng bổ sung cây bóng mát hai bên bờ sông.

+ Thiết lập kết nối với di sản cảnh quan đô thị: khu vực phố cổ - phố Pháp, thành Cổ Loa. Giải pháp thiết lập các mảng xanh đô thị trung tâm từ hệ thống cây xanh đường phố và cây xanh trong khuôn viên biệt thự Pháp.

+ Thiết lập kết nối với hệ thống mạng xanh gắn với hệ thống công viên, ao hồ [96]:

Kết nối với hệ thống công viên: Hồ Tây và phụ cận, công viên Yên Sở và phụ cận, khu vực trung tâm thể dục thể thao Mỹ Đình, công viên quận Thanh Xuân (xây mới) và các công viên khác kề cận các hành lang sông Nhuệ, sông Tô Lịch, sông Sét, sông Kim Ngưu. Giải pháp kết nối: Bảo vệ và khôi phục HST mặt nước, bổ sung cây xanh (chuyển đổi những khu vực đất trống sang trồng cây xanh).

Kết nối với hệ thống ao hồ: Hệ thống ao hồ kề cận với các hành lang sông Nhuệ, sông Tô Lịch, sông Sét, sông Kim Ngưu. Giải pháp thiết lập: Khôi phục sự lưu thông dòng chảy giữa ao hồ và sông (đào mương, cống...), tổ chức cây xanh khu vực giữa ao hồ và sông tạo sự kết nối về sinh thái theo hướng không gian mở, tiếp cận đa hướng.



Hình 3.17. Sơ đồ cấu trúc HLX đô thị trung tâm của thành phố Hà Nội

- *Khu vực phía Bắc sông Hồng:* Thiết lập HLX bám theo hành lang sông Ngũ huyện Yên Khê, kết nối với khu vực đầm Vân Trì, quần thể di tích thành Cổ Loa và hệ thống công viên – cây xanh đường phố (trên cơ sở nghiên cứu của viên Quy hoạch xây dựng Hà Nội [96]). Tương tự khu vực phía Nam sông Hồng, khu vực này cũng thiết lập các tuyến xanh liên kết KGX trong đô thị trung tâm và KGX ngoại thành, kết nối với di tích Cổ Loa và mạng KGX gắn với hệ thống công viên, đường phố.

ii) *Khu vực ven đô thị trung tâm:* Hình thành HLX dạng tuyến xanh bám theo hành lang sông bao bọc đô thị. Khu vực này có các loại HLX chính:

- *Khu vực phía Nam sông Hồng:* Thiết lập từ việc khôi phục dòng chảy, HST và

cảnh quan hành lang sông Nhuệ. Đầu nối sông Nhuệ ra sông Hồng. HLX này có vai trò giới hạn sự phát triển đô thị trung tâm xuống phía Nam. Thiết lập từ việc khôi phục dòng chảy sông Tô Lịch, tách biệt hệ thống thoát nước thải ra khỏi hệ thống thoát nước mưa. Phát triển loại hình dịch vụ - vui chơi giải trí ven đô thị. HLX này có diện tích lớn, nằm trong vùng ngoại thành phía nam thành phố Hà Nội.

- *Khu vực phía Bắc sông Hồng:*

+ Phía Bắc sông Đuống (phía Bắc Thành phố): Thiết lập từ hành lang sông Cà Lồ, sông Cầu và ga đường sắt đô thị số 4. HLX này có vai trò giới hạn sự phát triển đô thị trung tâm lên phía Bắc. Bên cạnh đó, tuyến ga đường sắt số 4 kết hợp KGX kề cận thành công viên Ga, là nơi phát triển dịch vụ ăn uống, giải khát và mua sắm trong môi trường sinh thái trong lành và hấp dẫn.

+ Phía Nam sông Đuống (phía Đông Thành phố): Thiết lập HLX có loại hình cấu trúc VĐX từ hệ thống sông Thiên Đức, sông Kiến Thành và sông Bắc Hưng Hải. Tạo lập các mảng xanh mới nằm xen kẽ giữa các hành lang sông như công viên khoa học, công viên sinh thái...

iii) *Khu vực ngoại thành:* Hình thành cấu trúc HLX dạng mạng tại khu vực ngoại thành. Khu vực này có các loại HLX chính:

- *Khu vực phía phía Nam sông Hồng:* Cấu trúc dạng mạng xanh, được thiết lập từ hành lang sông Đáy, sông Tích, sông Bùi và rừng núi Ba Vì, Hương Sơn. HLX này có vai trò giới hạn sự phát triển đô thị trung tâm và đô thị vệ tinh phía Nam. Liên kết khía cạnh môi trường cảnh quan là chủ đạo. Thiết lập từ việc làm sống lại HST mặt nước, bổ sung hệ thống cây xanh và thực vật ven bờ. HLX này được chia thành nhiều đoạn có cấu trúc đặc trưng như: HLX sông Đáy nối sông Hồng với sông Bùi; HLX sông Tích nối sông Hồng với sông Bùi; HLX sông Đáy nối sông Bùi với di tích Hương Sơn; HLX sông Liên kết hệ thống ao hồ lớn Quan Sơn, Tuy Lai và Đồng Quan.

- *Khu vực phía Bắc sông Hồng:* Cấu trúc dạng tuyến xanh, được thiết lập từ hành lang sông Công, rừng núi và cụm di sản Sóc Sơn. HLX này có vai trò giới hạn sự phát triển đô thị Hà Nội ở phía Bắc với các đô thị vệ tinh trên địa phận hành chính tỉnh Thái Nguyên, Bắc Ninh. Liên kết chủ đạo là liên kết trên khía cạnh môi trường cảnh quan. Giải pháp thiết lập là bảo tồn KGX đã có và bổ sung hệ thống KGX mới tạo sự kết nối liền mạch về sinh thái.

### **3.4.2. Đề xuất giải pháp CTQH HLX gắn với hành lang sông Đáy**

a. *Tính chất HLX sông Đáy:* HLX sông Đáy là một phần trong cấu trúc HLX thành phố Hà Nội, là hành lang Tự nhiên – Văn hóa – Kinh tế bền vững, *hạn chế sự phát triển lan tỏa đô thị trung tâm ra các đô thị vệ tinh phía Tây (Sơn Tây, Hòa Lạc, Xuân Mai), khơi nguồn và kiến tạo động lực kinh tế mới cho khu vực phía Tây thành phố Hà Nội.*

*b. Chỉ tiêu diện tích HLX sông Đáy:*

- Mật độ dân số tối đa: Quy mô dân số dự báo đến năm 2030: Trên cơ sở dự báo quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội, tăng dân số tự nhiên và cơ học trong khu vực HLX. Mật độ dân cư tối đa 1600/km<sup>2</sup>. Dự báo dân số trong HLX sông Đáy là 117000 người.

- Mật độ xanh tổng thể đạt tối thiểu 60% trên tổng diện tích tự nhiên; Trong đó mật độ cụ thể cho từng khu vực xanh chính như sau: Khu vực xanh tự nhiên tối thiểu là 85%; Khu vực xanh văn hóa tối thiểu là 80%; Khu vực xanh dịch vụ du lịch tối đa là 60%; Khu vực xanh làng xã tối thiểu là 45%; Khu vực xanh nông nghiệp tối thiểu là 80%;

*c. Thành phần chức năng HLX sông Đáy:*

- Khu vực xanh tự nhiên: Bao gồm hệ thống sông Đáy và các phụ lưu sông Tích, sông Thanh Hà, suối Yên; Rừng núi bao gồm dãy núi Hồng Lĩnh, dãy núi Hương Sơn; Hồ bao gồm hồ Tuy Lai, Quan Sơn, Đồng Sơn;

- Khu vực xanh văn hóa: Bao gồm khu vực 1 và khu vực 2 bảo tồn các di sản văn hóa. Bao gồm quần thể di tích chùa Hương và di tích (đình, chùa) đã được xếp hạng di tích cấp quốc gia, cấp tỉnh.

- Khu vực xanh dịch vụ: Các tuyến du lịch mới liên kết các cụm du lịch sinh thái hồ (Quan Sơn, Tuy Lai, Đồng Sơn), khu du lịch văn hóa Hương Sơn, khu du lịch Festival hoa sen và các điểm du lịch nghỉ ngơi cuối tuần.

- Khu vực xanh điểm dân cư nông thôn: Bao gồm các điểm dân cư nông thôn thuộc các huyện Hoài Đức, Đan Phượng, Thanh Oai, Mỹ Đức.

- Khu vực xanh nông nghiệp: Bao gồm các điểm dân cư nông thôn thuộc các huyện Hoài Đức, Đan Phượng, Thanh Oai, Mỹ Đức.

- Khu vực kiểm soát phát triển: 01 thị trấn; 18 khu vực sản xuất công nghiệp.

*d. Hạ tầng kỹ thuật xanh của HLX sông Đáy:*

*Liên kết môi trường, sinh thái và cảnh quan:* Khôi phục HST sông Đáy nhằm liên kết các hệ thống cây xanh, mặt nước. Liên kết môi trường, sinh thái sông Đáy với HST nông nghiệp, làng xã nhằm tạo tính khu vực và tính liên kết cấu trúc xanh hệ thống. Một số giải pháp liên kết các hệ thống xanh trên khía cạnh môi trường, sinh thái và cảnh quan đối với HLX sông Đáy.

*Liên kết bảo tồn di sản văn hóa:* Với hệ thống di sản văn hóa dày đặc trong khu vực HLX sông Đáy. Tổ chức các liên kết di sản văn hóa độc lập như chùa Hương, chùa, đình, miếu... thành hành lang di sản văn hóa sông Đáy.

*Liên kết phát triển kinh tế dịch vụ:* Với hệ thống các chức năng đa dạng trong HLX, tổ chức rất nhiều hoạt động dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí độc lập thành các chuỗi dịch vụ theo hành lang sông Đáy.

*Liên kết phát triển kinh tế nông nghiệp, làng nghề:* Đảm bảo sự phát triển của các loại hình, khu vực kinh tế. Hình thành chuỗi cung ứng nông sản sạch cho thành phố. Chuỗi cung ứng này lấy khu vực nông nghiệp Mỹ Đức là vùng sản xuất tập trung, khu vực nông nghiệp giáp đô thị chủ yếu làm dịch vụ nông nghiệp và cung ứng sản phẩm nông nghiệp cho đô thị.

*Liên kết hệ thống hạ tầng xã hội và kỹ thuật:* Liên kết hệ thống hạ tầng giao thông theo tuyến QL21, kết nối đô thị. Hình thành các tuyến kết nối theo phương ngang liên kết không gian hai bên hành lang sông Đáy.

*e. Định hướng phát triển không gian HLX sông Đáy:*

**Định hướng phát triển chung:** Phát triển huyện HLX sông Đáy theo mô hình dạng tuyến, lấy mặt nước sông, hồ hạt nhân trung tâm và chia thành 03 tuyến không gian chính, nhằm phục vụ cho bảo vệ nguồn nước, bảo tồn giá trị di sản văn hóa, phát triển dịch vụ du lịch, phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn.

**Định hướng 4 khu vực chính:**

+ Khu vực 1 - Tuyến không gian trung tâm: Là trục không gian liên kết của cả tuyến, bao gồm các sông Đáy và các phụ lưu sông, ao hồ tự nhiên. Là khu vực sinh thái - văn hóa - du lịch. Không gian tuyến trung tâm được giới hạn trong phạm vi 500m của lòng sông Đáy.

+ Khu vực 2 - Tuyến không gian chuyên tiếp (không gian đệm): Là khu vực phát triển kinh tế nông nghiệp, du lịch. Chức năng chính phát triển sản xuất nông nghiệp chất lượng cao, tập huấn, chuyển giao công nghệ....

+ Khu vực 3 - Cụm không gian du lịch sinh thái phía Tây: Là khu vực phát triển kinh tế dịch vụ - du lịch, nông nghiệp, thủy sản, nghề sen, bao gồm các xã An Tiến và An Phú với cụm đôi mới An Phú của huyện Mỹ Đức. Phát triển dựa trên lợi thế “cửa ngõ” của huyện gắn với tuyến đường Hồ Chí Minh. Phát triển khu du lịch sinh thái và trung tâm lễ hội Festival Hoa sen cấp thành phố, quốc gia và hướng đến quốc tế.

+ Khu vực 4 - Cụm không gian du lịch văn hóa phía Nam: Là khu vực phát triển kinh tế du lịch, dịch vụ, thủy sản, bao gồm các xã Hùng Tiến, Vạn Kim, Đốc Tín và Hương Sơn của huyện Mỹ Đức. Chức năng chính bảo vệ diện tích rừng núi, mặt nước (ao hồ), bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Tập trung phát triển lợi thế về du lịch lễ hội, tâm linh, du lịch sinh thái gắn kết với khu Festival hoa sen An Phú.

*g. Các giải pháp thiết lập HLX sông Đáy:*

- Giải pháp thiết lập khu vực xanh tự nhiên: Giải pháp làm sống lại dòng sông Đáy:

+ Cải tạo, nạo vét lòng dẫn sông Đáy: Cải tạo lòng dẫn để đảm bảo đưa nước

thường xuyên từ sông Hồng, sông Tích vào sông Đáy cả về mùa kiệt và mùa lũ, với lưu lượng tối đa là 450 m<sup>3</sup>/s (không gây ngập vùng bãi sông Đáy). Lòng dẫn sông Đáy được cải tạo theo 2 cấp, gồm: lòng dẫn cấp 1 để đảm bảo chuyển tải dòng chảy mùa kiệt, với lưu lượng tối đa 100 m<sup>3</sup>/s; lòng dẫn cấp 2 kết hợp với lòng dẫn cấp 1 để đảm bảo chuyển tải được dòng chảy mùa lũ, với lưu lượng tối đa 450 m<sup>3</sup>/s.

- Đoạn kênh dẫn từ Cẩm Đình đến Hiệp Thuận: Giữ nguyên như hiện trạng.
- Đoạn từ Đập Đáy đến Ba Thá: Tuyến lòng dẫn cải tạo cơ bản theo tuyến lòng sông hiện nay, đối với những nơi lòng sông hiện tại đi qua các khu dân cư tập trung có thể điều chỉnh tìm tuyến để giảm thiểu di dân tái định cư.
- Đoạn từ Ba Thá đến biển: Cải tạo, nạo vét lòng sông hiện có để đảm bảo thoát lũ (đoạn từ Gián Khẩu đến biển đang được nạo vét để phục vụ giao thông thủy nội địa đã đảm bảo thoát lũ 2.500 m<sup>3</sup>/s).

+ Cấp nước sông Đáy: Cấp nước từ sông Hồng vào sông Đáy qua cống Cẩm Đình và cống Hiệp Thuận, khi mực nước ngoài sông Hồng tại Cẩm Đình. Cấp nước từ sông Tích vào sông Đáy thông qua hệ thống kênh tiêu Săn - Thụy Đức với lưu lượng khoảng 20 m<sup>3</sup>/s khi dự án tiếp nước cải tạo, khôi phục sông Tích từ Lương Phú hoàn thành.

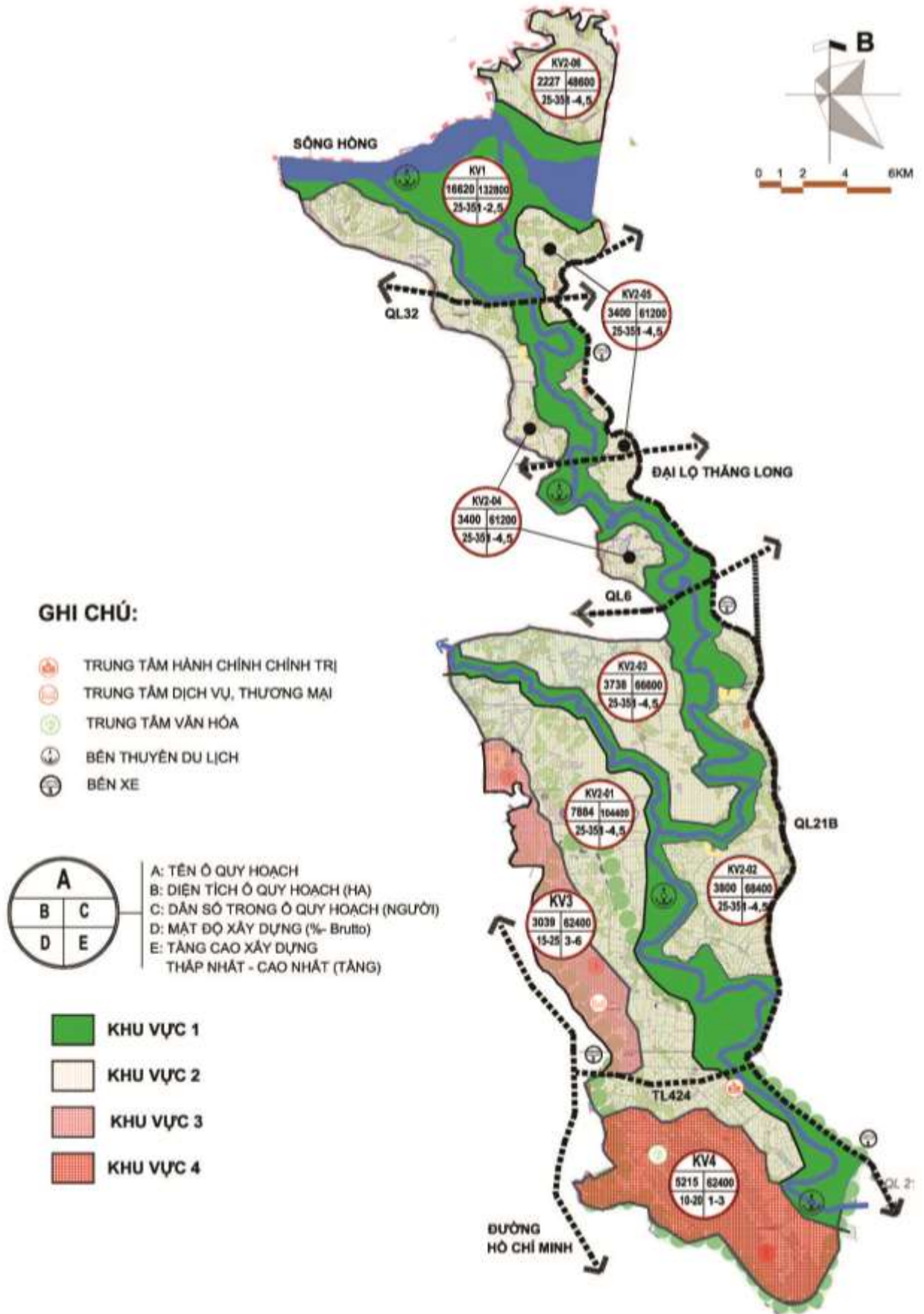
- Giải pháp thiết lập khu vực xanh văn hóa: Phát triển và bảo tồn các giá trị cảnh quan, lối sống, di sản, di tích trong vùng nông thôn, khắc phục các vấn đề môi trường.

- Giải pháp thiết lập khu vực xanh dịch vụ: xây dựng các bến thuyền trên tuyến du lịch sông Đáy, tại các xã Phúc Lâm, An Mỹ, Phùng Xá, Đại Nghĩa, Hương Sơn; tuyến du lịch trên sông đi từ Quan Sơn - An Phú - Hương Sơn qua sông Thanh Hà, Mỹ Hà kết nối với tuyến du lịch sông Đáy; Xây dựng mới tuyến đò đi đền Trình - động Hương Tích từ sông Mỹ Hà đến phía sau đền Trình, sau đó tiếp tục đi các tuyến suối yển và suối Long Vân đến các điểm du lịch.

- Giải pháp thiết lập khu vực xanh nông nghiệp: Xây dựng vùng nông sản theo hướng công nghệ cao gắn với các sản phẩm đã có thương hiệu. Vùng sản xuất nông sản được xác định bao gồm các chức năng: Dịch vụ công cộng - du lịch, dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp (kho lạnh, kho khô, sân sơ chế, chế biến, đóng gói, trung tâm kiểm định chất lượng), khu vực sản xuất thực nghiệm, khu vực sản xuất cung ứng cho thị trường, ...

- Giải pháp thiết lập khu vực xanh điểm dân cư nông thôn: Khuyến khích phát triển mô hình nhà ở theo dạng nhà vườn, nhà ở sinh thái, tầng cao không quá 3 tầng; khuyến khích bố trí vườn cây trên mái, cây leo tường, sân trước và sau nhà, sử dụng vật liệu thân thiện môi trường.





Hình 3.18. Sơ đồ định hướng tổ chức không gian HLX sông Đáy

### 3.5. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

#### *a. Bàn luận về các kết quả nghiên cứu của luận án*

Những nội dung này được hệ thống hóa từ những quan điểm trước đó tại Việt Nam, có bổ sung những kết quả nghiên cứu mới. Bàn luận về các kết quả nghiên cứu mới của luận án như sau:

*i) Nhận diện được thách thức về sự phát triển không bền vững của Thành phố Hà Nội trước mắt và tương lai, từ đó chứng minh chiến lược “thiết lập cấu trúc quy hoạch hành lang xanh” là cần thiết và là 01 giải pháp quan trọng đảm bảo đô thị phát triển bền vững như mục tiêu nghiên cứu xác định.*

- Khẳng định HLX là giải pháp rất cần thiết, khả thi đối với việc phát triển đô thị tại Việt Nam trong giai đoạn từ nay đến năm 2030. *Mô hình này là công cụ quan trọng giải quyết vấn đề bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn giá trị văn hóa, bảo vệ môi trường - thích ứng với BĐKH và bảo vệ quỹ đất nông nghiệp.* Đối với Hà Nội, HLX là cơ sở thúc đẩy phát triển kinh tế, tạo sản phẩm dịch vụ - du lịch mới, sản phẩm nông nghiệp xanh - công nghệ cao,... nhằm tạo nguồn lực phát triển mới, xây dựng thương hiệu Thủ đô trong khu vực và trên thế giới.

*ii) Nghiên cứu hình thành cơ sở khoa học và phương pháp luận thiết lập CTQH HLX cho các thành phố lớn của Việt Nam nói chung và cho thành phố Hà Nội nói riêng.* Khác với các đô thị trên thế giới HLX dạng cấu trúc VĐX là công cụ để kiểm soát phát triển. HLX dạng cấu trúc VĐX là KGX mới bổ sung hệ thống KGX đô thị.

- Hệ thống hóa được quan điểm khác nhau về KGX, hình thành lý thuyết thống nhất về HLX đô thị Việt Nam. Luận án nhận định HLX có nhiều biến thể khác nhau tùy thuộc vào điều kiện tự nhiên, chứa đựng nhiều chức năng khác nhau trên cơ sở đảm bảo hài hòa giữa lợi ích chung và lợi ích riêng. *Quan điểm này trả lời cho những tranh cãi trái chiều về việc không thống nhất khái niệm HLX hay VĐX thành phố Hà Nội trong đồ án quy hoạch chung năm 2011.*

- Khác với lý thuyết Thành phố vườn, tạo lập HLX theo cấu trúc hình học, vành đai cứng bao bọc lấy đô thị, tạo vùng kiểm soát phát triển đô thị - lấy vai trò chặn sự phát triển là chủ đạo. Luận án đưa ra quan điểm: *HLX là không gian mềm, không gian linh hoạt - không gian cân bằng, kết nối giữa đô thị với nông thôn. Đặc biệt, trong điều kiện phát triển đô thị hiện nay, HLX là không gian dự trữ phát triển cho đô thị, kết nối đô thị từ hiện tại với quá khứ và tương lai đô thị.*

- Khác với lý thuyết thành phố vườn đã được áp dụng tại các đô thị trên thế giới, HLX được tạo lập từ mảng rừng là chính, HLX tại Hà Nội được tạo lập từ những dòng sông là chính. Đây là điểm đặc trưng chung của các đô thị Việt Nam, chúng đã được hình thành và phát triển cùng với các dòng sông. Trên cơ sở quan điểm này, luận án

mạnh dạn đề xuất lý thuyết mới về CTQH đô thị Việt Nam dựa trên khung tự nhiên, trong đó lấy sông làm trục không gian chủ đạo: Lý thuyết quy hoạch gắn với "Dòng chảy đô thị". Lý thuyết được hình thành từ 03 trụ cột chính: Dòng chảy kinh tế, dòng chảy tự nhiên, dòng chảy văn hóa. Trong đó dòng chảy tự nhiên có vai trò chủ đạo định hướng 02 trụ cột còn lại. Lý thuyết này có thể vận dụng cho các đô thị tại Việt Nam.

*iii) Hình thành quan điểm, mục tiêu, các nguyên tắc và giải pháp thiết lập CTQH HLX thành phố Hà Nội đến năm 2030, từ đó điều chỉnh lại HLX đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26 tháng 07 năm 2011*

- Khung cấu trúc: Có nhiều biến thể cấu trúc khác nhau dựa trên khung tự nhiên của đô thị. Yếu tố sông trong mối tương quan giữa đô thị trung tâm và ngoại thành là cơ sở để hình thành lên các biến thể đó. Để tạo lập cấu trúc hoàn chỉnh, cần bổ sung thêm các yếu tố nhân tạo vào khung tự nhiên sẵn có. Tạo mảng rừng trồng mới, vườn cây ăn quả lâu năm... trên khu vực đất nông nghiệp có hiệu quả sử dụng thấp.

- Thành phần chức năng: Luận án đã phân loại đã các nhóm chức năng theo tiêu chí xanh. Đây là cơ sở phân loại không gian chức năng HLX trong thực tiễn. Đề xuất này khẳng định chức năng HLX là rất đa dạng, lấy hành lang sông và khu vực văn hóa là chức năng gốc, giá trị xanh cốt lõi của HLX.

- Diện tích HLX thực: Luận án đã đề xuất các yếu tố chính để tính toán chỉ tiêu diện tích xanh thực. Đây là cơ sở để đề xuất quy mô cũng như đánh giá chính xác quy mô HLX trong thực tiễn. Đề xuất này giúp người làm quy hoạch ước tính chính xác quy mô xanh trên cơ sở thực trạng, xem xét nó đáp ứng chỉ tiêu diện tích xanh cho đô thị.

- Hạ tầng kỹ thuật xanh: Đây là yếu tố quyết định đến việc thiết lập khung cấu trúc và giải pháp quản lý HLX. Luận án đã hệ thống hóa được các nhóm liên kết hạ tầng xanh. Trong các nhóm liên kết đó, luận án xác định được liên kết trên khía cạnh môi trường, cảnh quan là liên kết cơ bản. Tuy nhiên liên kết về kinh tế có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển của HLX. Duy trì và phát triển HLX dưới góc nhìn hạ tầng kinh tế xanh là đề xuất mới của luận án. Nếu nhìn nhận dưới góc độ môi trường, quan điểm này có thể đi ngược với mục tiêu HLX. Tuy nhiên trong giai đoạn từ nay đến 2030, xu hướng quy hoạch đô thị tích hợp là xu hướng chủ đạo. Cần giải quyết bài toán phát triển kinh tế song song với yêu cầu môi trường, xã hội. Phát triển du lịch vừa tạo động lực mới để phát triển kinh tế đô thị, vừa bảo vệ được không gian tự nhiên đã có.

- Định hướng các chức năng trong HLX: Các giải pháp này đã đánh thức được tài nguyên tự nhiên, văn hóa và không gian kiến trúc cảnh quan đặc sắc của khu vực. Qua đó mang lại hiệu quả kinh tế cao cho cộng đồng dân cư trong HLX, hình thành sản phẩm mới, tạo thương hiệu cho Thủ đô.

- Giải pháp quản lý HLX: Nhằm xác định nguồn lực phát triển, các giai đoạn và kịch bản phát triển, mô hình bộ máy quản lý phát triển, khung chính sách quản lý phát

triển và cơ chế điều phối, khắc phục những mâu thuẫn phát triển trong quá trình thiết lập. Các điểm mới của nội dung này cụ thể như sau: NCS đề xuất cách tiếp cận mới, chuyển từ tiếp cận chính sách truyền thống sang chính sách phát triển trên cơ sở đề xuất quy chế quản lý HLX. Quy chế quản lý HLX là chính sách linh hoạt, chủ động và thích nghi cao, bao gồm chủ trương và hành động của Thành phố nhằm thúc đẩy HLX phát triển theo mục tiêu đề ra.

- Ví dụ vận dụng kết quả nghiên cứu để điều chỉnh lại HLX trong quy hoạch chung xây dựng Thủ đô đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26 tháng 07 năm 2011. Giải pháp đã khắc phục được hạn chế của đồ án quy hoạch ở các khía cạnh sau: Làm rõ được khái niệm HLX trong kết cấu hạ tầng xanh của Thành phố; Nhấn mạnh cấu trúc HLX phải mềm dẻo, linh hoạt theo khung tự nhiên của Thành phố, trong đó lấy hệ thống sông hồ làm yếu tố cốt lõi.

- Ví dụ vận dụng kết quả nghiên cứu để thiết lập cấu trúc HLX trong quy hoạch phân sông Đáy: Giải pháp đã khắc phục được các hạn chế của đồ án quy hoạch thoát lũ sông Đáy (2014). Ngoài chức năng tiêu thoát lũ và giao thông thủy, sông Đáy không được được bổ sung nhiều chức năng mới trong đó có các chức năng văn hóa, dịch vụ du lịch. Với những giải pháp thiết lập gắn chặt với địa hình tự nhiên, giá trị văn hóa đã tạo lên một hành lang sinh thái – công nghiệp văn hóa – nông nghiệp công nghệ cao cho thành phố Hà Nội.

*b. Bàn luận về những đóng góp luận án cho quy trình thiết kế và huy động tham gia của cộng đồng*

*Bổ sung, điều chỉnh quy trình thiết kế:* NCS đã đề xuất phương pháp tiếp cận tiên tiến hơn về quy hoạch đô thị dựa trên khung tự nhiên, trong đó lấy hệ thống sông, hồ, khu thoát lũ là không gian chủ đạo để thiết lập CTĐT. Phương pháp này đã khắc phục được những điểm bất cập của các phương pháp quy hoạch hiện nay theo dạng hình học, lấy đường giao thông và khu vực cư trú để thiết lập CTĐT. Phương pháp tiếp cận thiết kế này phù hợp với đặc trưng điều kiện tự nhiên của đô thị Việt Nam, hình thành từ các con sông.

*Thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng:* NCS đề xuất các cộng đồng HLX, trên cơ sở cùng bảo vệ và chia sẻ lợi ích từ tài nguyên sông, hồ. Các cộng đồng chủ yếu là: Cộng đồng bảo vệ tài nguyên tự nhiên (rừng núi, sông, hồ...) HLX; Cộng đồng di sản văn hóa HLX; Cộng đồng dân cư nông nghiệp HLX; Cộng đồng doanh nghiệp phát triển HLX; Cộng đồng kinh tế HLX; Trên cơ sở các cộng đồng HLX, người dân có thể tham ra trực tiếp vào công tác quản lý và phát triển HLX.

*c. Bàn luận về tính khả thi của kết quả luận án trong điều kiện Việt Nam*

*Khả năng áp dụng:* Đề tài có khả năng áp dụng cao trong công tác quản lý và thực hiện quy hoạch, quản lý môi trường, khai thác phát triển bền vững các giá trị văn hóa,

hoạt động đầu tư xây dựng, tuyên truyền nâng cao nhận thức về HLX. Địa chỉ áp dụng:

i) Chính quyền địa phương: Sở Quy hoạch - Kiến trúc, sở Xây dựng: Được sử dụng cho công tác quản lý và thực hiện các đồ án quy hoạch chi tiết trong HLX theo quy hoạch chung; Sở Tài nguyên Môi trường: Được sử dụng cho công tác quản lý môi trường khu vực HLX, đặc biệt là HLX sông Đáy, sông Tích; Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch: Được sử dụng cho công tác bảo tồn các giá trị vật thể và phi vật thể, hình thành công viên HLX; Bộ Xây dựng: Được sử dụng cho công tác soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng như nghị định, thông tư hướng dẫn.

ii) Đơn vị tư vấn thiết kế: Được sử dụng cho công tác tư vấn quy hoạch các đô thị; Quy hoạch HLX sông; Quy hoạch khu du lịch, khu vui chơi giải trí, công viên, khu vực thể thao trong HLX; Thiết kế các công trình trong HLX.

iii) Doanh nghiệp: Được sử dụng kết quả nghiên cứu cho việc xây dựng các chiến lược phát triển, lập đầu tư xây dựng các dự án trong khu vực HLX.

iv) Cộng đồng dân cư: Được sử dụng để tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò HLX trong việc bảo vệ môi trường, văn hóa, khẳng định vị thế của Thủ đô.

*Kết quả đề tài mang lại hiệu quả như sau:*

i) Hiệu quả về mặt quốc gia: Góp phần phát triển bền vững thủ đô Hà Nội, góp phần khẳng định vị thế của Thủ đô Hà Nội, là tiền đề phát triển Thủ đô văn hóa và có nền kinh tế tiên tiến.

ii) Hiệu quả về quản lý: Giúp cơ quan quản lý có cách tiếp cận mới quy hoạch phát triển HLX, từ đó đưa ra chính sách và quyết định phù hợp với thực tiễn.

iii) Hiệu quả về kinh tế: Tạo nguồn tài nguyên mới cho phát triển du lịch Hà Nội.

iv) Hiệu quả về môi trường: Giúp cơ quan quản lý đưa ra những giải pháp quy hoạch phù hợp với biến đổi môi trường sinh thái HLX trong quá trình đô thị hóa, đặc biệt trong bối cảnh khí hậu thay đổi bất thường hiện nay.

v) Hiệu quả xã hội: Nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, cán bộ thiết kế, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư về giá trị và vai trò HLX trong phát triển Thủ đô Hà Nội.

*Kết quả luận án là cơ sở để phát triển các nghiên cứu tiếp theo:* Trong khuôn khổ luận án, các kết quả nghiên cứu vẫn dừng lại ở khung lý thuyết. Do đó kết quả nghiên cứu của luận án là cơ sở để tiếp tục các hướng nghiên cứu cụ thể hơn như sau:

i) Nghiên cứu quy hoạch HLX cho các đô thị lớn tại Việt Nam. Đây là hướng nghiên cứu thực tiễn và cấp thiết. Nguyên nhân là do nhiều đô thị đã quy hoạch HLX nhưng chưa có nghiên cứu giải pháp cụ thể. *Ví dụ như: Nghiên cứu giải pháp CTQH HLX thành phố Hải Phòng, thành phố Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Vĩnh Phúc, tỉnh Bắc Ninh.*

ii) Nghiên cứu mô hình quy hoạch cho các dạng phát triển chủ đạo bên trong HLX, có ảnh hưởng đến sự thành công của quy hoạch HLX. Kết quả của luận án là cơ sở để nghiên cứu mô hình chức năng trong HLX. Ví dụ như: *Nghiên cứu mô hình quy hoạch điểm dân cư nông thôn trong HLX; Nghiên cứu mô hình quy hoạch khu du lịch trong HLX; Nghiên cứu mô hình quy hoạch nông nghiệp trong HLX; Nghiên cứu mô hình quy hoạch công viên rừng trong HLX; Nghiên cứu mô hình quy hoạch HLX ven sông.*

iii) Nghiên cứu xây dựng quy chế quản lý phát triển HLX tại một số đô thị đã thiết lập HLX. Kết quả nghiên cứu là cơ sở đưa ra những khung pháp chế để quản lý HLX. Ví dụ như: *Nghiên cứu quy chế quản lý HLX đô thị Hà Nội, Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh và một số đô thị khác của Việt Nam.*

iv) Nghiên cứu hệ thống HLX tại các đô thị ven biển, đô thị miền núi, đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long, ... Kết quả nghiên cứu là cơ sở đưa ra những nghiên cứu giải pháp cấu trúc HLX cho các đô thị có địa hình khác biệt với đô thị vùng ĐBSH. Ví dụ như: *Nghiên cứu mô hình HLX cho các đô thị lớn vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Từ đó, nghiên cứu các đề tài theo hướng quy hoạch HLX cho từng đô thị thuộc vùng.*

v) Nghiên cứu CTĐT trên cơ sở dòng chảy Tự nhiên – Văn hóa – Kinh tế. Hướng nghiên cứu này bổ sung cơ sở khoa học và giải pháp CTĐT sinh thái tại Việt Nam. Đây là hướng nghiên cứu mới, một trong những lời giải cho các bài toán quy hoạch phát triển ĐTST tại Việt Nam.

Kết quả nghiên cứu của luận án là cơ sở để hình thành các đề án quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng như:

i) Kết quả nghiên cứu của luận án là các luận cứ khoa học để xây dựng các nhiệm vụ đề án quy hoạch chức năng trong HLX. Là luận cứ cho việc lập quy hoạch phân khu HLX sông tỉ lệ 1/5000: HLX sông Nhuệ, sông Đáy, sông Tích; Là luận cứ cho việc lập quy hoạch công viên HLX: Khu du lịch, khu vui chơi giải trí; Là luận cứ cho việc lập dự án quy hoạch hệ thống hạ tầng xã hội và hệ thống hạ tầng kỹ thuật HLX;

ii) Kết quả nghiên cứu của luận án là các luận cứ khoa học để xây dựng các nhiệm vụ dự án đầu tư xây dựng trong HLX: Là luận cứ cho việc xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật như: Giao thông, cấp nước, thoát nước, vệ sinh môi trường; Là luận cứ cho dự án phát triển ĐTST: Đô thị Chúc Sơn, đô thị Liên Quan, đô thị Vân Đình, .... theo quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đã được phê duyệt; Là luận cứ cho dự án phát triển khu công nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp công nghệ cao.



## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### 1. Kết luận

Bằng việc thực hiện đầy đủ các bước đi nhất thiết của một nghiên cứu khoa học, NCS đã có những cơ sở để đưa ra những nhận định sau:

i) Trong công cuộc đô thị hóa, các đô thị Việt Nam nói chung, trong đó có Thành phố Hà Nội nói riêng có những biến đổi toàn diện: Diện tích đô thị mở rộng, dân số tăng nhanh, hệ thống hạ tầng kỹ thuật được nâng cấp và đầu tư xây dựng... nhằm hướng tới một đô thị Hiện đại – Văn minh. Tuy nhiên trong quá trình đô thị hóa, Thành phố Hà Nội chịu nhiều áp lực phát triển đô thị như sự phát triển đô thị lan tỏa, hệ thống sông hồ ô nhiễm trầm trọng, khu vực rừng tự nhiên suy giảm hệ sinh thái và thu hẹp diện tích. Trong khu vực dự kiến thiết lập KGX tồn tại dày đặc hệ thống làng xã theo kiểu “xôi đỗ”, nông nghiệp bị bỏ hoang... đây là những thách thức thiết lập CTQH HLX. Do đó định hướng “thiết lập CTQH HLX” là cần thiết và là 01 giải pháp quan trọng đảm bảo đô thị phát triển bền vững.

ii) Qua nghiên cứu tổng hợp phân tích tài liệu và khảo sát hiện trạng: Lý luận về quy hoạch đô thị theo hướng phát triển bền vững là xu hướng mang tính thời đại. Thế giới đã có nhiều nghiên cứu về cả lý luận và thực tiễn về CTQH HLX, đây là bài học quý để thiết lập CTQH HLX cho các đô thị Việt Nam. Thành phố Hà Nội còn giữ được hệ thống tài nguyên về địa hình tự nhiên gắn với hình thái sông hồ và khu vực thoát lũ, có hệ thống di tích lịch sử đa dạng bám theo hành lang sông. Bên cạnh đó, Thành phố còn nhiều quỹ đất có tiềm năng phát triển KGX như khu vực dịch vụ, điểm dân cư nông thôn và đất nông nghiệp. Đây là những cơ sở khoa học để thiết lập CTQH HLX cho các đô thị của Việt Nam nói chung và cho thành phố Hà Nội nói riêng.

iii) Trên cơ sở những nhận định trên, luận án đưa ra những đề xuất khái niệm, quan điểm, mục tiêu, các nguyên tắc, quy mô và giải pháp thiết lập CTQH HLX thành phố Hà Nội đến năm 2030, từ đó điều chỉnh lại CTQH HLX đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26 tháng 07 năm 2011, cụ thể như sau:

- Khái niệm HLX là khái niệm rộng nhất, bao trùm các khái niệm VĐX, nôm xanh, tuyến xanh, mạng xanh. VĐX là một dạng loại hình cấu trúc của HLX. HLX là hệ thống hành lang KGX đan xen bên trong và bao bọc bên ngoài đô thị trung tâm, bao gồm nhiều chức năng như rừng tự nhiên, khu vực du lịch - vui chơi giải trí, nông nghiệp, làng xã mật độ thấp... được tạo lập từ con sông, hồ và diện tích thoát lũ, nhằm tạo lập môi trường thiên nhiên tốt cho đô thị, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, phát triển bền vững du lịch, nông nghiệp và làng xã.

- Đề xuất các quan điểm thiết lập CTQH HLX thành phố Hà Nội theo hướng bền vững, có cấu trúc dạng tuyến, lấy dòng chảy tự nhiên làm trục chủ đạo, gắn kết di sản văn hóa, khu vực dịch vụ, đất nông nghiệp, điểm dân cư nông thôn mật độ thấp bằng hệ

thống hạ tầng kỹ thuật xanh.

- CTQH HLX phải đạt được 03 nhóm mục tiêu phát triển và 06 nguyên tắc thiết lập. Trong đó, CTQH HLX thành phố Hà Nội phải được thiết lập trên cơ sở thực hiện đồng thời 04 nhóm hành động: Bảo tồn HST tự nhiên; Duy trì KGX đã có; Bổ sung KGX mới; Kiểm soát các dạng phát triển.

- Đề xuất các yếu tố để tính toán diện tích HLX quy đổi bao gồm diện tích các chức năng đất có trong HLX (ha), trọng số mật độ xanh quy đổi (hàng số). Từ đó, nhà quy hoạch có thể đưa ra tương đối chính xác diện tích xanh thực tế trên tổng diện tích đất quy hoạch.

- Đề xuất các mô hình cấu trúc HLX thành phố Hà Nội theo trong mối tương quan với đô thị trung tâm, lựa chọn kịch bản trung bình cho thành phố Hà Nội.

- Đề xuất 03 phân vùng và 05 thành phần chức năng HLX bao gồm: Khu xanh tự nhiên; Khu xanh văn hóa; Khu xanh dịch vụ; Khu xanh nông nghiệp; Khu xanh điểm dân cư nông thôn. Việc phân loại các nhóm chức năng thể hiện được sự khác biệt chức năng HLX thành phố Hà Nội với HLX đô thị trên thế giới, biểu hiện cụ thể trong tính chất của nhóm chức năng xanh văn hóa, xanh nông nghiệp và xanh điểm dân cư nông thôn.

- Đề xuất hệ thống hạ tầng kỹ thuật xanh của HLX bao gồm: Liên kết môi trường cảnh quan; Liên kết bảo tồn di sản văn hóa; Liên kết phát triển kinh tế. Trong đó liên kết hoạt động kinh tế có vai trò quyết định tạo lập cấu trúc HLX trong giai đoạn hiện nay.

- Đề xuất định hướng quy hoạch các khu vực chức năng xanh. Đây là những mô hình có tính điển hình, trên cơ sở mô hình này, các chức năng đảm bảo phát triển bền vững không phá vỡ cấu trúc HLX, cũng như cấu trúc đô thị.

- Đề xuất giải pháp quản lý phát triển HLX thành phố Hà Nội. Trong đó nhấn mạnh việc thiết lập quy chế quản lý hành lang xanh và các giải pháp xây dựng cộng đồng bảo vệ HLX.

## **2. Kiến nghị**

i) Kiến nghị Bộ Xây dựng nghiên cứu, soạn thảo chiến lược phát triển HLX Việt Nam và Chương trình hành động phát triển HLX.

ii) Kiến nghị UBND thành phố Hà Nội tổ chức xây dựng quy chế quản lý phát triển HLX theo quy hoạch chung đã được phê duyệt, lập đề án quy hoạch chi tiết các tuyến sông nội thành và ngoại thành, biên soạn sách hướng dẫn quản lý phát triển HLX.

iii) Kiến nghị Viện nghiên cứu thuộc Bộ Xây dựng, các trường đại học chuyên ngành Xây dựng, Kiến trúc và Quy hoạch có những nghiên cứu đa ngành sâu hơn và cụ thể hơn đối với HLX tại các đô thị Việt Nam.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ**

<b>TT</b>	<b>Tên bài báo, tham luận hội thảo</b>	<b>Tên tạp chí, kỷ yếu hội thảo</b>	<b>Năm phát hành</b>
1	Quy hoạch HLX tại thành phố Hà Nội - Kinh nghiệm từ phát triển vùng Tokyo	Tạp chí quy hoạch đô thị, số 18 + 19/2014	2014
2	Những thuận lợi, khó khăn trong định hướng quy hoạch phát triển HLX vùng ĐBSH	Tạp chí khoa học công nghệ xây dựng, số 22/12 - 2014	2014
3	Định hướng xây dựng các mô hình phát triển trong HLX đô thị vùng ĐBSH	Kỷ yếu hội thảo câu lạc bộ khoa học - công nghệ các trường đại học kỹ thuật lần thứ 46, tháng 3 - 2015	2015
4	Nghiên cứu mô hình quy hoạch phát triển HLX tại một số đô thị trên thế giới	Tạp chí khoa học công nghệ Xây dựng. Số 28/03 - 2016	2016

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### I. Tài liệu tiếng việt

1. Andhang, Kento Sumida (2015), *Bàn bạc về các giải pháp làm giảm hiệu ứng đảo nhiệt đô thị cho đồ án quy hoạch Hà Nội 2030*, UHI workshop, Hà Nội.
2. Nguyễn Tuấn Anh (2012), *Khai thác đặc trưng sông hồ trong tổ chức cảnh quan đô thị*, luận án Tiến sĩ, Đại học Kiến trúc Hà Nội, Hà Nội.
3. Đào Phương Anh (2015), *Tạo lập và phát triển HLX Hà Nội trong bối cảnh đô thị hóa*, Tạp chí Quy hoạch Đô thị số 22/2015, Hà Nội.
4. Hà Duy Anh (2016), *Các nguyên tắc hình thành hệ thống KGX đô thị*, Tạp chí Quy hoạch Đô thị số 24, Hà Nội.
5. Ban quản lý di tích danh thắng Hà Nội (2000), *Di tích lịch sử - Văn hóa Hà Nội*, trang 72, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Nguyễn Thanh Bình (2013), *Quy hoạch Anh đến những năm 1980 và kinh nghiệm cho Việt Nam*, Tạp chí Quy hoạch Đô thị số 15/2013, Hà Nội.
7. Lê Quang Bình, Đoàn Thị Hà, Nguyễn Thị Thu Nam, Mai Thanh Tú (2016), *Phong trào bảo vệ 6700 cây xanh ở Hà Nội*, Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội.
8. Bộ Khoa học công nghệ (2008), *Quy hoạch phát triển khu du lịch - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 7801: 2008*, Hà Nội.
9. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2009), *Tiêu chí xác định và phân loại rừng*, Thông tư số 34/2009/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 06 năm 2009, Hà Nội.
10. Bộ tài nguyên và Môi trường (2015), *Chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất trang trại*, Thông tư 02/2015/TT-BTNMT quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP, Hà Nội.
11. Bộ Xây dựng (2006), *Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 362:2005*, Quyết định số 01/2006/QĐ-BXD ngày 05/01/2006, Hà Nội.
12. Bộ Xây dựng (2008), *Quy chuẩn quy hoạch xây dựng Việt Nam QCXDVN 01: 2008/BXD*, Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 3/4/2008, Hà Nội.
13. Bộ Xây dựng (2008), *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng nông thôn*, Thông tư số 32/2009/TT-BXD ngày 10/09/2009, Hà Nội.
14. Bộ Xây dựng (2010), *Hướng dẫn lập quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị*; Thông tư 19/2010/TT-BXD, Hà Nội.
15. Võ Kim Cương (2013), *Quản lý phát triển đô thị*, Nhà xuất bản Thanh niên, Thành phố Hồ Chí Minh.
16. Phạm Hùng Cường (2012), *Cơ sở thiết lập các mô hình phát triển trong khu vực HLX phía Tây Hà Nội theo quy hoạch chung thủ đô Hà Nội đến năm 2030*, đề tài KH&CN cấp trường trọng điểm, Đại học Xây dựng, Hà Nội.
17. Phạm Hùng Cường (2014), *Quy hoạch đô thị - Giáo trình dành cho sinh viên*

*chuyên ngành kiến trúc*, Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội.

18. Lâm Quang Đốc, Phạm Khắc Lợi, Nguyễn Minh Tuệ, Đặng Duy Lợi (2012), *Địa lý Hà Nội*, Nhà xuất bản đại học Sư phạm, Hà Nội.

19. Nguyễn Đỗ Dũng (2012), *Sự mâu thuẫn của niềm khát khao*, Bản tin số 225 – 2012, Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

20. Lương Tiến Dũng (2017), *Quản lý hệ thống không gian xanh các đô thị du lịch vùng Đồng bằng Sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc, Lấy đô thị Ninh Bình làm ví dụ*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành quản lý đô thị và công trình, Đại học Kiến trúc Hà Nội, Hà Nội.

21. Phạm Anh Dũng, Lê Tiến Tâm (2013), *Giáo trình cây xanh đô thị*, Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội.

22. Ngô Trung Hải (2012), *Kết quả khoa học công nghệ đề tài đô thị nước nhằm ứng phó biến đổi khí hậu, Báo cáo tổng hợp kết quả nhiệm vụ hợp tác quốc tế về khoa học theo nghị định thư*, Bộ Khoa học Công nghệ và Bộ Xây dựng, Hà Nội.

23. Ngô Trung Hải (2016), *Cấu trúc không gian đô thị thích ứng trong quá trình chuyển hóa không gian đô thị Việt Nam (Lấy Hà Nội làm ví dụ nghiên cứu)*, Luận án Tiến sĩ, Viện Kiến trúc Quốc gia, Hà Nội.

24. Quang Hải (2017), *Hà Nội: Môi trường sống ô nhiễm, lao động làng nghề đối mặt với nguy cơ mắc các bệnh hiểm nghèo*, Tạp chí Bảo hộ lao động số 3/2017, Hà Nội.

25. Trần Trọng Hanh (2015), *Quy hoạch vùng*, Nhà xuất bản xây dựng, Hà Nội.

26. Trần Trọng Hanh (2017), *Quy hoạch đô thị ở Châu Á*, Nhà xuất bản xây dựng, Hà Nội.

27. Phùng Thị Mỹ Hạnh (2014), *Hạ tầng xanh đô thị nhìn nhận từ một số kinh nghiệm quốc tế*, Tạp chí quy hoạch Đô thị số 18-19/2014, Hà Nội.

28. Nguyễn Thị Hạnh (2017), *Quản lý KGX Thành phố Huế*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Quản lý đô thị và công trình, Đại học Kiến trúc Hà Nội, Hà Nội.

29. Phạm Thanh Hiền, Danielle Labbe, Etienne Pelletier (2015), *Vẽ bản đồ phân bố và khả năng tiếp cận không gian công cộng tại thành phố Hà Nội*, Tạp chí Quy hoạch Xây dựng số 74: 46-51, Hà Nội.

30. Nguyễn Ngọc Hiếu (2016), *Ranh giới đô thị và quản lý phát triển mở rộng vùng ven đô*, Tạp chí Quy hoạch Đô thị số 24 (2016), Hà Nội.

31. Nguyễn Xuân Ninh (2010), *Khai thác tối đa điều kiện tự nhiên và hiện trạng là cơ sở quan trọng hình thành đô thị xanh*, Tạp chí Quy hoạch Đô thị số 15-2013, Hà Nội.

32. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội (2012), *Thông qua quy hoạch phát triển du lịch thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*, Nghị quyết số 12/2012/NQ-HĐND, ban hành ngày 13/07/2012, Hà Nội.

33. Huỳnh Quốc Hội (2010), *Quy hoạch CTĐT trong lý thuyết và thực tiễn quy hoạch Việt Nam*, Tạp chí Quy hoạch Đô thị số 38, Hà Nội.
34. Huỳnh Quốc Hội (2011), *Quy hoạch CTĐT thích ứng*, Tạp chí Kiến trúc Việt Nam số 8/2011, Hà Nội.
35. Tô Văn Hùng (2015), *Tổ chức kiến trúc cảnh quan đô thị theo hướng sinh thái (lấy đô thị Đà Nẵng làm địa bàn nghiên cứu)*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Xây dựng, Hà Nội.
36. Iu.P. BOCHAROV, O.K. KUDRIAVXEV (2012), *CTQH của thành phố hiện đại*, Lê Phục Quốc dịch, Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội.
37. Lê Hồng Kế (2010), *Thăng Long – Hà Nội, 1000 năm đô thị hóa*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
38. Lê Hồng Kế (2015), *Các giải pháp bảo tồn, phát triển và quản lý không gian sinh thái thành phố Hà Nội*, Đề tài KH&CN cấp thành phố, Hà Nội.
39. Hoàng Đạo Kính (2010), *Bảo tồn và phát triển tiếp nối các di sản đô thị ở Việt Nam*, Tạp chí Kiến trúc Việt Nam số 09/2010, Hà Nội.
40. Lê Văn Khoa, Đoàn Văn Tiến, Nguyễn Song Tùng, Nguyễn Quốc Việt (2013), *Môi trường và Phát triển bền vững*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
41. Nguyễn Văn Long, Châu Minh Khải, Nguyễn Hoàng Linh (2017), *Sinh thái học đô thị: Nhận thức vì đô thị bền vững*, Tạp chí Kiến trúc số 11-2017, Hà Nội.
42. Nguyễn Thị Thanh Mai (2006), *Tổ chức không gian ở tái định cư bền vững trong quá trình phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2020*, Luận án Tiến sĩ Kiến trúc, Trường Đại học Xây dựng, Hà Nội.
43. Trần Viết Mỹ (2010), *Nghiên cứu cơ sở quy hoạch cây xanh và chọn loài cây trồng phù hợp phục vụ quá trình đô thị hoá thành phố Hồ Chí Minh*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
44. Đào Ngọc Nghiêm (2014), *Chuyên đề thể chế quy hoạch xây dựng và quản lý đô thị*, Giáo án môn học Chính sách và Thể chế quy hoạch đô thị, Đại học Xây dựng, Hà Nội.
45. Đào Thị Tiến Ngọc (2010), *Mô hình và giải pháp tổ chức hệ thống KGX khu đô thị mới Hà Nội*, Luận án Tiến sĩ, Viện Kiến trúc - Quy hoạch nông thôn, Hà Nội.
46. Phạm Đức Nguyên, Phạm Hùng Cường (2015), *Vai trò cây xanh trong đô thị*, Kỷ yếu hội thảo khoa học: Các công trình hạ tầng kỹ thuật và phát triển bền vững đô thị nhân dịp đại hội lần thứ VI, Hội môi trường Xây dựng Việt Nam, Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội.
47. Nguyễn Văn Ôn (2017), *Các giải pháp chủ yếu quản lý và phát triển cây xanh tại các quận nội thành Hà Nội đến năm 2030*, Đề tài KH&CN cấp thành phố, Hà Nội.



48. Park Chan Ho (2012), *Đô thị thông minh - hiệu quả hóa công tác quy hoạch xây dựng*, Tạp chí Quy hoạch Đô thị số 09 - 2012, Hà Nội.
49. Philippe Papin (2015), *Lịch sử Hà Nội*, Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội.
50. Phùng Hữu Phú (2010), *Phát huy tiềm lực tự nhiên, kinh tế, xã hội và giá trị lịch sử - văn hóa phát triển bền vững thủ đô Hà Nội đến năm 2020*, Nhà xuất bản Hà Nội, Hà Nội.
51. Piere Clement, Nathalie Lancret (2010), *Hà Nội những chu kỳ đổi thay*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
52. Trương Văn Quảng (2010), *Quy hoạch phát triển đô thị xanh ở Việt Nam*, Tạp chí Quy hoạch Đô thị số 15-2013, Hà Nội.
53. Quốc hội (2009), *Luật bảo vệ môi trường*, số 55/2014/QH13, ngày 23/6/2014, Hà Nội.
54. Quốc hội (2009), *Luật quy hoạch đô thị*, số 30/2009/QH12, ngày 17/6/2009, Hà Nội.
55. Quốc hội (2012), *Luật Thủ đô*, số 25/2012/QH13, ngày 21/11/2012, Hà Nội.
56. Quốc hội (2014), *Luật Xây dựng*, số 50/2014/QH13, ngày 18/6/2014, Hà Nội.
57. Nguyễn Thị Kim Thái, Lê Thị Hiền Thảo (2003), *Sinh thái học và bảo vệ môi trường*, Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội.
58. Lê Xuân Thái (2016), *Xây dựng cơ sở khoa học môi trường cho việc quy hoạch cây xanh trên một số tuyến đường quốc lộ*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
59. Trương Quang Thao (2003), *Đô thị học - những khái niệm mở đầu*, Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội.
60. Đào Văn Thịnh (2014), *Bản đồ địa chất – khoáng sản tỷ lệ 1:50.000*, Liên đoàn bản đồ, Hà Nội.
61. Nguyễn An Thịnh (2014), *Cơ sở sinh thái cảnh quan trong kiến trúc cảnh quan và quy hoạch sử dụng đất bền vững*, Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội.
62. Thủ tướng Chính phủ (2008), *Quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2020 và tầm đến năm 2050*, Tháng 05/2008, Hà Nội.
63. Thủ tướng Chính phủ (2009), *Phê duyệt điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050*, Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/04/2009, Hà Nội.
64. Thủ tướng Chính phủ (2009), *Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hải Phòng*, Quyết định số 1448/QĐ-TTg ngày 16/9/2009, Hà Nội.
65. Thủ Tướng Chính Phủ (2009), *Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam)*, Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg, Hà Nội.

66. Thủ tướng Chính phủ (2010), *quản lý không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị*, Nghị định số 38/2010/NĐ-CP, Hà Nội.
67. Thủ tướng Chính phủ (2011), *Phê duyệt quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050*, Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/07/2011, Hà Nội.
68. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020*, Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 17/12/2012, Hà Nội.
69. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 ÷ 2020 và tầm nhìn đến năm 2050*, Quyết định 1393/QĐ-TTg tháng 09/2012, Hà Nội.
70. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng ĐBSH và Duyên hải Đông Bắc đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030*, Quyết định số 2163/QĐ-TTg tháng 11/2013, Hà Nội.
71. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBSH đến năm 2020*, Quyết định số 795/QĐ-TTg tháng 05/2013, Hà Nội.
72. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Phê duyệt quy hoạch thủy lợi vùng ĐBSH giai đoạn 2012 - 2020 và định hướng đến năm 2050 trong điều kiện BĐKH, nước biển dâng*, Quyết định số 1554/QĐ-TTg ngày 17/10/2012, Hà Nội.
73. Thủ tướng Chính phủ (2014), *Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 ÷ 2020*, Quyết định 403/QĐ-TTg tháng 03/2014, Hà Nội.
74. Thủ tướng Chính phủ (2014), *Phê duyệt Quy hoạch phòng, chống lũ và đề điều hệ thống sông Đáy*, Quyết định số 1821/QĐ-TTg ngày 07/10/2014, Hà Nội.
75. Thủ tướng Chính phủ (2015), *quy định việc lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước*, Quyết định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015, Hà Nội.
76. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 ÷ 2020*, Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/08/2016, Hà Nội.
77. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Phê duyệt Quy hoạch phòng chống lũ và quy hoạch đề điều hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình*, Quyết định số 257/QĐ-TTg, ngày 18/2/2016, Hà Nội.
78. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050*, Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 06/05/2016, Hà Nội.
79. Đỗ Trần Tín (2012), *Khai thác yếu tố cây xanh, mặt nước trong tổ chức không gian công cộng các khu đô thị mới tại Hà Nội*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Kiến trúc Hà Nội, Hà Nội.
80. Tổng cục thống kê (2015), *Niên giám thống kê Hà Nội năm 2015*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

81. Nguyễn Văn Tuyên (2013), *Nghiên cứu quy hoạch phát triển HLX trong cấu trúc đô thị vùng đồng bằng sông Hồng*, Đề tài KH&CN cấp Bộ Giáo dục, Hà Nội.
82. Nguyễn Văn Tuyên (2016), *Ứng dụng công nghệ GIS cho phân tích mật độ xanh trong khu vực dự kiến thiết lập Hành lang xanh tại đô thị Hà Nội*, Đề tài KH&CN cấp trường Đại học Xây dựng, Hà Nội.
83. Phạm Đình Tuyên (2017), *Di sản thế giới tại Asean “Một tầm nhìn - Một bản sắc - Một cộng đồng”*, Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội.
84. UBND thành phố Hà Nội (2014), *Phê duyệt chỉ giới hành lang bảo vệ công trình thuỷ lợi sông Nhuệ trên địa bàn thành phố Hà Nội tỷ lệ 1/500*, Quyết định số 5168/QĐ-UBND ngày 08/10/2014, Hà Nội.
85. UBND thành phố Hà Nội (2014), *Phê duyệt Quy hoạch hệ thống cây xanh, công viên, vườn hoa và hồ thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Quyết định số 1495/QĐ-UBND ngày 18/03/2014, Hà Nội.
86. UBND thành phố Hà Nội (2014), *Ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc chung thành phố Hà Nội*, Quyết định số 70/2014/QĐ-UBND, Hà Nội.
87. UBND thành phố Hà Nội (2015), *Phê duyệt Quy hoạch phân khu đô thị GN tỷ lệ 1/5000*, Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 05/01/2015, Hà Nội.
88. UBND thành phố Hà Nội (2015), *Phê duyệt Quy hoạch phân khu đô thị GS tỷ lệ 1/5000*, Quyết định số 3976/QĐ-UBND ngày 13/8/2015, Hà Nội.
89. UBND thành phố thành phố Hồ Chí Minh (2014), *Quy định quản lý quy hoạch chung đô thị theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025*, Quyết định số 1340/2014/QĐ-UBND ngày 20/03/2014, Thành phố Hồ Chí Minh.
90. Viện quy hoạch Đô thị và Nông thôn quốc gia (2010), *Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2050*, Thuyết minh tổng hợp, Hà Nội.
91. Viện quy hoạch Đô thị và Nông thôn quốc gia (2012), *Quy hoạch hệ thống KGX - mặt nước để cải thiện bảo vệ môi trường vùng Thủ đô Hà Nội*, Đề tài KH&CN cấp Bộ Xây dựng, Hà Nội.
92. Viện quy hoạch Đô thị và Nông thôn quốc gia (2016), *Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Thuyết minh quy hoạch, Hà Nội.
93. Viện quy hoạch Hải Phòng (2009), *Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hải Phòng đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2050*, Thuyết minh tổng hợp, Hải Phòng.
94. Viện quy hoạch và Kiến trúc đô thị (2009), *Hệ thống sông hồ Hà Nội*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế "Cảnh quan sông hồ Hà Nội", Hà Nội.
95. Viện quy hoạch xây dựng Đà Nẵng (2013), *Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Đà Nẵng đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2050*, Thuyết minh

tổng hợp, Đà Nẵng.

96. Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội (2012), *Quy hoạch hệ thống công viên vườn hoa và hồ thành phố Hà Nội đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050*, Thuyết minh tổng hợp, Hà Nội.

97. Nguyễn Hoàng Yến, Nguyễn Thị Như (2016), *Nghiên cứu xây dựng các tiêu chí chỉ ĐTST phù hợp với điều kiện Việt Nam*, Đề tài KH&CN cấp trường đại học Hàng hải Việt Nam, Hải Phòng.

## II. Tài liệu tiếng anh

98. Andre Sorensen (2001), *Subcentres and Satellite Cities: Tokyo's 20th Century Experience of Planned Polycentrism*, International Planning Studies, Vol. 6, No. 1, 30/9/2001, Tokyo.

99. Bristol South Green Campaigner & Filwood, Knowle, Windmill Hill (2013), *Sustainable cities, sustainable world*, <http://sustainablecitiesustainableworld.blogspot.com>.

100. Carpinteri, Alberto (2002). *Structural Mechanics: A unified approach*, CRC Press. ISBN 9780415580328 - CAT# Y108407, London.

101. Chang - He Christine Bae (1998), *Korea's greenbelts: Impacts and options for change*, pacific rim law & policy journal, Vol. 7 No. 3, Washington.

102. David N. Bengston and Youn Yeo-Chang (2004), *Seoul's greenbelt: An experiment in urban containment*, Policies for Managing Urban Growth and Landscape Change: A Key to Conservation in the 21st Century, New York.

103. Guy M. Robinson, Zhiling Liu (2015), *Greening and "un"greening Adelaide, South Australia*, AIMS Environmental Science, 2015, 2(3): 511-532, Adelaide.

104. Hellmund and Smith (2006), *Designing Greenways: Sustainable Landscapes for Nature and People*, Island Press, Washington, DC, USA.

105. Huifeng Peng (2005), *Analysis of the beijing greenbelts plan using geographic information systems (gis)*, Thesis submitted in partial fulfillment of the requirements for the degree of master of science in landscape architecture washington state university department of horticulture and landscape architecture, Washington.

106. E. Howard (1898), *Tomorrow: a peaceful path to real reform*, Hulme, Manchester.

107. Joyotee Smith and Sara J. Scherr (2002), *Forest Carbon and Local Livelihoods*, Assessment of Opportunities and Policy Recommendations, CIFOR Occasional Paper, No 37.

108. Jun Yang, Zhou Jinxing (2007), *The failure and success of greenbelt program in Beijing*, Urban Forestry & Urban Greening 6 (2007) 287–296, Beijing.

109. Luyao Kong (2012), *Break the Green Belt ? The differences between green belt and its alternative green wedge A Comparative Study of London and Stockholm*, 37179 Karlskrona, Sweden.
110. Marco Amati (2016), *Urban Green Belts in the Twenty-first Century*, Ashgate Publishing Limited, ISBN-13: 9781317003816, England.
111. Nico Herz, Jutta Wolff (2010), *Analysing the Green Corridor Concept – Preliminary Results*, Hamburg University of Technology Institute for Transport Planning and Logistics, Hamburg.
112. Peter Hall (2014), *Cities of tomorrow an intellectual History of Urban Planning and Design since 1880*, Publisher Services, Pondicherry, India.
113. Scottish Government Policy and Guidance (2012), *Green Networks in Development Planning*, SNH Information Note, Glasgow.
114. Sylvie Fanchette (2016), *Ha Noi a Metropolis in the Making, the Breakdown in urban intergration o villages*, Nha xuat ban The gioi, Ha noi.
115. "Structure, n.", Oxford English Dictionary (Online ed.), Retrieved 1 October 2015.
116. Theodore S. Eisenman (2013), Frederick Law Olmsted, Green Infrastructure, and the Evolving City, *Journal of Planning History* 12(4) 287-311, Philadelphia, USA

### **III. Tài liệu tiếng Nga**

117. B.B.Владимиров (1982), *Расселение и окружающая среда*, Стройиздат, Москва.

### **IV. Tài liệu tiếng Tây Ban Nha**

118. PUJADAS, Romà; FONT, Jaume (1998), *Ordenación y Planificación Territorial*. Espacios y Sociedades, Editorial Síntesis. Madrid, España.

**PHỤ LỤC**

Phụ lục 1. Bảng hệ thống sông ngoại thành Hà Nội

TT	Sông	Chiều dài (km)	Chiều rộng lòng sông (m)	Diện tích lưu vực thoát nước (km <sup>2</sup> )
1	Sông Hồng	163	1000 ÷ 1500	
2	Sông Đáy	114	250	
3	Sông Nhuệ	61,5	30 ÷ 40	1.075
4	Sông Tích	69	10 ÷ 20	1330
5	Sông Bùi	30	20 ÷ 50	
6	Sông Đuống	22	200 ÷ 500	
7	Sông Cà Lò	42	20 ÷ 50	
8	Sông Đà	35	500 ÷ 1000	
9	Sông Cầu	11	100 ÷ 200	
10	Sông Mỹ Hà	12,7	10 ÷ 20	271

Phụ lục 2. Bảng hệ thống sông nội thành Hà Nội

TT	Sông	Chiều dài (km)	Chiều rộng (m)	Chiều sâu (m)	Có hành lang quản lý (km)	Không có hành lang quản lý (km)
1	Sông Tô Lịch	13,50	20 ÷ 45	2 ÷ 3	12,6	0,90
2	Sông Lừ	11,90	20 ÷ 30	2 ÷ 3	0,75	5,05
3	Sông Sét	5,80	10 ÷ 30	3 ÷ 4	0,36	0,64
4	Sông Kim Ngưu	1,00	25 ÷ 30	2-4	7,1	4,8
	<b>Tổng</b>	<b>38,90</b>			<b>25,56</b>	<b>13,34</b>

Phụ lục 3. Bảng tổng hợp các hồ khu vực ngoại thành

(nguồn: Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn và Viện QHXD Hà Nội)

STT	Tên hồ	Địa điểm	Diện tích (ha)	Ghi chú
1	Hồ Đồng Quan	Sóc Sơn	85,5	
2	Hồ Đồng Đền	Sóc Sơn	6,2	
3	Hồ Đồng Đò	Sóc Sơn	50,7	



PL2

STT	Tên hồ	Địa điểm	Diện tích (ha)	Ghi chú
4	Hồ Đền Sóc	Sóc Sơn	15,7	Khu di tích đền Sóc
5	Đầm Vân Trì	Đông Anh	137	
6	Hồ Đầm Long	Ba Vì	94,87	
7	Hồ Suối Hai	Ba Vì	988	
8	Hồ Đồng Mô	Ba Vì	1140	
9	Hồ Đồng Suong	Chương Mỹ	203	
10	Hồ Văn Sơn	Chương Mỹ	167	
11	Hồ Xuân Khanh	Mỹ Đức	104	
12	Hồ Tuy Lai -Quan Sơn	Mỹ Đức	959	khu di tích chùa Hương
	<b>Tổng cộng</b>		<b>3950,97</b>	

Phụ lục 4: Bảng thống kê danh mục các hồ nội thành Hà Nội

TT	Tên hồ	Diện tích (ha)	Hiện trạng		Quy hoạch	Phân loại
			Đã kè	Chưa kè		
<b>I</b>	<b>Quận Ba Đình</b>					
1	Hồ Trúc Bạch	22	Đã kè			Đã cải tạo kè đá
2	Hồ Thủ Lệ	7,7	Đã kè			Đã cải tạo kè đá
3	Hồ Giảng Võ	6,5	Đã kè			Đã cải tạo kè đá
4	Hồ Ngọc Khánh	4,0	Đã kè			Đã cải tạo kè đá
5	Hồ Thành Công	6,7	Đã kè			Đã cải tạo kè đá
6	Hồ Đầm	1,4				Đang triển khai theo dự án
7	Hồ Bảy Gian	1,0				Đang triển khai theo dự án
8	Hồ Thương Mại					Đã cải tạo kè đá
9	Hồ 1 – Công viên Bách Thảo	0,9	Đã kè			Đã cải tạo kè đá
10	Hồ 2 – Công viên Bách Thảo	0,75	Đã kè			Đã cải tạo kè đá

PL3

TT	Tên hồ	Diện tích (ha)	Hiện trạng		Quy hoạch	Phân loại
			Đã kê	Chưa kê		
11	Hồ Hữu Tiệp	0,15				Đã cải tạo kè đá
12	Hồ Ao Đình Ngọc Hà	0,3				Đã cải tạo kè đá
<b>II</b>	<b>Quận Hoàn Kiếm</b>					
13	Hồ Hoàn Kiếm	11,50	Đã kê		Theo quy hoạch là đất cây xanh, hồ cảnh quan kết hợp điều hòa thoát nước.	Đã cải tạo kè đá
<b>III</b>	<b>Quận Tây Hồ</b>					
14	Hồ Tây	524	Đã kê			Đã cải tạo kè đá
15	Hồ ái	1,1		Chưa kê		Chưa có dự án cải tạo
16	Hồ đình Phú Gia	1,5	Đã kê			Đã cải tạo kè đá
17	Hồ Bầu	0,8		Chưa kê		Chưa có dự án cải tạo
18	Hồ Sen	1,0		Chưa kê		Chưa có dự án cải tạo
19	Hồ Vả	2,1		Chưa kê		Chưa có dự án cải tạo
20	Hồ Đàm Trị	5,8		Chưa kê		Chưa có dự án cải tạo
21	Hồ Tứ Liên	3,5		Chưa kê		Chưa có dự án cải tạo
22	Hồ Thủy Sứ trên	3,8		Chưa kê		Chưa có dự án cải tạo
23	Hồ Thủy Sứ dưới	0,7		Chưa kê		Chưa có dự án cải tạo
24	Hồ Quảng Bá	6,22	Đã kê			Đã cải tạo kè đá

## PL4

TT	Tên hồ	Diện tích (ha)	Hiện trạng		Quy hoạch	Phân loại
			Đã kê	Chưa kê		
25	Hồ Hàm Long	2,3	Đã kê			Đã cải tạo kè đá
<b>IV</b>	<b>Quận Đống Đa</b>					
26	Linh Quang	5,68			Theo QH là đất cây xanh, hồ điều hòa.	Đang triển khai theo dự án
27	Kim Liên (to)	3,35	Đã kê			Đã cải tạo kè đá
28	Hồ Giám	0,74	Đã kê			Đã cải tạo kè đá
29	Hồ Trung Tự	5,06	Đã kê			Đã cải tạo kè đá
30	Hồ Văn Chương	1,38	Đã kê			Đã cải tạo kè đá
31	Hồ Ba Mẫu	5,59	Đã kê			Đã cải tạo kè đá
32	Hồ Đống Đa	12,92	Đã kê			Đang triển khai theo dự án
33	Hồ Hồ Mè	1,23	Đã kê			Đang triển khai theo dự án
34	Hồ Hào Nam	1,80		Chưa kê		Đang triển khai theo dự án
<b>V</b>	<b>Quận Cầu Giấy</b>					
35	Hồ Nghĩa Tân (Hồ công viên Nghĩa Đô)	4,70	Đã kê		Theo QH là đất cây xanh, hồ điều hòa.	Đã cải tạo kè đá
36	Hồ Yên Hoà (Hồ Quan Hoa)	0,40	Đã kê			Đã cải tạo kè đá
<b>VI</b>	<b>Quận Hai Bà Trưng</b>					
37	Hồ Bảy Mẫu	21,1	Đã kê		Theo QH là đất cây xanh, hồ điều hòa.	Đang triển khai theo dự án.
38	Hồ Thanh Nhân 1	8,5	Đã kê			Đã cải tạo kè đá
39	Hồ Thanh Nhân 2A	1,7	Đã kê			Đã cải tạo kè đá
40	Hồ Thanh Nhân	1,5	Đã kê			Đã cải tạo kè đá

PL5

TT	Tên hồ	Diện tích (ha)	Hiện trạng		Quy hoạch	Phân loại
			Đã kè	Chưa kè		
	2B					
41	Hồ Thiên Quang	5,5	Đã kè			Đã cải tạo kè đá
42	Hồ Hai Bà Trưng	1,30	Đã kè			Đã cải tạo kè đá
43	Hồ Quỳnh	0,85	Đã kè			Đã cải tạo kè đá
44	Hồ cạnh mương 108	1,0		Chưa kè	Theo QH là đất cây xanh, hồ điều hòa.	Chưa có dự án cải tạo
45	Hồ cá Bác Hồ Vĩnh Tuy	2,2		Chưa kè		Chưa có dự án cải tạo
<b>VII</b>	<b>Quận Thanh Xuân</b>					
46	Khương Trung 1	10.5		Chưa kè	Theo QH là đất cây xanh, hồ điều hòa.	Đang triển khai theo dự án.
47	Khương Trung 2	3,9		Chưa kè		Đang triển khai theo dự án.
48	Phương Liệt 1	5,03		Chưa kè		Đang triển khai theo dự án.
49	Phương Liệt 2	1,2	Đã kè			Chưa có dự án cải tạo.
50	Hồ Rẻ Quạt	1,38		Chưa kè		Chưa có dự án cải tạo
51	Hồ Dài	0,5	Đã kè			Đã cải tạo kè đá
52	Hồ Mục Dục	0,5	Đã kè			Đã cải tạo kè đá
53	Hồ Phùng Khoang 1	8,0	Đã kè			Đang triển khai theo dự án.
54	Hồ Phùng Khoang 2	6,4		Chưa kè		Đang triển khai theo dự án.
55	Hồ Hạ Đình	3,77		Chưa kè		Đang triển khai theo dự án.
56	Hồ Đàm Chuối	4,5		Chưa kè	Đang triển khai	

PL6

TT	Tên hồ	Diện tích (ha)	Hiện trạng		Quy hoạch	Phân loại
			Đã kê	Chưa kê		
						theo dự án.
57	Hồ Không Quân	1,77	Đã kê			Đã cải tạo kè đá
58	Hồ Bút	0,45	Đã kê			Đã cải tạo kè đá
<b>VIII</b>	<b>Quận Hoàng Mai</b>					
59	Hồ Yên Sở 1	150	đã kê			Đã cải tạo kè đá
60	Hồ Yên Sở 2		đã kê			Đã cải tạo kè đá
61	Hồ Yên Sở 3		đã kê			Đã cải tạo kè đá
62	Hồ Yên Sở 4		đã kê			Đã cải tạo kè đá
63	Hồ Yên Sở 5		đã kê			Đã cải tạo kè đá
64	Hồ Đền Lừ	4,57	đã kê		Theo QH là đất cây xanh, hồ điều hòa.	Đã cải tạo kè đá
65	Hồ Giáp Bát	2,5	đã kê			Đã cải tạo kè đá
66	Hồ Tân Mai	0,53		Chưa kê	Quy hoạch cây xanh - hồ nước (Ô quy hoạch B6-CX2).	Đang triển khai theo dự án.
67	Hồ Định Công	19		Chưa kê	Quy hoạch cây xanh - hồ nước	Đang triển khai theo dự án.
68	Hồ Linh Đàm	86		Chưa kê	Quy hoạch cây xanh - hồ nước	Đang triển khai theo dự án.
69	Hồ Đầm dưới đồng	8,7		Chưa kê	Theo QH là đất nhà ở, cây xanh, trường học.	Chưa có dự án cải tạo
70	Hồ Đầm Lò Bát	8,2		Chưa kê	Quy hoạch một phần đất công cộng, bãi đỗ xe, nhà trẻ, cây xanh và đường giao thông, (Ô quy hoạch C5-2+C7-	Chưa có dự án cải tạo

## PL7

TT	Tên hồ	Diện tích (ha)	Hiện trạng		Quy hoạch	Phân loại
			Đã kê	Chưa kê		
					1).	
71	Hồ Đàm Vi Ruồi	7,5		Chưa kê	Quy hoạch một phần đất công cộng, trường học, đường giao thông, đã thu hồi một phần và đang thi công nhà ở cho cán bộ chiến sỹ, (Ô quy hoạch C5+C7).	Chưa có dự án cải tạo
72	Hồ Tam Trinh	2,61		Chưa kê	Theo QH san lấp để xây dựng nhà ở, công công đơn vị ở và công cộng thành phố	Chưa có dự án cải tạo
73	Hồ Vít trên	5		Chưa kê	Quy hoạch một phần đất công cộng, trạm y tế và đường giao thông, phần còn lại có diện tích 0,98 ha quy hoạch cây xanh - hồ nước (Ô quy hoạch C11).	Chưa có dự án cải tạo
74	Hồ Vít dưới	4				Đang triển khai theo dự án.
75	Hồ Đàm Ấu	0,8		Chưa kê	Quy hoạch cây xanh - hồ nước (Ô quy hoạch C5-CX4).	Chưa có dự án cải tạo



## PL8

TT	Tên hồ	Diện tích (ha)	Hiện trạng		Quy hoạch	Phân loại
			Đã kê	Chưa kê		
76	Hồ Đồng Quan	3,9		Chưa kê	Quy hoạch đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, không quy hoạch hồ nước	Chưa có dự án cải tạo
77	Hồ Thanh Lan	15,9		Chưa kê	Thuộc ô quy hoạch C12 - Trạm xử lý nước thải, không quy hoạch hồ nước.	Chưa có dự án cải tạo
78	Hồ Mã Hương Ngoài	2,5		Chưa kê		Chưa có dự án cải tạo
79	Hồ Mã Hương Trong	3,6		Chưa kê		Chưa có dự án cải tạo
80	Hồ Đại Kim	2,5		Chưa kê	Theo QH xác định một phần là đất cây xanh nhà ở, chủ yếu là đất phục vụ cho hoạt động của xe buýt Hà Nội.	Chưa có dự án cải tạo
81	Hồ Đồng Vây	3	đã kê			Chưa có dự án cải tạo
82	Hồ Đại Từ 1+2	6				Đã cải tạo kè đá
83	Hồ trước cửa nhà thờ làng Tám	0,15	đã kê		Quy hoạch cây xanh - hồ nước (Ô quy hoạch B1-CX1).	Chưa có dự án cải tạo
84	Hồ Cửa Đình Thịnh Liệt	3,8		Chưa kê	Theo QH san lấp để xây dựng nhà ở, cây xanh đơn vị ở và trường học	Chưa có dự án cải tạo

PL9

TT	Tên hồ	Diện tích (ha)	Hiện trạng		Quy hoạch	Phân loại
			Đã kè	Chưa kè		
<b>IX</b>	<b>Quận Long Biên</b>					
85	Hồ Tai trâu	2,61		Chưa kè	Theo QH là đất cây xanh, hồ điều hoà.	Đang triển khai theo dự án.
86	Hồ Công Viên	1,12	Đã kè			Đã cải tạo kè đá
87	Hồ Cầu Tình	3,3	Đã kè		Đã có dự án cải tạo làm hồ điều hoà.	Đang triển khai theo dự án.
88	Hồ UB phường Bồ Đề	2,2	Đã kè		Theo QH là đất cây xanh, hồ điều hoà.	Đã cải tạo kè đá
89	Hồ Lâm Du	2,5	Đã kè			Đã cải tạo kè đá
90	Hồ Đầu Bàng (Hồ Long Biên)	6,4		Chưa kè		Chưa có dự án cải tạo
91	Hồ Sài Đồng 1	1,08	Đã kè			Đã cải tạo kè đá
92	Hồ Tân Thụy	1,45		Chưa kè	Nằm trong phạm vi mở đường theo QH	Chưa có dự án cải tạo
93	Hồ Vực (Hồ Kim Quan)	2,5		Chưa kè	Đã có dự án cải tạo làm hồ điều hoà	Đang triển khai theo dự án.
94	Hồ Gia Quát (Hồ Ga)	2,56		Chưa kè	Theo QH san lấp làm bãi đỗ xe và mở rộng ga xe lửa	Chưa có dự án cải tạo
95	Hồ Tư Đình (Hồ Đắp nếp)	2,9		Chưa kè	Theo QH là đất cây xanh, hồ điều hoà. Nằm trong khu dự án đấu giá Long Biên	Chưa có dự án cải tạo
96	Hồ Vực (Hồ Sân Bay)	3,4		Chưa kè	Theo QH cải tạo làm hồ điều hoà, làm đường giao	Chưa có dự án cải tạo

PL10

TT	Tên hồ	Diện tích (ha)	Hiện trạng		Quy hoạch	Phân loại
			Đã kè	Chưa kè		
					thông, trồng cây xanh.	
97	Hồ Cự Khối 1 (Hồ Ao Lão)	1,06			Nằm trong dự án khu vườn Hồ, theo QH là đất nhà ở, nhà trẻ	Chưa có dự án cải tạo
98	Hồ Cự Khối 2 (Hồ Vườn)	2,88			Theo QH là đất làng xóm	Chưa có dự án cải tạo
99	Hồ Thạch Bàn1	2,30		Chưa kè	Theo QH cải tạo làm hồ điều hoà, trồng cây xanh.	Chưa có dự án cải tạo
100	Hồ Thạch Bàn2	2,16		Chưa kè		Chưa có dự án cải tạo
101	Hồ số 1 Thạch Bàn	2,21		Chưa kè	Theo QH san lấp làm trường học và dịch vụ công cộng	Chưa có dự án cải tạo
102	Hồ số 2 Thạch Bàn	2,46		Chưa kè	Theo QH cải tạo làm hồ điều hoà, trồng cây xanh.	Chưa có dự án cải tạo
103	Hồ tổ 1 Thạch Bàn	0,3		Chưa kè	Theo quy hoạch là đất bãi đỗ xe	Chưa có dự án cải tạo
104	Hồ NgọcThuy	0,99	Đã kè 1/2 hồ		Theo QH làm đường 40m và bãi đỗ xe công cộng	Chưa có dự án cải tạo
<b>X</b>	<b>Quận Hà Đông</b>					
105	Hồ Võ	3	Đã kè			Đã cải tạo kè đá
106	Hồ Văn Quán	3,6	Đã kè			Đã cải tạo kè đá
107	Hồ Văn Yên	1,2		Chưa kè		Chưa có dự án cải tạo
108	Hồ Đầm Khê	1,3		Chưa kè		Chưa có dự án

## PL11

TT	Tên hồ	Diện tích (ha)	Hiện trạng		Quy hoạch	Phân loại
			Đã kê	Chưa kê		
						cải tạo
<b>XI</b>	<b>Huyện Từ Liêm</b>					
109	Hồ Mễ Trì 1	2,5		Chưa kê		Chưa có dự án cải tạo
110	Hồ Mễ Trì 2	2,1		Chưa kê		Chưa có dự án cải tạo
111	Hồ Trung Văn	2,6		Chưa kê		Chưa có dự án cải tạo



a) Sơ đồ vị trí các dự án tại khu vực



b) Ô nhiễm nước sông



c) Đất nông nghiệp



d) Dự án đô thị sinh học



e) Công nghiệp

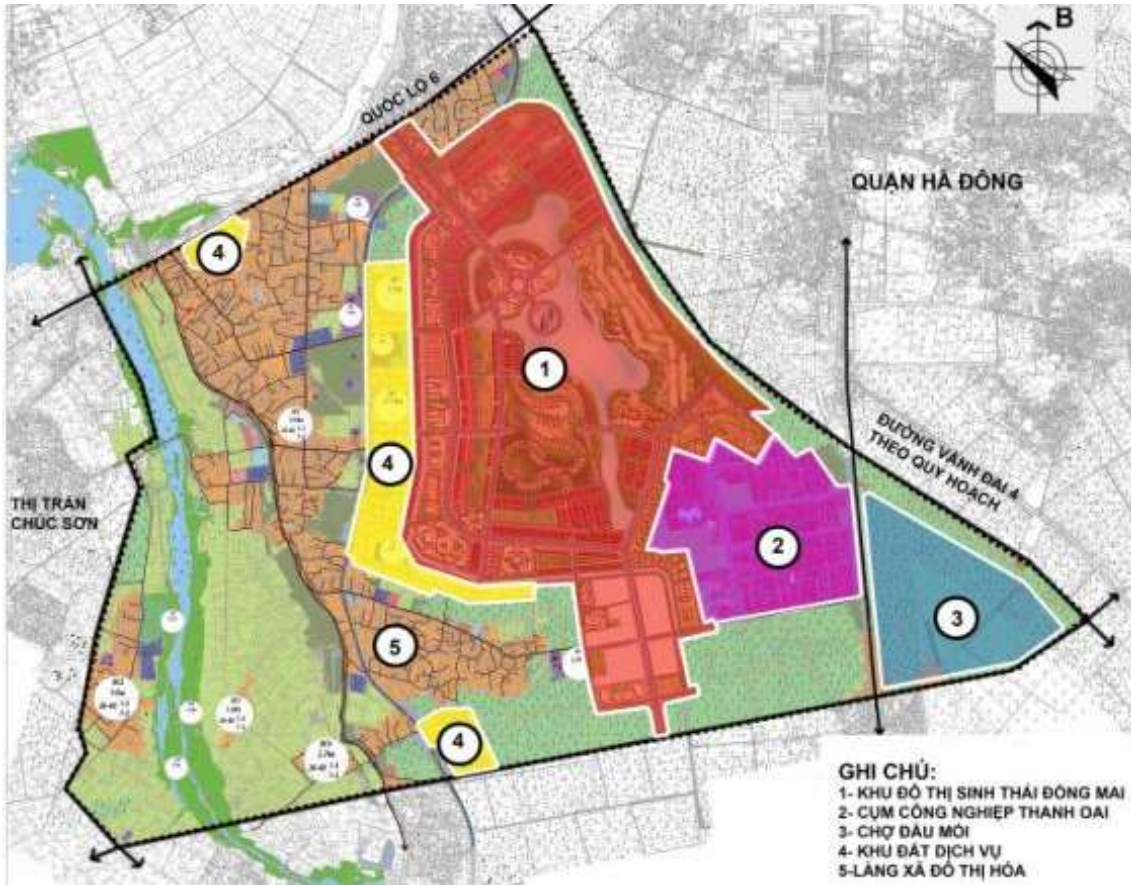


g) Học viện cảnh sát



h) Trồng hoa làng Tây Tựu

Phụ lục 5. Sơ đồ và ảnh thực trạng khu vực khảo sát 1



a) Sơ đồ vị trí các dự án tại khu vực



b) Ô nhiễm mương nước



c) Bỏ hoang đất nông nghiệp



d) Dự án treo



e) Ô nhiễm sông Đáy



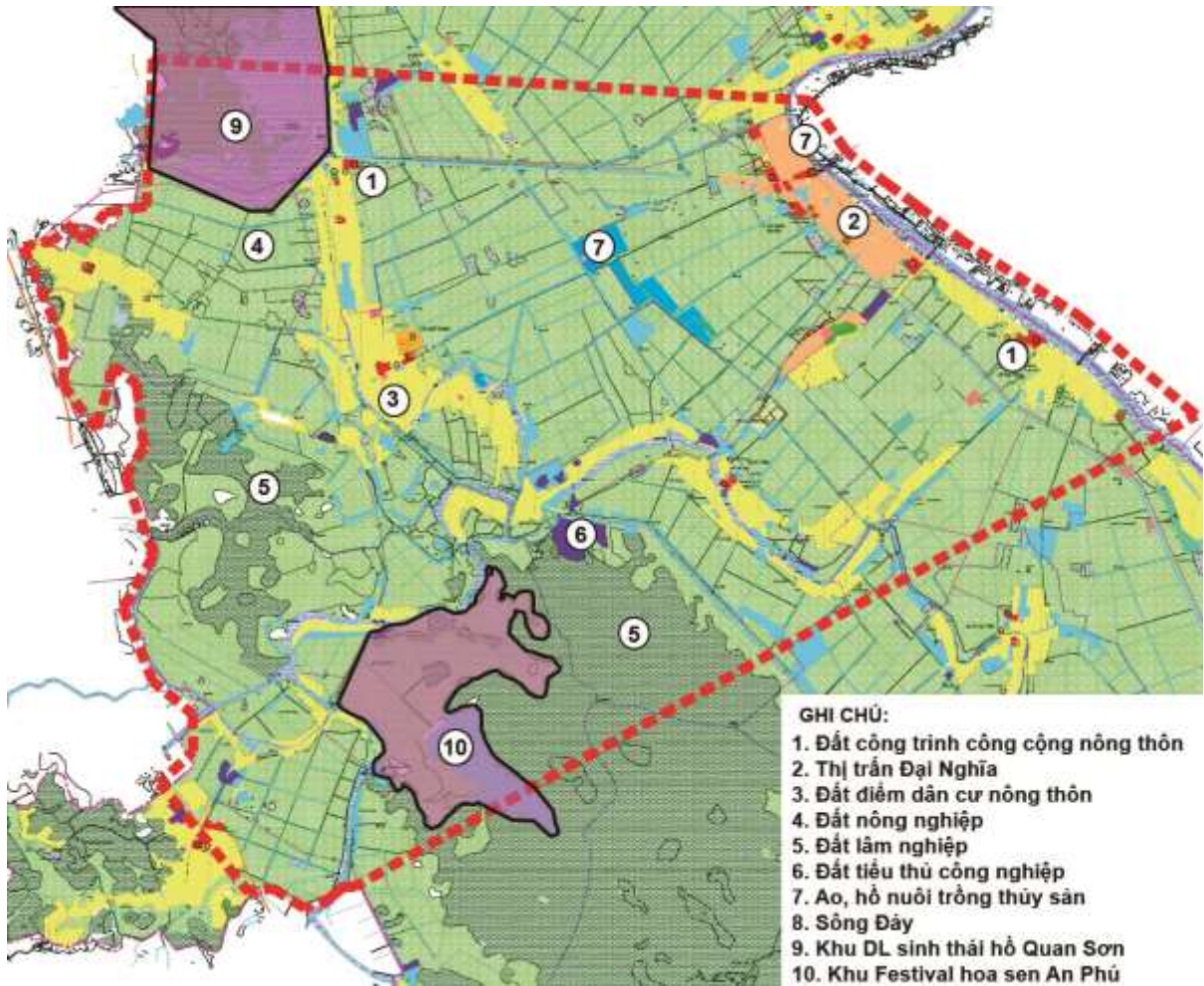
g) Ô nhiễm công nghiệp



h) Làng xã mật độ cao

Phụ lục 6. Sơ đồ và ảnh thực trạng khu vực khảo sát 2





a) Sơ đồ thực trạng sử dụng đất



b) Hồ Quan Sơn



c) Đất nông nghiệp



d) Kênh tiêu thoát nước



e) Di tích văn hóa



g) Khai thác vật liệu xây dựng ven sông Đáy



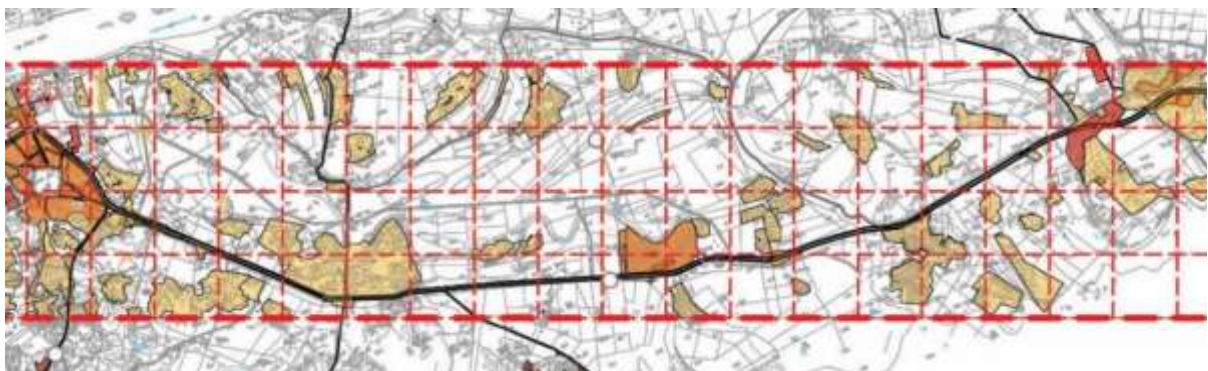
h) Làng xã

Phụ lục 7. Sơ đồ và ảnh thực trạng tại khu vực khảo sát 3





a) Sơ đồ thực trạng sử dụng đất (Đoạn từ thị trấn Tràm Trôi đến thị trấn Phụng)



b) Sơ đồ phân bố điểm dân cư nông thôn (đoạn từ thị trấn Phụng đến Thị xã Sơn Tây)



c) Khu đô thị Tân Tây Đô



d) Sản xuất nông nghiệp



e) Nhà ở ven đường QL32 tại thị trấn Phụng



f) Trụ sở UBND huyện Đan Phượng



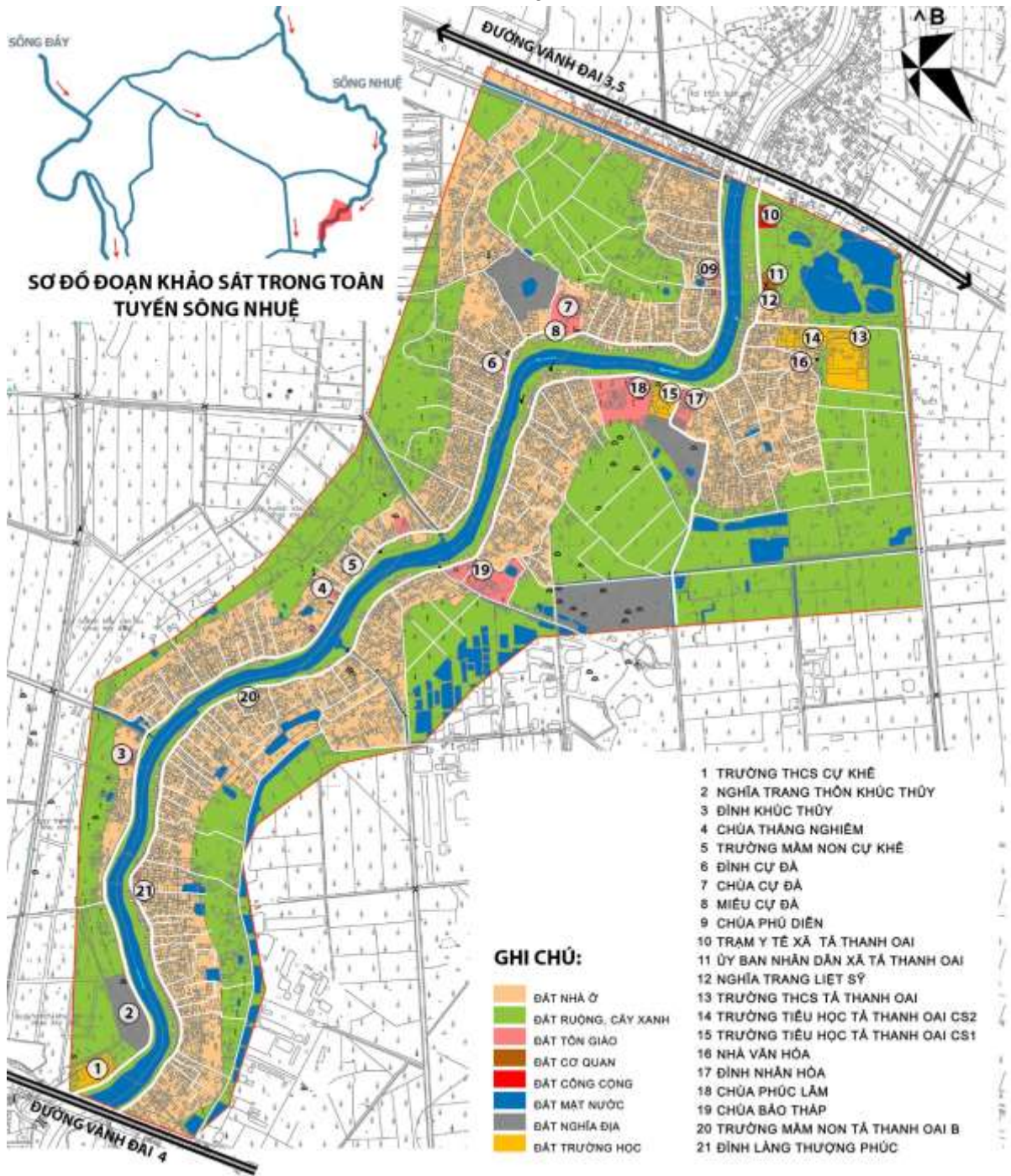
g) Điểm dân cư xã Đan Phượng



h) Nhà ở ven đường QL32 tại thị trấn Tràm Trôi

Phụ lục 8. Sơ đồ và ảnh thực trạng tại khu vực tuyến khảo sát 1





a) Sơ đồ thực trạng sử dụng đất



b) Đê sông Nhuệ

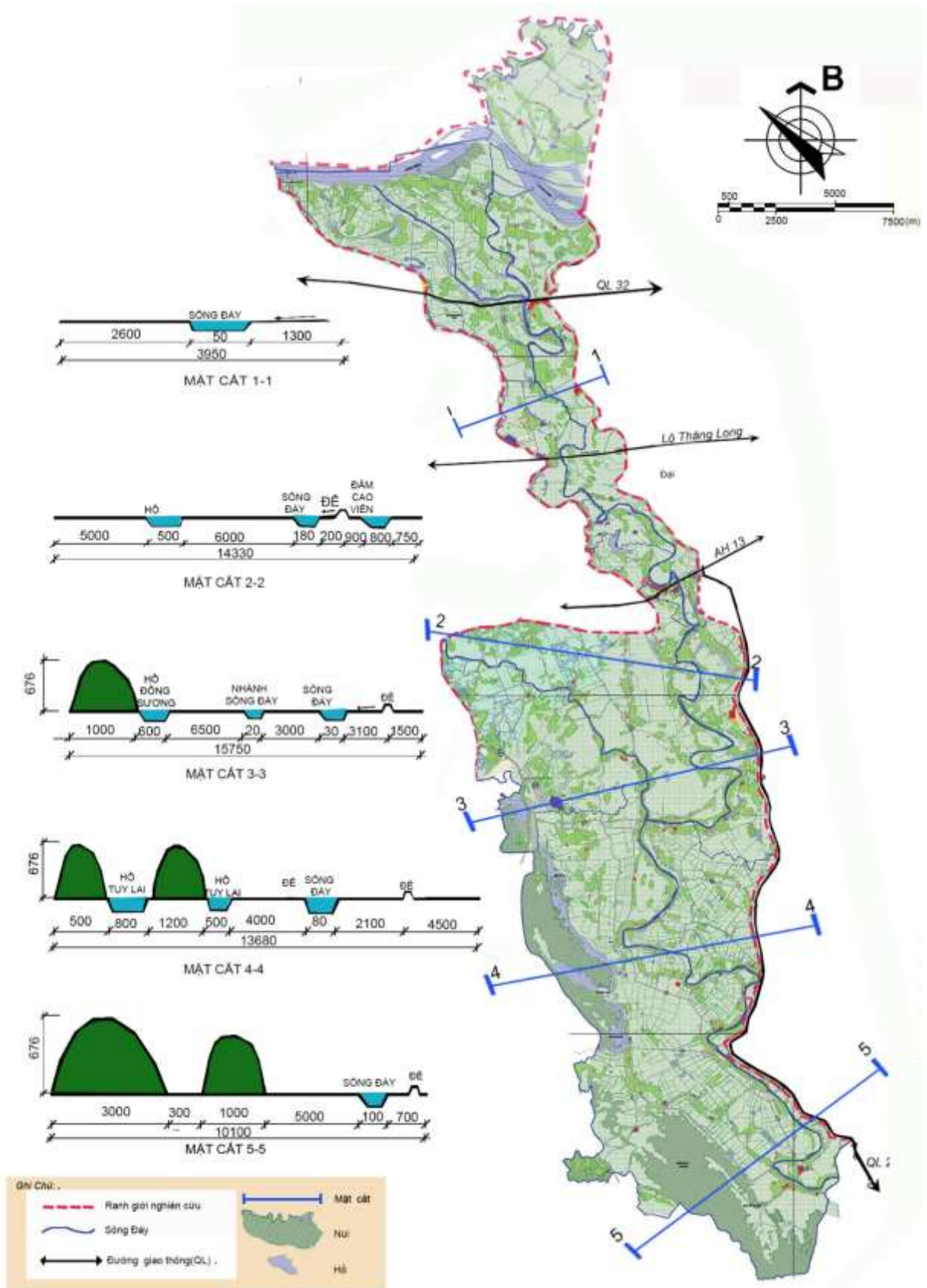


c) Nước sông Nhuệ



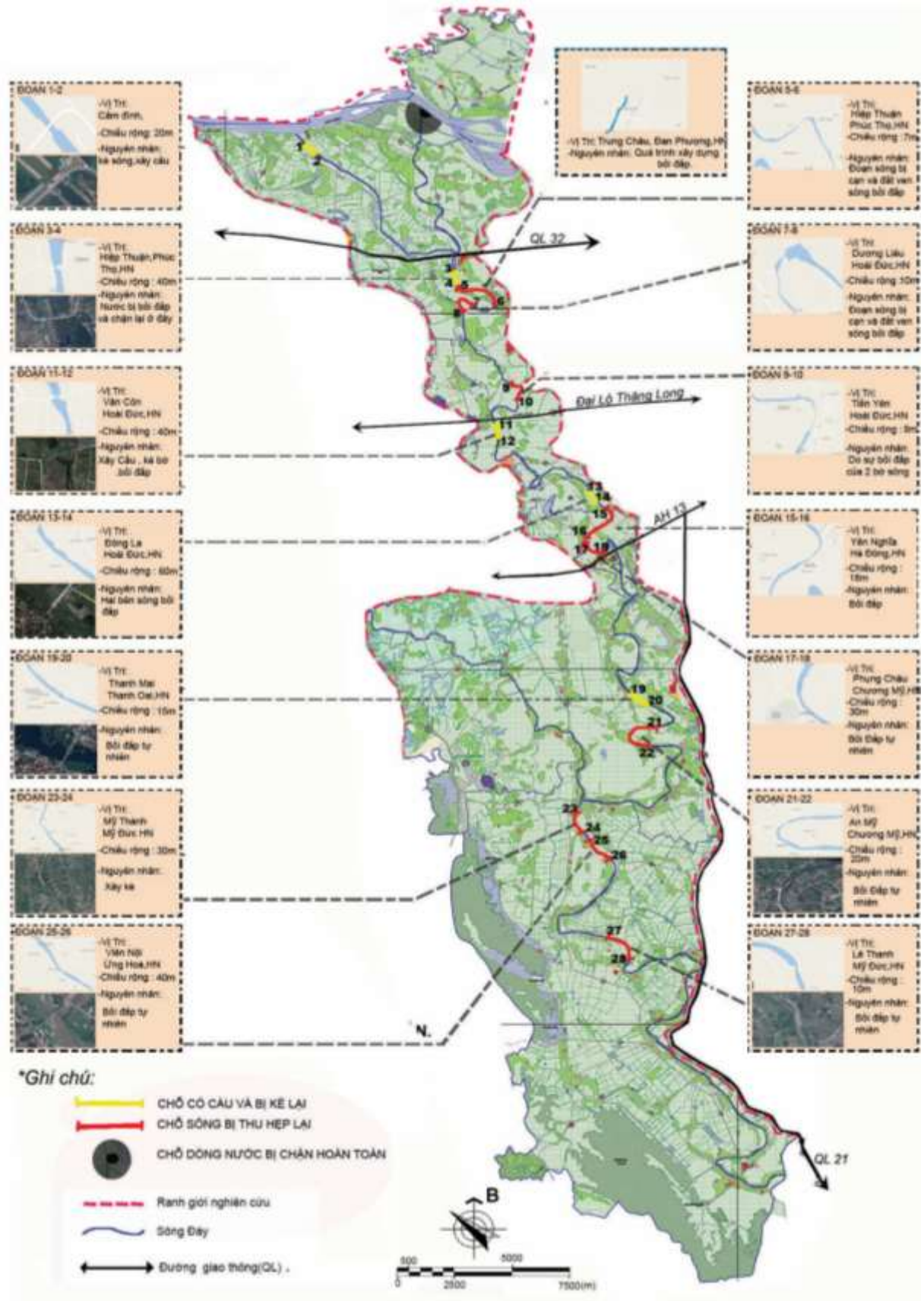
d) Chùa Cụ Đà

Phụ lục 9. Sơ đồ và ảnh thực trạng khu vực tuyến khảo sát số 2

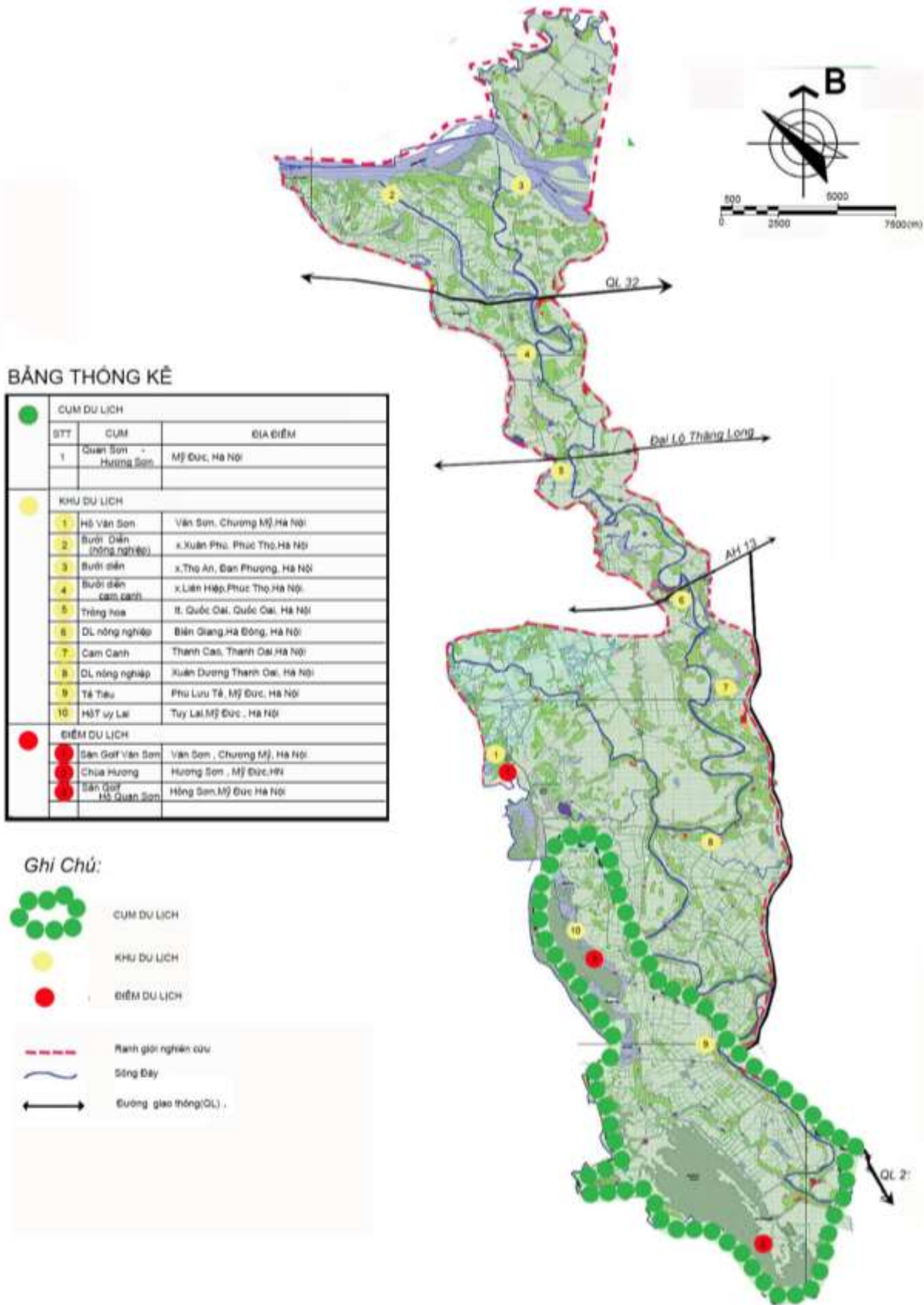


Phụ lục 10. Sơ đồ thực trạng địa hình tại hành lang sông Đáy (tuyến khảo sát số 3)



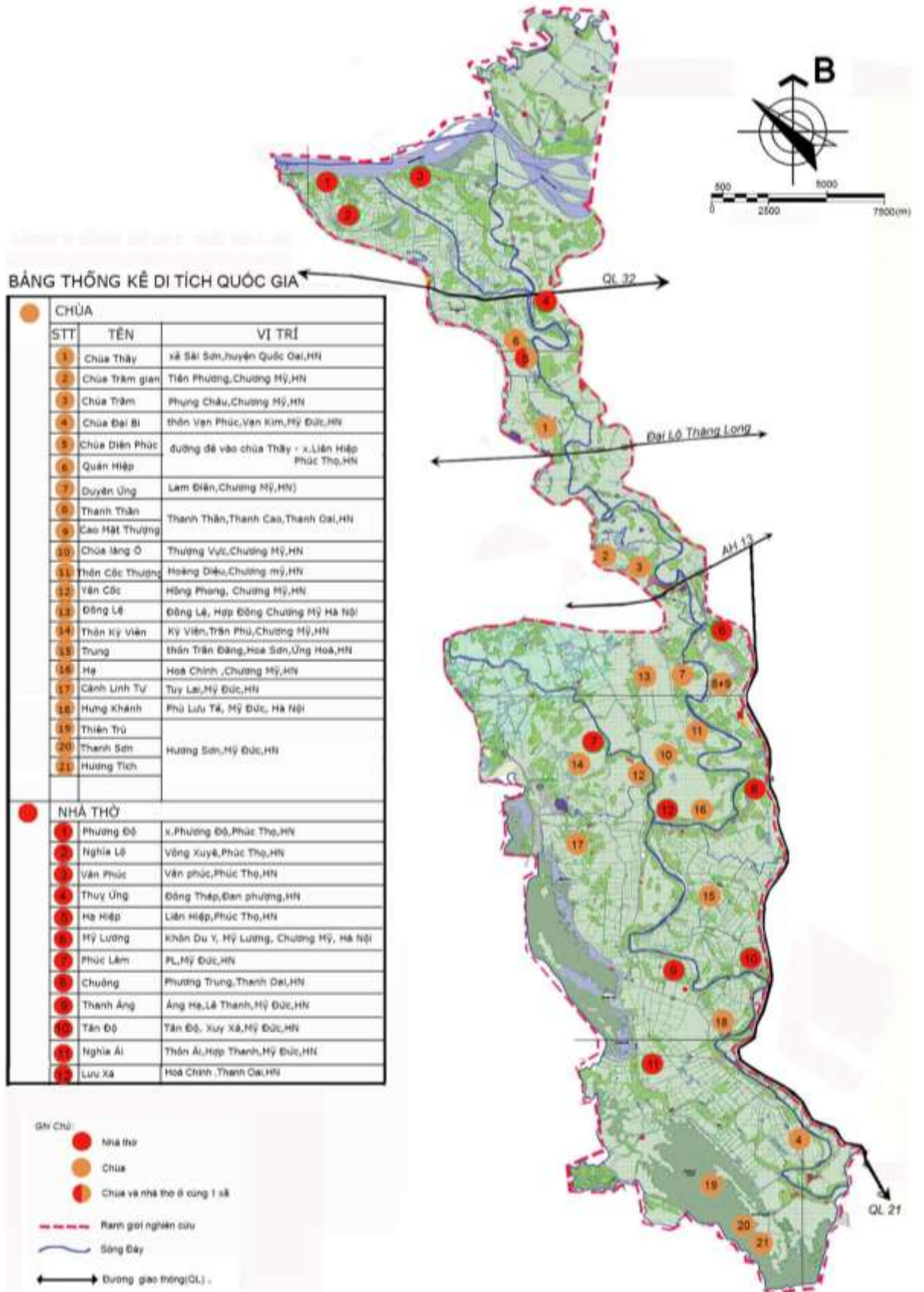


Phụ lục 11. Sơ đồ thực trạng khảo sát mặt nước sông tại hành lang sông Đáy (tuyên khảo sát số 3)

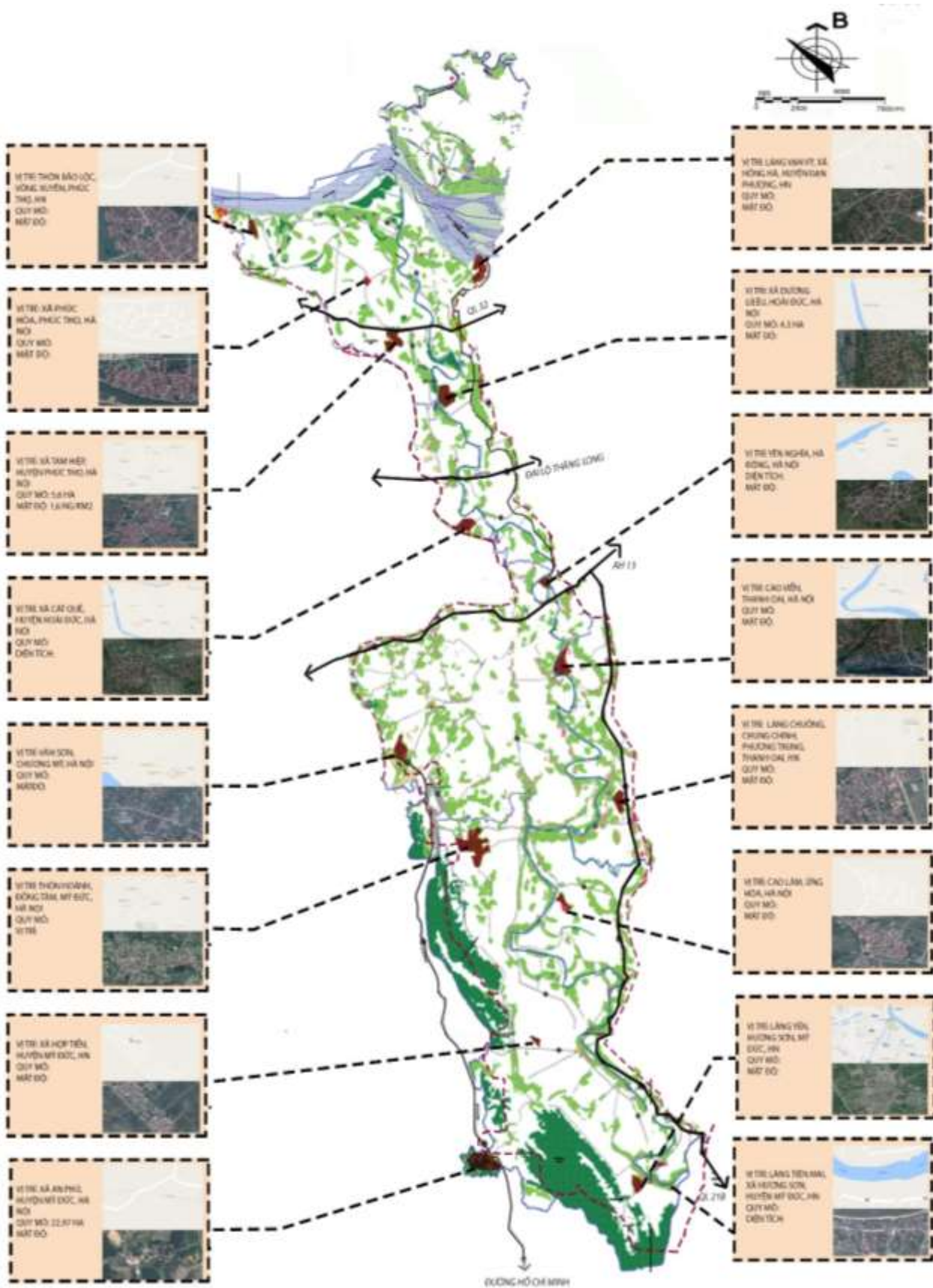


Phụ lục 12. Sơ đồ thực trạng khảo sát hệ thống du lịch tại hành lang sông Đáy (tuyển khảo sát số 3)



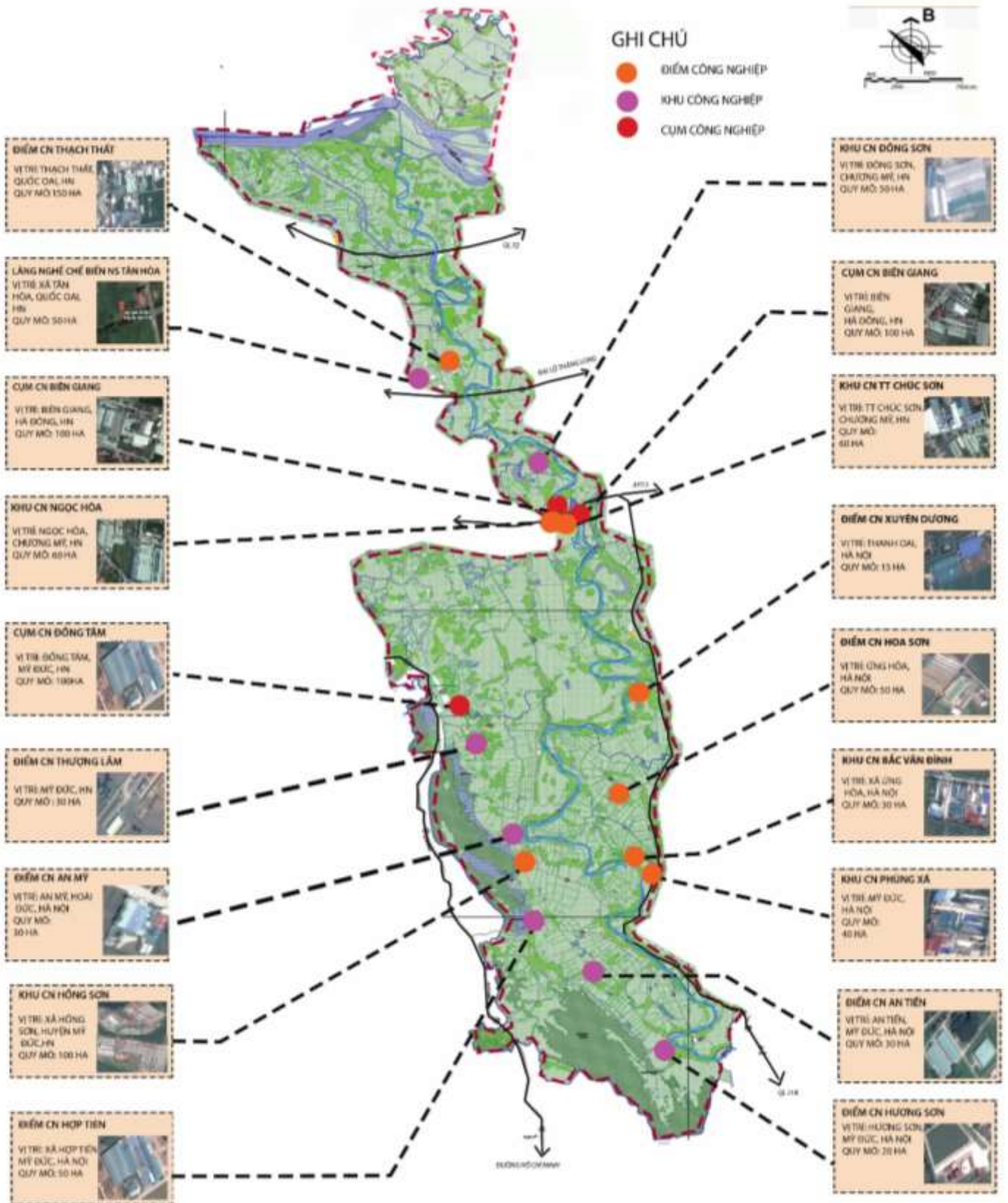


Phụ lục 13. Sơ đồ thực trạng khảo sát hệ thống di tích tại hành lang sông Đáy (tuyến khảo sát số 3)



Phụ lục 14. Sơ đồ thực trạng khảo sát một số điểm dân cư nông thôn tại hành lang sông Đáy (tuyến khảo sát số 3)





Phụ lục 15. Sơ đồ thực trạng khảo sát khu vực công nghiệp tại hành lang sông Đáy (tuyến khảo sát số 3)